

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

NGUYỄN QUANG HÒA

**BẢO ĐẢM QUYỀN ĐƯỢC XÉT XỬ CÔNG BẰNG
CỦA BỊ CÁO LÀ NGƯỜI DƯỚI 18 TUỔI TẠI
PHIÊN TÒA HÌNH SỰ SƠ THẨM CẤP HUYỆN
Ở VIỆT NAM**

LUẬN ÁN TIẾN SĨ

NGÀNH: PHÁP LUẬT VỀ QUYỀN CON NGƯỜI

Mã số: Thí điểm

HÀ NỘI - 2025

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

NGUYỄN QUANG HÒA

**BẢO ĐẢM QUYỀN ĐƯỢC XÉT XỬ CÔNG BẰNG
CỦA BỊ CÁO LÀ NGƯỜI DƯỚI 18 TUỔI TẠI
PHIÊN TÒA HÌNH SỰ SƠ THẨM CẤP HUYỆN
Ở VIỆT NAM**

LUẬN ÁN TIẾN SĨ
NGÀNH: PHÁP LUẬT VỀ QUYỀN CON NGƯỜI
Mã số: Thí điểm

Người hướng dẫn khoa học: 1. GS,TS. VŨ CÔNG GIAO



2. TS. CHU THỊ THÚY HẰNG



HÀ NỘI - 2025

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu, kết quả nêu trong luận án là trung thực, có nguồn gốc rõ ràng và được trích dẫn đầy đủ theo quy định.

Tác giả luận án



Nguyễn Quang Hòa

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
MỞ ĐẦU	1
Chương 1: TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN	10
1.1. Tình hình nghiên cứu trong nước	10
1.2. Tình hình nghiên cứu ở ngoài nước	21
1.3. Đánh giá chung về tình hình nghiên cứu và những vấn đề luận án sẽ tiếp tục giải quyết	30
1.4. Giả thuyết khoa học, câu hỏi nghiên cứu của luận án	32
Chương 2: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ BẢO ĐẢM QUYỀN ĐƯỢC XÉT XỬ CÔNG BẰNG CỦA BỊ CÁO LÀ NGƯỜI DƯỚI 18 TUỔI TẠI PHIÊN TÒA HÌNH SỰ	35
2.1. Cơ sở lý luận chung về bảo đảm quyền được xét xử công bằng của bị cáo trong phiên tòa hình sự	35
2.2. Khái niệm, đặc điểm, ý nghĩa của việc bảo đảm quyền được xét xử công bằng của bị cáo là người dưới 18 tuổi tại phiên tòa hình sự	49
2.3. Nội dung, chủ thể, phương thức bảo đảm quyền được xét xử công bằng của bị cáo là người dưới 18 tuổi tại phiên tòa hình sự	56
2.4. Những điều kiện bảo đảm và yếu tố ảnh hưởng đến việc bảo đảm quyền được xét xử công bằng của bị cáo là người dưới 18 tuổi tại phiên tòa hình sự	69
2.5. Bảo đảm quyền được xét xử công bằng của bị cáo là người dưới 18 tuổi trong luật quốc tế về quyền con người và pháp luật của một số nước: Những yêu cầu đặt ra và giá trị tham khảo cho Việt Nam	76

Chương 3: KHUNG PHÁP LUẬT VÀ THỰC TRẠNG BẢO ĐẢM QUYỀN ĐƯỢC XÉT XỬ CÔNG BẰNG CỦA BỊ CÁO LÀ NGƯỜI DƯỚI 18 TUỔI TẠI PHIÊN TÒA HÌNH SỰ SƠ THẨM CẤP HUYỆN Ở VIỆT NAM	99
3.1. Khung pháp luật Việt Nam về bảo đảm quyền được xét xử công bằng của bị cáo là người dưới 18 tuổi tại phiên tòa hình sự sơ thẩm cấp huyện	99
3.2. Thực trạng bảo đảm quyền được xét xử công bằng của bị cáo là người dưới 18 tuổi tại phiên tòa hình sự sơ thẩm cấp huyện ở Việt Nam	110
3.3. Những nguyên nhân chủ yếu dẫn đến những hạn chế trong việc bảo đảm quyền được xét xử công bằng của bị cáo là người dưới 18 tuổi tại phiên tòa hình sự sơ thẩm cấp huyện ở Việt Nam hiện nay	144
Chương 4: QUAN ĐIỂM, GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM QUYỀN ĐƯỢC XÉT XỬ CÔNG BẰNG CỦA BỊ CÁO LÀ NGƯỜI DƯỚI 18 TUỔI TẠI PHIÊN TÒA HÌNH SỰ SƠ THẨM CẤP HUYỆN Ở VIỆT NAM	148
4.1. Quan điểm bảo đảm quyền được xét xử công bằng của bị cáo là người dưới 18 tuổi tại phiên tòa hình sự sơ thẩm cấp huyện ở Việt Nam	148
4.2. Giải pháp bảo đảm quyền được xét xử công bằng của bị cáo là người dưới 18 tuổi tại phiên tòa hình sự sơ thẩm cấp huyện ở Việt Nam	153
KẾT LUẬN	184
DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI ĐÃ ĐƯỢC TÁC GIẢ CÔNG BỐ	187
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	188

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

ACHR	:	Công ước nhân quyền châu Mỹ năm 1969
BLHS	:	Bộ luật Hình sự
BLTTHS	:	Bộ luật Tố tụng hình sự
ECHR	:	Công ước châu Âu về nhân quyền 1950
ICCPR	:	Công ước quốc tế về các quyền dân sự, chính trị 1966
KSND		Kiểm sát nhân dân
NCTN	:	Người chưa thành niên
QCN	:	Quyền con người
TAND	:	Tòa án nhân dân
TANDTC	:	Tòa án nhân dân tối cao
TTHS	:	Tố tụng hình sự
UBND	:	Ủy ban Nhân dân
UDHR	:	Tuyên ngôn phổ quát về quyền con người 1948
XHCN	:	Xã hội chủ nghĩa

DANH MỤC CÁC BẢNG

Trang

Bảng 3.1. Bảng tổng hợp về việc bảo đảm quyền bào chữa của bị cáo là người dưới 18 tuổi ở Việt Nam (Giai đoạn 2012-2022)	112
Bảng 3.2. Bảng tổng hợp các tội chủ yếu đã xét xử đối với bị cáo là người dưới 18 tuổi ở Việt Nam (Giai đoạn 2012-2022)	116

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Xét xử công bằng là quyền của bị cáo trong xét xử được ghi nhận trong nhiều văn kiện pháp lý quốc tế về quyền con người (QCN). Điều 10 Tuyên ngôn phổ quát về nhân quyền năm 1948 (UDHR) quy định rằng: “Mọi người đều được hưởng quyền bình đẳng hoàn toàn trong việc xem xét công khai và công bằng bởi một Tòa án có năng lực, độc lập và không thiên vị” [32]. Cùng với đó, Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị năm 1966 (ICCPR) nêu rõ: “Mọi người đều có quyền được xét xử công bằng và công khai bởi một tòa án có thẩm quyền, độc lập, không thiên vị và được lập ra trên cơ sở pháp luật để quyết định về lời buộc tội người đó trong các vụ án hình sự, hoặc để xác định quyền và nghĩa vụ của người đó trong các vụ kiện dân sự” (Khoản 1 Điều 14) [33].

Hiến pháp Việt Nam ghi nhận quyền được xét xử công bằng, trong đó, Hiến pháp năm 2013 quy định: “Người bị buộc tội phải được Tòa án xét xử kịp thời trong thời hạn luật định, công bằng, công khai,...” (Khoản 2 Điều 31) [60]. Bộ luật Tố tụng hình sự (BLTTHS) năm 2015 đã thể chế hóa Hiến pháp năm 2013 bằng quy định: “Tòa án xét xử kịp thời trong thời hạn luật định, bảo đảm công bằng,...” (Điều 25) [63].

Dưới góc độ pháp luật quốc tế, người dưới 18 tuổi được coi là người chưa thành niên (NCTN) (*juvenile*) để phân biệt với người thành niên. Theo Quy tắc Havana năm 1990 (hay “Các quy tắc của Liên Hợp quốc về bảo vệ NCTN bị tước tự do - United Nations Rules for the Protection of Juveniles Deprived of their Liberty”) thì: “Người chưa thành niên là người dưới 18 tuổi” [36]. Quy tắc Bắc Kinh năm 1985 (hay “Các quy tắc tiêu chuẩn tối thiểu của Liên Hợp quốc về hoạt động tư pháp đối với NCTN - United Nations Standard Minimum Rules for the Administration of Juvenile Justice”) cũng nêu rõ: “Người chưa thành niên là trẻ em hay thanh thiếu niên mà tùy theo

từng hệ thống pháp luật có thể bị xử lý khi phạm tội, theo một phương thức khác với người lớn” [34]. Pháp luật hiện hành của Việt Nam cũng quy định: “Người chưa thành niên là người chưa đủ 18 tuổi”, Khoản 1, Điều 21, Bộ luật Dân sự 2015 [62].

Với các phân tích trên cho thấy, hai khái niệm “người chưa thành niên” và “người chưa đủ 18 tuổi” được xem là có ý nghĩa như nhau và được dùng thay thế cho nhau trong một số mục của luận án.

Dưới góc độ khoa học, NCTN là chủ thể chưa phát triển đầy đủ về thể chất, trí lực và tinh thần, đang trong giai đoạn hình thành nhân cách nên dễ bị kích động. NCTN có đặc điểm muốn tự khẳng định mình nhưng lại chưa chín chắn trong suy nghĩ và hành động, là nhóm đối tượng dễ bị tổn thương nhưng lại dễ vi phạm pháp luật, gây thiệt hại cho người khác và cho chính bản thân mình.

Ở Việt Nam, theo thống kê trong cuộc Tổng điều tra dân số năm 2019, độ tuổi 0-4 tuổi chiếm 8,13%; 5-9 tuổi chiếm 8,66%; 10-14 tuổi chiếm 7,5%; 15-19 tuổi chiếm 6,76% tổng dân số. Như vậy, xét chung, độ tuổi chưa thành niên trong cơ cấu dân số Việt Nam chiếm gần 30% [84]. Tỷ lệ này cơ bản vẫn giữ ổn định ở thời điểm hiện nay. Cụ thể, theo kết quả Điều tra dân số và nhà ở giữa kỳ năm 2024, tỷ trọng dân số dưới 15 tuổi chiếm 23,3% (chỉ giảm 1,0 điểm phần trăm so với năm 2019). Cùng với việc chiếm tỷ lệ cao trong dân số, NCTN là nhóm đối tượng có nguy cơ phạm tội cao ở Việt Nam. Theo thống kê của cơ quan chức năng, từ 2006 đến năm 2019, trung bình mỗi năm có ít nhất 13.000 NCTN có hành vi trái pháp luật, trong đó, các hành vi của NCTN xâm phạm sở hữu là phổ biến (gần 46%) và đa số là trộm cắp tài sản (gần 38%) [11, tr.11-12].

Khi người dưới 18 tuổi phạm tội thì phải đưa ra xét xử tại phiên tòa hình sự. Việc xét xử phải thể hiện tính răn đe, giáo dục nhưng đồng thời phải bảo đảm QCN của bị cáo. Đây là một yêu cầu được đặt ra với mọi quốc gia trong Công ước của Liên hợp quốc về quyền trẻ em (CRC) năm 1989 và ICCPR.

Tuy nhiên, trong thực tiễn công tác xét xử hình sự ở Việt Nam thời gian qua, được xét xử công bằng của người bị buộc tội dưới 18 tuổi là quyền cần phải được bảo đảm nhưng vẫn gặp nhiều hạn chế, khó khăn, do nhiều lý do như nhận thức chưa đầy đủ của các cơ quan tiến hành tố tụng về đặc thù của nhóm đối tượng này, năng lực của nguồn nhân lực làm công tác xét xử, cũng như từ điều kiện cơ sở vật chất chưa đáp ứng được yêu cầu... Thực tế cho thấy, một số phiên tòa thực hiện các yêu cầu về xét xử người bị buộc tội dưới 18 tuổi vẫn còn tình trạng chưa tuân thủ đầy đủ nhất là về yêu cầu một phiên tòa công bằng. Bên cạnh đó là tồn tại về quyền được trợ giúp pháp lý, thiếu sự phân tích đầy đủ, đúng đắn về tâm lý lứa tuổi, hoặc không có các biện pháp bảo vệ phù hợp, đã gây ảnh hưởng tiêu cực đến việc bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của bị cáo là người dưới 18 tuổi.

Bối cảnh trên đặt ra yêu cầu phải nghiên cứu cấp thiết, toàn diện và có hệ thống về việc bảo đảm quyền của người bị buộc tội dưới 18 tuổi trong tố tụng hình sự (TTHS) ở nước ta. Mặc dù trước đây đã có một số nghiên cứu về vấn đề này ở nước ta, nhưng các công trình nghiên cứu còn rời rạc, tản mạn và chưa có tính toàn diện, hệ thống, logic, khoa học, cập nhật với thực tiễn về quyền được xét xử công bằng của người bị buộc tội dưới 18 tuổi tại phiên tòa hình sự sơ thẩm cấp huyện được đảm bảo bằng nhiều biện pháp khác nhau. Vì vậy, nghiên cứu sinh quyết định chọn đề tài ***“Bảo đảm quyền được xét xử công bằng của bị cáo là người dưới 18 tuổi tại phiên tòa hình sự sơ thẩm cấp huyện ở Việt Nam”*** để thực hiện luận án tiến sĩ luật học ngành pháp luật về quyền con người.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục đích nghiên cứu

Mục đích của luận án là đánh giá tổng thể thực trạng việc xét xử hình sự đối với người bị buộc tội dưới 18 tuổi tại phiên tòa hình sự sơ thẩm cấp huyện ở Việt Nam và đề xuất các quan điểm, giải pháp bảo đảm thực hiện

quyền được xét xử công bằng của người bị buộc tội dưới 18 tuổi tại phiên tòa hình sự **sơ thẩm** ở Việt Nam một cách hiệu quả trong thời gian tới.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt được mục đích nêu trên, luận án cần giải quyết những nhiệm vụ nghiên cứu sau đây:

- Đánh giá tổng quan tình hình nghiên cứu trong và ngoài nước có liên quan đến đề tài, chỉ ra khoảng trống mà luận án cần khóa lấp, xây dựng giả thuyết khoa học và câu hỏi nghiên cứu của luận án.

- Phân tích làm rõ cơ sở lý luận, pháp lý Việt Nam, quốc tế và của một số quốc gia về quyền được bảo đảm xét xử công bằng của người bị buộc tội-bị cáo dưới 18 tuổi cần phải được quan tâm để xây dựng cơ sở khoa học, xác định những yêu cầu và tìm ra giá trị để Việt Nam tham khảo.

- Phân tích làm sáng tỏ thực trạng pháp luật và thực hiện pháp luật về quyền được xét xử công bằng của người bị buộc tội-bị cáo dưới 18 tuổi tại phiên tòa hình sự sơ thẩm cấp huyện ở Việt Nam, đánh giá và chỉ ra nguyên nhân của kết quả đánh giá trong vấn đề này ở Việt Nam.

- Đề xuất và phân tích các quan điểm, giải pháp bảo đảm hiệu quả quyền được xét xử công bằng của người bị buộc tội-bị cáo dưới 18 tuổi tại phiên tòa hình sự **sơ thẩm cấp huyện** ở Việt Nam.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận án là khung pháp luật và việc thực hiện pháp luật về quyền được xét xử công bằng của người bị buộc tội-bị cáo dưới 18 tuổi cần được bảo đảm tại các phiên tòa hình sự sơ thẩm cấp huyện ở Việt Nam. Khung pháp luật bao gồm Hiến pháp, Bộ luật TTHS năm 2015, Luật Trẻ em năm 2016 và các điều ước, công ước, nghị định thư,... quốc tế mà Việt Nam là thành viên đã tham gia như CRC. Đề tài tập trung phân tích, đánh giá tính đầy đủ, hợp lý và hiệu quả thực hiện các quy định pháp luật đó

trong việc quyền được bảo đảm xét xử công bằng của người bị buộc tội dưới 18 tuổi tại các phiên tòa hình sự **sơ thẩm cấp huyện** ở Việt Nam.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

- *Phạm vi nội dung*: Luận án nghiên cứu về lý luận, pháp lý và thực tiễn quyền được xét xử công bằng của người bị buộc tội dưới 18 tuổi cần phải được bảo đảm tại phiên tòa hình sự sơ thẩm cấp huyện.

- *Phạm vi không gian*: Luận án nghiên cứu ở cấp huyện trên toàn bộ lãnh thổ Việt Nam. Luận án khảo sát vấn đề quyền được bảo đảm xét xử công bằng của người bị buộc tội dưới 18 tuổi **tại phiên tòa hình sự sơ thẩm** ở một số quốc gia, nhưng chỉ ở mức độ khái quát, để tham chiếu so sánh với Việt Nam.

- *Phạm vi thời gian*: Luận án tập trung nghiên cứu vấn đề quyền được bảo đảm xét xử công bằng của người bị buộc tội-bị cáo dưới 18 tuổi tại phiên tòa hình sự sơ thẩm **cấp huyện** ở Việt Nam từ khi Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi đến nay.

4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

4.1. Cơ sở lý luận

Luận án được thực hiện dựa trên phương pháp luận duy vật biện chứng của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh và quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về QCN và quyền trẻ em.

Tác giả đồng thời vận dụng các lý thuyết sau đây để làm định hướng nghiên cứu:

- Lý thuyết về “tiếp cận công lý” (*access to justice*) của Mauro Cappelletti, trong đó xem tiếp cận công lý là quyền cơ bản nhất của con người, nhằm bảo đảm các quyền hợp pháp khác. Lý thuyết xác định ba yếu tố chính để bảo đảm quyền tiếp cận công lý, đó là con người, thể chế và quy trình. Luận án tán thành và vận dụng lý thuyết này để làm cơ sở xây dựng khung các vấn đề lý luận ở Chương II, đánh giá thực trạng ở Chương III và đề xuất các quan điểm, giải pháp trong Chương IV.

- Lý thuyết “tiếp cận dựa trên QCN” (*human rights-based approach - HRBA*) của UNDP, trong đó nhấn mạnh rằng, để đạt được những kết quả hay mục tiêu về QCN, cần thiết phải hoàn thiện chính sách, pháp luật (hay thể chế) nhằm hỗ trợ sự tham gia tích cực của chủ thể quyền, để làm cho họ vừa được tham gia, vừa được hưởng lợi từ thể chế đó. Luận án tán thành và vận dụng lý thuyết này để đánh giá một cách toàn diện việc xây dựng, thực hiện và đề xuất hoàn thiện pháp luật về quyền được bảo đảm xét xử công bằng của người bị buộc tội-bị cáo dưới 18 tuổi tại phiên tòa hình sự sơ thẩm cấp huyện ở Việt Nam trong các Chương III và IV.

- Một số lý thuyết về tội phạm chưa thành niên (*Theories on Juvenile Delinquency*, trong đó tiêu biểu là *Anomie Theory* (Lý thuyết về tính cách thất thường) của Robert Merton, *Subculture Theory* (Lý thuyết về văn hóa nhóm) của Albert Cohen, *Differential Opportunity Theory* (Lý thuyết cơ hội khác biệt) của Richard Cloward and Lloyd Ohlin. Những lý thuyết này chỉ ra những yếu tố đặc thù xuất phát từ sự non nớt về tinh thần mà dẫn tới hành vi vi phạm pháp luật của NCTN, qua đó giúp làm rõ bản chất hành vi phạm tội của nhóm xã hội này và gợi ý cách thức đối xử phù hợp với NCTN phạm tội. Luận án tán thành và vận dụng các lý thuyết này để củng cố một số vấn đề lý luận về NCTN phạm tội ở Chương II, đánh giá thực trạng NCTN phạm tội ở Việt Nam ở Chương III, cũng như trong việc đề xuất một số quan điểm, giải pháp quyền được bảo đảm xét xử công bằng của người bị buộc tội-bị cáo dưới 18 tuổi tại phiên tòa hình sự sơ thẩm cấp huyện ở Việt Nam trong Chương IV.

4.2. Phương pháp nghiên cứu

Luận án vận dụng đồng thời những phương pháp nghiên cứu sau đây để giải quyết các câu hỏi nghiên cứu đặt ra:

- Các phương pháp phân tích, tổng hợp được sử dụng ở tất cả các chương của luận án nhằm hệ thống hóa cơ sở lý luận, khái quát hóa, đánh giá thực trạng và đề xuất các quan điểm, giải pháp về quyền được xét xử công bằng của người bị buộc tội-bị cáo dưới 18 tuổi phải được bảo đảm một cách hiệu quả tại phiên tòa hình sự sơ thẩm cấp huyện ở Việt Nam.

- Phương pháp so sánh được sử dụng chủ yếu trong các Chương 1, 2, 3 để đánh giá về tổng quan nghiên cứu, xây dựng khung lý luận của đề tài, và đánh giá mức độ tương thích của pháp luật Việt Nam với pháp luật quốc tế, pháp luật của một số nước khác về quyền được bảo đảm xét xử công bằng của người bị buộc tội-bị cáo dưới 18 tuổi tại phiên tòa hình sự sơ thẩm.

- Phương pháp thống kê được sử dụng chủ yếu ở Chương 3 để làm cơ sở cho việc phân tích, xác định kết quả đạt được, hạn chế và nguyên nhân của chúng về pháp luật và thực hiện pháp luật quyền được bảo đảm xét xử công bằng của người bị buộc tội-bị cáo dưới 18 tuổi tại phiên tòa hình sự sơ thẩm cấp huyện ở Việt Nam.

- Phương pháp phân tích tình huống được sử dụng chủ yếu ở Chương 3, theo đó tác giả lựa chọn một số tình huống xảy ra trong thực tế và một vài bản án đã tuyên của toà án ở một số tỉnh để phân tích, qua đó đánh giá và tìm ra nguyên nhân của những kết quả đạt được, hạn chế trong việc quyền được bảo đảm xét xử công bằng của người bị buộc tội dưới 18 tuổi tại phiên tòa hình sự ở Việt Nam trong khoảng thời gian nhất định.

5. Đóng góp mới về khoa học của luận án

Luận án là nghiên cứu có toàn diện, hệ thống và khoa học về quyền được bảo đảm xét xử công bằng của người bị buộc tội dưới 18 tuổi tại phiên tòa hình sự sơ thẩm ở Việt Nam. Luận án có đóng góp mới như sau:

- Luận án đã hệ thống hóa và phân tích rõ lý luận về quyền được xét xử công bằng của người bị buộc tội-bị cáo dưới 18 tuổi tại phiên tòa hình sự sơ thẩm, bao gồm nội hàm quyền của bị cáo được xét xử công bằng và các khía cạnh lý luận khác như chủ thể, phương thức, điều kiện và các thành tố tác động đến việc bảo đảm quyền này trong bối cảnh pháp luật Việt Nam. Đồng thời, luận án đã bổ sung các quan điểm lý luận về đặc thù của người bị buộc tội dưới 18 tuổi tại phiên tòa hình sự sơ thẩm, nhấn mạnh yêu cầu bảo vệ quyền lợi và tính thân thiện của quy trình tố tụng.

- Luận án xác định việc quyền được bảo đảm xét xử công bằng của người bị buộc tội dưới 18 tuổi cần được chú trọng đặc biệt, thông qua một cơ chế tố tụng đặc biệt, bởi họ là nhóm đối tượng đặc biệt, phát triển chưa đầy đủ về thể chất, tinh thần. Đây cần được xem là tư tưởng nền tảng cho việc thiết kế cơ chế pháp lý bảo đảm quyền được xét xử công bằng của bị cáo là người dưới 18 tuổi.

- Luận án chứng minh rằng, những hạn chế về quyền được xét xử công bằng của người bị buộc tội-bị cáo dưới 18 tuổi tại phiên tòa hình sự sơ thẩm cấp huyện ở Việt Nam cơ bản là về pháp luật chưa được quan tâm thích đáng đến yếu tố đặc thù của người dưới 18 tuổi và các chuẩn mực quốc tế có liên quan, ngoài ra còn do nhận thức, năng lực của cán bộ tư pháp, nguồn lực vật chất của hệ thống toà án chưa đáp ứng yêu cầu bảo đảm quyền trợ giúp pháp lý cho người dưới 18 tuổi trong thực tế xét xử tại cấp huyện. Đây cần được xem là những vấn đề cần giải quyết để quyền được bảo đảm xét xử công bằng của người bị buộc tội dưới 18 tuổi ở Việt Nam trong những năm tới.

- Luận án khẳng định, cần thiết phải tiếp tục hoàn thiện mô hình Tòa án Gia đình và NCTN đồng thời với việc cụ thể hoá và triển khai thực hiện hiệu quả Luật Tư pháp NCTN ở Việt Nam. Đây cần được xem là những hoạt động ưu tiên trong việc hoàn thiện cơ chế pháp lý quyền được bảo đảm xét xử công bằng của người bị buộc tội dưới 18 tuổi ở Việt Nam hiện nay.

- Luận án chứng minh rằng, đồng thời với việc hoàn thiện pháp luật, cần thực hiện các giải pháp cải thiện thực tiễn xét xử, bao gồm nâng cao năng lực của cán bộ tư pháp, xây dựng môi trường xét xử thân thiện và tăng cường các biện pháp hỗ trợ từ gia đình, xã hội cho bị cáo là người dưới 18 tuổi.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận án

6.1. Ý nghĩa lý luận

Kết quả nghiên cứu của luận án sẽ góp phần củng cố cơ sở lý luận khoa học và hoàn thiện khung khổ pháp luật cùng với cơ chế quyền được bảo đảm xét xử công bằng của người bị buộc tội dưới 18 tuổi ở Việt Nam.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn

Luận án cung cấp những thông tin, số liệu làm tư liệu tham khảo cho các cơ sở đào tạo về Quyền con người, pháp luật và cho ngành tòa án, các cơ quan, tổ chức và công chúng nói chung trong các hoạt động liên quan đến việc bảo đảm quyền được xét xử công bằng của bị cáo ở Việt Nam.

7. Kết cấu luận án

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận và Danh mục tài liệu tham khảo, luận án gồm 04 chương.

Chương 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

Bảo đảm quyền được xét xử công bằng nói chung, của người bị buộc tội dưới 18 tuổi nói riêng là một vấn đề nhận được sự quan tâm của nhiều nhà nghiên cứu trong và ngoài nước. Các nghiên cứu trong và ngoài nước về vấn đề này phản ánh đa dạng những vấn đề liên quan đến việc xét xử bị cáo là người dưới 18 tuổi, bao gồm những thách thức và rủi ro mà họ đối mặt, cũng như các yếu tố tác động đến sự công bằng và các quyền của họ trước và trong quá trình xét xử. Các nghiên cứu của các nhà khoa học đã đóng góp quan trọng vào việc hoàn thiện hệ thống pháp luật và thực tiễn xét xử nhằm bảo vệ quyền cho người bị buộc tội dưới 18 tuổi ở Việt Nam từ trước tới nay.

1.1. TỔNG QUAN NGHIÊN CỨU TRONG NƯỚC

1.1.1. Tổng quan nghiên cứu về lý luận quyền được bảo đảm xét xử công bằng của người bị buộc tội dưới 18 tuổi tại phiên tòa hình sự ở Việt Nam

Liên quan đến vấn đề này, có thể nêu những công trình tiêu biểu như sau:

Vũ Đức Khiển, Phạm Xuân Chiến, “*Họ vẫn chưa bị coi là có tội (Quyền và nghĩa vụ của bị can, bị cáo)*” [29]. Đây là quyển sách được viết khi BLTTHS năm 1988 mới được ban hành. Quyển sách này đã làm rõ một số khái niệm chung, đồng thời phân tích những quyền, nghĩa vụ của bị cáo trong bối cảnh thi hành BLTTHS 1988. Sách đã xuất bản khá lâu nên có một số nội dung không còn phù hợp với bối cảnh hiện tại. Tuy nhiên, nghiên cứu sinh đã tham khảo những phân tích lý luận chung về quyền của bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm, đặc biệt là tinh thần chung thể hiện trong cuốn sách này đó là “tham gia phiên tòa xét xử vụ án mà mình bị buộc tội không chỉ là quyền của bị cáo mà còn là một vấn đề có tính nguyên tắc của TTHS”.

Hồ Diệu Thúy (2002), *Nguồn gốc xã hội của việc vi phạm pháp luật ở NCTN hiện nay* [69]. Công trình này đã nêu ra một số khái niệm như trẻ em phạm tội và NCTN phạm tội, trẻ em phạm pháp, tình trạng phạm tội, tình trạng vi phạm pháp luật, khái niệm giá trị, chuẩn mực xã hội, khái niệm lệch lạc. Đây là các khái niệm quan trọng, có giá trị để luận án tham khảo làm rõ khái niệm bị cáo là người dưới 18 tuổi.

Trần Quang Tiệp (2004), *"Bảo vệ QCN trong luật hình sự, luật TTHS Việt Nam"* [71]. Cuốn sách này đã bước đầu phân tích lý luận chung về QCN, và đi sâu phân tích các quy định bảo vệ QCN trong pháp luật hình sự và pháp luật TTHS Việt Nam qua các thời kỳ. Mặc dù đã xuất bản khá lâu, song công trình vẫn có giá trị cho nghiên cứu sinh tham khảo khi phân tích những vấn đề lý luận về quyền được xét xử công bằng.

Hà Anh (2006), *"Chế tài hình sự đối với tội phạm xâm hại trẻ em và NCTN phạm tội"* [1]. Cuốn sách tập trung phân tích, bình luận các quy định về hệ thống chế tài, trách nhiệm hình sự với tội xâm hại trẻ em và NCTN phạm tội, trong đó có dẫn chiếu các quy định của BLTTHS năm 2015 và CRC. Luận án đã tham khảo một số phân tích, bình luận trong sách để làm rõ hơn nội hàm của quyền được xét xử công bằng.

Đặng Thanh Nga (2007), *Đặc điểm tâm lý của NCTN có hành vi phạm tội* [41]. Công trình này đã nêu ra một số khái niệm như hành vi, hành vi phạm tội, NCTN, NCTN phạm tội, đồng thời phân tích 05 khía cạnh về đặc điểm tâm lý của cá nhân NCTN gồm: trạng thái cảm xúc, nhu cầu độc lập, thái độ đối với học tập, nhận thức về pháp luật, nhu cầu khám phá cái mới. Luận án đã tham khảo các khái niệm cũng như những phân tích về các dấu hiệu tâm lý của NCTN để làm rõ hơn khái niệm, đặc điểm của bị cáo là người dưới 18 tuổi.

Nguyễn Ngọc Chí (2007), *"Bảo vệ QCN bằng pháp luật TTHS"* [13]. Tài liệu này đã phân tích cơ chế bảo vệ QCN dựa trên cơ sở pháp luật TTHS

qua một số nội dung, cụ thể là: một số nguyên tắc của Luật TTHS; các quy định phải thực hiện của Luật TTHS về các biện pháp ngăn chặn; các quy định phải thực hiện về khởi tố vụ án hình sự; các quy định về điều tra - truy tố. Tác giả khẳng định bảo vệ QCN trong pháp luật hình sự là phương thức phổ biến ở một số quốc gia. Luận án đã tham khảo những phân tích trong tài liệu này để làm rõ hơn các yếu tố tác động và điều kiện cần thiết bảo đảm quyền được xét xử công bằng ở Việt Nam. Vụ Pháp chế Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (2009), *“Hỗ trợ pháp luật và tâm lý cho NCTN vi phạm pháp luật”* [98]. Cuốn sách này đã phân tích về tâm lý của NCTN vi phạm pháp luật thông qua các đặc điểm và ảnh hưởng của nó đến hành vi vi phạm pháp luật của NCTN, trong đó bao gồm sự mất cân bằng tạm thời trong cảm xúc, nhu cầu độc lập, nhu cầu khám phá cái mới... Đồng thời, tài liệu cũng phân tích một số nguyên tắc quốc tế cơ bản về tư pháp NCTN, gồm: vì lợi ích tốt nhất của NCTN, không phân biệt đối xử, tôn trọng quyền của NCTN, sự tham gia của NCTN và tính tương xứng. Luận án đã tham khảo các nội dung nêu trên và bổ sung thêm phân tích để sáng tỏ hơn các yếu tố tác động và điều kiện bảo đảm quyền được xét xử công bằng với NCTN.

Vụ Pháp chế Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (2009), *“Kiến thức hỗ trợ pháp luật và tâm lý cho NCTN vi phạm pháp luật”* [99]. Tài liệu này đã phân tích một số khái niệm có liên quan và các nguyên tắc, đường lối xử lý NCTN phạm tội. Tài liệu cũng đồng thời mô tả một số kỹ năng cần thiết trong hỗ trợ tâm lý cho NCTN vi phạm pháp luật, bao gồm kỹ năng lắng nghe, quan sát, đặt câu hỏi, phản hồi, khuyến khích... Luận án đã tham khảo các nội dung đã nêu khi xây dựng khái niệm và phân tích các dấu hiệu đặc trưng của bị cáo là người dưới 18 tuổi.

Võ Thị Kim Oanh (chủ biên) (2010), *“Bảo đảm QCN trong tư pháp hình sự (TPHS) Việt Nam”* [45]. Tài liệu này khẳng định hoạt động tư pháp hình sự, bảo vệ QCN có ý nghĩa rất quan trọng, vì chính trong lĩnh vực này,

QCN dễ bị xâm phạm và hậu quả để lại thường rất nghiêm trọng với nạn nhân. Đồng thời, cuốn sách cũng nêu các giải pháp hoàn thiện pháp luật, góp phần bảo vệ tốt hơn QCN trong tư pháp hình sự Việt Nam. Sách có giá trị tham khảo cho nghiên cứu sinh trong việc đánh giá về hệ thống các quy định pháp luật hình sự Việt Nam, đặc biệt trong vấn đề bảo vệ quyền của bị cáo là người dưới 18 tuổi.

Nguyễn Đăng Dung, Vũ Công Giao và Lã Khánh Tùng (chủ biên) (2011), *Giáo trình Lý luận và pháp luật về QCN* [15]. Tài liệu này cung cấp những tri thức lý luận toàn diện về QCN, trong đó khẳng định pháp luật là phương tiện bảo vệ, bảo đảm các quyền tự nhiên của con người. Công trình này cũng phân tích các cơ chế thực hiện và thúc đẩy QCN trên thế giới và ở Việt Nam mà được luận án đã tham khảo nhằm làm rõ cơ chế bảo đảm quyền được xét xử công bằng của bị cáo là người dưới 18 tuổi.

Nguyễn Ngọc Chí (2014), *Giáo trình Luật TTHS* [14]. Chương 2 của tài liệu này đề cập đến bảo đảm QCN trong TTHS, phân tích trình tự xét xử sơ thẩm vụ án hình sự và bảo đảm QCN trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự. Tài liệu này định nghĩa “bảo đảm QCN trong TTHS là những yếu tố để QCN được ghi nhận, thực thi trong quá trình giải quyết vụ án nhằm tôn trọng phẩm giá con người trong mọi hoàn cảnh”, đồng thời đưa ra nhận định bảo đảm QCN phải được xây dựng cơ chế vận hành có hiệu quả các yếu tố hợp thành, đó là: (1) xây dựng được hệ thống pháp luật TTHS trên cơ sở các tiêu chí quốc tế về QCN, phù hợp với yêu cầu bảo đảm QCN ở mỗi quốc gia; (2) có các giải pháp thực thi hiệu quả QCN được quy định trong pháp luật TTHS; (3) hình thành cơ chế giám sát bảo đảm QCN trong TTHS. Công trình có giá trị tham khảo cho luận án trong việc xây dựng các khái niệm liên quan đến đề tài, cũng như trong việc đánh giá khung pháp luật TTHS Việt Nam về quyền được xét xử công bằng của bị cáo là người dưới 18 tuổi.

Nguyễn Hòa Bình (2019), “*Xây dựng Tòa án nhân dân (TAND) xứng*

đáng là biểu tượng của công lý, lẽ phải và niềm tin” [3]. Cuốn sách có ba nội dung lớn là: Tăng cường xây dựng Đảng, đổi mới công tác cán bộ, tăng cường chất lượng xét xử của TAND; Đẩy mạnh cải cách tư pháp, đổi mới tư duy, phương pháp, áp dụng các giải pháp đột phá trong hoạt động của TAND; Tòa án nhân dân chủ động, tích cực hội nhập quốc tế, nâng cao chất lượng, hiệu năng, hiệu quả hoạt động. Cuốn sách có giá trị tham khảo cho nghiên cứu sinh trong việc hình thành các quan điểm về mặt lý luận để bảo đảm quyền được xét xử công bằng nói chung ở Việt Nam.

Học viện Tòa án (2019), *Giáo trình những vấn đề chung về nghề Thẩm phán* [26]. Giáo trình giới thiệu lịch sử phát triển của hệ thống Tòa án; vị trí, chức năng, quyền hạn của Thẩm phán; việc xây dựng đội ngũ Thẩm phán; đạo đức nghề Thẩm phán; việc xây dựng và áp dụng án lệ trong hệ thống Tòa án; kỹ năng giao tiếp, ứng xử của Thẩm phán... Đặc biệt, giáo trình có một mục đề cập đến vấn đề bảo vệ con người trong hoạt động xét xử của tòa án. Đây là một nguồn tài liệu tham khảo cho nghiên cứu sinh trong việc phân tích làm rõ hơn những vấn đề thực tiễn trong việc bảo đảm quyền được xét xử công bằng ở Việt Nam.

Đại học Luật Hà Nội (2019), *Giáo trình Luật TTHS* [17]. Tại chương IX của tài liệu này đã phân tích khái niệm, nhiệm vụ, ý nghĩa, thẩm quyền và trình tự xét xử sơ thẩm vụ án hình sự; phân tích khái niệm bị cáo và các quyền, nghĩa vụ của bị cáo tại phiên tòa. Những nội dung này có giá trị tham khảo cho nghiên cứu sinh trong việc xác định cơ sở lý luận của việc bảo vệ quyền của bị cáo trong lĩnh vực TTHS.

Trịnh Thị Yên (2019), *“Trách nhiệm hình sự đối với NCTN phạm tội trong luật hình sự Việt Nam (những vấn đề cơ bản của phần chung)”* [103]. Công trình này đã nêu lên khái niệm và những đặc điểm của trách nhiệm hình sự đối với NCTN phạm tội, cơ sở và ý nghĩa của việc quy định về chế tài hình sự đối với NCTN phạm tội. Luận án đã tham khảo những kiến thức lý luận

này để hoàn chỉnh các khái niệm có liên quan đến quyền được xét xử công bằng của người bị buộc tội-bị cáo dưới 18 tuổi tại phiên tòa hình sự sơ thẩm cấp huyện ở Việt Nam.

Tường Duy Kiên (chủ biên) (2020), “*Quyền trẻ em và quyền của NCTN trong tư pháp hình sự: kinh nghiệm của Cộng hòa liên bang Đức và Việt Nam*” [30]. Tài liệu này tập hợp 21 bài viết của nhiều tác giả đề cập đến quyền trẻ em và quyền của NCTN trong tư pháp hình sự ở Cộng hòa Liên bang Đức và Việt Nam, trong đó có vấn đề bào chữa trong TTHS và bảo đảm các quyền của trẻ em là nghi can hoặc bị can trong xét xử vụ án hình sự. Luận án đã tham khảo những nội dung đó nhằm làm rõ hơn phần lý luận về quyền được bảo đảm xét xử công bằng của người bị buộc tội dưới 18 tuổi trong pháp luật của một số nước và giá trị tham khảo cho Việt Nam.

Đỗ Thị Phụng (chủ biên) (2020), *Giáo trình tư pháp đối với NCTN* [51]. Tài liệu này phân tích các chuẩn mực quốc tế và thủ tục TTHS đối với NCTN tại Việt Nam, trong đó có thủ tục xét xử. Đây là những nội dung hữu ích mà nghiên cứu sinh đã tham khảo để phân tích, đánh giá khung pháp luật liên quan đến bảo đảm quyền của NCTN, bao gồm quyền được xét xử công bằng của người bị buộc tội-bị cáo dưới 18 tuổi trong TTHS Việt Nam.

1.1.2. Tổng quan nghiên cứu liên quan đến thực trạng bảo đảm quyền được xét xử công bằng của người bị buộc tội dưới 18 tuổi tại phiên tòa hình sự ở Việt Nam

Liên quan đến vấn đề này, có thể nêu những công trình tiêu biểu như sau:

Hoàng Thị Sơn (2003), “*Thực hiện quyền bào chữa của bị can, bị cáo trong TTHS*” [67]. Công trình này đã phân tích thực tiễn thực hiện quyền bào chữa của bị can, bị cáo trong TTHS ở Việt Nam, đặc biệt những hạn chế, vướng mắc trong việc thực hiện quyền này và nguyên nhân. Luận án đã tham khảo những nội dung này khi đánh giá thực trạng thực hiện quyền bào chữa là một phần của quyền được xét xử công bằng của người bị buộc tội-bị cáo dưới 18 tuổi trong TTHS ở Việt Nam.

Đỗ Thị Phương (2008), *Những vấn đề lý luận và thực tiễn về thủ tục tố tụng đối với NCTN trong luật TTHS Việt Nam* [49]. Công trình này đã phân tích thực tiễn thi hành các quy định pháp luật TTHS đối với NCTN, trong đó bao gồm các quy định về quy trình tố tụng trong giai đoạn xét xử, qua đó nêu bật một số vấn đề như tình trạng không có người bào chữa hoặc người đại diện hợp pháp tham gia phiên tòa sơ thẩm có NCTN. Luận án đã tham khảo những kiến thức, thông tin này để đánh giá thực trạng thực hiện những quy định pháp về quyền được bảo đảm xét xử công bằng của người bị buộc tội-bị cáo dưới 18 tuổi trong TTHS ở Việt Nam.

Viện Khoa học kiểm sát, Viện KSND tối cao (2012), *“Đánh giá tính tương thích các điều khoản của BLTTHS về người vi phạm pháp luật hình sự, người bị hại, người làm chứng là NCTN với các chuẩn mực quốc tế”* [94]. Công trình này đã phân tích so sánh, chỉ ra những tương đồng và khác biệt giữa pháp luật Việt Nam và pháp luật quốc tế liên quan đến người bị hại, người làm chứng là NCTN trong TTHS, trong đó tập trung vào các quyền và các biện pháp đặc biệt để phòng ngừa những chủ thể đã nêu tiếp tục bị xâm hại và tái hòa nhập cộng đồng. Luận án đã tham khảo những phân tích trong tài liệu này để đánh giá sự tương đồng và khác biệt của pháp luật Việt Nam với pháp luật quốc tế về quyền được bảo đảm xét xử công bằng của người bị buộc tội-bị cáo dưới 18 tuổi trong TTHS.

Vụ Pháp luật Hình sự - Hành chính, Bộ Tư pháp (2012), *“Báo cáo đánh giá luật pháp và thực tiễn thi hành pháp luật về xử lý chuyển hướng, tư pháp phục hồi đối với NCTN vi phạm pháp luật”* [100]. Công trình này đã làm rõ thực trạng vi phạm pháp luật của NCTN và các quy định pháp luật về xử lý vi phạm đối với NCTN ở Việt Nam, đặc biệt trong các vấn đề liên quan đến xử lý chuyển hướng và tư pháp phục hồi. Luận án đã tham khảo những nội dung đó để làm rõ thực trạng thực hiện những biện pháp tố tụng đặc biệt về quyền được bảo đảm xét xử công bằng của người bị buộc tội dưới 18 tuổi tại phiên tòa hình sự sơ thẩm ở Việt Nam.

Vụ Pháp luật Hình sự - hành chính, Bộ Tư pháp (2012), “*Báo cáo đánh giá các quy định của Bộ luật Hình sự (BLHS) liên quan đến NCTN và thực tiễn thi hành*” [101]. Công trình này đã tổng quan tình hình NCTN phạm tội ở Việt Nam, phân tích các quy định pháp luật quốc tế đối với tư pháp NCTN, đồng thời quy định về xử lý NCTN phạm tội trong BLHS và thực tiễn thi hành. Luận án đã tham khảo những nội dung này để phân tích đánh giá sự phát triển của khung pháp luật và thực tiễn bảo đảm quyền của NCTN nói chung, quyền được xét xử công bằng của người bị buộc tội-bị cáo dưới 18 tuổi tại phiên tòa hình sự nói riêng ở Việt Nam.

Trần Hưng Bình (2013), *Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của NCTN theo pháp luật TTHS* [4]. Công trình này đánh giá khung pháp luật và thực tiễn thực hiện các quy định pháp luật TTHS về bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của NCTN ở Việt Nam, trong đó làm rõ những bất cập, hạn chế cả về khung pháp luật và cơ chế triển khai thực pháp luật. Đây là những nội dung được nghiên cứu sinh tham khảo trong việc đánh giá thực trạng và đề xuất các giải pháp hoàn thiện thể chế về quyền được bảo đảm xét xử công bằng của người bị buộc tội dưới 18 tuổi tại phiên tòa hình sự sơ thẩm cấp huyện ở Việt Nam.

Võ Quốc Tuấn (2017), “*Bảo đảm quyền của bị cáo trong hoạt động xét xử sơ thẩm các vụ án hình sự của TAND cấp tỉnh ở Việt Nam hiện nay*” [85]. Tác giả đã phân tích khá toàn diện khung lý luận và thực trạng bảo đảm quyền của bị cáo ở hoạt động xét xử sơ thẩm các vụ án hình sự của TAND cấp tỉnh, trong đó có hoạt động xét xử sơ thẩm các vụ án hình sự có NCTN tham gia ở Việt Nam. Tác giả đã tham khảo những phân tích của luận án khi đánh giá về những kết quả đạt được, hạn chế của thể chế Việt Nam về quyền được bảo đảm xét xử công bằng của người bị buộc tội dưới 18 tuổi trong quá trình xét xử các vụ án hình sự.

Bộ Tư pháp (2021), *Kỷ yếu kết quả hoạt động dự án “Tăng cường tiếp cận tư pháp và bảo vệ NCTN có liên quan đến pháp luật” giai đoạn 2018-2021* [12]. Tài liệu này đã cung cấp những thông tin thực tiễn phong phú thông qua 11 báo cáo, trong đó bao gồm báo cáo đánh giá chính sách, pháp luật và mô hình trợ giúp pháp lý cho trẻ em; xây dựng năng lực cho đội ngũ trợ giúp viên pháp lý nhằm tăng cường tiếp cận trợ giúp pháp lý thân thiện cho NCTN... Luận án đã tham khảo những thông tin này để làm rõ hơn thực trạng về quyền được bào chữa và có người bào chữa miễn phí của bị cáo là NCTN ở Việt Nam.

1.1.3. Tổng quan nghiên cứu về phương hướng, giải pháp bảo đảm quyền được xét xử công bằng của người bị buộc tội dưới 18 tuổi tại phiên tòa hình sự ở Việt Nam

Liên quan đến vấn đề này, có thể nêu những công trình tiêu biểu như sau:

Trịnh Đình Thê (2006), *“Áp dụng chính sách hình sự đối với NCTN phạm tội”* [68]. Cuốn sách này đã làm nổi bật thực trạng phạm tội của NCTN phạm tội từ năm 1986-2006, trong đó tài liệu đã nêu bật các nhóm tội chủ yếu mà NCTN phạm tội, trình độ học vấn người phạm tội, từ đó xem xét nguyên nhân và điều kiện phạm tội của NCTN. Qua đó, tài liệu nêu bật việc áp dụng biện pháp tư pháp và biện pháp hình sự áp dụng đối với NCTN, phân tích một số tồn tại trong hoạt động tố tụng của NCTN phạm tội.

Cao Thị Oanh (2007), *“Hoàn thiện những quy định về trách nhiệm hình sự của NCTN phạm tội”* [44, tr.36-39]. Nghiên cứu này chỉ ra những hạn chế, bất cập khi thi hành BLHS năm 1999 liên quan đến đường lối xử lý, trách nhiệm của NCTN phạm tội, từ đó đề xuất giải pháp hoàn thiện. Luận án đã tham khảo những phân tích đó khi xây dựng những quan điểm định hướng về hoàn thiện thể chế TTHS về bảo đảm quyền được xét xử công bằng của bị cáo là người dưới 18 tuổi.

Đỗ Thị Phụng (2009), “Sự cần thiết phải thành lập tòa án NCTN ở Việt Nam” [50, tr.1-4]. Bài viết khẳng định mặc dù Tòa gia đình và NCTN đã được thành lập gần như ở toàn bộ các TAND cấp tỉnh, tuy nhiên vẫn cần thiết mở rộng đến các TAND cấp huyện. Luận án chia sẻ quan điểm này và đã kế thừa, phát triển quan điểm đó khi đề xuất giải pháp hoàn thiện khung pháp luật để bảo đảm quyền được xét xử công bằng của bị cáo là người dưới 18 tuổi.

Nguyễn Thu Hiền (2012), “*Cơ sở lý luận và thực tiễn của nguyên tắc tranh tụng trong TTHS Việt Nam hiện nay*” [22]. Công trình này đã luận giải lý luận về xây dựng nguyên tắc tranh tụng trong TTHS và thực trạng, quan điểm, giải pháp xây dựng nguyên tắc tiến hành tranh tụng trong TTHS ở Việt Nam. Công trình có giá trị tham khảo trong việc nêu ra giải pháp góp phần bảo đảm quyền bào chữa, quyền được trình bày ý kiến nguyện vọng tại phiên tòa xét xử sơ thẩm của người bị buộc tội dưới 18 tuổi trong vụ án hình sự.

Nguyễn Trung Tín (2014), “*Trách nhiệm bồi thường của cha, mẹ trong trường hợp NCTN cùng người khác gây thiệt hại*” [72, tr.16-17]. Bài viết tập trung phân tích các khía cạnh pháp lý và thực tiễn liên quan đến trách nhiệm bồi thường của cha, mẹ trong trường hợp NCTN gây ra thiệt hại cho người khác, từ đó nêu ra một số giải pháp hoàn thiện các quy định pháp luật có liên quan. Bài viết tuy không gắn trực tiếp với đề tài luận án, nhưng cũng có giá trị tham khảo với nghiên cứu sinh trong việc đề xuất các giải pháp cho các vấn đề đặt ra với việc quyền được bảo đảm xét xử công bằng của người bị buộc tội dưới 18 tuổi ở Việt Nam.

Nguyễn Thanh Vũ (2014), “*Những kiến nghị hoàn thiện về trách nhiệm hình sự đối với NCTN phạm tội đáp ứng yêu cầu sửa đổi toàn diện BLHS Việt Nam*” [102, tr.1-6, tr.11]. Bài viết phân tích thực trạng và đề xuất một số kiến nghị hoàn thiện các quy định của pháp luật hình sự về xử lý NCTN phạm tội. Những kiến nghị trong bài viết cũng có giá trị tham khảo với nghiên cứu sinh trong việc đề ra các giải pháp cho việc quyền được bảo đảm xét xử công bằng của người bị buộc tội dưới 18 tuổi ở Việt Nam.

Cũng theo hướng trên còn có một số bài viết của một số tác giả khác, như: Bài viết của Hồng Phong Minh (2014), “Thành lập “Tòa gia đình và NCTN” - một phương thức thực hiện nguyên tắc hiến định và đáp ứng yêu cầu của thực tiễn” [39, tr.1-9]; bài viết của Cẩm Phong, Quốc Hưng (2014), “Hoàn thiện mô hình đổi mới thủ tục hành chính tư pháp tại TAND - một nhu cầu bức thiết” [47, tr.1-9]; bài viết của Nguyễn Thị Khánh Ngọc (2020), “Sự cần thiết phải nhân rộng và nâng cao hiệu quả hoạt động của Tòa gia đình và NCTN ở Việt Nam” [42, tr.39-43]... Điểm chung của các bài viết này là khẳng định tầm quan trọng của việc hoàn thiện mô hình Tòa gia đình và NCTN ở Việt Nam, trong đó bao gồm việc mở rộng mô hình đến TAND cấp huyện và cải cách một số quy định về hoạt động để nâng cao hiệu quả hoạt động của nó. Nghiên cứu sinh cũng tham khảo những nhận định, đánh giá và những đề xuất trong các bài viết đã nêu khi xây dựng các giải pháp thúc đẩy quyền được bảo đảm xét xử công bằng của người bị buộc tội dưới 18 tuổi ở Việt Nam.

Nguyễn Sơn Hà (2015), “*Hoàn thiện quy định của pháp luật TTHS về quyền của bị can, bị cáo*” [21]. Công trình này đã chứng minh làm rõ thực trạng và nêu ra một số kiến nghị nhằm hoàn thiện thể chế về các quyền của bị can, bị cáo trong TTHS, bao gồm các quyền trong phiên tòa sơ thẩm. Luận án cũng tham khảo các giải pháp khi xây dựng những giải pháp nhằm quyền được bảo đảm xét xử công bằng của người bị buộc tội dưới 18 tuổi tại phiên tòa hình sự sơ thẩm cấp huyện ở Việt Nam.

Lương Ngọc Trâm (2017), “*Quyết định hình phạt đối với NCTN phạm tội ở thành phố Hồ Chí Minh*” [83]. Công trình nghiên cứu này đã đề xuất 10 giải pháp về quyết định hình phạt về NCTN phạm tội qua nghiên cứu thực tiễn ở TAND Thành phố Hồ Chí Minh, trong đó có một giải pháp được luận án tham khảo, đó là: Nâng cao hiệu quả hoạt động của Tòa gia đình và NCTN.

Mai Thị Thủy (2022), “*Xử lý chuyển hướng đối với người dưới 18 tuổi phạm tội trong luật hình sự Việt Nam*” [70]. Công trình này đã phân tích định hướng về hoàn thiện thể chế và áp dụng xử lý chuyển hướng đối với người bị buộc tội dưới 18 tuổi phạm tội của một số nước trên thế giới và ở Việt Nam, từ đó nêu ra một số kiến nghị hoàn thiện pháp luật và nâng hiệu quả áp dụng xử lý chuyển hướng đối với người dưới 18 tuổi phạm tội, trong đó có một kiến nghị được luận án tham khảo, đó là: Xây dựng Chương “Biện pháp xử lý chuyển hướng” trong dự thảo Luật tư pháp NCTN.

1.2. TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU Ở NGOÀI NƯỚC

1.2.1. Các công trình nghiên cứu về xét xử công bằng

Liên quan đến vấn đề này, có thể nêu những công trình tiêu biểu như sau:

Ấn phẩm “*What is a Fair Trial? A Basic Guide to Legal Standards and Practice*” (Thế nào là xét xử công bằng? Hướng dẫn cơ bản về các chuẩn mực và thực tiễn pháp lý) của Ủy ban luật sư về QCN xuất bản năm 2000 [118]. Các tác giả nhấn mạnh quyền được xét xử công bằng được áp dụng cho cả việc xác định quyền, nghĩa vụ của một chủ thể với tư cách cá nhân trong vụ kiện và việc xác định bất kỳ quy kết hình sự nào đối với người đó. Nội dung ấn phẩm cũng đề cập đến các tiêu chí căn bản của xét xử công bằng thông qua các quyền của chủ thể cụ thể, như quyền của chủ thể được bình đẳng trước tòa án, quyền được xem xét, giải quyết vụ việc bởi một tòa án có thẩm quyền, trên cơ sở sự độc lập và công bằng được thành lập theo luật, quyền suy đoán vô tội và quyền có phiên dịch...

Ấn phẩm “*A Comparative Evaluation of the Protection of Fair Trial Rights under the African and European Human Rights*” (Đánh giá so sánh về việc bảo vệ quyền xét xử công bằng theo hệ thống nhân quyền châu Phi và châu Âu) [107] của Basil Ugochukwu công bố năm 2000 đã phân tích so sánh nội dung các quy định về xét xử công bằng trong các văn kiện nhân quyền của khu vực châu Phi và châu Âu, từ đó kết luận là trong lĩnh vực này, hệ thống

nhân quyền châu Âu phát triển hơn nhiều so với hệ thống nhân quyền châu Phi. Ấn phẩm cũng đánh giá những biện pháp mà Ủy ban châu Phi về QCN và quyền của các dân tộc đã thực hiện để hoàn thiện cơ chế bảo đảm quyền xét xử công bằng của châu Phi, đồng thời đề xuất các giải pháp mà Tòa án châu Phi về QCN cần phải thực hiện để cải thiện việc bảo đảm quyền xét xử công bằng tại châu lục này.

Cuốn sách *“Human Rights in the Administration of Justice - A Manual on Human Rights for Judges, Prosecutors and Lawyers”* (2003) (QCN trong tài liệu về quản lý tư pháp - Đây là tài liệu hướng dẫn QCN dành cho đội ngũ Thẩm phán, công tố viên và người bào chữa- luật sư) của Cao ủy Nhân quyền Liên Hợp quốc [119]. 16 chương của cuốn sách này tập trung sâu vào các quy định của luật quốc tế về QCN, mỗi chương đề cập một lĩnh vực cụ thể. Chương 7 tập trung đề cập đến việc bảo đảm QCN trong xét xử, trong đó có quyền được xét xử công bằng. Chương này phân tích một số quy tắc pháp lý mang tính quốc tế có liên quan đến các quyền cá nhân phải được đảm bảo trong giai đoạn xét xử và việc giám sát thực hiện các quy tắc này của các cơ quan nhân quyền quốc tế. Nội dung của chương này cũng bao gồm các vấn đề quan trọng như những giới hạn của hình phạt, quyền kháng cáo, quyền yêu cầu bồi thường trong trường hợp xét xử oan sai, quyền được xét xử công bằng trong trường hợp khẩn cấp...

Ấn phẩm *“Principles and Guidelines on the Right to a Fair Trial and Legal Assistance in Africa”* (Nguyên tắc và hướng dẫn về quyền được xét xử công bằng và trợ giúp pháp lý ở châu Phi) của Ủy ban châu Phi về QCN công bố năm 2003 [104]. Ấn phẩm này đã xác định 10 quyền quan trọng cần được bảo đảm để quyền xét xử công bằng được thực thi, đó là: được thông báo về việc kết tội, quyền được tư vấn, quyền có đủ thời gian và cơ sở vật chất để chuẩn bị bào chữa cho mình, quyền có phiên dịch...Ấn phẩm cũng dành một phần quan trọng để xác định các vấn đề liên quan đến trẻ em và quyền được

xét xử công bằng, từ đó nhấn mạnh: không trẻ em nào bị bắt giữ hoặc giam giữ tùy tiện; các quan chức thực thi pháp luật phải bảo đảm rằng tất cả các cuộc tiếp xúc với trẻ em được tiến hành theo cách tôn trọng tình trạng pháp lý của các em, tránh gây tổn hại tới trẻ. Khi một đứa trẻ bị nghi ngờ vi phạm luật hình sự và bị bắt giữ thì cha mẹ, người giám hộ hoặc người thân trong gia đình của các em phải được thông báo ngay lập tức. Quyền riêng tư của trẻ phải luôn được tôn trọng để tránh gây tổn hại trẻ, kể cả khi trẻ bị cáo buộc đã phạm tội hình sự.

Cuốn sách *Human Rights in Criminal Proceedings* (QCN trong TTHS) của tác giả Stefan Trechsel (2005) [127]. Tác giả phân tích các QCN cơ bản trong TTHS, trong đó có quyền xét xử công bằng. Nội hàm của quyền xét xử công bằng được nghiên cứu này chỉ ra thông qua các quyền cụ thể như quyền được xét xử ở một tòa án độc lập, khách quan vô tư, quyền được xét xử mang tính công khai, quyền được tự bào chữa, nhờ người khác bào chữa; quyền được suy đoán vô tội,... Cuốn sách cũng phân tích các quyền tố tụng của người bị buộc tội cũng như nghĩa vụ của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền trong việc bảo đảm các quyền này.

Bài viết “Right to a Fair Trial under International Human Rights Law”, (Quyền được xét xử công bằng theo Luật quốc tế về quyền con người), 2008 [117] của Amal Clooney and Philippa Webb. Tác giả khẳng định: “*Mọi người đều có quyền có bất kỳ khiếu nại nào liên quan đến các quyền, nghĩa vụ dân sự của mình hoặc các cáo buộc hình sự được đưa ra trước một tòa án độc lập và khách quan vô tư, được thành lập theo luật. Quyền được xét xử công bằng được xác định là một trong những QCN quan trọng nhất, nếu không được bảo đảm quyền tố tụng rất cơ bản này thì khó có thể ngăn chặn những vi phạm các QCN khác*”. Bài viết phân tích quy trình TTHS và các thành tố của quyền được xem xét, giải quyết công bằng, bao gồm: Quyền có một tòa án độc lập, không có sự thiên vị, quyền có một phiên tòa kịp thời và công bằng, quyền không phải

làm chứng chống lại chính mình, quyền suy đoán vô tội, quyền được thông báo kịp thời bằng ngôn ngữ mà một người có thể hiểu được về cáo buộc chống lại người đó, quyền đảm bảo đủ thời gian và nguồn lực vật chất để chuẩn bị trong việc bảo vệ mình, quyền được trợ giúp về phiên dịch miễn phí...

Cuốn sách *Fair Trial Rights* (Quyền xét xử công bằng) của tác giả Richard Clayton và Hugh Tomlinson (2009) [124]. Cuốn sách cung cấp một phân tích sâu sắc về quyền được xét xử công bằng, tập trung vào các tiêu chuẩn pháp lý trong Điều 6 của Công ước châu Âu về Nhân quyền (ECHR). Tác giả trình bày quyền này như một tập hợp các nguyên tắc nhằm bảo đảm sự công bằng, minh bạch và hiệu quả trong quá trình tố tụng, bao gồm quyền tiếp cận tòa án, quyền được xét xử trong khoảng thời gian hợp lý, quyền bào chữa hiệu quả và quyền được xét xử bởi tòa án độc lập, vô tư. Cuốn sách khẳng định tầm quan trọng đối với việc bảo vệ quyền lợi cho nhóm yếu thế, đồng thời phân tích các tiêu chuẩn về thông báo cáo buộc, trợ giúp pháp lý, và tính hợp pháp của bằng chứng. Bằng cách sử dụng các ví dụ thực tiễn từ Tòa án Nhân quyền châu Âu, tác giả minh họa cách thức áp dụng quyền này và các thách thức mà các quốc gia tham gia với tư cách là thành viên phải đối mặt. Cuốn sách kết luận rằng quyền được xét xử công bằng là nền tảng cho xã hội dân chủ, pháp quyền, đồng thời, đưa ra khuyến nghị về cải cách pháp luật và chính sách để phù hợp hơn với các tiêu chuẩn quốc tế.

Bài viết “*The Right to a Fair Trial in International Law, with Specific Reference to the Work of the ICTY*” (2009) của Patrick Robinson [115] khởi đầu bằng việc phân tích nguồn gốc lịch sử và pháp lý của quyền được xét xử công bằng, nhấn mạnh rằng đây là một quyền cơ bản được ghi nhận rộng rãi trong pháp luật quốc tế. Tác giả trình bày hệ thống các văn kiện quốc tế quan trọng như Tuyên ngôn phổ quát về quyền con người (UDHR), Công ước Quốc tế về các Quyền Dân sự và Chính trị (ICCPR), và các văn bản pháp lý khu vực như Công ước châu Âu về Nhân quyền (ECHR), đồng thời làm rõ vai

trò của các văn kiện này trong việc thiết lập các tiêu chuẩn chung về quyền được xét xử công bằng. Bài viết tập trung phân tích sâu cách Tòa án Hình sự Quốc tế về Nam Tư cũ (ICTY) vận dụng các nguyên tắc của quyền này vào thực tiễn hoạt động xét xử, đặc biệt trong bối cảnh phức tạp của các vụ án liên quan đến tội ác chiến tranh và tội ác chống lại loài người. Patrick Robinson chỉ ra rằng ICTY không chỉ đảm bảo các quyền cơ bản như quyền được bào chữa, quyền được xét xử trong thời gian hợp lý, và quyền được tiếp cận bằng chứng, mà còn phát triển các tiêu chuẩn mới phù hợp với đặc thù của xét xử quốc tế. Tòa án đã áp dụng các nguyên tắc pháp lý với tính linh hoạt cao, nhằm dung hòa giữa việc bảo vệ quyền bị cáo và yêu cầu truy cứu trách nhiệm đối với các hành vi vi phạm nghiêm trọng luật pháp quốc tế. Bài viết nhấn mạnh vai trò của ICTY như một hình mẫu trong việc thiết lập các chuẩn mực toàn cầu về quyền được xét xử công bằng, đồng thời đặt nền tảng cho các tòa án hình sự quốc tế sau này.

Cuốn sách *“Basic Human Rights Reference Guide: Right to a Fair Trial and Due Process in the Context of Countering Terrorism”* (Hướng dẫn cơ bản về QCN: Quyền được xét xử công bằng và tổ tụng công bằng trong bối cảnh chống khủng bố) năm 2015 [132] của Cơ quan Chống khủng bố của Liên Hợp quốc xuất bản. Nội dung cuốn sách này phân tích các yếu tố bảo đảm cho quyền được xét xử một cách công bằng, được thực thi hiệu quả, đó là bảo đảm bình đẳng trước Tòa án, bảo đảm Tòa án xét xử độc lập và thành lập theo luật, bảo đảm suy đoán vô tội, bảo đảm bào chữa và trợ giúp pháp lý, quyền kháng cáo... Các văn kiện quốc tế về nhân quyền được viện dẫn để phân tích quyền được xét xử công bằng gồm UDHR 1948, ICCPR 1966, Công ước Patrick Robinson châu Âu về nhân quyền (ECHR) 1948, Quy chế Rome về Tòa hình sự quốc tế, 1998.

Ấn phẩm *“Traditional Rights and Freedoms - Encroachments by Commonwealth Laws (ALRC Interim Report 127)”* (Quyền và Tự do Truyền

thống - Sự xâm phạm của Luật Liên bang (Báo cáo tạm thời của ALRC 127)) năm 2015 của Ủy ban Cải cách pháp luật Australia [106, tr.223-224]. Phần 10 của báo cáo dành riêng để bàn về vấn đề xét xử công bằng, trong đó cho rằng quyền được xét xử công bằng là “quyền không bị xét xử bất công” hay “quyền miễn trừ kết án nếu không được xét xử công bằng”. Bên cạnh đó, văn kiện này cũng thảo luận về nguồn gốc và vấn đề lý luận của quyền được xét xử công bằng; về những cách thức bảo đảm quyền được bảo vệ khỏi sự xâm phạm. Báo cáo khẳng định: Một phiên tòa công bằng khi bảo đảm các yếu tố: được tổ chức công khai, bị cáo có quyền có luật sư và có quyền đối chất với các nhân chứng của công tố và quyền đưa ra bằng chứng gỡ tội cho mình.

Ấn phẩm “*The Right to a Fair Trial: A Critical Analysis*” (Quyền được xét xử một cách công bằng: Phân tích quan trọng) [126] của tác giả Roshan Singh Chopra công bố năm 2015 đã khẳng định, quyền được xét xử công bằng là hiện thân của khái niệm công bằng và là chỉ báo phát triển về hầu hết khía cạnh của pháp luật mà thể hiện rõ nhất trong quá trình TTHS. Tác giả cho rằng việc áp dụng quyền được xét xử công bằng nên hướng tới các mục tiêu của quá trình TTHS. Điều này có nghĩa là bảo vệ quyền được xét xử công bằng sẽ thúc đẩy tính hợp pháp, thuyết phục lòng người đối với phán quyết của tòa án. Tầm quan trọng của quyền được xét xử công bằng đòi hỏi việc xây dựng và áp dụng pháp luật phải hướng tới mục tiêu tòa án có thể đưa ra phán quyết chính xác và công bằng cho tất cả các bên.

Bài viết “*International Criminal Courts and Fair Trials: Difficulties and Prospects*” (Tòa hình sự quốc tế và xét xử công bằng: Khó khăn và triển vọng) của tác giả Jacob Katz Cogan, 2021 [116]. Bài viết bao gồm 6 phần. Phần I nghiên cứu các vấn đề lý luận chung về xét xử công bằng. Phần II xác định các quyền cơ bản về xét xử công bằng có nguy cơ bị ảnh hưởng. Phần III mô tả cách thức các tòa án hình sự quốc tế thực hiện nhằm bảo đảm phiên tòa được công bằng. Phần IV và V phân tích khả năng của Tòa hình sự quốc tế

trong việc cung cấp cho các bị cáo những phiên tòa công bằng. Phần VI đánh giá vai trò của Tòa hình sự quốc tế và nêu ra một số cách thức chống lại xu hướng hạn chế xét xử công bằng trong các tòa án quốc tế.

Những công trình nghiên cứu ở trên của các học giả nước ngoài đã được nghiên cứu sinh tham khảo trong việc xây dựng khung lý luận về quyền xét xử công bằng của luận án. Chúng bổ sung cho những công trình nghiên cứu về lý luận về quyền xét xử công bằng do các tác giả Việt Nam công bố mà đã được đề cập ở mục 1.1 của chương này.

1.2.2. Các công trình nghiên cứu về quyền xét xử công bằng của bị cáo là người dưới 18 tuổi

Liên quan đến vấn đề này, có thể kể những công trình tiêu biểu sau:

Cuốn sách *Child-friendly Justice* (Tur pháp thân thiện với trẻ em) của Pernilla Leviner (2015) [117] là một nghiên cứu sâu sắc và toàn diện về các yêu cầu cần thiết để bảo vệ quyền lợi của trẻ em trong các quy trình tố tụng tư pháp. Tác giả tập trung phân tích các nguyên tắc và thực tiễn nhằm bảo đảm rằng các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền phải có trách nhiệm can thiệp kịp thời và phù hợp khi xâm phạm đến quyền lợi của trẻ em. Cuốn sách nhấn mạnh rằng một hệ thống tư pháp thân thiện với trẻ em không chỉ cần tuân thủ các tiêu chuẩn pháp lý quốc tế, như Công ước Liên hợp quốc về Quyền Trẻ em (CRC), mà còn phải đặt lợi ích của trẻ em một cách tốt nhất, làm trọng tâm trong mọi quyết định. Trong khi đó, quyền được xét xử công bằng từ góc độ trẻ em được tác giả phân tích kỹ lưỡng, bao gồm việc bảo đảm rằng các quy trình tố tụng không gây thêm áp lực tâm lý, trẻ em được cung cấp cơ hội lắng nghe ý kiến và bày tỏ quan điểm của mình một cách thoải mái và phù hợp với độ tuổi. Leviner cũng làm rõ rằng quyền được lắng nghe và tham gia vào thủ tục xét xử không chỉ là quyền độc lập mà còn là một yếu tố quan trọng trong việc bảo đảm quyền được xét xử công bằng. Cuốn sách đặt ra vấn đề cải cách hệ thống tư pháp ở nhiều quốc gia, bao gồm việc đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ tư pháp, thiết

kể không gian xét xử thân thiện, và cung cấp sự hỗ trợ tâm lý cho trẻ em tham gia vào các vụ án. Tác giả lập luận rằng, chỉ khi các quy trình tố tụng tư pháp được xây dựng dựa trên sự hiểu biết sâu sắc về tâm lý và quyền lợi của trẻ em, thì hệ thống pháp luật mới thực sự đáp ứng được yêu cầu bảo vệ và thúc đẩy QCN cho nhóm đối tượng dễ bị tổn thương này.

Bài viết: “The Impact of Waiver to Adult Court on Youths' Perceptions of Fairness” (Tác động của việc từ bỏ Tòa án Người lớn đối với Nhận thức về Công bằng của Thanh thiếu niên) của Suzanne O Kaasa, Joseph R Tatar II, Amy Dezember và Elizabeth Cauffman (2019), trong đó nhấn mạnh rằng việc chuyển vụ án không chỉ làm gia tăng áp lực tâm lý mà còn có thể gây ra những hậu quả tiêu cực lâu dài, như tăng nguy cơ tái phạm và giảm khả năng tái hòa nhập cộng đồng. Các tác giả kêu gọi cải cách chính sách để bảo đảm rằng quyền được xét xử công bằng của NCTN không bị xâm phạm, bao gồm việc hạn chế chuyển vụ án sang tòa án người lớn và tăng cường các biện pháp bảo vệ quyền lợi của NCTN trong cả hai môi trường xét xử.

Ấn phẩm “Fair Trial for Children in Conflict with the Law in Europe and Central Asia” (Xét xử công bằng với trẻ em có hành vi xung đột với pháp luật ở châu Âu và Trung Á), 2022 [131] của UNICEF. Tài liệu nhấn mạnh: Tôn trọng quyền của trẻ em gái/bé trai vi phạm pháp luật và các bảo đảm pháp lý trong thời gian phiên tòa sẽ bảo đảm rằng các em gái/chàng trai cảm thấy thoải mái, được hỗ trợ và đối xử công bằng bởi tòa án và các chuyên gia tham gia vào quá trình này. Phần 1 của cuốn sách phân tích việc bảo đảm việc xét xử công bằng trong trường hợp trẻ em bị xung đột với pháp luật với các nghiên cứu so sánh ở các quốc gia khác nhau. Phần 2 cung cấp các quy định pháp luật ở cấp độ quốc tế và các quốc gia về quyền xét xử công bằng ở các quốc gia châu Âu và Trung Á.

Ấn phẩm "*Hearing of Children in Criminal Procedure According to Article 6 of the European Convention on Human Rights*" (Xét xử trẻ em trong TTHS theo Điều 6 của Công ước châu Âu về QCN) của Ủy ban châu Âu

[109]. Tài liệu khẳng định, để bảo đảm xét xử công bằng, điều quan trọng là các bên liên quan phải có mặt tại phiên tòa, bởi họ thường có nhiều kiến thức hơn bất kỳ ai khác về các tình tiết thực tế xảy ra trong vụ án. Tài liệu đi sâu nghiên cứu việc xét xử các vụ án có bị cáo và nhân chứng trẻ em trong TTHS như một phần của thủ tục tố tụng pháp lý công bằng và chính đáng theo Điều 6 của Công ước Châu Âu về Nhân quyền.

Bài viết “Fairness to the Juvenile Offender” (Công bằng cho người phạm tội là NCTN) của Monrad G. Paulsen [121] phân tích các biện pháp mà tòa án có thể áp dụng để bảo vệ quyền của trẻ em trong TTHS. Tác giả nhấn mạnh rằng, một đứa trẻ, dù phạm tội hay liên quan đến bất kỳ tranh chấp pháp lý nào, đều có quyền hưởng các thủ tục tố tụng hợp pháp, bao gồm quyền được bào chữa, quyền được lắng nghe, và quyền được tiếp cận các biện pháp bảo vệ phù hợp với lứa tuổi. Bài viết cũng làm rõ rằng hệ thống tòa án dành riêng cho NCTN cần phải áp dụng các quy trình không chỉ mang tính công bằng mà còn phải thân thiện, hạn chế tối đa các tác động tiêu cực đến tâm lý và sự phát triển của trẻ. Cơ quan xét xử cần thực hiện các biện pháp đặc biệt, chẳng hạn như xét xử kín, tránh sự hiện diện của công chúng và truyền thông, đồng thời đảm bảo trẻ em có cơ hội được tham gia vào hoạt động tố tụng đúng và ý nghĩa mà không cảm thấy bị áp lực hoặc đe dọa. Ngoài ra, tác giả làm rõ hơn vai trò của các nhân tố hỗ trợ như người giám hộ, luật sư, và các chuyên gia tâm lý để giúp trẻ em hiểu và thực hiện quyền của mình trong các quy trình pháp lý. Bài viết kết luận rằng việc bảo vệ quyền của NCTN không chỉ là trách nhiệm pháp lý của tòa án, mà còn là một yếu tố thiết yếu để duy trì công bằng xã hội và bảo đảm sự phát triển lành mạnh cho thế hệ tương lai.

Các nghiên cứu nêu trên được tác giả tham khảo để làm rõ khung pháp luật quốc tế và kinh nghiệm của một số quốc gia về bảo đảm quyền xét xử công bằng của người dưới 18 tuổi. Ngoài ra, các công trình nghiên cứu đó cũng hữu ích cho nghiên cứu sinh trong việc so sánh, từ đó đánh giá khung pháp luật hiện hành của Việt Nam về quyền xét xử công bằng của người dưới 18 tuổi.

1.3. NHẬN XÉT CHUNG VỀ TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ LUẬN ÁN SẼ TIẾP TỤC GIẢI QUYẾT

1.3.1. Nhận xét chung về tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án

Trên cơ sở tổng quan các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước liên quan đến đề tài luận án, có thể rút ra những kết luận sau đây:

Thứ nhất, các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước, đã tổng hợp, phân tích, làm sáng tỏ được cơ sở lý luận về xét xử công bằng và quyền được xét xử công bằng, trong đó bao gồm khái niệm, vai trò, nội dung, các điều kiện và biện pháp bảo đảm. Những phân tích trên được luận án tham khảo để viết Chương 2. Mặc dù vậy, với nhiều vấn đề lý luận, quan điểm của các tác giả chưa hoàn toàn đồng nhất. Bên cạnh đó, về lý luận, như cơ chế và biện pháp bảo đảm quyền được xét xử công bằng, mới chỉ được các tác giả đề cập, phân tích ở mức độ khái quát, chưa đi sâu làm rõ những yêu cầu đặc thù trong bảo đảm quyền được xét xử công bằng ở mối quan hệ với việc bảo đảm các QCN khác trong TTHS.

Thứ hai, các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước cũng đã phân tích, luận giải nhiều vấn đề lý luận về quyền xét xử công bằng của bị cáo là NCTN trong TTHS, trong đó ở phương diện lý luận đã có một số nội dung được phân tích sâu và khá thuyết phục, như khái niệm, đặc trưng về bị cáo là NCTN; những dấu hiệu cơ bản của TTHS và sự tác động của nó đối với bị cáo là NCTN; các quyền và thủ tục tố tụng đặc thù về bảo đảm quyền được xét xử công bằng của bị cáo là NCTN trong TTHS. Những phân tích trên được luận án tham khảo để viết Chương 2. Mặc dù vậy, trong lý luận vẫn còn nội dung chưa thực sự được làm rõ, trong đó bao gồm những điều kiện tố tụng đặc biệt nhằm quyền được bảo đảm xét xử công bằng của người bị buộc tội dưới 18 tuổi trong hoạt động xét xử của TAND ở Việt Nam.

Thứ ba, các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước, đã tập hợp và phân tích cơ sở pháp lý quốc tế và Việt Nam đối với quyền được xét xử công

bằng của người bị buộc tội-bị cáo là NCTN trong TTHS. Những đánh giá trong các nghiên cứu này được luận án tham khảo để viết Chương 2. Mặc dù vậy, nghiên cứu về khung pháp luật Việt Nam về vấn đề này còn tương đối hạn chế, chủ yếu mới dừng lại ở các quyền nói chung của NCTN, chưa đi sâu phân tích quyền được xét xử công bằng của bị cáo là NCTN trong TTHS Việt Nam. Ngoài ra, hầu như chưa có nghiên cứu nào phân tích so sánh giữa pháp luật về quốc tế và Việt Nam đối với quyền được xét xử công bằng của bị cáo là NCTN trong TTHS.

Thứ tư, mới chỉ có một số nghiên cứu trong nước đi sâu phân tích, đánh giá thực trạng bảo đảm quyền được xét xử công bằng của người bị buộc tội-bị cáo là NCTN trong TTHS. Những đánh giá trong các nghiên cứu này được luận án tham khảo để viết Chương 3. Mặc dù vậy, mức độ phân tích còn tương đối đơn giản, chưa làm rõ được thực trạng bảo đảm quyền này trong mối quan hệ với các quyền khác của người bị buộc tội-bị cáo là NCTN trong TTHS. Bên cạnh đó, chưa có nghiên cứu chuyên sâu về quyền được bảo đảm xét xử công bằng của người bị buộc tội-bị cáo dưới 18 tuổi tại phiên tòa hình sự sơ thẩm ở Việt Nam.

1.3.2. Những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu trong luận án

Luận án sẽ kế thừa kết quả của các công trình nghiên cứu có liên quan đến đề tài theo từng chương (như đã nêu ở trên), đồng thời nghiên cứu đề củng cố, làm sâu sắc hơn về những khoảng trống chưa được làm rõ và bổ sung những vấn đề còn bỏ ngỏ. Tựu trung, những vấn đề mà nghiên cứu sinh cần tiếp tục thực hiện trong luận án này có thể khái quát như sau:

Thứ nhất, phân tích và làm sáng tỏ hơn những khía cạnh lý luận còn chưa thống nhất, phân tích bổ sung những khía cạnh chưa được đề cập, từ đó xây dựng cơ sở lý luận hoàn chỉnh về quyền được bảo đảm xét xử công bằng của người bị buộc tội dưới 18 tuổi tại phiên tòa hình sự sơ thẩm, đặc biệt là khái niệm, nội dung, các yếu tố ảnh hưởng, tác động và các điều kiện, cơ chế bảo đảm quyền được xét xử công bằng nói chung, quyền được xét xử công

bằng của người bị buộc tội-bị cáo dưới 18 tuổi tại phiên tòa hình sự sơ thẩm nói riêng.

Thứ hai, phân tích làm rõ hơn khung pháp luật về quốc tế bảo đảm quyền được xét xử công bằng của bị cáo là NCTN trong TTHS, đồng thời chỉ ra những yêu cầu với pháp luật Việt Nam trong vấn đề này. Bên cạnh đó, nghiên cứu cơ chế pháp lý quyền được bảo đảm xét xử công bằng của người bị buộc tội dưới 18 tuổi tại phiên tòa hình sự sơ thẩm của một số quốc gia khác để rút ra những giá trị tham khảo cho Việt Nam.

Thứ ba, phân tích lịch sử hình thành và phát triển của pháp luật Việt Nam có liên quan đến quyền được bảo đảm xét xử công bằng của người bị buộc tội dưới 18 tuổi tại phiên tòa hình sự từ trước đến nay; xác định những ưu điểm, hạn chế và phân tích nguyên nhân của ưu điểm, hạn chế trên cơ sở so sánh với các tiêu chuẩn pháp luật quốc tế, pháp luật của một số quốc gia khác và những nội dung đặt ra trong quá trình xây dựng NN PQ và bảo vệ QCN nói chung, quyền trẻ em nói riêng ở Việt Nam hiện nay.

Thứ tư, xác lập các quan điểm và đề xuất các giải pháp quyền được bảo đảm xét xử công bằng của người bị buộc tội dưới 18 tuổi tại phiên tòa hình sự sơ thẩm ở Việt Nam trong thời gian tới.

1.4. GIẢ THUYẾT KHOA HỌC, CÂU HỎI NGHIÊN CỨU CỦA LUẬN ÁN

1.4.1. Giả thuyết khoa học

Quyền được xét xử công bằng là một QCN quan trọng của người bị buộc tội dưới 18 tuổi trong TTHS, vì vậy được ghi nhận, bảo vệ cả trong pháp luật quốc tế và pháp luật Việt Nam. Ở Việt Nam, quyền được xét xử công bằng của người bị buộc tội-bị cáo dưới 18 tuổi trong TTHS đã được Nhà nước quan tâm trong những năm gần đây, tuy nhiên khung pháp luật về vấn đề này còn thiếu toàn diện, hiệu quả thực hiện trong thực tế còn hạn chế do nhiều nguyên nhân chủ quan, khách quan. Để khắc phục, cần đồng thời hoàn thiện khung pháp lý và cơ chế tổ chức thực thi pháp luật dựa trên một cách tiếp cận mà bao quát mọi yêu cầu cần thiết để bảo đảm quyền được xét xử công bằng

của bị cáo là người dưới 18 tuổi, trong đó những giải pháp then chốt bao gồm việc mở rộng phạm vi bao phủ của Tòa án Gia đình và NCTN đến cấp huyện và tăng cường trách nhiệm của không chỉ TAND, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, mà còn có Viện KSND, kiểm sát viên, người bào chữa-luật sư và các chủ thể khác tham gia thực hiện tư pháp với NCTN.

1.4.2. Câu hỏi nghiên cứu

Gắn kết với giả thuyết khoa học nêu trên, luận án cần giải quyết câu hỏi nghiên cứu chính đó là: *“Làm thế nào để bảo đảm quyền được xét xử công bằng của người bị buộc tội-bị cáo dưới 18 tuổi tại phiên tòa hình sự sơ thẩm cấp huyện ở Việt Nam?”*.

Bên cạnh câu hỏi chính nêu trên, luận án cũng cần giải quyết một số câu hỏi nghiên cứu cụ thể như sau:

- Quyền được bảo đảm xét xử công bằng của người bị buộc tội-bị cáo dưới 18 tuổi được hiểu như thế nào dưới góc độ pháp luật trên thế giới và ở Việt Nam? Đây là các yếu tố tác động, ảnh hưởng đến việc quyền được bảo đảm xét xử công bằng của người bị buộc tội dưới 18 tuổi trong TTHS? Pháp luật dưới góc độ quốc tế về QCN đặt ra những yêu cầu gì với việc quyền được bảo đảm xét xử công bằng của người bị buộc tội dưới 18 tuổi trong TTHS? Việt Nam có thể tham khảo những kinh nghiệm gì từ các nước khác trong quyền được bảo đảm xét xử công bằng của người bị buộc tội dưới 18 tuổi trong TTHS?

- Việc quyền được bảo đảm xét xử công bằng của người bị buộc tội dưới 18 tuổi tại phiên tòa hình sự sơ thẩm cấp huyện ở Việt Nam hiện nay như thế nào? Có những thuận lợi, thách thức gì trong việc này và xuất phát từ nguyên nhân gì?

- Giải pháp nào để quyền được bảo đảm xét xử công bằng của người bị buộc tội dưới 18 tuổi tại phiên tòa hình sự sơ thẩm cấp huyện ở Việt Nam?

Kết luận chương 1

Chương 1 đã rà soát, chọn lọc những nghiên cứu tiêu biểu trong và ngoài nước liên quan đến đề tài luận án, trong đó tập trung vào các vấn đề chủ yếu là: (i) Các vấn đề lý luận về quyền được xét xử công bằng của NCTN trong TTHS; (ii) Các vấn đề pháp lý quốc tế và Việt Nam quyền được xét xử công bằng của NCTN trong TTHS; (iii) Thực trạng pháp luật và thực hiện pháp luật Việt Nam về quyền được xét xử công bằng của NCTN trong TTHS.

Chương 1 đã đánh giá chung về tổng quan nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án, chỉ ra những khoảng trống (những vấn đề) mà luận án cần tiếp tục nghiên cứu theo hai mức độ chính: Những vấn đề chưa được đề cập trong các công trình nghiên cứu của các tác giả khác mà sẽ được luận án nghiên cứu bổ sung; Những vấn đề đã được các nghiên cứu của các tác giả khác phân tích nhưng còn thiếu toàn diện, cụ thể hoặc còn gây tranh luận mà sẽ được luận án nghiên cứu để hoàn thiện thêm. Dựa trên khoảng trống nghiên cứu được xác định, trong Chương 1, nghiên cứu sinh đã xây dựng giả thuyết khoa học và xác định những câu hỏi nghiên cứu của luận án để làm định hướng phân tích cho các chương tiếp theo.

Chương 2

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ BẢO ĐẢM QUYỀN ĐƯỢC XÉT XỬ CÔNG BẰNG CỦA BỊ CÁO LÀ NGƯỜI DƯỚI 18 TUỔI TẠI PHIÊN TÒA HÌNH SỰ

2.1. CƠ SỞ LÝ LUẬN CHUNG VỀ BẢO ĐẢM QUYỀN ĐƯỢC XÉT XỬ CÔNG BẰNG CỦA BỊ CÁO TRONG PHIÊN TÒA HÌNH SỰ

2.1.1. Khái niệm, vai trò của quyền được xét xử công bằng trong phiên tòa hình sự

2.1.1.1. *Khái niệm quyền được xét xử công bằng trong phiên tòa hình sự*

Để tìm hiểu về quyền được xét xử công bằng, đầu tiên cần đề cập đến QCN (*human rights*). QCN là những giá trị thiêng liêng, cao quý, kết tinh từ nhiều nền văn hóa, văn minh của các dân tộc trên thế giới. Trải qua quá trình đấu tranh của loài người nhằm cải tạo tự nhiên, cải tạo xã hội, cùng với sự phát triển của xã hội, tư tưởng về tự do, về bình đẳng, ý thức về QCN đã trở thành động lực to lớn trong các cuộc đấu tranh chống áp bức, bóc lột và bất công xã hội, và hiện đã trở thành những tiêu chuẩn phổ quát, được luật quốc tế về QCN bảo vệ, giới hạn trách nhiệm thực hiện của tất cả các quốc gia. QCN là một tập hợp gồm nhiều quyền trên nhiều lĩnh vực chính trị, dân sự, kinh tế, xã hội, văn hóa, trong đó quyền được xét xử công bằng là một trong những quyền của con người thuộc lĩnh vực dân sự, được thể hiện cụ thể dưới dạng một quyền của bị cáo trong TTHS.

Theo Liên Hợp quốc, các nhà nước có trách nhiệm chính trong việc bảo vệ, bảo đảm, thực hiện QCN; trong đó Tòa án có vai trò nổi bật [26, tr.295]. Điều đó là bởi ở mọi xã hội, Tòa án, thông qua đặc quyền xét xử những tranh chấp trong xã hội, là biểu tượng và “pháo đài” bảo vệ công lý, bảo vệ QCN của mọi cá nhân.

Theo Từ điển Luật học: “Xét xử được hiểu là hoạt động đặc trưng, là chức năng, nhiệm vụ của Tòa án. Các tòa án là những cơ quan duy nhất của

một nước được đảm nhiệm chức năng xét xử. Mọi bản án do các Tòa án tuyên đều phải qua xét xử tại các phiên tòa. Không một ai có thể bị buộc tội mà không qua xét xử của Tòa án và kết quả xét xử phải được công bố bằng bản án” [43, tr.576]. Trong TTHS, xét xử được xem là quá trình tạo ra quyết định pháp lý cuối cùng về một vụ án hình sự. Mục tiêu của việc xét xử vụ án hình sự là tìm ra sự thật và đưa ra một quyết định công bằng, hợp lý về việc bị cáo có phạm tội hay không và xác định hình phạt hoặc biện pháp trừng phạt phù hợp nếu cần thiết. Vì thế, xét xử công bằng là yêu cầu cốt yếu đặt ra đối với hoạt động của Tòa án nhằm bảo đảm công lý: “Tòa án bảo vệ công lý bởi bản chất của xét xử là hành trình đi tìm công bằng, công lý” [89, tr.5].

Ở khía cạnh ngôn ngữ, công bằng thể hiện qua thuật ngữ “*justice*” trong tiếng Anh, mà bắt nguồn từ thuật ngữ “*justitia*” trong tiếng La-tinh, có nghĩa là công lý, công bằng, theo luật định [31, tr.221]. *Justice* được sử dụng để nói đến chức năng xét xử của tòa án, như vậy, “xét xử” và “công bằng” luôn gắn liền với nhau, trong đó “xét xử công bằng” (“*fair trial*” hoặc “*fair hearing*” trong tiếng Anh) là một tiêu chuẩn để đánh giá công tác của tòa án, biểu hiện qua một quá trình xét xử công bằng, không ưu ái, thiên vị, theo đúng quy định pháp luật. Để xét xử công bằng, cần bảo đảm các quyền của bị cáo, bao gồm được suy đoán không có tội, quyền tham gia phiên tòa, quyền bào chữa, quyền được tiếp cận các chứng cứ, quyền có nhân chứng của mình và hỏi nhân chứng chống lại mình tại phiên tòa... Các quyền này bảo đảm rằng bị cáo sẽ không bị áp đặt bất kỳ hình phạt nào một cách bất công.

Trong tiếng Việt, “công bằng” đề cập đến việc đối xử với mọi chủ thể một cách bình đẳng, không thiên vị, theo đúng lẽ phải, trong mọi tình huống. Tổ hợp nghĩa của hai từ “xét xử” và “công bằng” trong tiếng Việt tạo nên ý nghĩa sâu sắc, gắn liền với nhau và đóng vai trò quan trọng trong hệ thống pháp luật để bảo đảm mỗi cá nhân đều được xem xét và giải quyết các vụ án một cách công bằng và theo quy định pháp luật. Nói cách khác, “xét xử công

bằng” là việc xem xét và giải quyết các vụ án một cách công tâm, đúng luật, không bị chi phối bởi những yếu tố cá nhân, chính trị hay áp lực từ bên ngoài.

Xét xử công bằng là nguyên tắc cơ bản của mọi hệ thống pháp luật trong lĩnh vực hình sự, nhằm bảo đảm rằng mọi người đều có quyền được tiếp cận công lý và được bảo vệ các QCN khi tham gia hoạt động tố tụng tư pháp. Xét xử công bằng là nghĩa vụ của Tòa án. Với tính chất là biểu tượng của công lý, Tòa án có trách nhiệm bảo đảm rằng mọi cá nhân và tổ chức đều được đối xử công bằng, theo đúng quy định pháp luật trong quá trình xét xử. Ngoài ra, Tòa án cũng có trách nhiệm bảo đảm rằng các phán quyết được đưa ra dựa trên bằng chứng và luật pháp, không bị chi phối bởi các yếu tố cá nhân, chính trị hoặc áp lực từ bên ngoài.

Nói tóm lại, xét xử và công bằng có mối quan hệ mật thiết với nhau, trong đó công bằng được coi là một trong những tính chất, thuộc tính quan trọng của quy trình xét xử tại các phiên toà hình sự. Xét xử công bằng là cách diễn đạt đầy đủ và chính xác về bản chất của hoạt động xét xử tại các phiên toà hình sự, nhằm bảo đảm quyền lợi của tất cả các bên tham gia vào quá trình này. Mối quan hệ giữa xét xử và công bằng thể hiện cụ thể như sau:

(i) Công bằng là mục tiêu của xét xử: Mục tiêu chính của xét xử là đem lại sự không thiên vị, ưu ái và trên nền tảng công lý trong việc giải quyết các tranh chấp và xử lý các vụ án. Xét xử công bằng bảo đảm rằng mọi người đều được đối xử như nhau, bình đẳng, không ưu ái, thiên vị và theo đúng pháp luật.

(ii) Công bằng là một tiêu chuẩn để đánh giá hoạt động xét xử. Khi việc xét xử được xem là công bằng, nghĩa là quá trình xét xử đã đáp ứng các tiêu chuẩn về tính minh bạch, không thiên vị và tuân thủ pháp luật.

(iii) Công bằng là quyền cơ bản của cá nhân khi tham gia các phiên toà hình sự: Công bằng là một quyền cơ bản và quan trọng của con người khi tham gia TTTHS nói chung, các phiên toà hình sự nói riêng. Điều này

được bảo đảm trong các cam kết quốc tế về QCN, trong đó nêu rằng, tất cả mọi người đều có quyền được đối xử bình đẳng, không thiên vị, ưu ái (công bằng) và trên cơ sở các quy định của pháp luật khi tham gia vào các quá trình tố tụng tư pháp.

(iv) Công bằng là nền tảng của hệ thống pháp luật: Công bằng đóng vai trò quan trọng trong việc xây dựng và duy trì hệ thống pháp luật đáng tin cậy. Một hệ thống pháp luật công bằng giúp tạo ra niềm tin và tôn trọng của công chúng đối với Tòa án và các cơ quan trong bộ máy nhà nước khác.

Xét xử công bằng hàm ý đầu tiên về việc đối xử bình đẳng, không thiên vị giữa các bên trong quá trình tham gia phiên tòa hình sự. Điều này đã được xác nhận trong phiên tòa xét xử cựu tổng thống Nam Tư (cũ) Slobodan Milošević, trong Thẩm phán Shahabuddeen đã nêu lên ý kiến: “Sự công bằng của một phiên tòa thể hiện qua nhiều vấn đề trong đó bao gồm việc bị cáo có cơ hội bình đẳng để phản bác những cáo buộc chống lại anh ta” [120]. Như vậy, sự bình đẳng giữa các bên trong xét xử, đặc biệt, trong việc tranh tụng giữa các bên tại Tòa án, là một trong những yêu cầu quan trọng của việc xét xử công bằng. Khi nói tới bình đẳng, cho thấy chúng đóng vai trò quan trọng trong việc bảo đảm quyền tự vệ và quyền bào chữa của bị cáo, đồng thời tạo ra môi trường xét xử không thiên vị [106, tr.223-224]. Tuy nhiên, còn có nhiều yêu cầu khác để bảo đảm việc xét xử công bằng của Tòa án. Theo tinh thần của Điều 14 ICCPR, các yêu cầu cơ bản trong việc này bao gồm [106, tr.223-224]:

Thứ nhất, tính độc lập của Tòa án: Tòa án phải có thẩm quyền độc lập trong xét xử, như vậy mới có thể xét xử một cách vô tư, chỉ tuân theo pháp luật.

Thứ hai, xét xử công khai: Phiên tòa phải được tổ chức công khai và phán quyết phải được công bố cho công chúng biết. Điều này là để các bên tham gia tố tụng và công chúng có thể giám sát việc xét xử, qua đó ngăn ngừa những đối xử bất công của Thẩm phán.

Thứ ba, bảo đảm suy đoán/giả định vô tội: Người bị buộc tội phải được coi là không có tội cho đến khi tội của họ được các chủ thể khác nhau chứng minh trong phiên tòa. Điều này là để ngăn ngừa những định kiến dẫn đến các phán quyết bất công cho bị cáo.

Thứ tư, chủ thể bị buộc tội phải được thông báo về cáo buộc chống lại họ một cách nhanh chóng, chi tiết, bằng ngôn ngữ mà họ hiểu được: Điều này là để bảo đảm họ có thể tự bào chữa hoặc nhờ người bào chữa cho mình một cách hiệu quả.

Thứ năm, thời gian và phương tiện để chuẩn bị bào chữa: Người bị buộc tội cần phải được bảo đảm có thời gian và phương tiện thích hợp để thực hiện các công việc chuẩn bị bào chữa, như liên hệ, tiếp xúc với người bào chữa mà họ có quyền lựa chọn.

Thứ sáu, xét xử không bị trì hoãn bất hợp lý: không vì lý do bất hợp lý nào mà người bị buộc tội bị trì hoãn xét xử, phải được xét xử kịp thời, nhanh chóng.

Thứ bảy, quyền có luật sư: Người bị buộc tội được quyền tham gia xét xử, được tự mình bào chữa cho mình hoặc được quyền nhờ, thuê người khác bào chữa, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho mình.

Thứ tám, quyền có nhân chứng và kiểm tra lời khai nhân chứng: Người bị buộc tội có quyền có người làm chứng chứng của mình trước tòa, quyền kiểm tra lời khai của người làm-nhân chứng chống lại mình.

Thứ chín, quyền trợ giúp phiên dịch: Nếu người bị buộc tội không hiểu hoặc nói được ngôn ngữ được sử dụng ở phiên tòa thì có quyền được trợ giúp phiên dịch miễn phí.

Thứ mười, quyền không phải khai báo chống lại chính mình: Người bị buộc tội có quyền im lặng, không phải tự nhận tội hoặc khai báo bất lợi cho mình.

Thứ mười một, không bị xét xử hai lần vì một tội phạm: Người bị buộc tội không bị xét xử hai lần vì cùng một tội phạm, dù ở các tòa án khác nhau.

Đối với phiên tòa hình sự sơ thẩm cấp huyện, có thể hiểu, *phiên tòa hình sự sơ thẩm cấp huyện là phiên tòa do TAND dưới cấp tỉnh xét xử, chỉ diễn ra khi trước đó Tòa án đã quyết định đưa vụ án ra xét xử và kéo dài từ khi khai mạc đến khi kết thúc phiên tòa, để tiến hành hoạt động xét xử sơ thẩm đối với những vụ án hình sự về loại tội phạm ít nghiêm trọng, loại tội phạm nghiêm trọng và loại tội phạm rất nghiêm trọng, trừ trường hợp tội phạm mà theo pháp luật TTHS thuộc thẩm quyền của TAND cấp tỉnh.*

Tóm lại, từ những phân tích trên, có thể định nghĩa: *Quyền được xét xử công bằng trong phiên tòa hình sự là một trong những quyền cơ bản của con người, được bảo vệ bởi các quy định của luật pháp quốc tế và quốc gia, nhằm bảo đảm rằng mọi người khi tham gia vào phiên tòa hình sự đều được đối xử bình đẳng, không ưu ái, thiên vị và theo đúng pháp luật. Bảo đảm quyền được xét xử công bằng trong phiên tòa hình sự là nghĩa vụ của Tòa án và đặt ra nhiều yêu cầu với tổ chức và hoạt động của Tòa án nói riêng cũng như với hệ thống TTHS nói chung của các quốc gia.*

2.1.1.2. Vai trò của quyền được xét xử công bằng trong phiên tòa hình sự

Quyền được xét xử công bằng đóng vai trò chủ chốt trong việc bảo vệ các quyền và tự do cá nhân, đặc biệt là của bị cáo trong TTHS nói chung, trong các phiên tòa hình sự nói riêng.

Thứ nhất, bảo vệ các quyền của người bị buộc tội-bị cáo, đặc biệt là quyền suy đoán không có tội. Quyền được xét xử công bằng bảo đảm rằng bị cáo được coi là vô tội cho đến khi có bằng chứng cụ thể chứng minh bị cáo có tội. Bị cáo cũng có quyền được bào chữa bình đẳng, không thiên vị với bên buộc tội, qua đó bảo đảm bị cáo có cơ hội bảo vệ quyền tự do và lợi ích của mình trước tòa án.

Trong lĩnh vực pháp luật TTHS của hầu hết quốc gia, trong đó có Việt Nam, nguyên tắc suy đoán vô tội được thừa nhận, theo đó, người bị buộc tội

được coi là không có tội cho đến khi xác định hành vi phạm tội của họ được chứng minh trên cơ sở trình tự, thủ tục do pháp luật quy định và cho đến khi có bản án kết tội của cơ quan Tòa án đã có hiệu lực pháp luật. Khi không đủ các căn cứ và không thể làm sáng tỏ các căn cứ để buộc tội, kết tội bị cáo theo trình tự, thủ tục luật định thì Tòa án phải kết luận người bị buộc tội không có tội [63]. Đồng thời, pháp luật TTHS của hầu hết quốc gia, trong đó có Việt Nam, cũng quy định, bị cáo có quyền tự bào chữa hoặc nhờ người bào chữa cho mình [63]. Quy định về được nhờ người bào chữa cho mình có ý nghĩa rất quan trọng đối với người bị buộc tội dưới 18 tuổi hoặc bị cáo thuộc một số nhóm dễ bị tổn thương khác (người khuyết tật, người thiểu số, người nước ngoài...) do những nhóm bị cáo này khó hoặc không thể tự bào chữa cho mình một cách hiệu quả.

Thứ hai, bảo đảm tính công minh và đáng tin cậy của quy trình xét xử. Việc bảo đảm tính công minh và đáng tin cậy của quá trình xét xử tại các phiên toà hình sự cần có yếu tố đóng vai trò quan trọng là quyền được xét xử công bằng. Việc xét xử công bằng bảo đảm rằng phán quyết của tòa án được đặt ra dựa trên bằng chứng và luật pháp, không dựa vào các yếu tố cá nhân hay chính trị, do đó được các bên liên quan “tâm phục, khẩu phục”. Xét xử công bằng tạo niềm tin và bảo đảm sự tôn trọng của mọi chủ thể trong xã hội đối với hệ thống công lý nơi Tòa án. Khi tạo dựng được sự tin tưởng vào tính công minh của quá trình xét xử, các chủ thể trong xã hội sẽ có lòng tin vào hệ thống công lý tại Tòa án và tự nguyện tuân thủ các quyết định của Tòa án.

Dù vậy, vai trò độc lập của Tòa án và Thẩm phán trong xét xử đặt ra yêu cầu cần phải được bảo đảm. Khi tiến hành hoạt động xét xử, các Thẩm phán độc lập và chỉ tuân theo pháp luật, không ai được can thiệp vào công việc xét xử của Thẩm phán và Tòa án, phán quyết của Tòa án có hiệu lực bắt buộc với mọi chủ thể trong xã hội. Để bảo đảm nguyên tắc độc lập trong xét xử, cần có nhiều điều kiện, trong đó có việc tổ chức mô hình Tòa án theo cấp xét xử trên tinh thần của nguyên tắc hai cấp xét xử; mỗi Tòa án là một cấp xét

xử độc lập với Tòa án cấp trên. Bên cạnh đó, phải có một hệ thống pháp luật nội dung và pháp luật tố tụng hoàn chỉnh; các thiết chế tư pháp hỗ trợ phải đủ mạnh để giúp cho cơ quan Tòa án thực hiện tốt chức năng xét xử; các điều kiện về cơ sở vật chất - kỹ thuật cho Tòa án hoạt động phải đầy đủ, hiện đại.

Thứ ba, ngăn ngừa sự lạm dụng quyền lực. Quyền được xét xử công bằng ngăn ngừa các cơ quan, tổ chức, cá nhân lạm dụng quyền lực được giao để can dự một cách trái pháp luật vào quá trình xét xử tại các phiên tòa hình sự. Chủ thể lạm dụng quyền lực có thể là mọi cơ quan, tổ chức, cá nhân trong bộ máy công quyền, bao gồm cả các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong hệ thống Tòa án. Việc ngăn ngừa sự lạm dụng quyền lực giúp bảo đảm rằng không ai có thể bị trừng phạt một cách bất công bởi Tòa án.

Thứ tư, bảo vệ quyền của nạn nhân (bị hại). Đối với quyền được xét xử công bằng không chỉ áp dụng cho bị cáo mà còn với nạn nhân (người bị hại) trong các phiên tòa hình sự. Nạn nhân có quyền tham gia vào quá trình xét xử của Tòa án, được đối xử một cách không thiên vị, công bằng và được bảo đảm các quyền lợi hợp pháp khác trong hoạt động xét xử của Tòa án. Cụ thể, nạn nhân có quyền tham gia trong xét xử và thể hiện ý kiến, chính kiến của mình, đặc biệt là trong việc xác định hình phạt cho bị cáo. Các quyền lợi và quan điểm của nạn nhân cần phải được Tòa án xem xét trong quá trình tuyên án. Ngoài ra, nạn nhân cũng có quyền tiếp cận thông tin và các bằng chứng liên quan đến vụ án nhằm giúp họ có thể hiểu rõ tình hình và cung cấp những ý kiến, thông tin hữu ích cho quá trình xét xử. Nạn nhân cũng có quyền được bảo vệ an toàn và sự riêng tư, qua đó giúp giảm thiểu cảm giác bị đe dọa và lo lắng của nạn nhân trong quá trình xét xử.

Tóm lại, quyền được xét xử công bằng có vai trò đặc biệt quan trọng trong TTHS nói chung, trong các phiên tòa hình sự nói riêng, thể hiện qua việc bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị cáo và các chủ thể khác tham gia vào hoạt động xét xử, bảo đảm tính công minh và tin cậy của quá trình xét xử, bảo vệ lẽ phải, công lý và niềm tin vào hoạt động của hệ thống Tòa án.

2.1.2. Khái niệm bảo đảm quyền được xét xử công bằng trong phiên toà hình sự

Động từ “bảo đảm” trong tiếng Anh là “assure”, tiếng Pháp là “assurer” đều có chung ý nghĩa là các điều kiện để thực hiện hay giữ gìn được một điều gì đó. Theo Từ điển tiếng Việt, “bảo đảm” có thể hiểu là “hành động hoặc quy trình khiến cho một điều gì đó sẽ xảy ra hoặc được thực hiện một cách đáng tin cậy, an toàn, và đúng đắn” [46]. Nhìn chung, khái niệm bảo đảm có thể mang những ý nghĩa khác biệt trong những ngữ cảnh khác nhau, tuy nhiên đều hàm ý các biện pháp gắn với chất lượng, hiệu suất hay việc tuân thủ các quy định, tiêu chuẩn, quy trình.

Khái niệm “bảo đảm” có điểm chung nhưng không đồng nhất với các khái niệm “bảo vệ” hay “bảo hộ”. Cụ thể, thuật ngữ “bảo vệ” thường đề cập đến việc ngăn chặn, phòng ngừa, không để xảy ra một việc tiêu cực gì đó, thuật ngữ “bảo hộ” hàm ý việc che chở một cá nhân hay việc gì đó trước nguy cơ bị gây tổn hại. Trong khi đó, thuật ngữ “bảo đảm” hàm ý những điều kiện để một cá nhân, cơ quan hay tổ chức thực hiện được một việc gì đó cần thiết. Theo nghĩa đó, *bảo đảm quyền được xét xử công bằng trong phiên toà hình sự* là việc Nhà nước tạo các điều kiện cần thiết để bị cáo và các chủ thể khác khi tham gia vào phiên toà hình sự được Tòa án đối xử không thiên vị, bình đẳng và theo đúng quy định pháp luật trong quá trình xét xử vụ án.

Bảo đảm quyền được xét xử công bằng trong phiên toà hình sự được xác định là yêu cầu quan trọng bảo đảm QCN nói chung trong hoạt động tư pháp, vì thế cần đặt nó trong mối quan hệ mật thiết với việc bảo đảm các QCN khác trong TTHS. Nhìn từ góc độ khác, bảo đảm quyền được xét xử công bằng trong phiên toà hình sự còn là bảo đảm của tính dân chủ và hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả trong tổ chức, hoạt động của hệ thống tòa án.

Để quyền được xét xử công bằng được bảo đảm trong phiên toà hình sự, Nhà nước cần tạo các điều kiện cần thiết để Tòa án và Thẩm phán có thể

xét xử một cách độc lập, vô tư, không thiên kiến, chỉ tuân theo pháp luật, không chịu sự can thiệp, chi phối tùy tiện, trái pháp luật của bất kỳ chủ thể nào. Bên cạnh đó, Nhà nước cũng cần hoàn thiện khung pháp luật TTTHS để phản ánh đầy đủ và chính xác các nguyên tắc được nêu trong Điều 14 ICCPR (đã đề cập ở mục trên), trong đó bao gồm: Sự bình đẳng trước tòa án; xét xử minh bạch, công khai (trừ một số trường hợp đặc biệt có thể xét xử kín nhưng bản án vẫn phải công khai); suy đoán không có tội; những bảo đảm tối thiểu về việc tổng đạt cáo trạng, bào chữa, thời hạn xét xử, tham gia phiên tòa, trợ giúp pháp lý, tranh tụng và thẩm vấn nhân chứng, phiên dịch, quyền im lặng, kháng cáo và quyền yêu cầu được bồi thường nếu bị oan sai.

2.1.3. Điều kiện bảo đảm quyền được xét xử công bằng trong phiên tòa hình sự

Việc bảo đảm quyền được xét xử công bằng trong TTTHS nói chung, trong phiên tòa hình sự nói riêng, chịu sự ảnh hưởng, tác động của nhiều yếu tố (điều kiện), trong đó bao gồm:

Thứ nhất, điều kiện bảo đảm về pháp lý

Điều kiện này là một trong những yếu tố quan trọng nhất ảnh hưởng đến việc bảo đảm quyền xét xử công bằng (XXCB) trong phiên tòa hình sự. Trong hệ thống tư pháp, các quy định pháp luật không chỉ cung cấp cơ sở pháp lý mà còn thiết lập quy trình cụ thể cho quá trình tố tụng, bảo đảm rằng mọi bị cáo đều được đối xử công bằng và hưởng các quyền lợi pháp lý đầy đủ. Những quy định này đóng vai trò là nền tảng để xác định cách thức cơ quan tiến hành tố tụng triển khai thực hiện chức trách, nhiệm vụ của mình và bảo đảm rằng quyền lợi của chủ thể có liên quan được tôn trọng trong quá trình xét xử tại phiên tòa.

Yếu tố then chốt được xác định trong điều kiện bảo đảm về pháp lý là sự rõ ràng và minh bạch của các quy định pháp luật. Khi pháp luật được soạn thảo một cách cụ thể và dễ hiểu, nó sẽ giúp các bên liên quan, đặc biệt là bị

cáo và luật sư của họ, dễ dàng nắm bắt các quy trình tố tụng cũng như quyền lợi của mình. Chẳng hạn, các quy định về quyền được bào chữa, quyền im lặng hoặc quyền được tiếp cận thông tin vụ án cần phải được trình bày rõ ràng và chi tiết. Nếu các quy định này không rõ ràng hoặc mơ hồ, sẽ dễ dẫn đến hiểu lầm và tranh cãi trong quá trình tố tụng, làm suy giảm tính công bằng và minh bạch của hệ thống tư pháp.

Ngoài ra, sự rõ ràng trong quy định pháp luật không chỉ giúp bảo vệ quyền lợi của bị cáo mà còn ngăn chặn sự lạm quyền từ phía các chủ thể tiến hành tố tụng. Khi pháp luật không minh bạch, nguy cơ áp dụng các quy định pháp luật tùy tiện hoặc sai lệch sẽ gia tăng hậu quả nghiêm trọng, khó lường như vi phạm QCN hoặc xét xử oan sai. Một số ví dụ thực tế từ các vụ án oan sai tại Việt Nam và trên thế giới cho thấy rằng, các thiếu sót trong quy trình tố tụng, cùng với sự mơ hồ trong quy định pháp luật, là những nguyên nhân trực tiếp dẫn đến những hậu quả đáng tiếc này.

Bên cạnh đó, việc xây dựng các quy định pháp luật cần bảo đảm phù hợp với các cam kết quốc tế đối với quyền xét xử công bằng, chẳng hạn như những nguyên tắc được nêu trong Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị (ICCPR). Các nguyên tắc quốc tế như “suy đoán vô tội,” “quyền được xét xử công khai” hay “quyền được tiếp cận luật sư” không chỉ mang tính phổ quát mà còn là chuẩn mực để bảo đảm tính công bằng và nhân văn trong hệ thống tư pháp. Việc nội luật hóa các nguyên tắc này sẽ không chỉ giúp nâng cao hiệu quả bảo vệ quyền của bị cáo mà còn củng cố, tạo dựng niềm tin của người dân vào hệ thống pháp luật.

Cuối cùng, một hệ thống pháp luật không chỉ cần rõ ràng và minh bạch mà còn phải xây dựng cơ chế tổ chức thực thi hiệu quả. Điều này bao gồm việc bảo đảm trách nhiệm giải trình của các chủ thể thực hiện hoạt động tố tụng, áp dụng các chế tài đối với hành vi vi phạm quyền của bị cáo và tạo điều kiện để người dân có thể tiếp cận hệ thống tư pháp một cách công bằng. Sự

kết hợp giữa các quy định pháp luật chặt chẽ và cơ chế thực thi minh bạch sẽ tạo nên một môi trường pháp lý đáng tin cậy, qua đó bảo đảm quyền xét xử công bằng một cách hiệu quả và toàn diện.

Thứ hai, điều kiện về sự độc lập của Tòa án và Thẩm phán trong hoạt động xét xử

Sự độc lập trong xét xử của Tòa án và Thẩm phán đóng vai trò nền tảng trong việc bảo đảm quyền xét xử công bằng trong các phiên toà hình sự. Sự độc lập này giúp bảo đảm rằng các phán quyết của Tòa án được đưa ra dựa trên căn cứ pháp lý và bằng chứng, không chịu sự can thiệp hoặc áp lực từ bất kỳ tổ chức, cá nhân, hay lợi ích nào khác. Đây không chỉ là yêu cầu mang tính nguyên tắc mà còn là một điều kiện cần thiết trong bảo vệ quyền lợi của bị cáo, bảo đảm thực thi công lý một cách khách quan, vô tư.

Khi Tòa án và Thẩm phán xét xử độc lập, các phán quyết của Tòa án trở nên đáng tin cậy vì chúng phản ánh đúng tính khách quan, bản chất pháp lý của vụ án và các chứng cứ liên quan. Điều này giúp bảo vệ bị cáo khỏi nguy cơ bị kết án oan sai hoặc bị xét xử không công bằng do áp lực từ bên ngoài. Việc Thẩm phán xét xử độc lập không chỉ có tác dụng giải quyết các tranh chấp pháp lý mà còn có ý nghĩa bảo vệ QCN và pháp quyền. Ngược lại, nếu Tòa án và thẩm phán không được độc lập trong xét xử, sẽ có thể ra các phán quyết thiên vị, sai lệch.

Tính độc lập của Tòa án và Thẩm phán trong xét xử không chỉ bảo vệ quyền, lợi ích của bị cáo mà còn duy trì lòng tin của công chúng vào vị thế, vai trò của Tòa án trong việc bảo vệ công lý. Khi Tòa án và Thẩm phán đưa ra các phán quyết công bằng, dựa trên luật pháp và bằng chứng, công chúng sẽ tôn trọng và tuân thủ các quyết định của Tòa án và Thẩm phán, qua đó củng cố trật tự xã hội và sự ổn định của hệ thống pháp luật. Ngược lại, nếu Tòa án và Thẩm phán bị nghi ngờ về tính công bằng, sự tín nhiệm của công chúng sẽ bị xói mòn. Điều này có thể dẫn đến tình trạng coi thường pháp luật, không tuân thủ các phán quyết, thậm chí gây ra sự bất ổn và xung đột xã hội.

Một yếu tố quan trọng để bảo đảm tính độc lập trong xét xử của Tòa án và Thẩm phán là mô hình tổ chức và chức năng, nhiệm vụ (hoạt động) của hệ thống tòa án. Các quy định pháp luật cần bảo đảm rằng Thẩm phán được bổ nhiệm, đào tạo, và đánh giá vụ án một cách minh bạch, khách quan. Thẩm phán cần được bảo vệ khỏi các áp lực chính trị, kinh tế, hoặc xã hội, đồng thời có quyền từ chối những yêu cầu hay hành vi can thiệp trái pháp luật vào quá trình xét xử. Ngoài ra, việc bảo đảm độc lập tài chính và tổ chức của Tòa án cũng đóng vai trò then chốt trong việc duy trì tính khách quan và công bằng trong hoạt động xét xử.

Bên cạnh đó, việc xây dựng văn hóa pháp lý tôn trọng tính độc lập của Tòa án và Thẩm phán trong xét xử cũng rất quan trọng. Công chúng, các cơ quan hành pháp, lập pháp và các bên liên quan khác cần nhận thức rõ rằng việc can thiệp vào hoạt động xét xử không chỉ vi phạm pháp luật mà còn làm tổn hại đến toàn bộ hệ thống tư pháp. Một nền tư pháp chỉ thực sự công bằng và hiệu quả khi Tòa án và Thẩm phán có thể thực hiện nhiệm vụ của mình một cách độc lập, dựa trên sự thật và luật pháp.

Tóm lại, tính độc lập của Tòa án và Thẩm phán trong xét xử là nền tảng của một hệ thống tư pháp công bằng và hiệu quả. Điều kiện này không chỉ bảo vệ quyền lợi của các bị cáo mà còn góp phần duy trì lòng tin của công chúng vào hệ thống tư pháp, bảo đảm sự ổn định và trật tự xã hội.

Thứ ba, điều kiện chính trị

Quan điểm, chủ trương, đường lối của đảng cầm quyền có tác động trực tiếp và quan trọng đến việc bảo đảm các QCN nói chung, quyền được xét xử công bằng nói riêng trong phiên tòa hình sự. Nếu đảng cầm quyền có quan điểm tiến bộ và đường lối lãnh đạo đúng đắn về QCN thì các QCN nói chung quyền được xét xử công bằng nói riêng sẽ được bảo đảm trong phiên tòa hình sự. Trường hợp ngược lại, việc bảo đảm các QCN, gồm quyền được xét xử công bằng trong phiên tòa hình sự sẽ gặp trở ngại, kể cả khi các quyền đó đã được Hiến định và chi thể hóa trong hệ thống pháp luật quốc gia.

Thứ tư, điều kiện văn hóa - xã hội.

Quan điểm về công bằng và công lý không phải lúc nào cũng đồng nhất giữa các nền văn hóa, mà thường phản ánh các giá trị, truyền thống, và chuẩn mực xã hội đặc thù của từng cộng đồng. Ở một số nền văn hóa, các yếu tố truyền thống hoặc định kiến xã hội có thể tác động đến cách thức mà hệ thống tư pháp hoạt động, cũng như cách mà công chúng đánh giá quá trình xét xử. Điều này có thể dẫn đến việc các quyền lợi chính đáng của bị cáo, bao gồm quyền được đối xử công bằng, bị xem nhẹ hoặc không được bảo đảm đầy đủ trong các phiên tòa hình sự.

Một số giá trị văn hóa truyền thống có thể tạo ra áp lực lên quá trình xét xử tại các phiên tòa hình sự, khiến các phán quyết của cơ quan Tòa án bị ảnh hưởng trước các yếu tố bên ngoài pháp luật. Ví dụ, trong một số cộng đồng, những quan niệm như “trọng danh dự gia đình” hoặc “bảo vệ uy tín cộng đồng” có thể dẫn đến các phán quyết mang tính cảm tính hơn là dựa trên chứng cứ và luật pháp. Các yếu tố như định kiến giới tính, phân biệt dân tộc, hay sự kỳ thị xã hội đối với các nhóm yếu thế cũng có thể ảnh hưởng tiêu cực đến quá trình xét xử, làm suy giảm tính công bằng của các phán quyết trong các phiên tòa hình sự.

Bên cạnh đó, mức độ hiểu biết pháp luật và ý thức pháp lý của cộng đồng cũng có vai trò rất quan trọng trong việc xét xử công bằng của bị cáo trong các phiên tòa hình sự. Khi người dân không có đủ kiến thức về quy trình TTTHS và quyền lợi pháp lý của mình, họ có thể gặp khó khăn trong việc tự bảo vệ hoặc tận dụng các công cụ pháp lý để bảo vệ quyền lợi của mình. Điều này không chỉ ảnh hưởng đến các bị cáo mà còn làm gia tăng nguy cơ xảy ra oan sai hoặc vi phạm quy trình tố tụng trong các phiên tòa hình sự. Ví dụ, ở nhiều nơi, người dân không hiểu rõ quyền được bào chữa, quyền im lặng, hoặc quyền yêu cầu sự hỗ trợ pháp lý từ luật sư, dẫn đến việc họ không thể sử dụng hiệu quả các quyền này để bảo vệ mình trước Tòa án.

Ngoài ra, niềm tin của cộng đồng vào hệ thống tư pháp cũng là một khía cạnh quan trọng của điều kiện văn hóa - xã hội. Ở những nơi mà công chúng thiếu niềm tin vào sự công bằng và minh bạch của Tòa án, sự hợp tác giữa các bên liên quan trong quá trình tố tụng nói chung, trong các phiên tòa hình sự nói riêng, sẽ bị suy giảm. Khi đó, không chỉ quyền lợi của bị cáo bị ảnh hưởng mà toàn bộ hệ thống tư pháp cũng đối mặt với nguy cơ mất uy tín, gây ra sự bất ổn và xung đột xã hội. Việc nâng cao hiểu biết pháp luật cho cộng đồng và thúc đẩy sự tin tưởng vào hệ thống tư pháp là những bước quan trọng để bảo đảm rằng quyền xét xử công bằng được thực thi một cách hiệu quả trong các phiên tòa hình sự.

Tóm lại, điều kiện văn hóa - xã hội không chỉ tác động đến cách thức mà hệ thống tư pháp vận hành mà còn ảnh hưởng trực tiếp đến quyền được xét xử công bằng của bị cáo trong các phiên tòa hình sự. Để bảo đảm quyền này, cần có các biện pháp giáo dục pháp luật cho cộng đồng, giảm thiểu các định kiến và tác động tiêu cực từ các giá trị văn hóa truyền thống, đồng thời củng cố niềm tin của công chúng vào hệ thống tư pháp. Một hệ thống tư pháp công bằng và hiệu quả không chỉ dựa trên các yếu tố pháp lý và tổ chức, mà còn cần sự hỗ trợ từ một môi trường văn hóa - xã hội tiến bộ và tôn trọng pháp quyền. Vì vậy, để bảo đảm quyền xét xử công bằng trong TTHS nói chung, trong các phiên tòa hình sự nói riêng, cũng cần chú ý đến việc giáo dục, tuyên truyền về QCN, bao gồm quyền xét xử công bằng, cho công chúng và cho bộ máy công quyền, bao gồm cả hệ thống Tòa án.

2.2. KHÁI NIỆM, ĐẶC ĐIỂM, Ý NGHĨA CỦA VIỆC BẢO ĐẢM QUYỀN ĐƯỢC XÉT XỬ CÔNG BẰNG CỦA NGƯỜI BỊ BUỘC TỘI DƯỚI 18 TUỔI TẠI PHIÊN TÒA HÌNH SỰ

2.2.1. Khái niệm bị cáo là người dưới 18 tuổi

“Bị cáo” là một thuật ngữ trong lĩnh vực TTHS, được sử dụng phổ biến trên thế giới. Khái niệm bị cáo trong tiếng Anh là “defendant”, hàm ý một cá nhân bị cáo buộc phạm tội và phải ra trước tòa để xét xử về cáo buộc đó.

Ở Việt Nam, theo khoản 1 Điều 61 BLTTHS năm 2015, “bị cáo” là “người hoặc pháp nhân đã bị Tòa án quyết định đưa ra xét xử” [63]. Bị cáo tham gia vào quá trình tố tụng từ khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử của Thẩm phán được phân công chủ tọa phiên tòa [63]. Với quyết định này, tư cách bị can chấm dứt và từ khi đó tư cách bị cáo xuất hiện, gắn với những quyền và nghĩa vụ nhất định. Khái niệm bị cáo chỉ hàm ý một người đã bị buộc tội mà không có nghĩa người đó đã có tội. Nguyên tắc “Người bị buộc tội được coi là không có tội cho đến khi được chứng minh theo trình tự, thủ tục luật định và có bản án kết tội của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật” (quy định tại Điều 13 BLTTHS năm 2015) [63] là một nguyên tắc có tính nền tảng không chỉ ở Việt Nam mà còn trong TTHS của hầu hết quốc gia. Với nguyên tắc này, cơ quan tiến hành tố tụng phải tuân thủ những quy định và quy trình pháp luật để xác định sự thật khách quan và toàn vẹn của vụ án. Bị cáo có quyền được bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của mình trong quá trình tố tụng tại phiên tòa hình sự một cách bình đẳng với bên buộc tội. Những điều này bảo đảm rằng bị cáo không bị đối xử định kiến như với những người đã phạm tội, và có cơ hội để giải thích, bảo vệ và đưa ra bằng chứng chứng minh sự vô tội của mình.

Như đã đề cập ở Chương 1, khái niệm “người dưới 18 tuổi” cơ bản đồng nhất với khái niệm “trẻ em” và NCTN trong luật quốc tế về QCN. Như vậy, suy rộng ra, thuật ngữ “bị cáo là người dưới 18 tuổi” cũng tương đương với thuật ngữ “bị cáo là NCTN”, hoặc “bị cáo là trẻ em” được sử dụng trong luật quốc tế về QCN. Vì vậy, trong luận án này, NCS đôi khi sử dụng các thuật ngữ “bị cáo là NCTN” và “bị cáo là trẻ em” để thay thế cho thuật ngữ chính là “bị cáo là người dưới 18 tuổi”.

Cũng cần thấy rằng trong thực tế, pháp luật TTHS Việt Nam hiện chưa có khái niệm “bị cáo là người dưới 18 tuổi”, mà chỉ có khái niệm gần tương đương là “người dưới 18 tuổi phạm tội” (mà lần đầu tiên được nêu trong

BLHS năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) để thay thế cho thuật ngữ “người chưa thành niên phạm tội”). Mặc dù xét từ góc độ quốc tế về QCN, hai thuật ngữ “người dưới 18 tuổi phạm tội” và “người chưa thành niên phạm tội” có thể xem là tương đương, song ở Việt Nam, thuật ngữ “người dưới 18 tuổi phạm tội” dễ hiểu và có tính chuyên môn cao hơn, phù hợp với cách tiếp cận dùng độ tuổi để xác định năng lực chịu trách nhiệm hình sự ở Việt Nam. Thêm vào đó, trong bối cảnh định nghĩa về trẻ em trong pháp luật Việt Nam (cụ thể là trong Điều 1 Luật Trẻ em năm 2016) là “người dưới 16 tuổi” - hiện thấp hơn so với định nghĩa về trẻ em trong luật quốc tế về QCN (cụ thể là trong Điều 1 CRC) là “người dưới 18 tuổi” - việc sử dụng thuật ngữ “người dưới 18 tuổi phạm tội” thay cho “người chưa thành niên phạm tội” sẽ tạo thuận lợi cho việc xác định những đối tượng là trẻ em và NCTN trong TTHS ở Việt Nam.

Tóm lại, trong luận án này, khái niệm *“bị cáo là người dưới 18 tuổi” chỉ những người dưới 18 tuổi phạm tội và đã bị Tòa án quyết định đưa ra xét xử theo pháp luật TTHS Việt Nam*. Theo quy định tại Điều 12 BLHS 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) thì người từ đủ 14 tuổi bắt đầu phải chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm rất nghiêm trọng, tội phạm đặc biệt nghiêm trọng. Điều đó có nghĩa là khái niệm *“bị cáo là người dưới 18 tuổi” có thể bao gồm những người từ đủ 14 tuổi đến dưới 18 tuổi phạm tội và đã bị Tòa án quyết định đưa ra xét xử theo pháp luật TTHS Việt Nam*.

2.2.2. Đặc điểm của bị cáo là người dưới 18 tuổi

Phân tích từ các khía cạnh pháp lý, tâm sinh lý và xã hội, có thể xác định những đặc điểm cơ bản của người bị buộc tội dưới 18 tuổi như sau :

2.2.2.1. Đặc điểm pháp lý

Đặc điểm pháp lý của người bị buộc tội dưới 18 tuổi thường được xác định bởi các quy định pháp luật liên quan đến độ tuổi và hệ thống TTHS của từng quốc gia, vì thế có thể khác nhau ít nhiều giữa các nước. Dù vậy, có thể xác định những đặc điểm pháp lý phổ biến của người bị buộc tội dưới 18 tuổi

như sau: (i) Về độ tuổi, bị cáo là NCTN (dưới 18 tuổi); (ii) Hình thức xử lý, trong hầu hết các hệ thống pháp luật, khi một người dưới 18 tuổi là bị cáo, họ thường sẽ chịu hình thức xử lý khác so với người trưởng thành. Thay vì chịu các hình phạt như người trưởng thành, họ có thể chỉ phải chịu hình thức giáo dục, các biện pháp phục hồi, hay các biện pháp giám sát khác; (iii) Về quyền lợi và bảo vệ, người bị buộc tội dưới 18 tuổi cũng có quyền lợi và bảo vệ theo pháp luật, bao gồm quyền được đại diện bởi luật sư và quyền không tự tiết lộ thông tin riêng tư trong quá trình tố tụng; (iv) Về giáo dục và tái hòa nhập, hệ thống pháp luật của các quốc gia thường tập trung vào giáo dục và tái hòa nhập để hỗ trợ sự phát triển và định hướng tích cực của người bị buộc tội dưới 18 tuổi trong tương lai; (v) Về hình phạt, các hình phạt dành cho người bị buộc tội dưới 18 tuổi thường được giới hạn để bảo đảm tính nhân đạo và phát triển tương lai của bị cáo. Hình phạt thường không được quá nặng và nhằm đưa ra cơ hội cho sự học hỏi và sửa đổi hành vi; (vi) Về Tòa án xét xử, ở nhiều quốc gia, các vụ án mà người bị buộc tội dưới 18 tuổi thường được giải quyết bởi Tòa án gia đình và NCTN - một dạng tòa án chuyên trách trong hệ thống tòa án của quốc gia.

2.2.2.2. Đặc điểm tâm - sinh lý

Thứ nhất, ở độ tuổi dưới 18 tuổi, bị cáo thường xuất hiện ấn tượng đậm nét “mình” không còn là trẻ em nữa và những hiện tượng tâm lý khác liên quan tới sự dậy thì, làm cho cơ thể phát triển không cân bằng, có sự nhảy vọt về sinh lý mà từ đó có thể dẫn đến khủng hoảng tâm lý [19, tr.44]. Bị cáo khi thực hiện hành vi phạm tội thường xuất phát ở môi trường không thuận lợi cho sự phát triển về nhân cách, chẳng hạn như có mối quan hệ không bình thường với gia đình, nhà trường, cộng đồng, không được giáo dục hoặc được giáo dục một cách không đúng đắn, từ đó dẫn đến những phẩm chất tâm lý tiêu cực và hành vi lệch chuẩn. Vì vậy, ở độ tuổi này, một số người dưới 18 tuổi không thích ứng được với những yêu cầu xã hội tiến bộ và dẫn đến vi phạm pháp luật hình sự.

Thứ hai, đa số người bị buộc tội dưới 18 tuổi thường không có điều kiện và khả năng tiếp thu đầy đủ những tri thức phổ thông và sự hướng dẫn chỉ bảo của cha mẹ và thầy, cô giáo. Điều này dẫn đến nhận thức kém, lệch lạc về đời sống xã hội cũng như thiếu hiểu biết pháp luật, nên tự cho mình “quyền” tự do hành động một cách tùy tiện. Đây là lý do khiến cho khả năng nhận thức của người bị buộc tội dưới 18 tuổi cần được xem xét và đánh giá trong quá trình TTHS, bởi có liên quan đến khả năng hiểu biết và ý thức pháp luật của họ, và đó là một yếu tố quan trọng trong việc xác định khả năng trách nhiệm pháp lý của họ. Trong đó, một số điểm cần xem xét về nhận thức của người bị buộc tội dưới 18 tuổi bao gồm: (i) Khả năng hiểu biết của người bị buộc tội dưới 18 tuổi về các hành vi phạm tội và hậu quả của nó, bao gồm hiểu biết về luật pháp, quy định, và quy trình tố tụng; (ii) Ảnh hưởng của các yếu tố xung quanh, chẳng hạn như áp lực từ nhóm bạn, gia đình, hay môi trường xã hội mà có thể tác động lên khả năng đánh giá hậu quả và tính toán vẹn của hành vi phạm tội của bị cáo là người dưới 18 tuổi; (iii) Sự phát triển trí tuệ và nhận thức của người bị buộc tội dưới 18 tuổi mà có thể đóng tác động đến việc xác định khả năng hiểu biết và trách nhiệm pháp lý của họ; (iv) Tư duy hậu quả của bị cáo là người dưới 18 tuổi, thể hiện qua khả năng của họ trong việc đánh giá và thấu hiểu những hậu quả tiềm tàng của hành vi phạm tội.

Thứ ba, về tính cách của bị cáo là người dưới 18 tuổi. Tính cách là một khía cạnh tâm lý xã hội của con người, bao gồm các đặc điểm, hành vi, tư duy, cảm xúc và phản ứng của một người đối với những tình huống, sự kiện và môi trường xung quanh. Tính cách của người bị buộc tội dưới 18 tuổi thường đa dạng, phong phú. Một số bị cáo có thể tỏ ra hòa đồng, tử tế, và tự tin, trong khi những người khác có thể tỏ ra hướng nội, nhút nhát, hoặc có khó khăn trong việc giao tiếp. Mặc dù vậy, tính độc lập và nổi loạn là đặc trưng nổi bật trong giai đoạn NCTN, thể hiện qua việc nhiều người bị buộc tội dưới

18 tuổi có xu hướng tìm kiếm khả năng và cách thức tự khẳng định bản thân. Điều này có thể dẫn đến những hành vi quấy phá, thách thức các quy tắc và trật tự xã hội. Bên cạnh đó, sự tò mò và thích khám phá thế giới xung quanh cũng là đặc trưng phổ quát của bị cáo là người dưới 18 tuổi. Điều này có thể dẫn đến những hành vi mạo hiểm và thử nghiệm những việc làm mới lạ, kể cả những việc làm đi ngược với trật tự xã hội.

Tính cách của người bị buộc tội dưới 18 tuổi có thể bị tác động mạnh bởi môi trường gia đình, xã hội và văn hóa. Môi trường và những trải nghiệm trong giai đoạn phát triển này có thể tạo nên những tư duy, giá trị và quan điểm riêng của bị cáo là người dưới 18 tuổi. Sự biến đổi tính cách của một người trong giai đoạn NCTN có thể trải qua nhiều cung bậc, do chịu sự ảnh hưởng của các yếu tố tâm lý và môi trường trong quá trình trưởng thành.

2.2.3. Khái niệm, ý nghĩa của việc bảo đảm quyền được xét xử công bằng của người bị buộc tội dưới 18 tuổi tại phiên tòa hình sự

Từ những phân tích ở các phần trên, có thể hiểu, *quyền được bảo đảm xét xử công bằng của người bị buộc tội-bị cáo dưới 18 tuổi tại phiên tòa hình sự* là việc Nhà nước tạo các điều kiện cần thiết để người bị buộc tội dưới 18 tuổi được Tòa án đối xử bình đẳng, không thiên vị, theo đúng các quy trình, thủ tục xét xử đặc biệt áp dụng với các phiên tòa có người bị buộc tội-bị cáo là NCTN, nhằm bảo đảm các quyền tố tụng đặc thù dành riêng cho người dưới 18 tuổi đã được ghi nhận trong pháp luật quốc tế về quyền con người.

Cũng từ những phân tích ở các phần trên, có thể thấy quyền được bảo đảm xét xử công bằng của người bị buộc tội dưới 18 tuổi tại phiên tòa hình sự có ý nghĩa quan trọng với chính bị cáo và với toàn xã hội. Trước hết, xét xử công bằng giúp bảo vệ quyền lợi hợp pháp của người dưới 18 tuổi, họ là NCTN, chưa phát triển đầy đủ về nhận thức và tâm lý, do đó, theo luật nhân quyền quốc tế và của hầu hết quốc gia, các bị cáo chưa thành niên cần được xét xử theo một quy trình tố tụng đặc biệt mà được xem là một yêu cầu cơ bản

của xét xử công bằng, trong đó đặc biệt nhấn mạnh quyền được luật sư bào chữa và có người đại diện hợp pháp (cha mẹ, người giám hộ) tham gia để bảo vệ quyền lợi. Điều này là để bảo vệ NCTN trong quy trình tố tụng nói chung, trong phiên tòa hình sự nói riêng, nhằm tránh cho các em không bị ép cung, bức cung, nhục hình và đảm bảo rằng chỉ những NCTN thực sự có hành vi phạm tội mới bị xử lý, đồng thời áp dụng hình phạt phù hợp với độ tuổi và khả năng cải tạo của bị cáo. Nói cách khác, thực hiện việc xét xử công bằng sẽ giúp đảm bảo rằng bị cáo chưa thành niên không bị đối xử như người trưởng thành và được hưởng các quyền lợi phù hợp với độ tuổi.

Hoạt động bảo đảm quyền được xét xử công bằng tại phiên tòa hình sự cũng đã hạn chế được tác động xấu của quá trình tố tụng tư pháp với bị cáo là người dưới 18 tuổi. Việc bị cáo này tham gia xét xử trước phiên tòa hình sự thường bị gây áp lực tâm lý lớn, làm ảnh hưởng tiêu cực đến sự phát triển sau này của các em. Như đã đề cập ở mục 2.1, theo luật nhân quyền quốc tế và pháp luật của hầu hết quốc gia, các bị cáo là NCTN cần được xét xử theo một quy trình tố tụng đặc biệt, có tính giáo dục và nhân đạo - và quy trình đó được xem là một yêu cầu của xét xử công bằng. Vì vậy, có thể khẳng định rằng việc xét xử công bằng sẽ giúp hạn chế tác động tiêu cực với bị cáo là người dưới 18 tuổi, thông qua việc giảm thiểu sự kỳ thị, hạn chế nguy cơ bị đối xử bất công hoặc bị xâm phạm quyền lợi trong quá trình tố tụng.

Ngoài ra, việc bảo đảm quyền được xét xử công bằng tại phiên tòa hình sự cũng tạo cơ hội cho người bị buộc tội dưới 18 tuổi tái hòa nhập cộng đồng. Theo luật nhân quyền quốc tế, hệ thống tư pháp đối với NCTN của các quốc gia cần hướng đến mục tiêu giáo dục, cải tạo hoàn lương và tái hòa nhập xã hội hơn là trừng phạt nghiêm khắc. Đó cũng là yêu cầu của xét xử công bằng, nhằm đảm bảo bị cáo chưa thành niên có cơ hội sửa chữa lỗi lầm và không bị đẩy vào con đường tái phạm tội. Nói cách khác, việc xét xử công bằng và nhân đạo giúp NCTN nhận ra lỗi lầm, sửa đổi và trở thành công dân có ích thay vì bị kỳ thị và xa lánh bởi xã hội.

Tựu trung, đối với bị cáo là người dưới 18 tuổi, việc bảo đảm quyền xét xử công bằng tại phiên tòa hình sự không chỉ đảm bảo QCN mà còn tạo điều kiện cho các em có cơ hội sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh và tái hòa nhập xã hội, thay vì bị trừng phạt một cách khắc nghiệt có thể ảnh hưởng tiêu cực đến tương lai. Phiên tòa công bằng giúp người bị buộc tội dưới 18 tuổi có cơ hội được xét xử bởi thẩm phán và hội đồng xét xử không thiên vị, từ đó giúp đạt được phán quyết khách quan, vô tư, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Xét xử công bằng cũng đòi hỏi bảo đảm nguyên tắc suy đoán không có tội - điều này giúp phòng ngừa khả năng người bị buộc tội dưới 18 tuổi bị kết tội tùy tiện, dựa trên định kiến. Trong phiên tòa công bằng, người bị buộc tội dưới 18 tuổi có quyền có luật sư, được tự mình hoặc nhờ luật sư trình bày bằng chứng và lập luận để bảo vệ bản thân, từ đó tránh bị ép buộc nhận tội hoặc bị buộc tội một cách thiếu căn cứ. Không chỉ vậy, xét xử công bằng còn đảm bảo rằng tất cả các bước trong quá trình tố tụng được thực hiện đúng quy định của pháp luật, không có sự lạm quyền, bức cung, nhục hình hay vi phạm quyền lợi hợp pháp của bị cáo là người dưới 18 tuổi.

Tóm lại, khi quyền xét xử công bằng được đảm bảo trong phiên tòa hình sự, các quyền hợp pháp của người bị buộc tội dưới 18 tuổi sẽ được bảo vệ. Không chỉ vậy, việc xét xử công bằng trong phiên tòa hình sự còn mang lại lợi ích cho các tòa án và cả hệ thống tư pháp cũng như toàn xã hội do giúp phòng tránh tình trạng oan sai với bị cáo là người dưới 18 tuổi, duy trì sự công minh của hệ thống tư pháp và giữ gìn trật tự, công bằng trong xã hội.

2.3. NỘI DUNG, CHỦ THỂ, PHƯƠNG THỨC BẢO ĐẢM QUYỀN ĐƯỢC XÉT XỬ CÔNG BẰNG CỦA NGƯỜI BỊ BUỘC TỘI DƯỚI 18 TUỔI TẠI PHIÊN TÒA HÌNH SỰ

2.3.1. Nội dung bảo đảm quyền được xét xử công bằng của người bị buộc tội dưới 18 tuổi tại phiên tòa hình sự

Công bằng, bình đẳng, không thiên vị trong quá trình xét xử là nguyên tắc hiến định ở mọi quốc gia, cần phải được tuân thủ triệt để. Mỗi Thẩm phán

khi thực thi nhiệm vụ phải quán triệt và thực hiện đầy đủ yêu cầu này, phải bảo đảm công bằng trong từng thủ tục tố tụng và công bằng trong phán quyết vụ việc. Thẩm phán có trách nhiệm bảo đảm cho những người tham gia tố tụng-xét xử thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ luật định; tạo ra những điều kiện thuận lợi nhất để các bên cung cấp chứng cứ, tranh luận, trình bày ý kiến trước Tòa án. Thẩm phán phải tôn trọng và lắng nghe đầy đủ ý kiến của các bên, không được thiên lệch về bên nào. Thẩm phán có trách nhiệm bảo đảm cho mọi chủ thể đều bình đẳng trước Tòa án; không được và không cho phép bất cứ hành vi bất bình đẳng, phân biệt đối xử nào diễn ra. Chỉ có như vậy, phán quyết của Tòa án mới thực sự nhận được sự “tâm phục”, “khẩu phục” của các bên, qua đó củng cố, gây dựng niềm tin của người dân vào công lý và sự công minh của pháp luật.

Từ những phân tích ở những phần trên, có thể xác định việc quyền được bảo đảm xét xử công bằng của người bị buộc tội dưới 18 tuổi trong phiên toà hình sự bao hàm những nội dung chính như sau:

Một là, bảo đảm thực hiện nguyên tắc suy đoán không có tội. Đây là một nguyên tắc, đồng thời là một QCN trong TTHS. Quyền này bảo đảm rằng mọi người bị buộc tội dưới 18 tuổi đều được coi là vô tội cho đến khi có bằng chứng cụ thể chứng minh họ có tội. Bị cáo không bị coi là có tội chỉ vì việc đã bị buộc tội. Điều này có nghĩa là việc buộc tội không đồng nghĩa với việc bị cáo đã có tội, mà chỉ là khởi đầu của quá trình xác minh và xét xử để tìm ra sự thật. Nguyên tắc suy đoán vô tội bảo vệ người bị buộc tội dưới 18 tuổi khỏi nguy cơ bị đối xử bất công hoặc bị trừng phạt trước khi có đủ chứng cứ pháp lý chứng minh hành vi phạm tội. Việc áp dụng nguyên tắc này không chỉ nhằm bảo vệ quyền lợi cá nhân mà còn thể hiện cam kết của hệ thống tư pháp trong việc tôn trọng QCN, quyền trẻ em và bảo đảm tính công bằng của quá trình tố tụng. Nếu nguyên tắc này không được tuân thủ, sẽ có nguy cơ xảy ra oan sai, làm suy giảm lòng tin của công chúng vào hệ thống tư pháp.

Hai là, bảo đảm quyền biện hộ và tự vệ (quyền bào chữa và tự bào chữa). Người bị buộc tội dưới 18 tuổi có quyền được biện hộ một cách công bằng và có thời gian cũng như điều kiện để chuẩn bị bào chữa. Bị cáo cũng có quyền tự vệ, đối diện với những cáo buộc chống lại chính mình. Quyền bào chữa bao gồm việc bị cáo có quyền được hỗ trợ bởi luật sư hoặc người đại diện hợp pháp, từ đó nhận được sự tư vấn pháp lý chuyên nghiệp để bảo vệ quyền lợi của mình trước tòa. Theo luật nhân quyền quốc tế và pháp luật tố tụng hình sự của hầu hết quốc gia, khác với những bị cáo là người thành niên, người bị buộc tội dưới 18 tuổi luôn có quyền được nhận sự bảo vệ miễn phí của một luật sư. Ngoài ra, bị cáo cũng cần được tạo điều kiện đầy đủ để chuẩn bị các lập luận, thu thập bằng chứng, và xây dựng kế hoạch bào chữa. Bên cạnh đó, quyền tự bào chữa cũng là yếu tố quan trọng, cho phép bị cáo trực tiếp phản biện các cáo buộc hoặc giải thích các sự việc liên quan đến vụ án. Quyền này bảo đảm rằng bị cáo không bị biến thành đối tượng thụ động trong quá trình tố tụng, mà có thể tham gia chủ động để bảo vệ chính mình. Việc hạn chế hoặc vi phạm quyền này không chỉ làm mất đi tính công bằng của quá trình xét xử mà còn có thể dẫn đến những sai lầm nghiêm trọng trong việc xác định sự thật của vụ án.

Ba là, bảo đảm quyền tiếp cận chứng cứ và nhân chứng. Người bị buộc tội dưới 18 tuổi và luật sư của mình cũng có quyền tiếp cận các chứng cứ và nhân chứng có liên quan để bảo đảm quyền biện hộ và tự vệ trong quá trình xét xử. Cụ thể, bị cáo và luật sư của mình cần được tiếp cận đầy đủ và kịp thời các chứng cứ có liên quan đến vụ án, bao gồm cả các chứng cứ có lợi và bất lợi cho mình. Việc tiếp cận này cho phép bị cáo và luật sư của mình đánh giá toàn diện các tài liệu, thông tin liên quan, từ đó xây dựng chiến lược bào chữa hiệu quả. Đồng thời, quyền tiếp cận nhân chứng cũng giúp bị cáo và luật sư của mình có cơ hội thẩm vấn, đối chất với các nhân chứng buộc tội hoặc trình bày các lời khai có lợi cho mình. Việc hạn chế quyền tiếp cận chứng cứ

và nhân chúng có thể dẫn đến tình trạng xét xử thiếu khách quan, tạo ra sự bất công trong quá trình tố tụng. Vì vậy, bảo đảm quyền này không chỉ là trách nhiệm pháp lý của cơ quan tố tụng mà còn là yêu cầu về đạo đức và công lý.

Bốn là, bảo đảm xét xử công khai. Xét xử cần được tiến hành công khai để bảo đảm tính minh bạch và đáng tin cậy. Việc công khai quá trình xét xử giúp bảo đảm rằng mọi người đều có thể theo dõi và đánh giá việc xét xử của tòa án. Việc xét xử công khai cho phép công chúng, báo chí, và các bên liên quan theo dõi quá trình tố tụng, từ đó đánh giá tính công bằng và khách quan của tòa án. Sự công khai này cũng tạo áp lực để các cơ quan tư pháp tuân thủ đúng pháp luật, tránh các hành vi lạm quyền hoặc xử lý không đúng quy định. Tuy nhiên, nguyên tắc xét xử công khai cần được thực hiện trong khuôn khổ pháp luật, bảo đảm không làm tổn hại đến quyền riêng tư của các bên liên quan hoặc ảnh hưởng đến an ninh, trật tự xã hội. Nếu không thực hiện tốt nguyên tắc này, hệ thống tư pháp có thể bị công chúng nghi ngờ, làm giảm hiệu quả trong việc bảo vệ công lý và QCN. Theo luật nhân quyền quốc tế, khác với những bị cáo là người thành niên, người bị buộc tội dưới 18 tuổi luôn có quyền đề nghị và được xem xét yêu cầu xử kín nếu thấy việc xét xử công khai ảnh hưởng đến các quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của mình.

Năm là, bảo đảm xét xử độc lập và vô tư. Tòa án cần phải được xét xử độc lập, không bị can thiệp bởi các yếu tố bên ngoài, qua đó bảo đảm tính khách quan, vô tư, không thiên vị trong việc giải quyết vụ án. Tòa án cần hoạt động độc lập, không chịu sự can thiệp từ các yếu tố bên ngoài như áp lực chính trị, kinh tế, hoặc xã hội. Điều này bảo đảm rằng các phán quyết được đưa ra dựa trên pháp luật và chứng cứ, không bị ảnh hưởng bởi các lợi ích cá nhân hoặc tập thể. Sự vô tư của Thẩm phán và các cơ quan tố tụng cũng là yêu cầu quan trọng, giúp bảo đảm rằng bị cáo được xét xử một cách công bằng, không bị phân biệt đối xử hoặc thiên vị. Khi tính độc lập và vô tư không được bảo đảm, hệ thống tư pháp sẽ mất đi sự đáng tin cậy và không thể thực hiện vai trò bảo vệ công lý một cách hiệu quả.

Sáu là, xét xử kịp thời. Xét xử cần được tiến hành kịp thời để tránh việc kéo dài và tác động tiêu cực đến các bên liên quan. Đặc biệt, với bị cáo là người dưới 18 tuổi, việc kéo dài quá trình xét xử không chỉ gây ảnh hưởng tiêu cực đến tâm lý, cuộc sống, và danh dự của bị cáo mà còn làm tăng nguy cơ sai lệch trong việc thu thập và đánh giá chứng cứ. Một quá trình xét xử chậm trễ cũng làm suy giảm lòng tin của công chúng vào hiệu quả và sự công bằng của hệ thống tư pháp. Vì vậy, các cơ quan tố tụng cần bảo đảm rằng mọi vụ án được giải quyết trong một thời gian hợp lý, đồng thời tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật và quy trình tố tụng.

Bảy là, bảo đảm không phân biệt đối xử. Tòa án không được phép thực hiện các hành vi tố tụng thể hiện sự phân biệt về trình độ, dân tộc, tín ngưỡng, giới tính, tôn giáo, thành phần, nghề nghiệp, địa vị xã hội; không phân biệt sở hữu và thành phần kinh tế trong quá trình xét xử bị cáo là người dưới 18 tuổi. Đồng thời, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án phải yêu cầu những người tiến hành tố tụng, người bào chữa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người tham gia tố tụng tại phiên tòa không được phép bằng lời nói hoặc hành vi thể hiện sự thành kiến hoặc thiên vị vì bất kỳ lý do nào với bị cáo. Nếu phát hiện hành vi thể hiện sự thiếu bình đẳng, thiếu công bằng của những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng, Tòa án phải có ý kiến ngay và yêu cầu họ điều chỉnh hành vi của mình, để bảo đảm sự bình đẳng được thực hiện trong phiên tòa xét xử bị cáo là người dưới 18 tuổi.

Những nội dung nêu trên có ý nghĩa và giữ vai trò hết sức quan trọng trong xét xử công bằng là một quy trình đáng tin cậy, tôn trọng quyền lợi của các chủ thể tham gia, trong đó có bị cáo là người dưới 18 tuổi.

Nhìn từ góc độ cụ thể hơn, nội dung bảo đảm quyền được xét xử công bằng còn được thể hiện qua những quyền tố tụng đặc biệt mà người bị buộc tội dưới 18 tuổi phải được hưởng và được bảo vệ tại phiên tòa hình sự, cụ thể như sau:

Thứ nhất, quyền được bảo đảm thủ tục tố tụng thân thiện, phù hợp với tâm lý, lứa tuổi, mức độ trưởng thành, khả năng nhận thức của người dưới 18 tuổi. Điều này được thể hiện cụ thể qua nhiều vấn đề, ví dụ như việc bố trí phòng xét xử thân thiện mà trong đó vị trí của những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng, người tham dự phiên tòa, phiên họp trong phòng xử án được bố trí trên cùng một mặt bằng, sắp xếp theo hình thức bàn tròn, tường trong phòng xử án có màu xanh; người dưới 18 tuổi tham gia tố tụng tại phiên tòa được ngồi cạnh người đại diện, người bào chữa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của họ.

Thứ hai, quyền được bảo đảm giữ bí mật cá nhân của bị cáo là người dưới 18 tuổi. Điều này thể hiện ở việc tiến hành xét xử kín. Để bảo vệ bí mật cá nhân của người bị buộc tội dưới 18 tuổi thì Tòa án có thể xét xử kín, nhưng vẫn phải tuyên án công khai. Theo luật quốc tế về quyền con người, đối với vụ án có người tham gia tố tụng là người dưới 18 tuổi thì lợi ích về bảo vệ bí mật cá nhân của người dưới 18 tuổi cần phải được ưu tiên so với lợi ích công cộng từ việc xét xử công khai.

Thứ ba, quyền được có người đại diện pháp lý tham gia phiên tòa. Theo Điều 40 CRC, đại diện pháp lý có thể là cha mẹ hay người giám hộ hợp pháp của người dưới 18 tuổi. Tuy nhiên, theo Quy tắc 15 của Các Quy tắc Bắc Kinh thì cha mẹ hoặc người giám hộ hợp pháp có thể bị cơ quan có thẩm quyền từ chối không cho tham dự phiên tòa nếu có những lý do cho rằng sự từ chối đó là cần thiết vì lợi ích của NCTN [34]. Nói cách khác, sự tham gia của cha mẹ hay người giám hộ hợp pháp phải bảo đảm nguyên tắc "bảo đảm lợi ích tốt nhất của người dưới 18 tuổi". Đây cũng là nguyên tắc được quy định trong BLDS năm 2015 (các Điều 48, 49, 136) [80] và BLTTHS năm 2015 (Điều 414) [82] của Việt Nam.

Thứ tư, quyền được tham gia, trình bày ý kiến tại phiên tòa: Tôn trọng quyền được tham gia và trình bày ý kiến của người bị buộc tội dưới 18 tuổi là

một nguyên tắc cơ bản trong luật quốc tế về quyền con người và hệ thống pháp luật của hầu hết các quốc gia, bao gồm Việt Nam. Điều này nhằm bảo đảm rằng ý kiến, quan điểm của người dưới 18 tuổi được Tòa án và các bên lắng nghe, xem xét trong quá trình xét xử. Nhìn từ góc độ luật quốc tế về QCN, về vấn đề này, Điều 12 CRC nêu rõ “1. Các Quốc gia thành viên phải bảo đảm cho trẻ em có đủ khả năng hình thành quan điểm riêng của mình, được quyền tự do phát biểu những quan điểm đó về mọi vấn đề tác động đến trẻ em, và những quan điểm của trẻ em phải được coi trọng một cách thích đáng, tương ứng với độ tuổi và mức độ trưởng thành của trẻ em. 2. Vì mục đích đó, trẻ em phải được đặc biệt trao cơ hội nói lên ý kiến của mình trong bất kỳ quá trình tố tụng tư pháp hoặc hành chính nào có liên quan đến trẻ, trực tiếp hoặc thông qua một người đại diện hay một cơ quan thích hợp, theo cách thức phù hợp với những quy tắc thủ tục trong pháp luật quốc gia” [35].

Thứ năm, quyền bào chữa tại phiên tòa: Bảo đảm quyền bào chữa của người bị buộc tội dưới 18 tuổi tại phiên tòa cũng là một nguyên tắc cơ bản trong hệ thống pháp luật quốc tế và Việt Nam. Nhìn từ góc độ luật quốc tế về QCN, về vấn đề này, tại khoản 4 Điều 37 CRC nêu rõ: “Mọi trẻ em bị tước tự do có quyền được nhanh chóng tiếp cận sự trợ giúp pháp lý và những trợ giúp thích hợp khác, cũng như quyền được chất vấn tính chất hợp pháp của việc tước tự do đó trước một tòa án hay cơ quan có thẩm quyền, độc lập, vô tư khác và có quyền đòi hỏi một quyết định nhanh chóng liên quan đến bất kỳ hành động nào như vậy” [35]. Tại Việt Nam, bảo đảm quyền bào chữa của người bị buộc tội dưới 18 tuổi là yêu cầu bắt buộc, kể cả việc bị cáo không tự nhờ người bào chữa thì Tòa án vẫn bắt buộc chỉ định người bào chữa tham gia phiên tòa.

Thứ sáu, quyền được áp dụng các nguyên tắc, biện pháp xử lý đặc biệt đối với NCTN: Do người bị buộc tội dưới 18 tuổi là đối tượng còn non nớt cả về thể chất và tinh thần so với người đã thành niên phạm tội, vì thế luật

quốc tế về QCN và pháp luật của các quốc gia đều quy định những nguyên tắc, biện pháp xử lý đặc biệt với nhóm bị cáo này. Quy tắc số 15 của Các Quy tắc Bắc Kinh xác định những nguyên tắc hướng dẫn cơ bản trong việc định tội và quyết định biện pháp xử lý NCTN phạm tội và khuyến khích các quốc gia ban hành những quy định pháp luật phù hợp với các nguyên tắc định hướng đó. Những nguyên tắc này có mục đích tối cao là giáo dục và hướng thiện với NCTN phạm tội, đồng thời duy trì sự ổn định và đạo đức xã hội, bảo đảm rằng việc xử lý NCTN vi phạm pháp luật sẽ luôn tương xứng với hoàn cảnh, động cơ và tính chất của vi phạm của họ [34]. BLHS Việt Nam năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) cũng quy định về vấn đề này tại Điều 91.

Thứ bảy, quyền được đưa ra xét xử một cách nhanh chóng, kịp thời: Việc giải quyết nhanh chóng, kịp thời các vụ án có liên quan đến người dưới 18 tuổi sẽ giúp họ không bị áp lực bởi các thủ tục TTHS nặng nề và có thể sớm quay trở lại với gia đình và cộng đồng và ổn định cuộc sống, học tập và sinh hoạt. Liên quan đến vấn đề này, Quy tắc số 20 trong Các quy tắc Bắc Kinh xác định “Mỗi vụ án [có NCTN] phải được xét xử nhanh chóng ngay từ đầu, không được có bất kỳ sự trì hoãn không cần thiết nào”. Như vậy, theo quốc tế về QCN, một trong những yêu cầu đặt ra khi xét xử các vụ án hình sự có người bị buộc tội dưới 18 tuổi là “tư pháp không chậm trễ”. Tuy nhiên, hầu hết các hệ thống tư pháp trên thế giới đều gặp khó khăn trong việc thực hiện yêu cầu này, do các nguyên nhân như: có quá nhiều vụ việc khiến hệ thống quá tải; thiếu nhân lực và nguồn lực cho hoạt động... Như vậy, để bảo đảm quyền được đưa ra xét xử một cách nhanh chóng, kịp thời của bị cáo là người dưới 18 tuổi, cần phải áp dụng nguyên tắc “lợi ích tốt nhất cho trẻ em” trong TTHS.

Thứ tám, quyền được có thẩm phán và hội thẩm với những yêu cầu đặc biệt: Tiêu chuẩn của thẩm phán và hội thẩm trong phiên tòa xét xử người bị buộc tội dưới 18 tuổi cần có sự khác biệt rõ ràng so với các phiên tòa khác, nhằm bảo đảm tính đặc thù trong việc xét xử đối với nhóm đối tượng vị thành

niên. Những tiêu chuẩn này xuất phát từ đặc điểm về tâm lý, nhận thức, và khả năng tự bảo vệ của bị cáo là người dưới 18 tuổi, đòi hỏi cách tiếp cận chuyên biệt trong hoạt động tư pháp để vừa bảo vệ quyền lợi hợp pháp của họ, vừa góp phần định hướng giáo dục và tái hòa nhập xã hội. Việc xây dựng các tiêu chuẩn này không chỉ thể hiện sự quan tâm của pháp luật đối với quyền trẻ em mà còn phản ánh sự nhân đạo và tiến bộ trong hệ thống tư pháp.

Trước hết, theo luật quốc tế về QCN, thẩm phán trong phiên tòa xét xử người bị buộc tội dưới 18 tuổi cần có kiến thức chuyên môn về tâm lý và sự phát triển của trẻ em. Không giống như người trưởng thành, người bị buộc tội dưới 18 tuổi có khả năng nhận thức và điều chỉnh hành vi còn hạn chế, dễ bị ảnh hưởng bởi môi trường sống và các yếu tố xã hội. Vì vậy, thẩm phán cần hiểu rõ các yếu tố tâm lý của bị cáo để đưa ra các quyết định xét xử phù hợp, vừa bảo đảm công lý, vừa tạo điều kiện để họ sửa chữa lỗi lầm. Thẩm phán cũng cần được đào tạo chuyên sâu về các quyền của trẻ em theo các công ước quốc tế, đặc biệt là Công ước Liên Hợp Quốc về Quyền Trẻ em, để bảo đảm các phán quyết không chỉ dựa trên pháp luật quốc gia mà còn phù hợp với các tiêu chuẩn quốc tế. Ngoài kiến thức chuyên môn, thẩm phán cần có kỹ năng giao tiếp và cách tiếp cận nhân văn khi xử lý các vụ án mà bị cáo là người dưới 18 tuổi. Điều này là bởi việc xét xử không chỉ tập trung vào việc xác định tội danh mà còn phải tạo ra môi trường thân thiện, giúp người bị buộc tội dưới 18 tuổi cảm thấy an toàn và được lắng nghe. Thẩm phán cần sử dụng ngôn ngữ dễ hiểu, tránh gây áp lực tâm lý không cần thiết, đồng thời bảo đảm rằng người bị buộc tội dưới 18 tuổi nhận thức đầy đủ về quyền lợi và nghĩa vụ của mình trong quá trình tố tụng.

Đối với hội thẩm, tiêu chuẩn quan trọng là họ phải có hiểu biết sâu sắc về giáo dục, tâm lý, và các vấn đề xã hội liên quan đến NCTN. Điều đó là bởi hội thẩm không chỉ đóng vai trò là đại diện của cộng đồng mà còn là những người có thể mang lại góc nhìn toàn diện và nhân văn hơn trong việc xét xử. Họ cần có khả năng đánh giá hành vi của người dưới 18 tuổi trong bối cảnh

xã hội cụ thể, đồng thời xem xét các yếu tố có thể dẫn đến hành vi vi phạm pháp luật, như hoàn cảnh gia đình, môi trường sống, hay ảnh hưởng từ bạn bè. Việc thiếu kiến thức và kỹ năng này có thể dẫn đến các phán quyết không công bằng hoặc không mang tính giáo dục.

Một điểm đặc biệt nữa mà đã được đề cập ở các phần trên đó là các phiên tòa xét xử người bị buộc tội dưới 18 tuổi cần bảo đảm tính thân thiện và bảo mật cao hơn. Yêu cầu này đòi hỏi thẩm phán và hội thẩm cần bảo đảm rằng quá trình tố tụng không làm tổn hại đến danh dự, nhân phẩm, và sự phát triển của người dưới 18 tuổi. Các tiêu chuẩn về bảo mật thông tin, tránh công khai danh tính, và giới hạn sự tham dự của công chúng tại phiên tòa là những yêu cầu bắt buộc để bảo vệ lợi ích của bị cáo là người dưới 18 tuổi. Thẩm phán và hội thẩm phải nhận thức rõ rằng một phán quyết không chỉ có ý nghĩa pháp lý mà còn ảnh hưởng sâu sắc đến tương lai và khả năng tái hòa nhập xã hội của bị cáo.

Cuối cùng, việc xây dựng các tiêu chuẩn đặc thù cho thẩm phán và hội thẩm trong phiên tòa xét xử người bị buộc tội dưới 18 tuổi cần gắn liền với các nguyên tắc giáo dục và tái hòa nhập. Thay vì tập trung vào việc trừng phạt, các phiên tòa này cần hướng đến việc tìm ra giải pháp tốt nhất để giúp người dưới 18 tuổi sửa chữa lỗi lầm, nhận thức rõ hậu quả của hành vi và có cơ hội làm lại cuộc đời. Điều này đòi hỏi các hội thẩm phải có tinh thần trách nhiệm cao, đồng thời phối hợp chặt chẽ với các cơ quan bảo vệ trẻ em, gia đình, và cộng đồng để bảo đảm rằng phán quyết của tòa án không chỉ giải quyết vấn đề pháp lý mà còn có giá trị giáo dục và xã hội sâu sắc.

Tóm lại, tiêu chuẩn của hội thẩm trong các phiên tòa xét xử người bị buộc tội dưới 18 tuổi cần được xây dựng dựa trên sự kết hợp giữa kiến thức chuyên môn, kỹ năng xử lý tình huống, và thái độ nhân văn. Những tiêu chuẩn này không chỉ bảo đảm quyền lợi hợp pháp của người bị buộc tội dưới 18 tuổi mà còn góp phần xây dựng một hệ thống tư pháp tiến bộ, hướng đến sự phát triển toàn diện của xã hội.

2.3.2. Chủ thể và phương thức bảo đảm quyền được xét xử công bằng của người bị buộc tội dưới 18 tuổi tại phiên tòa hình sự

Quyền được xét xử công bằng của người bị buộc tội-bị cáo dưới 18 tuổi là một trong những nguyên tắc cốt lõi của hệ thống tư pháp hiện đại, được quy định trong pháp luật Việt Nam và các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên. Việc bảo đảm quyền này tại phiên tòa hình sự đòi hỏi sự tham gia và phối hợp chặt chẽ của nhiều chủ thể cùng các phương pháp, cách thức cụ thể.

Về chủ thể

Xét tổng quát, những chủ thể sau đây tham gia vào quá trình xét xử, và vì thế, tùy theo vị trí, vai trò của mình, có trách nhiệm quyền được bảo đảm xét xử công bằng của người bị buộc tội dưới 18 tuổi trong các phiên tòa hình sự:

(i) Thẩm phán và hội thẩm, thư ký phiên tòa, những chủ thể trung tâm bảo đảm xét xử công bằng, không thiên vị thông qua việc điều hành phiên tòa đúng quy định pháp luật, khách quan, công bằng. Nhiệm vụ đặc thù của những chủ thể này là chọn hình thức tổ chức phiên tòa phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý của người bị buộc tội dưới 18 tuổi (xét xử kín nếu cần), tiến hành các thủ tục tố tụng theo quy định, đồng thời bảo đảm các quyền tố tụng của bị cáo như quyền bào chữa, quyền trình bày và quyền được lắng nghe...

(ii) Kiểm sát viên tại phiên tòa, chủ thể giữ quyền công tố và theo dõi, xem xét hoạt động tố tụng để đảm bảo hiệu quả các quyền của bị cáo không bị xâm phạm. Nhiệm vụ chủ yếu của chủ thể này là đề xuất cách thức xử lý phù hợp với nguyên tắc giáo dục và tái hòa nhập xã hội với bị cáo là người dưới 18 tuổi, đồng thời phối kết hợp với các cơ quan liên quan để tiếp nhận, thu thập thông tin về hoàn cảnh và nhân thân của bị cáo.

(iii) Luật sư hoặc trợ giúp viên pháp lý, chủ thể tham gia bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị buộc tội dưới 18 tuổi trong phiên tòa hình sự, bằng việc tư vấn, trợ giúp pháp lý và bào chữa cho bị cáo tại phiên tòa. Chủ thể này có nhiệm vụ giải thích rõ ràng các quyền và nghĩa vụ tố tụng cho người bị buộc tội-bị cáo dưới 18 tuổi và tham gia tích cực vào việc bào chữa, cung cấp bằng chứng hoặc đề nghị áp dụng các biện pháp nhân đạo với bị cáo.

(iv) Người giám hộ, thầy cô giáo và chuyên gia về tâm lý, xã hội, chủ thể này hỗ trợ tinh thần, giám sát và bảo vệ quyền lợi của người bị buộc tội dưới 18 tuổi trong phiên tòa hình sự. Nhiệm vụ là của những chủ thể này là đại diện cho người bị buộc tội dưới 18 tuổi trong trường hợp họ chưa đủ khả năng tự mình thực hiện quyền tố tụng, đồng thời cung cấp thông tin và hỗ trợ tòa án trong việc đánh giá tâm lý, hoàn cảnh sống của bị cáo. Người giám hộ và chuyên gia tâm lý, xã hội là chủ thể đặc biệt trong các phiên tòa xét xử người bị buộc tội dưới 18 tuổi nhằm bảo đảm quyền được xét xử công bằng của nhóm bị cáo này.

(v) Các cơ quan hỗ trợ tư pháp, chủ thể này có nhiệm vụ đảm bảo cơ sở vật chất và điều kiện cần thiết để tổ chức phiên tòa hình sự phù hợp với đặc điểm của NCTN, qua đó góp phần bảo đảm quyền xét xử công bằng cho người bị buộc tội dưới 18 tuổi.

Về phương thức

So với những bị cáo là người đã thành niên, việc quyền được bảo đảm xét xử công bằng của người bị buộc tội dưới 18 tuổi trong phiên tòa hình sự đòi hỏi phải có một số phương thức đặc thù, cụ thể như sau:

(i) Tổ chức phiên tòa thân thiện. Theo đó, tòa án cần xây dựng không gian xét xử và cách điều hành phiên tòa nhằm giảm thiểu áp lực tâm lý cho bị cáo là người dưới 18 tuổi. Bên cạnh đó, các thẩm phán và những người tham gia tố tụng khác cần sử dụng ngôn ngữ dễ hiểu, tránh các thuật ngữ pháp lý phức tạp, đồng thời cần tạo điều kiện để người bị buộc tội dưới 18 tuổi có thể thoải mái trình bày ý kiến và quan điểm của mình trong phiên tòa.

(ii) Bảo đảm quyền được bào chữa đầy đủ. Cơ quan tố tụng phải thông báo kịp thời cho gia đình hoặc người đại diện hợp pháp của người bị buộc tội dưới 18 tuổi về quyền có người bào chữa. Trong trường hợp người bị buộc tội dưới 18 tuổi hoặc gia đình không có khả năng thuê luật sư, cơ quan tiến hành tố tụng phải chỉ định luật sư hoặc trợ giúp viên pháp lý miễn phí.

(iii) Cá biệt hóa trong xét xử. Tòa án cần đánh giá nhân thân, hoàn cảnh gia đình, trình độ học vấn, tâm lý và nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội của người bị buộc tội dưới 18 tuổi để làm cơ sở cho các quyết định xử lý phù hợp. Đồng thời, toà án cũng cần chú trọng xem xét khả năng áp dụng các biện pháp thay thế hình phạt tù, như giáo dục tại địa phương, đưa vào trường giáo dưỡng hoặc tham gia các chương trình phục hồi chức năng với bị cáo là người dưới 18 tuổi.

(iv) Bảo đảm quyền được xét xử trong thời gian hợp lý. Theo đó, toà án cần tránh kéo dài thời gian tố tụng để giảm áp lực tâm lý và đảm bảo tính kịp thời trong việc đưa ra biện pháp giáo dục, phục hồi với bị cáo là người dưới 18 tuổi.

(v) Sự tham gia của các chuyên gia tâm lý và xã hội. Theo đó, toà án cần huy động sự tham gia của các chuyên gia tâm lý và xã hội để hỗ trợ hội đồng xét xử đánh giá chính xác và phù hợp những hành vi, nhân thân của người bị buộc tội dưới 18 tuổi nhằm đưa ra các biện pháp xử lý phù hợp. Đồng thời, toà án cũng cần bảo đảm rằng các chuyên gia tâm lý và xã hội có thể tư vấn, hỗ trợ người bị buộc tội dưới 18 tuổi và gia đình trong suốt quá trình tố tụng để giảm thiểu tác động tiêu cực của việc xét xử với bị cáo.

(vi) Giám sát và kiểm tra việc bảo đảm các quyền tố tụng. Các cơ quan có thẩm quyền, ví dụ như VKSND ở Việt Nam, có trách nhiệm giám sát quá trình tố tụng, đảm bảo các quyền của người bị buộc tội dưới 18 tuổi không bị vi phạm. Các tổ chức xã hội, gia đình và người giám hộ của người bị buộc tội dưới 18 tuổi cũng cần được tạo điều kiện tham gia để giám sát toàn bộ quá trình xét xử.

Tóm lại, việc quyền được bảo đảm xét xử công bằng của người bị buộc tội dưới 18 tuổi tại phiên tòa hình sự phụ thuộc vào sự phối hợp chặt chẽ của các chủ thể tiến hành và tham gia tố tụng. Các cách thức áp dụng cần dựa trên cơ sở nguyên tắc bảo vệ lợi ích tốt nhất cho người bị buộc tội dưới 18 tuổi làm trung tâm, nhằm giảm thiểu tác động xấu và tạo điều kiện cho người dưới 18 tuổi tái hòa nhập cộng đồng.

2.4. NHỮNG ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM VÀ YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN VIỆC QUYỀN ĐƯỢC BẢO ĐẢM XÉT XỬ CÔNG BẰNG CỦA NGƯỜI BỊ BUỘC TỘI DƯỚI 18 TUỔI TẠI PHIÊN TÒA HÌNH SỰ

2.4.1. Những điều kiện quyền được bảo đảm xét xử công bằng của người bị buộc tội dưới 18 tuổi tại phiên tòa hình sự

Ngoài những yêu cầu chung tại phiên tòa hình sự sơ thẩm, đối với việc xét xử người bị buộc tội dưới 18 tuổi, để bảo đảm quyền được xét xử công bằng còn phải có những điều kiện khác, mà được gọi là những thủ tục tố tụng đặc biệt, cụ thể bao gồm:

Thứ nhất, về người tiến hành tố tụng

Theo Các quy tắc Bắc Kinh, tại Quy tắc 6.3 quy định, trong tư pháp với NCTN: “Những người có thẩm quyền quyết định phải đáp ứng các tiêu chuẩn đặc biệt hoặc được đào tạo đặc biệt để thi hành nhiệm vụ một cách sáng suốt và phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của họ”. Điều này là bởi chỉ khi một người được đào tạo đúng cách và đáp ứng các tiêu chuẩn cần thiết thì mới có thể duy trì hiệu quả và tính chuyên nghiệp trong việc giải quyết vụ án, qua đó mới có thể tôn trọng và bảo đảm quyền của người bị buộc tội dưới 18 tuổi [51, tr.228].

Ở Việt Nam, Điều 415 BLTTHS 2015 cũng quy định: Người tiến hành tố tụng đối với vụ án có người dưới 18 tuổi phải được đào tạo hoặc có kinh nghiệm điều tra, truy tố, xét xử vụ án liên quan đến người dưới 18 tuổi, có hiểu biết cần thiết về tâm lý học, khoa học giáo dục đối với người dưới 18 tuổi. Đối với Thẩm phán khi được phân công xét xử vụ án có người tham gia tố tụng là người dưới 18 tuổi phải có ít nhất một trong các điều kiện sau đây: (i) Có kinh nghiệm trong xét xử các vụ án có người dưới 18 tuổi; (ii) Đã tham gia các chương trình đào tạo, bồi dưỡng về kỹ năng giải quyết các vụ án có người dưới 18 tuổi; (iii) Đã được đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng về tâm lý học, khoa học giáo dục đối với người dưới 18 tuổi [95]. Ngoài ra, Khoản 1 Điều 423 BLTTHS năm 2015 còn quy định thành phần tham gia Hội đồng xét xử

sơ thẩm phải có Hội thẩm là giáo viên ở các cơ sở giáo dục hoặc cán bộ trong Tổ chức Đoàn thanh niên hoặc người có kinh nghiệm, am hiểu sâu sắc về tâm lý lứa tuổi [63]. Theo đó, người có kinh nghiệm, am hiểu biết tâm lý lứa tuổi là người có thâm niên công tác trong lĩnh vực tư pháp, quản lý, đào tạo, bảo vệ, chăm sóc và giáo dục người dưới 18 tuổi; người được đào tạo về giáo dục thanh, thiếu niên, nhi đồng hoặc những người khác có kinh nghiệm, hiểu biết tâm lý người dưới 18 tuổi.

Thứ hai, về sự có mặt người đại diện của bị cáo

Trong nhiều hệ thống pháp luật trên thế giới, việc xét xử các người bị buộc tội dưới 18 tuổi đòi hỏi một quy trình đặc biệt, trong đó bắt buộc phải có mặt người đại diện của bị cáo để bảo đảm quyền lợi của họ. Khoản 2 Điều 423 BLTTHS năm 2015 của Việt Nam cũng quy định, phiên tòa xét xử người bị buộc tội dưới 18 tuổi phải có mặt người đại diện của họ, đại diện của cơ sở giáo dục-nhà trường, tổ chức nơi bị cáo sinh hoạt, học tập, lao động, trừ trường hợp những người này không vì lý do bất khả kháng mà vắng mặt hoặc không do trở ngại khách quan [63]. Sự tham gia này được thực hiện theo những trình tự, thủ tục đặc biệt. Sau khi nhận được thông báo của Tòa án đang thụ lý giải quyết vụ án, vụ việc có người tham gia tố tụng là người dưới 18 tuổi về việc có mặt và tham gia tố tụng để bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho người dưới 18 tuổi thì người đại diện của họ, thầy cô giáo, đại diện cơ sở giáo dục-nhà trường, Tổ chức Đoàn Thanh niên, cơ quan, tổ chức khác nơi người dưới 18 tuổi sinh hoạt, lao động, học tập của họ phải có văn bản trả lời cho cơ quan có thẩm quyền tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng về họ tên, thông tin, địa chỉ liên lạc của người được cử để tham gia tố tụng; trường hợp cần thiết có thể báo tin trực tiếp, qua điện thoại hoặc phương tiện điện tử khác nhưng ngay sau đó phải gửi bằng văn bản. Trường hợp những đối tượng đã nêu vắng mặt tại phiên tòa mà có lý do chính đáng hoặc do trở ngại khách quan thì cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng có thể hoãn việc thực hiện hoạt động tố tụng hoặc yêu

cầu đại diện của nhà trường, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, cơ quan, tổ chức khác cử ngay người khác tham gia tố tụng để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người dưới 18 tuổi.

Thứ ba, việc xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa

Việc thực hiện thủ tục xét hỏi, tranh luận với người bị buộc tội-bị cáo, bị hại, người làm chứng tại phiên tòa phải được tiến hành phù hợp với lứa tuổi, khả năng phát triển của họ. Theo luật nhân quyền quốc tế, trong vấn đề này, cần chú ý đến các yếu tố sau đây:

Về ngôn ngữ và cách giao tiếp: Việc sử dụng ngôn ngữ đơn giản, rõ ràng, không mang tính đe dọa hay quá chuyên môn sẽ giúp cho người bị buộc tội dưới 18 tuổi hiểu rõ hơn và tham gia tích cực hơn vào quy trình tố tụng.

Về bố trí phòng xử án: Việc bố trí phòng xử án một cách thân thiện, bao gồm việc bố trí nội thất phù hợp, màu sắc thoải mái và không gian kín đáo sẽ giúp người bị buộc tội dưới 18 tuổi cảm thấy thoải mái hơn trong quá trình xét xử tại phiên tòa.

Sự mặt của người thân, giám hộ, hoặc các chuyên gia tâm lý: Sự có mặt của những chủ thể này có thể giúp người bị buộc tội dưới 18 tuổi cảm thấy an tâm hơn trong quá trình xét xử, tránh phải chịu áp lực và sự căng thẳng không cần thiết.

Những thủ tục đặc biệt nêu trên giúp cho việc xét xử được tiến hành một cách thân thiện, gần gũi với người bị buộc tội dưới 18 tuổi, qua đó không chỉ giúp bảo vệ quyền lợi của họ mà còn đóng góp vào việc tạo điều kiện cho một quy trình xét xử công bằng và hiệu quả.

2.4.2. Những yếu tố ảnh hưởng đến việc quyền được bảo đảm xét xử công bằng của người bị buộc tội dưới 18 tuổi tại phiên tòa hình sự

2.4.2.1. Yếu tố chính trị, pháp lý

Chế độ chính trị và hệ thống pháp luật là những yếu tố có ảnh hưởng sâu sắc đến cách thức xét xử NCTN phạm tội, và qua đó là đến việc bảo đảm quyền của người bị buộc tội dưới 18 tuổi tại phiên tòa hình sự.

Trước hết, nói về yếu tố chính trị. Chế độ chính trị quyết định bản chất của hệ thống pháp luật và các vấn đề như bảo vệ, bảo đảm quyền con người, cách thức tổ chức và hoạt động của hệ thống các cơ quan tư pháp. Vì vậy, các chế độ chính trị khác nhau sẽ tác động ít nhiều khác nhau đến việc xét xử NCTN nói chung và việc bảo đảm quyền của người bị buộc tội dưới 18 tuổi tại phiên tòa hình sự nói riêng. Trong các quốc gia có chế độ dân chủ, hệ thống tư pháp thường đề cao việc bảo vệ, bảo đảm quyền con người, bao gồm cả quyền của NCTN trong hoạt động tố tụng, vì thế cơ hội bảo đảm quyền của người bị buộc tội dưới 18 tuổi tại phiên tòa hình sự sẽ cao hơn. Thông thường, ở các nước có chế độ chính trị dân chủ, pháp luật thường tương thích ở mức độ cao với các tiêu chuẩn quốc tế về quyền trẻ em nói chung và về tư pháp với NCTN nói riêng. Hầu hết các nước dân chủ hiện đã có hệ thống tòa án vị thành niên riêng biệt nhằm bảo vệ và phục hồi thay vì chỉ trừng phạt NCTN phạm tội. Trong tố tụng hình sự ở những nước này, NCTN có quyền tiếp cận luật sư, được xét xử công bằng, được hưởng các chương trình phục hồi nhân phẩm. Quy trình xét xử NCTN phạm tội ở những nước này cũng thường rất minh bạch, đồng thời có sự giám sát của các tổ chức xã hội, các cơ quan báo chí, bao gồm các tổ chức nhân quyền. Ngược lại, trong các chế độ phi dân chủ, quyền con người thường bị xem nhẹ, dẫn đến việc xét xử NCTN mang tính răn đe hơn là giáo dục. Pháp luật ở những nước này thường khắc nghiệt, áp đặt hình phạt nặng ngay cả với NCTN. Trong quá trình tố tụng, NCTN có thể bị hạn chế quyền tiếp cận luật sư, bị xét xử như người trưởng thành, quy trình tố tụng có thể thiếu minh bạch, nhà nước không có các chương trình giáo dục phục hồi, thay vào đó là lao động cưỡng bức hoặc giam giữ kéo dài với NCTN phạm tội.

Liên quan đến yếu tố pháp lý, hệ thống pháp luật rất quan trọng trong việc bảo đảm quyền xét xử công bằng của người bị buộc tội dưới 18 tuổi, vì nó làm nền tảng quy định các nguyên tắc, trình tự thủ tục và cơ chế bảo vệ phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý của nhóm đối tượng này. Thông thường, một hệ thống pháp luật có khả năng bảo đảm quyền xét xử công bằng của

người bị buộc tội dưới 18 tuổi cần có tổ chức bộ máy và thể chế tư pháp riêng biệt cho NCTN để giúp phân biệt cách xử lý NCTN vi phạm pháp luật với người trưởng thành, qua đó bảo đảm người bị buộc tội dưới 18 tuổi được xét xử theo thủ tục phù hợp với độ tuổi, tâm lý và khả năng nhận thức của các em, cũng như tạo điều kiện cho các em được cải tạo và tham gia tái hòa nhập cộng đồng, thay vì chỉ trừng phạt nghiêm khắc. Các thiết chế và thể chế tư pháp với NCTN cũng cần đảm bảo về quyền bào chữa, quyền tiếp cận luật sư và các quyền khác của người bị buộc tội dưới 18 tuổi trong tố tụng hình sự, như quyền được có cha mẹ, người giám hộ tham gia trong quá trình thẩm vấn, quyền được đối xử nhân đạo, được bảo vệ sự riêng tư, được áp dụng các chế tài nhẹ hơn so với người đã thành niên phạm tội...

2.4.2.2. *Yếu tố kinh tế, xã hội, văn hoá*

Các yếu tố kinh tế, xã hội, văn hoá cũng có ảnh hưởng quan trọng đến việc bảo đảm quyền xét xử công bằng của người bị buộc tội-bị cáo dưới 18 tuổi tại phiên tòa hình sự.

Ảnh hưởng của yếu tố kinh tế đến việc bảo đảm quyền xét xử công bằng của người bị buộc tội-bị cáo dưới 18 tuổi thể hiện qua sự biến đổi của nó đến chất lượng tư pháp với NCTN của quốc gia, cũng như đến khả năng tiếp cận dịch vụ pháp lý của người bị buộc tội dưới 18 tuổi. Các quốc gia có nền kinh tế phát triển họ đầu tư xây dựng một hệ thống chặt chẽ về tư pháp hiện đại, tòa án NCTN chuyên biệt, thẩm phán được đào tạo bài bản về tâm lý trẻ em, và cơ sở giam giữ đạt chuẩn nhân đạo, qua đó tạo điều kiện để bảo đảm các quyền của NCTN trong tố tụng hình sự nói chung, quyền xét xử công bằng của người bị buộc tội-bị cáo dưới 18 tuổi nói riêng. Trong khi đó, ở các nước có nền kinh tế kém phát triển, hệ thống tư pháp có thể thiếu nguồn lực, dẫn đến tình trạng chậm xét xử, thiếu thẩm phán chuyên trách, và môi trường giam giữ không đảm bảo. Hậu quả là các quyền của NCTN trong tố tụng hình sự nói chung, quyền xét xử công bằng của người bị buộc tội-bị cáo dưới 18 tuổi nói riêng có thể không được bảo đảm một cách hiệu quả.

Xét về khả năng tiếp cận dịch vụ pháp lý, ở các nước có nền kinh tế phát triển, nhà nước có đủ nguồn lực để cung cấp các dịch vụ trợ giúp pháp lý cho NCTN miễn phí, qua đó bảo đảm quyền xét xử công bằng của người bị buộc tội dưới 18 tuổi. Ngược lại, ở các nước có nền kinh tế kém phát triển, nhà nước không thể duy trì hệ thống dịch vụ trợ giúp pháp lý một cách miễn phí, vì vậy một số người bị buộc tội dưới 18 tuổi và gia đình của các em có thể không đủ khả năng thuê luật sư, dẫn đến hậu quả là không được bảo vệ đầy đủ trong quá trình xét xử, quyền được xét xử công bằng của các em cũng bị ảnh hưởng. Việc không nhận được sự hỗ trợ pháp lý đầy đủ có thể dẫn đến nguy cơ một số người bị buộc tội dưới 18 tuổi bị đối xử không bình đẳng, bị kết án oan sai hoặc phải chịu hình phạt nặng hơn mức cần thiết.

Ảnh hưởng của các yếu tố xã hội, văn hoá đến việc bảo đảm quyền xét xử công bằng của người bị buộc tội dưới 18 tuổi thể hiện rõ nét thông qua tác động của cộng đồng, gia đình, dư luận công chúng đến quá trình xét xử. Ở những quốc gia nơi mà cộng đồng, gia đình và các cơ quan báo chí có hiểu biết đúng đắn về tư pháp với NCTN thì sẽ có những biểu hiện khoan dung với người bị buộc tội dưới 18 tuổi và có những biện pháp hỗ trợ để bảo đảm họ được xét xử công bằng. Ngược lại, ở những nước mà cộng đồng, gia đình và các cơ quan báo chí thiếu hiểu biết về tư pháp với NCTN, đặc biệt là có những định kiến xấu về NCTN phạm tội, thì sẽ có thái độ khắc nghiệt, bỏ mặc hoặc kỳ thị các em. Điều này gián tiếp gây tác động tiêu cực đến việc bảo đảm quyền xét xử công bằng của người bị buộc tội dưới 18 tuổi.

Ngoài ra, xét riêng về khía cạnh xã hội, ảnh hưởng của yếu tố xã hội đến việc bảo đảm quyền xét xử công bằng của người bị buộc tội dưới 18 tuổi còn thể hiện thông qua vai trò của các tổ chức xã hội trong vấn đề này. Ở những nước mà có nhiều tổ chức xã hội quan tâm, hoạt động ở lĩnh vực công nhận, bảo vệ, giáo dục, chăm sóc trẻ em thì cơ hội bảo đảm quyền xét xử công bằng của người bị buộc tội dưới 18 tuổi sẽ cao hơn những nước khác, bởi lẽ các tổ chức xã hội có vai trò đóng góp cho việc vận động, hỗ trợ và

giám sát quá trình xét xử để đảm bảo NCTN phạm tội được xét xử một cách công bằng, đúng theo các tiêu chuẩn quốc tế về tư pháp với NCTN.

Cũng xét riêng về khía cạnh văn hoá, những đặc điểm của nền văn hoá ở mỗi quốc gia, cụ thể là các quan niệm về đạo đức, giá trị của các nền văn hoá thường có tác động sâu sắc đến cách một xã hội tiếp cận việc xét xử NCTN như thế nào. Tùy thuộc vào truyền thống văn hoá, hệ thống tư pháp của một quốc gia có thể nghiêng về sự khoan hồng, giáo dục hay trừng phạt khi xử lý NCTN phạm tội, và điều này cũng có ảnh hưởng trực tiếp đến việc bảo đảm quyền xét xử công bằng của người bị buộc tội dưới 18 tuổi.

2.4.2.3. Yếu tố quốc tế

Pháp luật quốc tế, áp lực từ dư luận quốc tế và hoạt động của các tổ chức quốc tế về quyền con người cũng đóng vai trò quan trọng trong việc bảo đảm quyền xét xử công bằng cho người bị buộc tội dưới 18 tuổi ở các quốc gia, thông qua việc tác động đến chính sách, luật pháp và biện pháp tổ chức, hoạt động của hệ thống tư pháp về NCTN nói chung, của toà án về NCTN nói riêng ở các quốc gia trên thế giới.

Ảnh hưởng của pháp luật quốc tế trong vấn đề này thể hiện qua một loạt điều ước và văn kiện quốc tế về nhân quyền có liên quan đến tư pháp với NCTN, mà trong đó đã đặt ra những tiêu chuẩn rất toàn diện và cụ thể về bảo vệ quyền của NCTN trong tố tụng hình sự. Tiêu biểu trong số đó là Công ước Liên Hợp Quốc về Quyền Trẻ em (CRC) năm 1989 (các Điều 37 và 40 quy định rằng trẻ em phạm tội phải được xét xử một cách công bằng, có quyền bào chữa và được đối xử nhân đạo); Quy tắc Bắc Kinh năm 1985, trong đó nêu ra những hướng dẫn cụ thể về hệ thống tư pháp vị thành niên của các quốc gia mà nhấn mạnh việc sử dụng biện pháp giáo dục, phục hồi thay vì trừng phạt cũng như yêu cầu phải hạn chế giam giữ và bảo đảm NCTN phạm tội có cơ hội tái hòa nhập xã hội; Hướng dẫn Riyadh năm 1990 về phòng ngừa hành vi phạm tội của NCTN, trong đó khuyến nghị các quốc gia tập trung vào giáo dục, phúc lợi xã hội để giảm thiểu tình trạng phạm tội ở nhóm xã hội này... Những văn kiện quốc tế đã nêu đã có tác động lớn đến hệ thống

tư pháp của nhiều quốc gia theo hướng nâng cao việc bảo đảm các quyền con người của NCTN trong tố tụng hình sự, bao gồm quyền được xét xử công bằng trong các phiên tòa hình sự.

Ảnh hưởng của các tổ chức quốc tế đến quyền được bảo đảm xét xử công bằng cho người bị buộc tội dưới 18 tuổi thể hiện qua vai trò không thể thiếu của một số tổ chức quốc tế trong việc hỗ trợ, giám sát và thúc đẩy hệ thống tư pháp NCTN trên thế giới. Những cơ quan quốc tế liên chính phủ tiêu biểu trong vấn đề này đó là Quỹ Nhi đồng Liên hợp quốc (UNICEF) mà có vai trò hỗ trợ các chương trình bảo vệ quyền trẻ em, cải thiện hệ thống tư pháp trẻ em ở các quốc gia; Văn phòng Cao uỷ Nhân quyền của Liên hợp quốc (OHCHR) mà có vai trò giám sát và báo cáo các vi phạm quyền của NCTN trong tố tụng hình sự ở các quốc gia; Cơ quan phòng chống tội phạm và ma túy của Liên hợp quốc (UNODC) mà có vai trò hỗ trợ các quốc gia xây dựng chính sách tư pháp vị thành niên công bằng... Bên cạnh đó, một số tổ chức phi chính phủ quốc tế cũng có vai trò hỗ trợ, giám sát và vận động các nước trong việc xây dựng, vận hành hệ thống tư pháp NCTN, qua đó bảo đảm quyền xét xử công bằng của người bị buộc tội dưới 18 tuổi.

2.5. QUYỀN ĐƯỢC BẢO ĐẢM XÉT XỬ CÔNG BẰNG CỦA NGƯỜI BỊ BUỘC TỘI DƯỚI 18 TUỔI TRONG LUẬT QUỐC TẾ VỀ QUYỀN CON NGƯỜI VÀ PHÁP LUẬT CỦA MỘT SỐ NƯỚC: NHỮNG YÊU CẦU ĐẶT RA VÀ GIÁ TRỊ THAM KHẢO CHO VIỆT NAM

2.5.1. Quyền được bảo đảm xét xử công bằng của người bị buộc tội dưới 18 tuổi trong luật quốc tế về quyền con người và những yêu cầu đặt ra với Việt Nam

2.5.1.1. Bảo đảm quyền được xét xử công bằng của người bị buộc tội dưới 18 tuổi trong luật quốc tế về quyền con người

Pháp luật quốc tế về QCN ghi nhận quyền xét xử công bằng của bị cáo nói chung và quyền của người bị buộc tội dưới 18 tuổi nói riêng trong nhiều văn kiện. Nội dung của quyền này được thể hiện qua nhiều nguyên tắc và tiêu chuẩn khác nhau trong TTHS. Một số nguyên tắc và tiêu chuẩn được dùng chung cho

tất cả các bị cáo, trong khi một số khác chỉ áp dụng cho người bị buộc tội dưới 18 tuổi (hay NCTN theo cách gọi phổ biến trong luật quốc tế về QCN).

Trong số các nguyên tắc và tiêu chuẩn nêu trên, nguyên tắc quan trọng nhất là cá nhân có quyền bình đẳng, không thiên vị trước tòa án và được xét xử bởi sự độc lập của Tòa án và vô tư, khách quan. Nguyên tắc này được ghi nhận tại Điều 10 và 11 Tuyên ngôn toàn thế giới về nhân quyền (UDHR) năm 1948, các Điều 14, 15 ICCPR 1966, dưới hình thức một quyền cơ bản của con người. Ví dụ, Điều 10 của UDHR quy định: “Mọi người đều có quyền được xét xử công bằng và công khai bởi một tòa án độc lập và vô tư trong việc xác định các quyền và nghĩa vụ của mình cũng như bất kỳ buộc tội hình sự đối với anh ta” [32]. Khoản 1 Điều 14 ICCPR cũng nêu rõ: “Mọi người đều bình đẳng trước tòa án trong việc xác định bất kỳ cáo buộc hình sự nào đối với anh ta, hoặc về các quyền và nghĩa vụ trong một vụ kiện theo pháp luật. Mọi người đều có quyền được xét xử công bằng và công khai bởi một tòa án có thẩm quyền, độc lập và vô tư được thành lập theo pháp luật” [33].

Bình luận chung số 13 của Ủy ban Nhân quyền Liên Hợp quốc (UNHRC) khẳng định quyền được xét xử công bằng là biện pháp giúp bảo đảm công lý được thực thi. Quyền này có nghĩa là các đương sự đều bình đẳng về địa vị pháp lý trước Tòa án, Thẩm phán, đều có quyền được bào chữa, xét xử công khai bởi một cơ quan tòa án có thẩm quyền, độc lập và tòa án công bằng được thành lập theo pháp luật. Tiếp sau đó, Bình luận chung số 32 của UNHRC (thay thế Bình luận chung số 13) khẳng định: “Quyền được bình đẳng trước tòa án và xét xử công bằng là yếu tố then chốt của việc bảo vệ nhân quyền và đóng vai trò như một phương tiện mang tính thủ tục để bảo vệ pháp quyền”.

Bên cạnh các quy định chung về quyền được xét xử công bằng, luật quốc tế về QCN cũng có các văn bản hướng cụ thể đến bảo vệ người bị buộc tội dưới 18 tuổi. Theo đó, NCTN làm trái pháp luật phải được hưởng những

bảo đảm tố tụng ít nhất cũng ngang bằng với những bảo đảm áp dụng với những người đã thành niên. Việc thi hành tố tụng với những NCTN làm trái pháp luật cần quan tâm xem xét về độ tuổi của họ và mục đích khuyến khích họ hoàn lương, mà thể hiện qua các khía cạnh như: xác định độ tuổi tối thiểu phải chịu trách nhiệm hình sự và độ tuổi tối đa một người có thể được coi là chưa thành niên; xây dựng thiết chế tòa án, pháp luật và các thủ tục tố tụng đặc biệt để áp dụng với NCTN và bảo đảm rằng những luật và thủ tục đặc biệt đó đã tính đến mục đích khuyến khích các em hoàn lương.

Các điều ước, cam kết pháp lý quốc tế quan trọng có tác dụng trực tiếp nhất trong hoạt động bảo đảm quyền được xét xử một cách công bằng cho người bị buộc tội dưới 18 tuổi bao gồm: CRC 1989; Hướng dẫn của tổ chức LHQ về phòng ngừa đối với phạm pháp ở NCTN (Hướng dẫn Riyadh, 1990); Quy tắc tiêu chuẩn tối thiểu của tổ chức LHQ về áp dụng pháp luật với NCTN (Các Quy tắc Bắc Kinh, 1985); Quy tắc của tổ chức Liên Hợp quốc về bảo vệ NCTN bị tước quyền tự do, 1990. Đây là các văn bản pháp lý quốc tế tạo hành lang tối thiểu bảo đảm các quyền của người bị buộc tội dưới 18 tuổi khi xét xử. Theo đó, Các quy tắc Bắc Kinh nhấn mạnh mục đích của việc áp dụng pháp luật với NCTN là phải luôn phù hợp với hoàn cảnh và mức độ của tội phạm. Các quốc gia thành viên đều phải cố gắng xây dựng một hệ thống pháp luật, những quy tắc, quy định áp dụng riêng đối với trẻ em phạm tội. Trong khi đó, Hướng dẫn Riyadh khẳng định sự cần thiết và tầm quan trọng của các chính sách tiến bộ về phòng ngừa phạm pháp ở NCTN, như tạo cơ hội để đáp ứng các nhu cầu khác nhau của NCTN, phát triển các chương trình và công việc dựa vào cộng đồng để phòng ngừa tình trạng phạm pháp ở NCTN... [36].

Có thể khái quát rằng, mục tiêu quan trọng nhất của các cam kết, điều ước quốc tế về quyền được xét xử công bằng cho người bị buộc tội dưới 18 tuổi là xác định các nguyên tắc tư pháp thân thiện với trẻ em. Cụ thể như sau:

Thứ nhất, nguyên tắc không phân biệt đối xử

Nguyên tắc này được ghi nhận tại Điều 2 của CRC: “1. Các Quốc gia thành viên phải tôn trọng và bảo đảm những quyền được nêu ra trong Công ước này đối với mọi trẻ em thuộc quyền tài phán của họ mà không có bất cứ sự phân biệt đối xử nào về chủng tộc, màu da, giới tính, ngôn ngữ, tôn giáo, quan điểm chính trị hoặc quan điểm khác, nguồn gốc dân tộc, sắc tộc hay xã hội, tài sản, khuyết tật, thành phần xuất thân hay địa vị khác của trẻ em hoặc cha mẹ hay người giám hộ hợp pháp của trẻ em đó.

2. Các Quốc gia thành viên phải thi hành mọi biện pháp thích hợp để bảo đảm cho trẻ em được bảo vệ trước mọi hình thức phân biệt đối xử hoặc trừng phạt vì các lý do địa vị, hoạt động, những ý kiến phát biểu hoặc tín ngưỡng của cha mẹ, người giám hộ pháp lý hoặc những thành viên khác trong gia đình của trẻ em” [35]. Ủy ban về quyền trẻ em cũng đã bày tỏ sự quan tâm chung đến các nhóm trẻ em dễ bị tổn thương nhất định, như trẻ em trong hệ thống tư pháp NCTN, “về những trường hợp mà các tiêu chí tự nhiên mang tính chủ quan và không gò bó vẫn còn phổ biến trong việc đánh giá trách nhiệm hình sự của trẻ em và đưa ra quyết định sẽ áp dụng biện pháp nào”¹.

Thứ hai, nguyên tắc lợi ích tốt nhất dành cho trẻ em

Điều 3 (1) của CRC ghi nhận nguyên tắc vì những lợi ích tốt nhất cho trẻ em. Quy tắc Bắc Kinh cũng nêu rõ nguyên tắc này bằng việc quy định các thủ tục tố tụng phải nhằm bảo đảm những lợi ích cao nhất cho người dưới 18 tuổi và được thực hiện trong không gian hiểu biết, cho phép NCTN được tham gia và bày tỏ quan điểm, ý kiến của mình.

Thứ ba, nguyên tắc về hệ thống tư pháp riêng cho trẻ em

Quyền được xét xử theo thủ tục riêng đối với người bị buộc tội dưới 18 tuổi được ghi nhận trong nhiều cam kết, ràng buộc pháp lý quốc tế về nhân quyền, tiêu biểu là Điều 14/4 ICCPR quy định thủ tục áp dụng đối với NCTN

¹ Tài liệu của Liên Hợp quốc CRC/C/46, Báo cáo về phiên họp thứ 10(1995), đoạn 218.

phải xem xét đến độ tuổi và khuyến khích sự phục hồi của trẻ. Theo Điều 40/2/b CRC, các quyền của trẻ em phải được bảo đảm kể cả khi trẻ em bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Quy tắc Bắc Kinh năm 1985 cũng đã dành nhiều quy định về quyền lợi đặc biệt cho NCTN. Ngoài ra, Quy tắc của LHQ về bảo vệ NCTN bị tước quyền tự do năm 1990, bên cạnh việc quy định rất nhiều bảo đảm đối với NCTN, cũng nhấn mạnh quyền có luật sư tham gia bào chữa và được yêu cầu dịch vụ trợ giúp pháp lý không phí trong giai đoạn chờ xét xử của họ (khoản 18 Phần III).

Về vấn đề này, Ủy ban về quyền trẻ em đã ban hành Bình luận chung số 24 (2019) về quyền trẻ em trong hệ thống tư pháp NCTN. Mục D đoạn 38 khẳng định, Điều 40(2) của Công ước hàm ý một danh sách quan trọng mang tính chất tối thiểu về các quyền để bảo đảm rằng mọi trẻ em đều được đối xử công bằng trong TTHS. Nhằm duy trì những bảo đảm tối thiểu này, Ủy ban nhấn mạnh việc đào tạo liên tục và có hệ thống các chuyên gia trong hệ thống tư pháp NCTN là rất cần thiết. Nhóm chuyên gia này cần phải được trang bị thông tin về sự phát triển tâm lý và tinh thần của trẻ em và thanh thiếu niên, cũng như về các nhu cầu của trẻ em bị thiệt thòi nhất. Đoạn 44 của văn kiện này giải thích nguyên tắc suy đoán không có tội, theo đó bên nguyên phải có trách nhiệm chứng minh lời buộc tội, bất kể bản chất của hành vi phạm tội. Bị cáo là NCTN chỉ bị xem là phạm tội nếu các cáo buộc đã được chứng minh. Hành vi đáng ngờ từ phía bị cáo không nên dẫn đến giả định về tội lỗi, vì nó có thể là do sự thiếu hiểu biết về quy trình tố tụng, sự non nớt, sợ hãi hoặc các lý do khác. Đoạn 46 của tài liệu này nêu rõ, trẻ em có quyền được lắng nghe trực tiếp, không chỉ thông qua người đại diện, ở tất cả các giai đoạn của quá trình TTHS, bắt đầu từ thời điểm tiếp xúc. Trẻ có quyền giữ im lặng và không được suy luận bất lợi khi trẻ quyết định không đưa ra lời khai.

Bình luận chung số 32 của Ủy ban nhân quyền về quyền bình đẳng, không thiên vị trước cơ quan tòa án và quyền được xét xử một cách công

bằng cũng giải thích rõ: Điều 14 khoản 4 của ICCPR yêu cầu trong trường hợp NCTN, các thủ tục cần tính đến yếu tố tuổi tác và thúc đẩy tham gia tái hòa nhập họ vào cộng đồng. NCTN cần có những bảo vệ, bảo đảm tối thiểu so với người trưởng thành như nêu ở Điều 14 của Công ước. Ngoài ra, NCTN cần được nhà nước bảo đảm bằng cơ chế bảo vệ đặc biệt trong TTHS, cụ thể là được thông báo công khai, trực tiếp về tội danh cáo buộc với họ; được cung cấp những hỗ trợ thích hợp để chuẩn bị và trình bày bào chữa; không được trì hoãn tiến hành xét xử mà phải tiến hành càng sớm càng tốt, có sự tham gia của người bào chữa- luật sư và được cung cấp dịch vụ hỗ trợ khác có liên quan đến trách nhiệm của cha, mẹ hoặc người giám hộ pháp luật quy định, trừ trường hợp những hành động đó không được coi là vì lợi ích tốt nhất của trẻ và làm tổn hại đến trẻ em. Cần tránh đến mức có thể việc tạm giam NCTN. Đồng thời, cần có những biện pháp để thiết lập mang tính hệ thống về tư pháp NCTN nhằm bảo đảm rằng NCTN đang được đối xử một cách phù hợp với độ tuổi của họ. Điểm quan trọng là phải xác lập một độ tuổi tối thiểu mà ở dưới tuổi đó, trẻ em và NCTN không bị xét xử về hình sự [130]. Trẻ em trên độ tuổi tối thiểu phải chịu trách nhiệm hình sự phải được coi là đủ năng lực tham gia trong suốt quá trình tố tụng. Trẻ được tham gia vào quá trình tố tụng cần được hỗ trợ bởi những người hiểu biết về tâm lý lứa tuổi, sử dụng ngôn ngữ mà trẻ hoàn toàn hiểu hiểu hoặc một thông dịch viên miễn phí. Các thủ tục tố tụng nên được triển khai trong sự hiểu biết để cho phép trẻ em tham gia đầy đủ [91].

Thứ tư, nguyên tắc cán bộ thực hành tư pháp đối với trẻ em

Ngày 21/7/1997, Hội đồng Kinh tế-Xã hội của Liên hợp quốc (ECOSOC) đã thông qua Nghị quyết số 1997/30 khuyến nghị các hướng dẫn làm việc với trẻ em trong hệ thống tư pháp hình sự. Đoạn 24 quy định tất cả những người tiếp xúc hoặc chịu trách nhiệm về trẻ em trong hệ thống tư pháp hình sự cần phải được đào tạo và tập huấn về QCN, về các nguyên tắc và quy

định của CRC cũng như các quy tắc và tiêu chuẩn khác của Liên Hợp quốc về hoạt động tư pháp liên quan đến NCTN; cần coi đây là một phần không thể thiếu trong các chương trình đào tạo chuyên môn của họ. Những người này bao gồm cảnh sát và các viên chức thực thi pháp luật khác; các thẩm phán, công tố viên, luật sư và những người làm công tác quản lý; các giám thị trại giam và những người khác làm việc tại các cơ sở giam giữ trẻ em - nơi trẻ em bị tước quyền tự do; các nhân viên y tế, cán bộ xã hội, nhân viên trong lực lượng gìn giữ hòa bình và những người làm các công tác chuyên môn khác liên quan đến hoạt động tư pháp với NCTN.

Đoạn 94 trong Bình luận chung số 10 của Ủy ban về quyền trẻ em khẳng định, các dịch vụ chuyên biệt như quản chế, tư vấn hoặc giám sát cần được cung cấp cùng với các cơ sở chuyên biệt, bao gồm cơ sở vật chất, để chăm sóc và điều trị nội trú cho trẻ em phạm tội. Với từng nhóm đối tượng trẻ em phạm tội, sự phối hợp hiệu quả các hoạt động của tất cả các đơn vị, dịch vụ chuyên biệt này là cần thiết. Bên cạnh đó, Quy tắc Bắc Kinh cũng yêu cầu cán bộ làm việc với NCTN vi phạm pháp luật hình sự cần được đào tạo thường xuyên dưới nhiều hình thức.

Thứ năm, nguyên tắc bảo đảm quyền riêng tư

Nhằm bảo đảm trẻ em trong hoạt động tư pháp không bị vi phạm quyền riêng tư, nhiều văn kiện pháp lý quốc tế đã ghi nhận các nguyên tắc tối thiểu. Quy tắc 8.1 và 8.2 trong Các Quy tắc Bắc Kinh 1985 nhấn mạnh tầm quan trọng của việc bảo vệ quyền riêng tư của NCTN, trong nêu rõ:

“8. Bảo vệ sự riêng tư

8.1. Quyền riêng tư của NCTN phải được tôn trọng trong tất cả các giai đoạn tố tụng, nhằm tránh những tổn hại gây ra do sự công khai hóa quá mức hay do sự quy chụp.

8.2. Về nguyên tắc, không được công bố những thông tin có thể dẫn đến việc nhận dạng người phạm tội chưa thành niên” [34].

Người chưa thành niên đặc biệt dễ bị tổn thương khi bị bắt, bị đánh đập. Các nghiên cứu tội phạm học về sự quy chụp đã cho chúng ta thấy về những ảnh hưởng tai hại (dưới nhiều dạng khác nhau) khi một NCTN vĩnh viễn bị coi là “người phạm pháp” hay “tội phạm”.

Quy tắc 8 nhấn mạnh vai trò quan trọng của việc bảo vệ NCTN khỏi những tác động bất lợi có thể có do các phương tiện truyền thông đưa tin về vụ việc (ví dụ như tên của những NCTN phạm tội, bị cáo buộc hay bị tuyên án). Lợi ích của NCTN trong trường hợp này cần được bảo vệ và đề cao. Trên cơ sở đó, Quy tắc 21 của Các Quy tắc Bắc Kinh 1985 cũng nhấn mạnh, hồ sơ vụ án có NCTN phạm tội phải được giữ kín và bí mật đối với người thứ ba. Quyền xem xét các hồ sơ này chỉ giới hạn trong những người có liên quan trực tiếp tới việc xét xử vụ án hay những nhà chức trách liên quan. Hồ sơ của NCTN phạm tội không được sử dụng trong những thủ tục tố tụng với người lớn trong những vụ án sau này có liên quan đến cùng một đối tượng phạm tội [34]. Quy tắc này cố gắng đạt được sự cân bằng giữa những lợi ích mâu thuẫn liên quan đến các hồ sơ, tài liệu: lợi ích của cảnh sát, của thẩm phán và các cơ quan hữu trách khác trong việc nâng cao quyền kiểm soát, với những lợi ích của NCTN phạm tội.

2.5.1.2. Những yêu cầu đặt ra với Việt Nam

Bảo đảm quyền được xét xử công bằng đối với người bị bắt, bị đánh đập dưới 18 tuổi đã được xác lập và quy định rõ ràng trong nhiều cam kết quốc tế quan trọng, trong đó bao gồm các điều ước, ràng buộc cam kết quốc tế mà Việt Nam đã tham gia (CRC, ICCPR) và vì thế có nghĩa vụ phải tuân thủ. Như vậy, để thực hiện đầy đủ các cam kết này, Việt Nam cần nội luật hóa các quy định của luật nhân quyền quốc tế về tư pháp với NCTN đã nêu ở mục trên và bảo đảm chúng được thực thi hiệu quả.

Trước hết, một trong những yêu cầu đặt ra đối với Việt Nam là phải có hệ thống pháp luật phản ánh đầy đủ các nguyên tắc của luật nhân quyền quốc

tế liên quan đến xét xử công bằng đối với người bị buộc tội dưới 18 tuổi. Các văn kiện như CRC và Quy tắc Bắc Kinh năm 1985 về quản lý tư pháp trẻ vị thành niên đều nhấn mạnh rằng trẻ em phải được xét xử bởi các tòa án chuyên biệt, với quy trình tố tụng thân thiện, gần gũi và thích hợp với lứa tuổi. Từ đó Việt Nam cần có hệ thống các biện pháp cụ thể để mở rộng mô hình tòa án vị thành niên, với đội ngũ thẩm phán, người bào chữa-luật sư, và cán bộ tư pháp được đào tạo chuyên sâu về tâm lý và quyền trẻ em.

Thứ hai, Việt Nam cần chú trọng nội luật hóa đầy đủ quyền được xét xử kịp thời, nhanh chóng, hiệu quả đối với người bị buộc tội dưới 18 tuổi. Theo luật nhân quyền quốc tế, việc kéo dài thời gian tố tụng có thể gây tổn hại nghiêm trọng đến tâm lý và sự phát triển của trẻ em. Mặc dù pháp luật Việt Nam đã ban hành các quy định liên quan thời hạn tố tụng, nhưng trên thực tế, việc xử lý các vụ án có liên quan đến trẻ em vẫn còn tình trạng chậm trễ. Từ lý do đó, đặt ra yêu cầu cần thiết phải tăng cường cải thiện hệ thống tư pháp, giảm thiểu các thủ tục không cần thiết và ưu tiên giải quyết nhanh chóng các vụ án liên quan đến người bị buộc tội dưới 18 tuổi.

Thứ ba, Việt Nam cần bảo đảm quyền được hỗ trợ pháp lý miễn phí cho người bị buộc tội dưới 18 tuổi trong suốt quá trình tố tụng, một yêu cầu quan trọng được đề cập trong CRC. Mặc dù Luật Trợ giúp pháp lý của Việt Nam đã quy định về hỗ trợ pháp lý cho trẻ em, nhưng việc thực hiện trên thực tế vẫn chưa đáp ứng đầy đủ. Số lượng luật sư và cán bộ trợ giúp pháp lý được đào tạo để làm việc với trẻ em còn hạn chế, dẫn đến nhiều trẻ em không được tiếp cận với sự hỗ trợ pháp lý thích hợp. Để khắc phục, Việt Nam cần đầu tư mạnh mẽ cho hoạt động đào tạo và phân bổ nguồn lực cho lĩnh vực trợ giúp pháp lý, đặc biệt là ở các vùng sâu, vùng xa.

Cuối cùng, Việt Nam cần tăng cường bảo đảm tính bảo mật và quyền riêng tư cho người bị buộc tội dưới 18 tuổi trong quá trình xét xử. Pháp luật Việt Nam đã có những điều khoản liên quan đến bảo mật thông tin, nhưng

việc thực thi vẫn còn những khoảng trống. Trong nhiều trường hợp, thông tin cá nhân của người bị buộc tội dưới 18 tuổi bị tiết lộ, gây ra những hậu quả nghiêm trọng đối với tâm lý và cuộc sống sau này của họ. Việt Nam cần sửa đổi, bổ sung các quy định pháp luật để bảo đảm rằng việc xét xử các vụ án liên quan đến trẻ em, người bị buộc tội dưới 18 tuổi được tiến hành kín đáo, với các biện pháp bảo vệ nghiêm ngặt để tránh tổn hại đến danh dự và quyền riêng tư của trẻ em và người bị buộc tội dưới 18 tuổi.

Tóm lại, luật nhân quyền quốc tế đặt ra nhiều yêu cầu với Việt Nam trong việc hoàn thiện thể chế về tư pháp NCTN, đòi hỏi cần thực hiện các cải cách pháp luật toàn diện và bảo đảm rằng các quy định về quyền được xét xử công bằng đối với người bị buộc tội dưới 18 tuổi không chỉ tồn tại trên văn bản mà còn được triển khai thực hiện hiệu quả trong thực tiễn. Điều này không chỉ giúp Việt Nam hoàn thành các cam kết quốc tế mà còn góp phần xây dựng một hệ thống tư pháp tiến bộ, bảo vệ tốt hơn quyền và lợi ích của trẻ em trong TTTHS.

2.5.2. Quyền được bảo đảm xét xử công bằng của người bị buộc tội dưới 18 tuổi trong pháp luật của một số nước và giá trị tham khảo cho Việt Nam

2.5.2.1. Bảo đảm quyền được xét xử công bằng của người bị buộc tội dưới 18 tuổi trong pháp luật của một số nước

Hệ thống tư pháp với NCTN hiện đã được xây dựng và thực hiện ở nhiều quốc gia trên thế giới, tuy nhiên, Thái Lan, Thụy Điển, Anh và Pháp là 04 quốc gia được nghiên cứu sinh lựa chọn để nghiên cứu kinh nghiệm về quyền được bảo đảm xét xử công bằng của người bị buộc tội dưới 18 tuổi ở góc độ pháp luật và thực tiễn. Lý do là bởi đây là 04 quốc gia có hệ thống pháp luật phát triển và hoạt động hiệu quả về tư pháp NCTN, trong đó đặc biệt Thái Lan là quốc gia nằm trong khu vực Đông Nam Á, có sự tương đồng cao về văn hóa và vị trí địa lý với Việt Nam.

(1) Bảo đảm quyền được xét xử công bằng của người bị buộc tội-bị cáo dưới 18 tuổi theo pháp luật Thái Lan

Thái Lan, quốc gia nằm ở khu vực Đông Nam Á có hệ thống tư pháp tiên bộ trong việc xét xử NCTN. Chính phủ nước này đã thực hiện nhiều cải cách nhằm đảm bảo các quyền NCTN trong các phiên toà hình sự, phù hợp với các chuẩn mực quốc tế, đặc biệt là CRC.

Ngay từ năm 1952, Thái Lan đã thành lập Tòa án NCTN trung ương. Theo đó, khi vi phạm pháp luật, những người dưới 18 tuổi sẽ được áp dụng biện pháp xử lý và thủ tục tố tụng đặc biệt, đồng thời, người tiến hành tố tụng trong các vụ việc có đối tượng này phải là những người am hiểu chuyên sâu về tâm lý, y tế, công tác xã hội và giám sát. Tòa án NCTN trung ương Thái Lan còn được trao thẩm quyền giải quyết một số trường hợp tranh chấp gia đình có liên quan đến hạnh phúc và lợi ích của NCTN.

Theo quy định tại Điều 72 BLHS Thái Lan thì trẻ em dưới 7 tuổi vi phạm pháp luật sẽ không phải chịu hình phạt, gánh chịu hậu quả pháp lý vì trẻ em độ tuổi này không thể tự chịu trách nhiệm về hành vi của mình. Điều 74 BLHS Thái Lan quy định trẻ em có tuổi từ 7 đến 14 nếu phạm tội thì sẽ bị Tòa án xét xử, nhưng phán quyết của Tòa án là những biện pháp xử lý đặc biệt như đưa vào một nhà trường cải tạo hoặc gửi em phạm tội đó đến một người hay tới một cơ quan nào đó mà Tòa án cho rằng có khả năng thích hợp với điều kiện cải tạo, giáo dục tốt nhất cho trẻ em đó. BLHS Thái Lan cũng nêu rõ, NCTN từ 14 đến 17 tuổi có thể bị xử phạt hình sự nhưng được hưởng hình phạt đặc biệt; trước khi xét xử, Tòa án sẽ nghiên cứu kỹ hoàn cảnh, nhân thân của NCTN. Điều 75 BLHS Thái Lan quy định, NCTN bị bắt phải đưa ngay tức khắc đến trại tạm giữ trong vòng 24 giờ đồng hồ [9], Điều 50 Luật tổ chức Tòa án NCTN và gia đình năm 1992 của Thái Lan quy định rằng, trong thời gian 30 ngày tạm giữ, công tố viên là người được phân công giải quyết vụ việc phải hoàn thành thủ tục và đưa vụ việc và người vi phạm ra xét xử tại

Tòa án NCTN [38]. Điều 37(b) quy định, tạm giam là biện pháp chỉ được dùng khi nó như một biện pháp cuối cùng và trong thời hạn đảm bảo thích hợp, ngắn nhất; trong thời gian bị áp dụng biện pháp tạm giam, NCTN vẫn được chăm sóc đầy đủ và kiểm tra sức khỏe định kỳ mà không mất phí.

Cũng theo BLHS Thái Lan, Hội đồng xét xử NCTN phạm tội gồm 02 thẩm phán chuyên nghiệp, 02 Hội thẩm nhân dân và bắt buộc một trong hai Hội thẩm phải có 01 người là nữ. Tùy theo điều kiện cụ thể, việc kháng cáo, kháng nghị có thể được giải quyết tại phiên tòa NCTN của Tòa phúc thẩm. Trong những trường hợp nhất định, kháng cáo, kháng nghị có thể chuyển cho phân tòa NCTN của Tòa án tối cao Thái Lan giải quyết.

Xét tổng quát, những kinh nghiệm tốt của Thái Lan trong việc bảo đảm quyền xét xử công bằng cho người bị buộc tội dưới 18 tuổi có thể tổng hợp như sau:

Thứ nhất, hệ thống tòa án trẻ em và gia đình chuyên biệt: Thái Lan có hệ thống Tòa án Trẻ em và Gia đình (Juvenile and Family Court) riêng biệt, không xét xử chung với người trưởng thành. Các thẩm phán được phân công, công tố viên và luật sư làm việc trong hệ thống tòa án này đều được đào tạo bài bản, chuyên sâu về lĩnh vực tâm lý trẻ em. Môi trường xét xử được thiết kế thân thiện, ít căng thẳng, tránh gây tổn thương tinh thần cho trẻ.

Thứ hai, bảo đảm quyền tiếp cận luật sư bào chữa và dịch vụ hỗ trợ pháp lý miễn phí: Mọi người bị buộc tội dưới 18 tuổi ở Thái Lan đều được tiếp cận luật sư miễn phí từ giai đoạn điều tra. Chính phủ và các tổ chức xã hội được thành lập các trung tâm cung cấp dịch vụ trợ giúp pháp lý để hỗ trợ bị cáo, gia đình của họ trong quá trình xét xử. Người bị buộc tội dưới 18 tuổi còn non nớt về nhận thức và điều khiển hành vi có quyền có người giám hộ hoặc nhân viên xã hội hỗ trợ trong suốt quá trình tố tụng.

Thứ ba, quy trình xét xử thân thiện: Ở Thái Lan, khi xét xử, thẩm phán không mặc đồng phục nghiêm trang để giảm bớt áp lực tâm lý cho bị

cáo là người dưới 18 tuổi. Ngôn ngữ sử dụng tại phiên tòa đơn giản, dễ hiểu để trẻ có thể tham gia phiên tòa một cách hiệu quả. Người bị buộc tội dưới 18 tuổi được thẩm vấn trong môi trường kín đáo, tránh để bị kỳ thị hoặc áp lực từ dư luận.

Thứ tư, hạn chế hình phạt giam giữ, ưu tiên các giải pháp phục hồi và tái hòa nhập: Luật pháp Thái Lan quy định chỉ giam giữ trẻ em khi không còn biện pháp nào khác. Nếu bị giam giữ, trẻ được đưa vào trung tâm giáo dục và phục hồi, nơi có chương trình đào tạo nghề, giáo dục nhân cách. Chính phủ có các chương trình hỗ trợ tái hòa nhập sau khi trẻ chấp hành xong hình phạt, giúp trẻ có cơ hội làm lại cuộc đời.

(2) Bảo đảm quyền được xét xử công bằng của người bị buộc tội-bị cáo dưới 18 tuổi theo pháp luật Thụy Điển

Thụy Điển là một trong những quốc gia có hệ thống tư pháp tiên bộ và nhân văn nhất thế giới, đặc biệt là trong việc bảo vệ quyền của trẻ em trong TTHS.

Hiến pháp Thụy Điển quy định, người bị buộc tội dưới 18 tuổi được hưởng quyền suy đoán không có tội, có quyền được thông báo kịp thời và chi tiết về các cáo buộc chống lại họ và có quyền được xét xử không thiên vị, kịp thời và công khai [24]. Những vụ án có tính chất nhạy cảm, bao gồm cả những vụ án liên quan đến trẻ em, hiệp dân và an ninh quốc gia, có thể không được xét xử công khai, dù vậy người bị buộc tội dưới 18 tuổi vẫn được phép có mặt tại phiên tòa và có quyền tham khảo ý kiến của luật sư mà họ lựa chọn, có đủ thời gian và phương tiện để chuẩn bị bào chữa, được thông dịch ngôn ngữ miễn phí theo yêu cầu kể từ thời điểm bị buộc tội và trong suốt quá trình xét xử. Người bị buộc tội dưới 18 tuổi có thể đối chất hoặc thẩm vấn các nhân chứng của bên công tố hoặc nguyên đơn và đưa ra các nhân chứng và bằng chứng của mình. Họ không bị buộc phải làm chứng hoặc thú nhận tội lỗi. Nếu bị kết tội, bị cáo có quyền kháng cáo.

Theo Luật hình sự Thụy Điển [10], trẻ dưới 15 tuổi không bị cáo buộc hình sự. Thụy Điển không có tòa án NCTN; thanh thiếu niên từ 15 tuổi trở lên bị xét xử trong hệ thống tư pháp hình sự giống như những người phạm tội khác, nhưng sẽ có đội ngũ thẩm phán chuyên biệt phụ trách về tư pháp với NCTN. Nhà nước Thụy Điển chính thức công nhận rằng tuổi trẻ giúp giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và do đó đưa ra mức án ngắn hơn cho những bị cáo là người dưới 18 tuổi.

Bộ luật TTHS Thụy Điển không qui định cụ thể tại điều luật nào về nguyên tắc bảo đảm quyền bào chữa cho bị can, bị cáo, nhưng nó được thể hiện tản mạn ở những điều luật khác. Ví dụ, mục 3 Chương 21 Bộ luật này quy định: “Người bị tình nghi có quyền được giúp đỡ bởi người bào chữa...”. Mục 4 Chương 21 còn qui định cụ thể: “Nếu người bị tình nghi là người NCTN thì người giám hộ của họ sẽ có quyền thay mặt họ thực hiện quyền bào chữa tại phiên tòa nếu được Tòa án chấp nhận”. Điều này cho thấy pháp luật TTHS Thụy Điển đã thể chế hóa bởi Điều 40.2.b(II) của Công ước quốc tế về quyền trẻ em.

Thụy Điển có một hệ thống phúc lợi xã hội rất tốt và hệ thống này cũng được sử dụng để hỗ trợ những NCTN phạm tội, cũng như hỗ trợ NCTN đã chấp hành hình phạt tù không tái phạm, hòa nhập cộng đồng. Mối quan hệ giữa hệ thống phúc lợi và tư pháp hình sự của Thụy Điển có vẻ khác biệt đáng kể so với nhiều nước, song sự hỗ trợ bắt buộc của hệ thống phúc lợi với NCTN phạm tội là rất đáng chú ý [108, pp.625-650].

Xét tổng quát, những kinh nghiệm tốt của Thụy Điển trong những quy định của pháp luật về bảo đảm quyền xét xử công bằng cho người bị buộc tội dưới 18 tuổi có thể tổng hợp như sau:

Thứ nhất, không xét xử trẻ em dưới 15 tuổi: Trẻ em dưới 15 tuổi không bị truy tố hình sự tại Thụy Điển, thay vào đó được xử lý bởi hệ thống phúc lợi xã hội. Nếu một trẻ em dưới 15 tuổi vi phạm pháp luật, cơ quan xã hội sẽ can

thiệp và áp dụng các biện pháp giám sát, giáo dục, hoặc hỗ trợ tâm lý thay vì trừng phạt. Điều này giúp tạo điều kiện phục hồi tốt hơn cho nhiều trẻ em.

Thứ hai, xét xử thân thiện và bảo vệ danh tính trẻ em: Các vụ án có người bị buộc tội dưới 18 tuổi ở Thụy Điển thường được xét xử kín để bảo vệ danh tính và tránh cho bị cáo khỏi bị kỳ thị từ xã hội. Môi trường xét xử của toà án thân thiện, không sử dụng ngôn ngữ quá pháp lý hoặc gây áp lực tâm lý với bị cáo. Người bị buộc tội dưới 18 tuổi không phải đối diện với nạn nhân hoặc nhân chứng trong phòng xử án để giúp họ tránh tâm lý sợ hãi hoặc căng thẳng.

Thứ ba, người bị buộc tội dưới 18 tuổi luôn có luật sư và nhân viên xã hội hỗ trợ: Mọi trẻ em bị cáo buộc phạm tội ở Thụy Điển đều có quyền có luật sư miễn phí, do Chính phủ chỉ định nếu gia đình không có khả năng chi trả. Ngoài ra, người bị buộc tội dưới 18 tuổi còn được hỗ trợ bởi nhân viên xã hội hoặc nhà tâm lý học trong suốt quá trình tố tụng. Người bị buộc tội dưới 18 tuổi không bị thẩm vấn đơn độc, mà theo pháp luật Thụy Điển, phải có người giám hộ hoặc luật sư bên cạnh.

Thứ tư, ưu tiên giáo dục và phục hồi thay vì trừng phạt: Hệ thống tư pháp Thụy Điển không tập trung vào việc trừng phạt mà hướng đến giáo dục, phục hồi và tái hòa nhập cộng đồng NCTN phạm tội. Các biện pháp thay thế hình phạt tù gồm: Giáo dục bắt buộc tại các trung tâm đặc biệt; Lao động công ích kết hợp với chương trình kỹ năng sống; Quản chế tại cộng đồng với sự giám sát của cơ quan xã hội. Nhà nước thiết lập một hệ thống hỗ trợ sau xét xử giúp trẻ học nghề, tìm việc làm và hòa nhập trở lại với xã hội.

(3) Bảo đảm quyền được xét xử công bằng của người bị buộc tội-bị cáo dưới 18 tuổi theo pháp luật Cộng hòa Pháp

Cộng hoà Pháp cũng là một trong những quốc gia có hệ thống tư pháp tiên tiến, đặc biệt trong việc bảo vệ quyền của NCTN trong TTHS. Hệ thống tư pháp NCTN của Pháp chú trọng đến yếu tố nhân văn, ưu tiên phục hồi thay vì trừng phạt và đảm bảo các quyền lợi tối đa cho trẻ em khi bị xét xử.

Ở Pháp, các thẩm phán tòa án NCTN có thẩm quyền kép: thẩm quyền hình sự trong trường hợp phạm tội trẻ tuổi, dựa trên một đạo luật ban hành ngày 02/02/1945, và thẩm quyền dân sự khi bảo vệ trẻ em gặp nguy hiểm, dựa trên Điều 375 của Bộ luật Dân sự. Trong cả hai trường hợp, các biện pháp mà thẩm phán quyết định đều chú trọng tính giáo dục. Đạo luật năm 1945 ưu tiên các biện pháp giáo dục hơn các biện pháp trừng phạt hình sự, thể hiện qua quy định về quyền giáo dục đối với phạm nhân trẻ tuổi [111]. Trong nhiều năm ở Pháp, các thẩm phán tòa án NCTN có xu hướng mở hồ sơ yêu cầu hỗ trợ giáo dục hơn là hồ sơ hình sự bất cứ khi nào có thể, dựa trên ý tưởng rằng tội phạm trẻ tuổi trên hết là một đứa trẻ đang gặp nguy hiểm. Vì vậy, mặc dù công tố viên có quyền khởi tố NCTN nhưng cho đến gần đây, các công tố viên ở Pháp hiếm khi thực hiện quyền này. Tuy nhiên, kể từ khi thông qua Luật ngày 9/9/2002 - trong đó tự động ấn định mức án tối thiểu đối với những người tái phạm - trẻ em từ 10 đến 13 tuổi đã phải chịu “các biện pháp trừng phạt về giáo dục”. Cụm từ “hình phạt giáo dục” về cơ bản nhằm mục đích cho phép tòa án áp dụng hình phạt đối với trẻ NCTN chưa đến tuổi chịu trách nhiệm hình sự (13 tuổi). Các biện pháp trừng phạt giáo dục (Điều 15-1) hiện được áp dụng cho trẻ từ 10 tuổi, bao gồm tịch thu đồ vật có liên quan đến hành vi phạm tội, cấm đến những địa điểm hoặc người nhất định (nạn nhân hoặc đồng tác giả của hành vi phạm tội), có nghĩa vụ tham gia khóa đào tạo công dân, một biện pháp đi kèm và bồi thường.

Ở Pháp, từ 10 tuổi, trẻ có thể bị tòa án hình sự xét xử nhưng tòa án không được áp dụng hình phạt mà chỉ có thể ra lệnh áp dụng các biện pháp giáo dục như giám sát trẻ. Trẻ em trên 13 tuổi có thể phải chịu các loại hình phạt giống như người lớn, song giáo dục phải chiếm ưu thế hơn hình phạt, hình phạt chỉ là những ngoại lệ. Theo quy định của pháp luật Pháp, mọi án tù với NCTN phạm tội sẽ tự động giảm đi một nửa so với người đã thành niên [112].

Xét tổng quát, những kinh nghiệm tốt của Pháp trong việc bảo đảm quyền xét xử công bằng cho người bị buộc tội dưới 18 tuổi có thể tổng hợp như sau:

Thứ nhất, hệ thống tòa án chuyên biệt dành cho người chưa thành niên: Cộng hoà Pháp có hệ thống tòa án dành cho trẻ vị thành niên (Tribunal pour enfants) riêng biệt, với thẩm phán chuyên trách về tư pháp trẻ em. Hệ thống tòa án này có quy trình xét xử thân thiện, đảm bảo trẻ không bị ảnh hưởng tiêu cực từ hệ thống tư pháp dành cho người trưởng thành. Các tòa án dành cho NCTN có Chánh án trẻ vị thành niên (Juge des enfants) - một vị thẩm phán chuyên trách theo dõi và đưa ra các quyết định liên quan đến người chưa thành niên phạm tội.

Thứ hai, hạn chế hình phạt giam giữ, ưu tiên giáo dục và phục hồi: Các tòa án của Cộng hoà Pháp hiếm khi tuyên án tù giam với bị cáo là người dưới 18 tuổi, chỉ áp dụng khi không còn biện pháp nào khác. Người bị buộc tội dưới 18 tuổi phạm tội lần đầu thường được các tòa án áp dụng các biện pháp thay thế như: Cảnh báo và giám sát tư pháp; Học nghề, tham gia các chương trình giáo dục; Quản chế tại cộng đồng, lao động công ích. Nếu bị tuyên án tù giam, người bị buộc tội dưới 18 tuổi được đưa vào trung tâm giáo dục và phục hồi, không giam chung với người trưởng thành.

Thứ ba, bảo đảm quyền được hỗ trợ pháp lý đầy đủ: Ở Pháp, người bị buộc tội dưới 18 tuổi luôn có luật sư bào chữa miễn phí do nhà nước chỉ định nếu gia đình không đủ khả năng chi trả. Quá trình điều tra và xét xử người bị buộc tội dưới 18 tuổi luôn có nhân viên xã hội hoặc chuyên gia tâm lý đi kèm để hỗ trợ. Người bị buộc tội dưới 18 tuổi không bị thẩm vấn đơn độc mà luôn có người giám hộ, nhân viên bảo vệ quyền trẻ em hoặc luật sư bên cạnh.

Thứ tư, quy trình xét xử thân thiện, bảo vệ danh tính bị cáo: Các phiên tòa xét xử người bị buộc tội dưới 18 tuổi ở Pháp diễn ra trong không gian riêng biệt, thân thiện và không gây áp lực tâm lý. Danh tính người bị buộc tội

dưới 18 tuổi được bảo vệ tuyệt đối, cấm công khai trên báo chí, mạng xã hội hoặc hồ sơ tư pháp công khai. Ngôn ngữ sử dụng trong các phiên tòa người bị buộc tội dưới 18 tuổi xét xử đơn giản, dễ hiểu, giúp trẻ hiểu rõ về quyền lợi của mình.

Thứ năm, có hệ thống Juge des enfants (Thẩm phán về NCTN) không chỉ có thẩm quyền xét xử mà còn theo dõi trẻ sau khi kết thúc vụ án, giúp đảm bảo quá trình tái hòa nhập cộng đồng diễn ra tốt nhất. Thẩm phán về NCTN có quyền điều chỉnh quyết định tùy theo sự tiến bộ của trẻ, có thể giảm nhẹ hình phạt hoặc chuyển sang biện pháp giáo dục nếu trẻ có tiến bộ. Cơ chế này giúp trẻ không bị lãng quên sau khi kết thúc phiên tòa, giảm nguy cơ tái phạm.

Thứ sáu, tăng cường sự tham gia của gia đình và cộng đồng: Nhà nước Pháp nhấn mạnh vai trò của gia đình trong quá trình giáo dục và phục hồi trẻ. Cha mẹ hoặc người giám hộ được yêu cầu tham gia vào quá trình tố tụng và phục hồi để hỗ trợ con em mình. Các tổ chức xã hội và cộng đồng cùng tham gia vào các chương trình hướng nghiệp, hỗ trợ trẻ em sau khi phạm tội.

(4) Bảo đảm quyền được xét xử công bằng của người bị buộc tội-bị cáo dưới 18 tuổi theo pháp luật Vương quốc Anh

Vương quốc Anh cũng là một quốc gia có một hệ thống tư pháp trẻ em tiến bộ bậc nhất trên thế giới, với nhiều biện pháp bảo vệ quyền lợi của NCTN trong TTTHS. Hệ thống tư pháp NCTN của Anh ưu tiên phục hồi, giáo dục và hỗ trợ tâm lý thay vì trừng phạt, đồng thời áp dụng các quy trình xét xử đặc biệt để đảm bảo công bằng cho bị cáo là người dưới 18 tuổi.

Điều 6 Đạo luật Nhân quyền của Vương quốc Anh khẳng định: Mọi người đều có quyền được xét xử công bằng, không thiên vị và công khai trong thời gian hợp lý bởi một tòa án thực sự độc lập và khách quan vô tư được thành lập theo pháp luật. Phán quyết sẽ được tuyên công khai nhưng báo chí và công chúng có thể không được dự toàn bộ hoặc một phần phiên tòa để bảo vệ lợi ích của NCTN hoặc việc bảo vệ đời sống riêng tư của các bên yêu cầu

như vậy, hoặc ở mức độ thực sự cần thiết theo quan điểm của tòa án trong những trường hợp đặc biệt mà việc công khai sẽ làm phương hại đến lợi ích của công lý.

Mọi người bị buộc tội trong hình sự sẽ được coi là không có tội cho đến khi được chứng minh là có tội theo pháp luật và được hưởng các quyền sau đây:

(a) được thông báo kịp thời, bằng ngôn ngữ mà người đó hiểu và chi tiết về bản chất và nguyên nhân của lời buộc tội chống lại mình;

(b) có đủ thời gian và phương tiện để chuẩn bị cho việc bào chữa;

(c) tự bào chữa cho mình hoặc thông qua sự trợ giúp pháp lý theo sự lựa chọn của chính mình hoặc, nếu anh ta không có đủ điều kiện để trả tiền cho sự trợ giúp pháp lý, thì được trợ giúp miễn phí khi lợi ích công lý yêu cầu;

(d) thẩm vấn hoặc nhờ các nhân chứng chống lại anh ta và thu hút sự tham dự và thẩm vấn của các nhân chứng thay mặt anh ta theo những điều kiện giống như các nhân chứng chống lại anh ta;

(e) được thông dịch viên hỗ trợ miễn phí nếu anh ta không thể hiểu hoặc không nói được ngôn ngữ được sử dụng tại tòa án [115].

Các quy định trên được áp dụng đối với cả người bị buộc tội dưới 18 tuổi ở Anh. Bên cạnh đó, Đạo luật Trẻ em của Vương quốc Anh năm 1989 đã quy định rõ việc xử lý trẻ em và thanh thiếu niên khi vi phạm pháp luật. Các nguyên tắc chính được đạo luật này thiết lập bao gồm: bản chất tối cao của phúc lợi trẻ em, những kỳ vọng và yêu cầu liên quan đến cải tạo NCTN. Đạo luật này đã cải thiện đáng kể địa vị của trẻ em khi quy định các thẩm phán phải ưu tiên cho lợi ích của trẻ và nhấn mạnh vào phúc lợi của trẻ em bị cáo buộc hình sự. Mục 1(1) của Đạo luật này quy định rằng phúc lợi của trẻ em phải là mối quan tâm hàng đầu của tòa án trong bất kỳ thủ tục tố tụng nào.

Ngoài ra, Vương quốc Anh đã thông qua Đạo luật Nhân quyền năm 1998, trong đó thừa nhận áp dụng trực tiếp Công ước Châu Âu về Nhân quyền năm 1950. Mặc dù Công ước này không đặc biệt hướng tới trẻ em

nhưng nó được áp dụng cho trẻ em như với người lớn, vì thế cũng là công cụ pháp lý bảo vệ quan trọng đối với QCN của trẻ em. Cụ thể, các Điều 3 (về cấm tra tấn) và Điều 8 (về bảo vệ cuộc sống riêng tư và gia đình) của Công ước là những điều khoản được sử dụng rộng rãi để bảo vệ các quyền của NCT trong TTHS.

Xét tổng quát, những kinh nghiệm tốt của Vương quốc Anh trong việc bảo đảm quyền xét xử công bằng cho người bị buộc tội dưới 18 tuổi có thể tổng hợp như sau:

Thứ nhất, hệ thống tòa án và quy trình xét xử riêng cho NCTN: Vương quốc Anh có hệ thống Tòa án Thanh thiếu niên (Youth Court) chuyên xét xử các vụ án liên quan đến trẻ em từ 10 đến dưới 18 tuổi. Thẩm phán, công tố viên và luật sư làm việc trong hệ thống tòa án này đều được đào tạo chuyên sâu về tâm lý trẻ em và phương pháp xét xử thân thiện. Thủ tục xét xử của các tòa án này linh hoạt, không quá cứng nhắc như tòa án dành cho người trưởng thành, qua đó giúp người bị buộc tội dưới 18 tuổi hiểu rõ quyền lợi của mình.

Thứ hai, hạn chế áp dụng hình phạt tù giam, ưu tiên các giải pháp phục hồi: Theo pháp luật của Vương quốc Anh, giam giữ trẻ em chỉ là biện pháp cuối cùng, thay vào đó là các hình thức giám sát tại cộng đồng. Nếu bị tuyên án tù giam, người bị buộc tội dưới 18 tuổi sẽ được đưa vào trung tâm giáo dục và cải tạo đặc biệt, không giam chung với người trưởng thành.

Thứ ba, đảm bảo mọi người bị buộc tội dưới 18 tuổi có luật sư bào chữa và hỗ trợ tâm lý: Ở Vương quốc Anh, người dưới 18 tuổi bị cáo buộc phạm tội luôn có quyền có luật sư bào chữa, ngay cả khi gia đình không đủ khả năng chi trả. Ngoài luật sư, người bị buộc tội dưới 18 tuổi còn được hỗ trợ bởi nhân viên xã hội, chuyên gia tâm lý để đảm bảo quyền lợi trong quá trình tố tụng. Khi bị thẩm vấn hoặc ra tòa, người bị buộc tội dưới 18 tuổi phải có người giám hộ hoặc luật sư đi kèm để bảo đảm các em không bị cô lập trong hệ thống tư pháp.

Thứ tư, phiên tòa thân thiện, bảo vệ danh tính bị cáo: Ở Vương quốc Anh, danh tính người bị buộc tội dưới 18 tuổi không được công khai, ngay cả sau khi xét xử. Các phiên xét xử của Tòa án Thanh thiếu niên diễn ra trong không gian ít căng thẳng hơn, thẩm phán và công tố viên ăn mặc giản dị hơn so với các phiên tòa bình thường để giảm áp lực cho bị cáo là người dưới 18 tuổi. Trong các phiên tòa đó, người bị buộc tội dưới 18 tuổi không phải đối mặt trực tiếp với nạn nhân để tránh tâm lý sợ hãi.

Thứ năm, hệ thống giám sát và hỗ trợ người bị buộc tội dưới 18 tuổi sau xét xử: Ở Vương quốc Anh, sau khi kết án, người bị buộc tội dưới 18 tuổi không bị bỏ rơi, mà được các cơ quan phúc lợi xã hội theo dõi, hỗ trợ tái hòa nhập. Nếu người bị buộc tội dưới 18 tuổi bị kết án nhưng có tiến bộ trong thời gian thử thách, án phạt có thể được giảm nhẹ hoặc hủy bỏ. Nhà nước có các chương trình giáo dục và hướng nghiệp giúp người bị buộc tội dưới 18 tuổi tìm việc làm sau khi thi hành án, tránh tái phạm.

Thứ sáu, thẩm phán có quyền quyết định linh hoạt: Theo pháp luật của Vương quốc Anh, thẩm phán của Tòa án Thanh, thiếu niên có thể áp dụng các hình thức xử phạt linh hoạt, phù hợp với từng trường hợp. Nếu người bị buộc tội dưới 18 tuổi thể hiện sự hối cải và có tiến bộ trong quá trình thử thách, thẩm phán có thể chuyển từ hình phạt nặng sang biện pháp giáo dục hoặc lao động công ích.

2.5.2.2. Những giá trị tham khảo cho Việt Nam

Có khá nhiều quy định pháp luật của 4 nước nêu ở mục trên có giá trị tham khảo cho việc hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam để bảo đảm hiệu quả hơn quyền xét xử công bằng của người bị buộc tội-bị cáo dưới 18 tuổi trong phiên tòa hình sự, trong đó đặc biệt là những quy định mang tính chất phổ biến như:

Thứ nhất, kinh nghiệm hoàn thiện pháp luật. Trong thực tế thời gian qua, Nhà nước Việt Nam đã áp dụng nhiều trong số các biện pháp nêu trên

nhưng nhìn chung còn thiếu hiệu quả, chủ yếu là do khung pháp luật chưa hoàn thiện và cơ chế thực hiện pháp luật còn thiếu chặt chẽ. Vì vậy, trong thời gian tới, Việt Nam cần tiếp tục cải cách để đảm bảo quyền xét xử công bằng cho người dưới 18 tuổi phù hợp với xu hướng chung trên thế giới và với các tiêu chuẩn nhân quyền quốc tế. Để đạt được mục tiêu đó, những kinh nghiệm phổ biến của các nước nêu trên là những gợi ý rất hữu ích cho Việt Nam.

Thứ hai, kinh nghiệm tổ chức tòa án. Việc thành lập Tòa án NCTN chuyên biệt để có thể áp dụng hiệu quả các tiêu chuẩn quốc tế về tư pháp với NCTN ở nước mình. Bên cạnh đó, Việt Nam cũng có thể tham khảo kinh nghiệm của một số nước nêu trên trong việc bổ nhiệm thẩm phán chuyên trách và cho phép thẩm phán có quyền quyết định linh hoạt trong xét xử bị cáo là người dưới 18 tuổi, cũng như trong việc xây dựng cơ chế giám sát và hỗ trợ người bị buộc tội dưới 18 tuổi sau xét xử, giúp trẻ hòa nhập cộng đồng và không tái phạm tội.

Thứ ba, kinh nghiệm xét xử. Việc ưu tiên các biện pháp phục hồi hơn là kết án bị cáo là người dưới 18 tuổi; việc bảo đảm người bị buộc tội dưới 18 tuổi luôn có luật sư và chuyên gia hỗ trợ tâm lý trong phiên tòa hình sự; bảo đảm quyền tiếp cận luật sư miễn phí cho mọi bị cáo là người dưới 18 tuổi; việc tổ chức phiên tòa thân thiện, bảo vệ danh tính trẻ em; việc tăng cường sự tham gia của gia đình và cộng đồng trong quá trình phục hồi và giáo dục người bị buộc tội dưới 18 tuổi trong và sau khi xét xử.

Kết luận chương 2

Chương 2 tập trung nghiên cứu về lý luận bảo đảm quyền được xét xử công bằng của người bị buộc tội dưới 18 tuổi tại phiên tòa hình sự, qua đó đã:

1. Phân tích khung lý luận về bảo đảm quyền được xét xử công bằng gồm: Khái niệm, vai trò quyền được bảo đảm xét xử công bằng; Nội hàm của quyền được xét xử công bằng; Nêu khái niệm bảo đảm quyền được xét xử công bằng; Các yếu tố tác động, ảnh hưởng và điều kiện cho việc bảo đảm quyền được xét xử công bằng.

2. Làm rõ khái niệm, đặc điểm của người bị buộc tội dưới 18 tuổi (người bị buộc tội dưới 18 tuổi); Khái niệm, đặc điểm của phiên tòa hình sự; Những điều kiện, quyền và thủ tục tố tụng đặc biệt nhằm quyền được bảo đảm xét xử công bằng của người bị buộc tội dưới 18 tuổi tại phiên tòa hình sự.

3. Phân tích, làm rõ việc quyền được bảo đảm xét xử công bằng của người bị buộc tội dưới 18 tuổi trong luật quốc tế về QCN và những đòi hỏi đặt ra với Việt Nam, pháp luật của một số nước và giá trị tham khảo cho Việt Nam.

Những kiến thức lý luận được làm rõ ở Chương 2 là cơ sở để nghiên cứu sinh phân tích thực trạng và đề xuất các quan điểm và giải pháp quyền được bảo đảm xét xử công bằng của người bị buộc tội dưới 18 tuổi tại phiên tòa hình sự sơ thẩm cấp huyện ở Việt Nam trong các chương tiếp theo.

Chương 3

KHUNG PHÁP LUẬT VÀ THỰC TRẠNG QUYỀN ĐƯỢC BẢO ĐẢM XÉT XỬ CÔNG BẰNG CỦA NGƯỜI BỊ BUỘC TỘI DƯỚI 18 TUỔI TẠI PHIÊN TÒA HÌNH SỰ SƠ THẨM CẤP HUYỆN Ở VIỆT NAM

3.1. KHUNG PHÁP LUẬT VIỆT NAM VỀ QUYỀN ĐƯỢC BẢO ĐẢM XÉT XỬ CÔNG BẰNG CỦA NGƯỜI BỊ BUỘC TỘI DƯỚI 18 TUỔI TẠI PHIÊN TÒA HÌNH SỰ SƠ THẨM CẤP HUYỆN

3.1.1. Khung pháp luật Việt Nam về bảo đảm quyền được xét xử công bằng trong phiên tòa hình sự

Khung pháp luật Việt Nam về bảo đảm quyền được xét xử công bằng trong TTHS được thể chế hóa ở nhiều văn bản quy phạm pháp luật, bao gồm Hiến pháp, các luật chuyên ngành và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Hiến pháp năm 1946, văn bản đầu tiên của Việt Nam, một số quy định liên quan đến xét xử công bằng của bị cáo đã được ghi nhận, cụ thể: “Quốc dân thiểu số có quyền dùng tiếng nói của mình trước Tòa án” (Điều thứ 66); “Các phiên Tòa án đều phải công khai, trừ những trường hợp đặc biệt”, “Người bị cáo được quyền tự bào chữa lấy hoặc mượn luật sư” (Điều thứ 67); “Trong khi xét xử, các viên Thẩm phán chỉ tuân theo pháp luật, các cơ quan khác không được can thiệp” (Điều thứ 69) [52]. Hiến pháp năm 1959 tiếp tục tái khẳng định quyền được xét xử công bằng qua nhiều điều khoản, cụ thể: “Công dân nước Việt Nam dân chủ cộng hòa đều bình đẳng trước pháp luật” (Điều 22); “Khi xét xử, TAND có quyền độc lập và chỉ tuân theo pháp luật” (Điều 100); “Việc xét xử tại các TAND đều công khai, trừ những trường hợp đặc biệt do luật định. Quyền bào chữa của người bị cáo được bảo đảm” (Điều 101); “TAND bảo đảm cho công dân nước Việt Nam dân chủ cộng hòa thuộc các dân tộc thiểu số có thể dùng tiếng nói và chữ viết của mình trước Tòa án” (Điều 102) [53]. Đến Hiến pháp năm 1980, nội dung về quyền được xét xử công bằng được thể hiện một cách rõ ràng và cụ thể hơn qua các quy định:

“Mọi công dân đều bình đẳng trước pháp luật”; “Khi xét xử, thẩm phán và hội thẩm nhân dân độc lập và chỉ tuân theo pháp luật” (Điều 131); TAND xét xử công khai. Bảo đảm quyền được bào chữa của người bị buộc tội-bị cáo. Tổ chức luật sư được thành lập để hỗ trợ bị cáo và các đương sự khác (Điều 133) [54]. Việc bảo đảm quyền được xét xử công bằng càng thể hiện rõ nét hơn trong Hiến pháp năm 1992 (sửa đổi năm 2001) qua các quy định: “Mọi công dân đều bình đẳng trước pháp luật” (Điều 52); “Khi chưa có bản án kết tội của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật thì không ai bị coi là có tội và phải chịu hình phạt” (Điều 72); “Khi xét xử, Thẩm phán Tòa án và Hội thẩm trong hội đồng xét xử độc lập, chỉ tuân theo pháp luật” (Điều 130); TAND xét xử công khai. TAND xét xử tập thể và phán quyết theo đa số (Điều 131); Bị cáo được quyền tự mình hoặc nhờ người khác bào chữa. Tổ chức luật sư được hình thành có chức năng giúp bị cáo và các đương sự khác bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình và góp phần tăng cường, bảo vệ pháp chế XHCN (Điều 132) [58].

Hiến pháp năm 2013 đã đánh một dấu mốc quan trọng trong lịch sử lập hiến Việt Nam về việc bảo đảm, bảo vệ QCN, trong đó có quyền được xét xử công bằng. Quyền này được thể hiện qua một loạt quy định của Hiến pháp 2013, cụ thể như: “Mọi người đều bình đẳng trước pháp luật”. “Không ai bị phân biệt đối xử trong đời sống chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội” (Điều 16); “Người bị buộc tội được coi là không có tội cho đến khi được chứng minh theo trình tự luật định và có bản án kết tội của tòa án đã có hiệu lực pháp luật”, “Người bị buộc tội phải được tòa án xét xử kịp thời trong thời hạn luật định, công bằng, công khai. Trường hợp xét xử kín theo quy định của luật thì việc tuyên án phải được công khai” (Điều 31). “Thẩm phán, Hội thẩm xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật; nghiêm cấm cơ quan, tổ chức, cá nhân can thiệp vào việc xét xử của Thẩm phán, Hội thẩm”, “TAND xét xử công khai”, “Nguyên tắc tranh tụng trong xét xử được bảo đảm”, “Quyền bào chữa của bị can, bị cáo, quyền bảo vệ lợi ích hợp pháp của đương sự được bảo đảm” (Điều 103) [60].

So với các bản Hiến pháp trước đó, Hiến pháp 2013 đã quy định chi tiết hơn về quyền được xét xử công bằng, làm rõ các khía cạnh lý luận, pháp lý cụ thể của quyền này như: bị cáo được xét xử bằng Tòa án độc lập, không ưu ái, thiên vị; quyền kháng cáo; quyền suy đoán không có tội; quyền được nhờ người bào chữa, tự bào chữa... Đây là cơ sở hiến định để các luật chuyên ngành sửa đổi nhằm bảo đảm tốt hơn quyền được xét xử không thiên vị trong thực tiễn.

Với tinh thần đó, BLTTHS 2015 đã cụ thể hóa các quy định của Hiến pháp 2013 về quyền được xét xử công bằng thông qua các quy định về hai định hướng của TTHS đó là: (1) Xử lý nhanh chóng, kịp thời, công bằng, đúng pháp luật đối với tội phạm; (2) Đảm bảo không làm ảnh hưởng tới các quyền hợp pháp của con người khi tiến hành tố tụng, bảo đảm công bằng, bình đẳng về địa vị pháp lý giữa các chủ thể tố tụng [86, tr.3]. Một số nguyên tắc quan trọng của Bộ luật này thể hiện sự ghi nhận quyền được xét xử công bằng rất rõ nét như: Nguyên tắc “Bảo đảm quyền bình đẳng trước pháp luật” và “Tranh tụng trong xét xử được bảo đảm” (Điều 9 và Điều 26); TTHS được hoạt động theo nguyên tắc mọi chủ thể có quyền bình đẳng với nhau trước pháp luật, không phân biệt về tuổi, dân tộc, giới tính, tôn giáo, tín ngưỡng, địa vị, thành phần xã hội. Mọi chủ thể phạm tội đều bị xử lý theo pháp luật. Mọi pháp nhân đều bình đẳng trước pháp luật, không có sự phân biệt về hình thức sở hữu và thành phần kinh tế; “Bảo đảm quyền bào chữa của người bị buộc tội, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, đương sự (Điều 16); Người bị buộc tội có quyền tự bào chữa, nhờ luật sư hoặc người khác bào chữa. Cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng có trách nhiệm thông báo, giải thích và bảo đảm cho người bị buộc tội, bị hại, đương sự thực hiện đầy đủ quyền bào chữa, quyền và lợi ích hợp pháp của họ theo quy định của Bộ luật này”; “Tòa án xét xử kịp thời, công bằng, công khai (Điều 25); Tòa án xét xử kịp thời trong thời hạn luật định, bảo đảm công bằng. Tòa án xét xử công

khai, mọi người đều có quyền tham dự phiên tòa, trừ trường hợp do Bộ luật này quy định. Trường hợp đặc biệt cần giữ bí mật nhà nước, thuần phong, mỹ tục của dân tộc, bảo vệ người dưới 18 tuổi hoặc để giữ bí mật đời tư theo yêu cầu chính đáng của đương sự thì Tòa án có thể xét xử kín nhưng phải tuyên án công khai”; “Tranh tụng trong xét xử được bảo đảm (Điều 26); Trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử, Điều tra viên, Kiểm sát viên, người khác có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người bị buộc tội, người bào chữa và người tham gia tố tụng khác đều có quyền bình đẳng trong việc đưa ra chứng cứ, đánh giá chứng cứ, đưa ra yêu cầu để làm rõ sự thật khách quan của vụ án,...”; “Tiếng nói và chữ viết dùng trong TTHS (Điều 29); Tiếng nói và chữ viết dùng trong TTHS là tiếng Việt. Người tham gia tố tụng có quyền dùng tiếng nói và chữ viết của dân tộc mình, trường hợp này phải có phiên dịch”.

Như vậy, BLTTHS năm 2015 đã có những quy định bảo đảm quyền xét xử công bằng được xác định cả trong phần các nguyên tắc cơ bản và trình tự, thủ tục tố tụng ở các bước trong quy trình tố tụng, trong đó có xét xử. Các quy định này là hành lang pháp lý vững chắc nhằm bảo đảm công bằng, bình đẳng, hạn chế việc xét xử oan, sai, bỏ lọt tội phạm, bảo đảm quyền con người, quyền công dân trong phiên tòa hình sự.

Nhìn lại sự phát triển các quy định pháp luật TTHS Việt Nam có liên quan đến bảo đảm quyền được xét xử công bằng, có thể thấy, đây là một quyền quan trọng và được ghi nhận một cách trực tiếp và gián tiếp từ rất sớm trong hệ thống pháp luật Việt Nam, đầu tiên là trong các Hiến pháp. Các quy định đó đều hướng tới ghi nhận các khía cạnh của quyền được xét xử công bằng, đó là việc xét xử phải độc lập, khách quan, không bị phụ thuộc, không bị tác động bởi bất cứ chủ thể nào. Mặt khác, mặc dù Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân xét xử độc lập nhưng phải tuân theo pháp luật trong việc giải quyết vụ án hình sự, tuân theo các quy định của BLHS, Bộ luật TTHS. Tất cả đều nhằm hướng tới bảo đảm QCN của bị cáo và các nguyên tắc của Nhà nước pháp quyền được thực thi.

Tổ tụng hình sự trải qua nhiều giai đoạn khác nhau, từ khởi tố, điều tra, truy tố và xét xử. Xét xử sơ thẩm vụ án hình sự là một giai đoạn của hoạt động TTHS mà ở đó Tòa án giữ vai trò chủ công. Có thể nói, xét xử tại phiên tòa được xem là hoạt động quan trọng nhất của TTHS, bởi thông qua phiên tòa, các chức năng cơ bản của TTHS được bảo đảm thực hiện một cách rõ nét, dân chủ, công khai và công bằng. Hoạt động xét xử cũng chính là việc xem xét, kiểm tra tính hợp hiến, hợp pháp trong các giai đoạn tố tụng trước đó của cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, ở đó mọi nguồn tài liệu, chứng cứ chứng minh cho vụ án được tiếp nhận, thu thập, được xem xét một cách khách quan, công khai tại phiên tòa, chủ thể có thẩm quyền và người tham gia tố tụng được trực tiếp nghe, ghi lại lời khai của nhau, được tranh tụng, đối đáp, chất vấn những điều mà tại cơ quan điều tra họ không có điều kiện thực hiện. Tại phiên tòa hình sự sơ thẩm, Kiểm sát viên là người thực hiện vai trò buộc tội - thực hành quyền công tố, bị cáo và người bào chữa của họ là bên thực hành chức năng bào chữa trong sự bảo hộ đầy đủ của pháp luật tố tụng. Và cuối cùng, Tòa án sẽ thực hiện chức năng xét xử, là chủ thể phán xét, xác định bị cáo trong vụ án là người có tội hay không có tội cũng như áp dụng loại và mức hình phạt cụ thể trong trường hợp bị cáo có tội.

Trong xét xử sơ thẩm vụ án sẽ diễn ra nhiều thủ tục có tính tố tụng khác nhau như thủ tục chuẩn bị xét xử, thủ tục tố tụng tại phiên tòa, thủ tục sau khi kết thúc phiên tòa. Ở Việt Nam, theo Điều 276 BLTTHS năm 2015, thủ tục chuẩn bị xét xử vụ án được tính kể từ thời điểm Tòa án nhận hồ sơ hợp lệ mà Viện kiểm sát chuyển giao và Tòa án thụ lý vụ án [63]. Trong quá trình chuẩn bị xét xử, Thẩm phán được phân công chủ tọa phiên tòa phải ban hành một trong các phán quyết sau: Đưa vụ án ra xét xử tại phiên tòa; Trả hồ sơ cho các cơ quan liên quan để yêu cầu điều tra bổ sung; Tạm đình chỉ việc giải quyết vụ án hoặc đình chỉ vụ án [63]. Khi Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử, tức là Tòa án sẽ ấn định một phiên tòa được xét xử công khai hay xét xử kín, thời gian và địa điểm mở phiên tòa và những chủ thể nào sẽ tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng tại phiên tòa.

Đối với phiên tòa hình sự sơ thẩm, đây là một giai đoạn đầu tiên trong quy trình xét xử hình sự ở các quốc gia, để xem xét các tình tiết ban đầu và quyết định liệu vụ án có đi tiếp vào giai đoạn xét xử phúc thẩm hay không. Ở Việt Nam, theo Điều 268 BLTTHS 2015, phiên tòa hình sự sơ thẩm được diễn ra ở cả TAND cấp huyện và TAND cấp tỉnh, tùy vào tính chất vụ án, cụ thể như sau [63]:

- Tòa án cấp huyện xét xử sơ thẩm những vụ án hình sự về tội phạm ít nghiêm trọng, tội phạm nghiêm trọng và tội phạm rất nghiêm trọng, trừ những tội phạm: Các tội xâm phạm an ninh quốc gia; Các tội phá hoại hòa bình, chống loài người và tội phạm chiến tranh; Các tội quy định tại các điều 123, 125, 126, 227, 277, 278, 279, 280, 282, 283, 284, 286, 287, 288, 337, 368, 369, 370, 371, 399 và 400 của BLHS; Các tội phạm này được thực hiện, hoạt động ở ngoài lãnh thổ Việt Nam.

- Tòa án cấp tỉnh xét xử sơ thẩm những vụ án: (i) Vụ án hình sự về các tội phạm không thuộc thẩm quyền của TAND cấp dưới và tương đương; (ii) Vụ án hình sự có người thực hiện hành vi phạm tội là bị cáo, bị hại, đương sự hoặc tài sản có liên quan ở nước ngoài; (iii) Vụ án hình sự do TAND cấp huyện xét xử nhưng có nhiều tình tiết phức tạp, khó xem xét đánh giá, thống nhất hoặc liên quan đến nhiều cấp, bộ, ngành; vụ án mà có bị cáo là người tiến hành tố tụng (Thẩm phán, Kiểm sát viên, Điều tra viên), cán bộ lãnh đạo chủ chốt ở cấp trung gian giữa tỉnh và xã, người có vị trí, chức sắc trong các cơ sở tôn giáo hoặc có uy tín trong cộng đồng dân tộc.

Tại phiên tòa hình sự sơ thẩm, quyền của bị cáo nói chung và người bị buộc tội dưới 18 tuổi nói riêng được bảo đảm ngay từ thủ tục bắt đầu cho đến khi kết thúc phiên tòa.

Ở Việt Nam, Bộ luật TTHS năm 2015 không có quy định cụ thể về thời điểm mở phiên tòa được tính từ khi nào và kết thúc từ khi nào, tuy nhiên trên cơ sở các quy định khác của BLTTHS năm 2015 cũng như thực tiễn xét xử của hệ thống tòa án, có thể xác định những thời điểm này như sau:

(i) Về thời điểm mở phiên tòa: Điều 300 BLTTHS năm 2015 quy định: Trước khi khai mạc phiên tòa, Thư ký Tòa án phải tiến hành việc kiểm tra sự có mặt của những người được Tòa án triệu tập; nếu có người vắng mặt thì phải nêu lý do, đồng thời phải phổ biến nội quy phiên tòa. Như vậy, các công việc của Thư ký thực hiện ở giai đoạn này chưa được xem là thời điểm mở phiên tòa, bởi lẽ phiên tòa vẫn chưa được tiến hành khai mạc, Hội đồng xét xử vụ án chưa vào phòng để xét xử.

Điều 301 BLTTHS năm 2015 quy định về khai mạc phiên tòa xác định nội dung đầu tiên là “Thẩm phán chủ tọa phiên tòa khai mạc phiên tòa và đọc quyết định đưa vụ án ra xét xử”. Như vậy, đây được xem là dấu mốc để xác định phiên tòa đã được mở, Hội đồng xét xử đã bắt đầu làm việc.

Tóm lại, thời điểm mở phiên tòa được xác định là khi Thẩm phán được phân công là chủ tọa phiên tòa đọc quyết định đưa vụ án ra xét xử.

(ii) Về thời điểm kết thúc phiên tòa: Trong giai đoạn xét xử tại phiên tòa thì tuyên án được xem là thủ tục tố tụng cuối cùng (được quy định tại Điều 327 BLTTHS năm 2015). Do vậy, thời điểm kết thúc phiên tòa phải được xác định sau thời điểm tuyên án. Về vấn đề này, Điều 327 quy định: “Chủ tọa phiên tòa hoặc một thành viên khác của Hội đồng xét xử đọc bản án. Trong trường hợp xét xử kín thì chỉ đọc phần quyết định trong bản án. Sau khi đọc xong có thể giải thích thêm về việc chấp hành bản án và quyền kháng cáo” [63]. Như vậy, căn cứ vào quy định này thì có thể cho rằng thời điểm kết thúc phiên tòa là sau khi đọc xong bản án, trong trường hợp Hội đồng xét xử giải thích thêm về việc chấp hành bản án và quyền kháng cáo thì thời điểm kết thúc phiên tòa là thời điểm sau khi Hội đồng xét xử giải thích những quyền nêu trên.

Ba là, phiên tòa hình sự sơ thẩm diễn ra theo quy trình tố tụng chặt chẽ

(i) Thủ tục bắt đầu một phiên tòa, đây là bước để chuẩn bị các điều kiện, yếu tố cần thiết cho việc tiến hành một phiên tòa. Trong thủ tục để bắt đầu một phiên tòa, những nội dung được triển khai theo đúng quy định của BLTTHS năm 2015.

(ii) Thủ tục tranh tụng giữa bên gỡ tội-buộc tội tại phiên tòa: Đây được coi là thủ tục bắt buộc trong TTHS của đa số các quốc gia hiện đại trên thế giới, bao gồm Việt Nam. Ở Việt Nam, thủ tục này được quy định trong BLTTHS năm 2015 (mục V chương XXI), trong đó có nhiều quy định mới. Thủ tục này bao gồm luôn cả việc xét hỏi cũng như tranh tụng giữa các bên tại phiên tòa theo quy định của BLTTHS năm 2015 (chương XX, XXI);

(iii) Thủ tục nghị án và tuyên án: Nghị án là việc Hội đồng xét xử vụ án thảo luận, thống nhất và đưa ra đường lối giải quyết vụ án bằng một phán quyết cụ thể về vụ án. Ở thủ tục này, phải bảo đảm tối đa việc thực hiện nguyên tắc Tòa án xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật, tại Điều 326 BLTTHS năm 2015 quy định chỉ có Thẩm phán và Hội thẩm trong Hội đồng xét xử mới có quyền nghị án. Việc thực hiện thủ tục nghị án phải được tổ chức tại phòng nghị án của Tòa án. Chủ tọa phiên tòa là người chủ trì việc nghị án có trách nhiệm đưa ra từng nội dung, vấn đề phải được giải quyết trong vụ án để Hội đồng xét xử thảo luận, thống nhất quyết định. Sau khi bản án, quyết định được thông qua tại phòng nghị án, Hội đồng xét xử sẽ quay trở lại phòng xét xử để tiến hành thủ tục tuyên án. Điều 327 BLTTHS năm 2015 quy định Chủ tọa phiên tòa hoặc phân công một thành viên khác của Hội đồng xét xử đọc toàn bộ bản án. Nếu là xét xử kín thì chỉ phải đọc phần quyết định được nêu trong bản án. Sau khi đọc xong các phần, đặc biệt là phần quyết định của bản án có thể giải thích thêm về việc chấp hành bản án của Tòa án và quyền kháng cáo bản án của bị cáo.

Tóm lại, xét xử tại phiên tòa là sự thể hiện ở mức độ cao của quyền lực tư pháp, đòi hỏi Hội đồng xét xử và người tiến hành tố tụng phải tập trung trí tuệ, lắng nghe xử lý các tình huống phát sinh tại phiên tòa xét xử cũng như giải quyết những vấn đề mà những người tham gia tố tụng trình bày và đưa ra tại phiên tòa một cách công khai và nhanh chóng, các lý lẽ của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng khác đưa ra không chỉ đòi hỏi sự chính xác mà phải có sức thuyết phục và tuân theo những quy định pháp luật [27, tr.144].

3.1.2. Các quy định pháp luật cụ thể về quyền được bảo đảm xét xử công bằng của người bị buộc tội dưới 18 tuổi tại phiên tòa hình sự sơ thẩm cấp huyện ở Việt Nam

Việc quyền được bảo đảm xét xử công bằng của người bị buộc tội dưới 18 tuổi tại phiên tòa hình sự sơ thẩm cấp huyện cũng dựa trên các quy định pháp luật chung về bảo đảm quyền được xét xử công bằng trong TTHS, ngoài ra còn có thêm một số quy định phản ánh những yêu cầu đặc thù của tư pháp với NCTN. Những quy định đặc thù về thủ tục tố tụng đối với người dưới 18 tuổi được thể hiện tập trung trong Chương XXVIII Bộ luật TTHS năm 2015, mà có thể tóm tắt như sau: Về thành phần, Hội đồng xét xử sơ thẩm vụ án gồm có Thẩm phán và Hội thẩm, trong đó phải có một Hội thẩm làm nghề giáo viên hoặc là một cán bộ Đoàn thanh niên hoặc người có kinh nghiệm, am hiểu về tâm lý lứa tuổi của người dưới 18 tuổi. Trong những trường hợp đặc biệt thì Tòa án có thể quyết định việc xét xử kín. Ở phiên tòa, có người bị buộc tội dưới 18 tuổi Hội đồng xét xử phải triệu tập và có sự tham gia của người đại diện của bị cáo, đại diện của cơ sở giáo dục- nhà trường, tổ chức nơi bị cáo sinh hoạt, học tập, trừ trường hợp những người này vắng mặt phiên tòa mà không vì lý do bất khả kháng hoặc không do trở ngại mang tính khách quan. Việc thực hiện thủ tục xét hỏi, tranh luận với bị cáo, bị hại và người làm chứng là người dưới 18 tuổi tại phiên tòa được triển khai phải phù hợp với lứa tuổi, sự phát triển tâm sinh lý, thể chất và tinh thần của họ. Phòng xử án phải được sắp xếp, bố trí thân thiện, gần gũi với người dưới 18 tuổi.

Ngoài những nội dung trên, BLTTHS năm 2015 cũng quy định một số nội dung khác nhằm bảo đảm quyền xét xử công bằng của người bị buộc tội dưới 18 tuổi. Cụ thể, khoản 3 Điều 422 BLTTHS năm 2015 quy định cụ thể, rõ ràng về quyền được bào chữa của người bị buộc tội dưới 18 tuổi: “Người bị buộc tội dưới 18 tuổi-bị cáo có quyền tự bào chữa hoặc nhờ người khác bào chữa. Người đại diện của người dưới 18 tuổi bị buộc tội có quyền lựa chọn

người bào chữa hoặc tự mình bào chữa cho người dưới 18 tuổi bị buộc tội. Trường hợp người bị buộc tội là người dưới 18 tuổi không có người bào chữa hoặc người đại diện của họ không lựa chọn người bào chữa thì Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án phải chỉ định người bào chữa theo quy định tại Điều 76 của Bộ luật này” [63]. Điều 13 BLTTHS năm 2015 quy định về nguyên tắc suy đoán vô tội nói chung, trong đó có áp dụng đối với bị cáo là người dưới 18 tuổi: “Mọi người có quyền bất khả xâm phạm về thân thể. Không ai bị bắt nếu không có quyết định của Tòa án, quyết định hoặc phê chuẩn của Viện kiểm sát, trừ trường hợp phạm tội quả tang” [63]. Nguyên tắc này đòi hỏi, một người chỉ bị coi là có tội khi tòa án xét xử và ban hành phán quyết bằng bản án kết tội đã có hiệu lực pháp luật; mọi nghi hoặc về người phạm tội đều phải được giải thích trên cơ sở lợi ích tốt nhất cho bị can, bị cáo trong quá trình tố tụng (điều tra, truy tố, xét xử). Nguyên tắc này thể hiện định hướng trong xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật TTHS theo hướng tiến bộ, nhân văn, dân chủ, hướng đến một nền tư pháp độc lập, hiện đại, bảo vệ QCN, quyền công dân, bao gồm quyền của người bị buộc tội dưới 18 tuổi trong TTHS.

Ngoài BLTTHS năm 2015, vấn đề bảo đảm quyền xét xử công bằng của người bị buộc tội-bị cáo dưới 18 tuổi còn được thể hiện gián tiếp trong một số đạo luật khác của Việt Nam. Cụ thể, Luật Trẻ em năm 2016 quy định về các nguyên tắc bảo đảm thực hiện quyền và bổn phận của trẻ em, bao gồm: Bảo đảm để trẻ em thực hiện được đầy đủ quyền và bổn phận của mình. Không phân biệt, kỳ thị, đối xử với trẻ em. Bảo đảm cho trẻ em được hưởng những lợi ích tốt nhất trong các phán quyết của Tòa án liên quan đến trẻ em. Tôn trọng, bảo vệ, lắng nghe, xem xét, phản hồi ý kiến, nguyện vọng của trẻ em. Khi xây dựng, ban hành chính sách, pháp luật có sự tác động đến trẻ em, phải lấy ý kiến, xem xét nguyện vọng của trẻ em và của cơ quan, tổ chức khác có liên quan trẻ em; bảo đảm việc lồng ghép các mục tiêu, chỉ tiêu liên quan đến trẻ em trong các quy hoạch, kế hoạch và chương trình phát triển kinh tế -

xã hội của đất nước và của ngành, địa phương (Điều 5 Luật Trẻ em, 2016) [64]. Những nguyên tắc này có giá trị định hướng cho việc bảo đảm các quyền của người dưới 18 tuổi trong TTHS, bao gồm quyền được xét xử công bằng. Hoặc, theo Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017, trợ giúp pháp lý là việc cung cấp các dịch vụ pháp lý miễn phí cho nhóm người yếu thế trong xã hội, trong đó có người dưới 18 tuổi theo quy định, góp phần bảo đảm QCN, quyền công dân trong tiếp cận công lý và bình đẳng, không thiên vị trước pháp luật, trong đó có quyền được hỗ trợ các dịch vụ pháp lý đối với bị cáo nói chung và người bị buộc tội dưới 18 tuổi nói riêng tại phiên tòa hình sự sơ thẩm cấp huyện.

Pháp luật Việt Nam cũng đã đề cập đến một vấn đề quan trọng nữa liên quan đến việc bảo đảm quyền xét xử công bằng của người bị buộc tội dưới 18 tuổi, đó là những thay đổi về phòng xử án theo mô hình phòng xét xử thân thiện. Đây không chỉ là vấn đề thay đổi vị trí chỗ ngồi một cách cơ học mà để phản ánh tinh thần đề cao và bảo vệ quyền con người của Hiến pháp năm 2013, cũng như để ghi nhận nguyên tắc tranh tụng, đối đáp trong xét xử, thể hiện đúng vai trò của các thành phần trong phòng xử án thân thiện trong các phiên tòa hình sự mà người bị buộc tội dưới 18 tuổi. Văn bản ghi nhận sự thay đổi quan trọng và có ý nghĩa này là Thông tư số 01/2017/TT-TANDTC ngày 28/7/2017 của Chánh án TANDTC quy định về:

“Phòng xử án và giải quyết các vụ việc thuộc thẩm quyền của Tòa gia đình và NCTN”. Theo Điều 6 của Thông tư này, vị trí của những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng, người tham dự phiên tòa, phiên họp trong phòng xử án được bố trí trên cùng một mặt phẳng, sắp xếp theo hình thức bàn tròn; tường trong phòng xử án có màu xanh. Người dưới 18 tuổi tham gia tố tụng tại phiên tòa được ngồi cạnh người đại diện, người bào chữa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của họ. Bàn, ghế trong phòng xử án được thiết kế theo kiểu dáng bàn, ghế văn phòng...” [81].

Thông tư số 02/2018/TT-TANDTC ngày 21/9/2018 của Chánh án TANDTC cũng quy định chi tiết việc xét xử vụ án hình sự có người tham gia tố tụng là người dưới 18 tuổi thuộc thẩm quyền của Tòa Gia đình và NCTN. Theo đó, việc xét xử vụ án hình sự có người bị buộc tội dưới 18 tuổi hoặc vụ án hình sự có người bị hại là người dưới 18 tuổi bị tổn thương nghiêm trọng về tâm lý hoặc cần sự hỗ trợ về điều kiện sống, học tập do không có môi trường gia đình lành mạnh như những người dưới 18 tuổi khác (sau đây gọi chung là người tham gia tố tụng là người dưới 18 tuổi) thuộc thẩm quyền của Tòa gia đình và NCTN.

3.2. THỰC TRẠNG QUYỀN ĐƯỢC BẢO ĐẢM XÉT XỬ CÔNG BẰNG CỦA NGƯỜI BỊ BUỘC TỘI DƯỚI 18 TUỔI TẠI PHIÊN TÒA HÌNH SỰ SƠ THẨM CẤP HUYỆN Ở VIỆT NAM

3.2.1. Thực trạng thực hiện những quyền tố tụng đặc biệt nhằm quyền được bảo đảm xét xử công bằng của người bị buộc tội dưới 18 tuổi tại phiên tòa hình sự sơ thẩm cấp huyện ở Việt Nam

3.2.1.1. *Bảo đảm quyền được bào chữa và có người bào chữa miễn phí*

Quyền được bào chữa và có người bào chữa miễn phí là một quyền cơ bản của con người, hiện đã được ghi nhận trong mọi hệ thống pháp luật, nhưng trong thực tiễn, việc thực hiện quyền này vẫn gặp nhiều thách thức. Xét về góc độ QCN, quyền được bào chữa bảo đảm rằng mọi người đều có quyền được đại diện bởi một luật sư hoặc người bào chữa khi họ bị buộc tội. Quyền này không chỉ bảo đảm sự công bằng và tôn trọng quyền lợi cá nhân của người dân nói chung, người bị buộc tội dưới 18 tuổi nói riêng, mà còn là một phần quan trọng trong việc bảo đảm hệ thống pháp luật hoạt động hiệu quả và minh bạch.

Người bào chữa miễn phí thường là luật sư, trợ giúp viên pháp lý hay người có kỹ năng chuyên môn, đóng một vai trò quan trọng trong việc bảo đảm người bị buộc tội dưới 18 tuổi có quyền được bào chữa cũng như có cơ hội được bào chữa. Ở Việt Nam, quyền được bào chữa của người bị buộc tội

dưới 18 tuổi có cơ sở hiến định từ Điều 31 Hiến pháp năm 2013, trong đó nêu rõ: “Người bị buộc tội có quyền tự bào chữa, nhờ luật sư hoặc người khác bào chữa. Trường hợp bị cáo không có người bào chữa thì Nhà nước phải chỉ định người bào chữa đối với những người có hoàn cảnh khó khăn hoặc trong các trường hợp luật định”. Cụ thể hoá quy định này của Hiến pháp, BLTTHS năm 2015 đã ghi nhận quyền bào chữa của người bị buộc tội dưới 18 tuổi trong một loạt điều khoản, cụ thể như: Khoản 5 Điều 414 khẳng định: “Bảo đảm quyền bào chữa, quyền được trợ giúp pháp lý của người dưới 18 tuổi”. Điều 422 nêu rõ: Người bị buộc tội dưới 18 tuổi có quyền tự bào chữa hoặc nhờ người khác bào chữa. Người đại diện của người bị buộc tội dưới 18 tuổi có quyền lựa chọn người bào chữa hoặc tự mình bào chữa cho người bị buộc tội dưới 18 tuổi. Trường hợp người bị buộc tội dưới 18 tuổi không có người bào chữa hoặc người đại diện của họ không lựa chọn người bào chữa thì Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án phải chỉ định người bào chữa theo quy định tại Điều 76 của BLTTHS năm 2015. Điều 423 tiếp tục nhấn mạnh, bắt buộc phải có người bào chữa cho người bị buộc tội dưới 18 tuổi trong mọi giai đoạn tố tụng. Nếu người bị buộc tội dưới 18 tuổi hoặc người đại diện hợp pháp của họ không mời luật sư, cơ quan tố tụng phải chỉ định luật sư bào chữa. Điều 75 bổ sung quy định, cơ quan tố tụng phải tạo điều kiện thuận lợi cho người bào chữa gặp gỡ bị cáo, tiếp cận hồ sơ vụ án. Theo Điều 76, trong trường hợp người bị buộc tội dưới 18 tuổi, người đại diện hoặc người có quan hệ thân thích của họ không mời luật sư-người bào chữa thì cơ quan tố tụng có thẩm quyền phải yêu cầu hoặc đề nghị Đoàn luật sư; Trung tâm trợ giúp pháp lý cử người bào chữa cho họ.

Liên quan đến các quy định nêu trên của BLTTHS, Điều 7 Luật Trợ giúp pháp lý 2017 xác định, người bị buộc tội dưới 18 tuổi thuộc diện được trợ giúp pháp lý miễn phí. Các cơ quan, tổ chức cung cấp dịch vụ trợ giúp pháp lý có trách nhiệm cử luật sư bào chữa miễn phí nếu bị cáo không có luật sư.

Những quy định nêu trên đã giúp việc thực hiện quyền bào chữa của người bị buộc tội dưới 18 tuổi ở nước ta đi vào nề nếp. Bảng dưới đây cho thấy tình hình thực hiện quyền bào chữa của người bị buộc tội dưới 18 tuổi ở Việt Nam qua 10 năm từ 2012-2022.

Bảng 3.1. Bảng tổng hợp về việc bảo đảm quyền bào chữa của người bị buộc tội dưới 18 tuổi ở Việt Nam (Giai đoạn 2012-2022)

Thời gian (năm)	Xét xử		Độ tuổi (bị cáo)		Người bào chữa tham gia (người)	
	Số vụ	Số bị cáo	Đủ 14 đến dưới 16 tuổi	Đủ 16 đến dưới 18 tuổi	Luật sư	Người bào chữa khác
2012-2022	23505	32476	934	19889	1434	3162

*Nguồn: Tác giả cập nhật số liệu trên hệ thống quản lý
của Tòa án nhân dân tối cao*

Từ bảng trên, có thể thấy số vụ án và người bị buộc tội dưới 18 tuổi được bào chữa là khá lớn, tuy nhiên còn chiếm tỷ lệ tương đối thấp so với tổng số vụ án mà người bị buộc tội dưới 18 tuổi. Cụ thể, theo Cục Trợ giúp pháp lý của Bộ Tư pháp, trong giai đoạn 2020-2022, hệ thống toà án trên toàn quốc thực hiện 55.410 vụ việc tham gia tố tụng có người bị buộc tội dưới 18 tuổi tham gia, trong đó có 35.599 vụ việc bào chữa (chiếm 60% tổng số vụ việc)” [104].

Cũng theo bảng tổng hợp trên, số lượng người bào chữa khác tham gia bào chữa cho người bị buộc tội dưới 18 tuổi nhiều hơn gấp đôi so với luật sư. Điều này phản ánh thực tế là việc bào chữa cũng như chỉ định bào chữa đối với người bị buộc tội dưới 18 tuổi ở nước ta thời gian qua thông thường do các trợ giúp viên pháp lý tham gia bào chữa. Thực trạng đó có thể ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng bào chữa. Về nguyên tắc, khi cử người bào chữa, nhất thiết phải bảo đảm người đó có đủ năng lực và kinh nghiệm trong việc

xử lý các vụ việc có người bị buộc tội dưới 18 tuổi. Về vấn đề này, Hướng dẫn của LHQ về tiếp cận trợ giúp pháp lý hình sự nhấn mạnh rằng, để bào chữa hiệu quả cho người bị buộc tội dưới 18 tuổi, người bào chữa cần có kiến thức về luật pháp liên quan tới tư pháp NCTN cùng các nguyên tắc đặc biệt và các biện pháp xử lý có thể áp dụng đối với NCTN, có hiểu biết chắc chắn về các giai đoạn phát triển và tâm lý của NCTN, và có các kỹ năng để giao tiếp với NCTN. Ngoài ra, người bào chữa cũng phải nắm rõ các nhu cầu đặc biệt của NCTN là nữ, NCTN là người dân tộc thiểu số và NCTN khuyết tật. Ủy ban về Quyền trẻ em cũng từng nhấn mạnh rằng, NCTN cần nhận được sự trợ giúp pháp lý nhiều nhất có thể từ những người đã qua đào tạo như luật sư có chuyên môn hoặc luật sư bán chuyên. Trong trường hợp người cung cấp trợ giúp pháp lý không phải là luật sư có chuyên môn (ví dụ như bào chữa viên nhân dân ở Việt Nam), người đó buộc phải có đủ kiến thức pháp lý về quy trình tư pháp NCTN và được đào tạo đầy đủ để bào chữa cho NCTN vi phạm pháp luật.

Như vậy, để bảo đảm chất lượng bào chữa cho NCTN ở Việt Nam, cần tăng cường tỷ lệ người bào chữa là luật sư, đặc biệt là những luật sư có trình độ chuyên môn cao, có kinh nghiệm phong phú đến từ trung tâm trợ giúp pháp lý hoặc Đoàn Luật sư địa phương, thay vì bào chữa viên nhân dân. Đây là vấn đề rất quan trọng khi người bị buộc tội dưới 18 tuổi ở Việt Nam đang đối mặt với án tù có thời hạn tương đối lớn.

Ngoài ra, trong việc bảo đảm quyền bào chữa của người bị buộc tội dưới 18 tuổi ở Việt Nam hiện nay vẫn còn những hạn chế nhất định do những nguyên nhân sau:

- Theo quy định pháp luật hiện hành của Việt Nam, nếu người bị buộc tội dưới 18 tuổi và người đại diện hợp pháp của họ không chấp nhận bất kỳ ai là người bào chữa, Tòa án có thể tiếp tục xét xử mà không có sự tham gia của

người bào chữa. Tuy nhiên, theo Ủy ban về Quyền trẻ em, người dưới 18 tuổi không nên được trao quyền từ bỏ quyền có người bào chữa trừ khi quyết định từ bỏ được đưa ra một cách tự nguyện và dưới sự giám sát tư pháp. Thẩm phán phải bảo đảm rằng đã giải thích cặn kẽ cho người dưới 18 tuổi về tầm quan trọng của việc có người bào chữa và người đó đã đưa ra quyết định từ chối người bào chữa một cách tự nguyện và dựa trên việc được thông tin đầy đủ.

- Theo quy định tại Điều 74 BLTTHS 2015, cơ quan tố tụng phải chỉ định luật sư nếu người bị buộc tội dưới 18 tuổi không có người bào chữa. Tuy nhiên, hiện pháp luật chưa có quy định cụ thể về thời điểm chỉ định, dẫn đến việc chỉ định luật sư thường diễn ra muộn, thậm chí sau khi đã lấy lời khai. Điều này có thể khiến người bị buộc tội dưới 18 tuổi bị bất lợi ngay từ giai đoạn điều tra, ảnh hưởng không nhỏ đến quyền bào chữa của bị cáo.

Cũng liên quan đến vấn đề trên, BLTTHS 2015 hiện không quy định bắt buộc phải có mặt luật sư khi cơ quan điều tra lấy lời khai lần đầu của người bị buộc tội dưới 18 tuổi. Vì vậy, trong thực tế, nhiều người bị buộc tội dưới 18 tuổi bị lấy lời khai mà không có luật sư hoặc người giám hộ, dễ dẫn đến tình trạng ép cung, mớm cung. Thậm chí, trong một số vụ án, luật sư chỉ được chỉ định khi vụ án đã chuyển sang giai đoạn xét xử, không có mặt trong giai đoạn điều tra hoặc truy tố. Điều này không thống nhất với nguyên tắc bảo vệ trẻ em trong tư pháp với NCTN và không đảm bảo quyền bào chữa thực sự cho người bị buộc tội dưới 18 tuổi.

- Pháp luật hiện chưa quy định rõ trách nhiệm của cơ quan tố tụng trong việc bảo đảm quyền bào chữa của người bị buộc tội dưới 18 tuổi. Điều 423 BLTTHS 2015 mới chỉ có quy định chung rằng người bị buộc tội dưới 18 tuổi có quyền bào chữa, nhưng không quy định chế tài xử lý nếu cơ quan tố tụng vi phạm quyền này. Trong thực tế, có một số vụ án, luật sư bị cơ quan điều tra gây khó khăn trong việc cấp giấy chứng nhận bào chữa và hạn chế tiếp cận hồ

sơ vụ án, khiến việc bào chữa không kịp thời, kém hiệu quả. Tuy nhiên, trong những trường hợp quyền bào chữa của người bị buộc tội dưới 18 tuổi bị vi phạm bởi cơ quan tố tụng (ví dụ: luật sư không được tiếp xúc với bị cáo sớm, không được cung cấp hồ sơ vụ án đầy đủ) thì hiện vẫn chưa có cơ chế khiếu nại hoặc xử lý vi phạm rõ ràng.

- Cơ chế trợ giúp pháp lý với người bị buộc tội dưới 18 tuổi chưa được quy định chặt chẽ và chưa được thực hiện hiệu quả. Luật Trợ giúp pháp lý 2017 mới chỉ quy định người bị buộc tội dưới 18 tuổi thuộc diện được trợ giúp pháp lý miễn phí, tuy nhiên, việc triển khai trên thực tế còn gặp nhiều khó khăn do nhiều nguyên nhân như: Số lượng luật sư trợ giúp pháp lý còn ít; nhiều bị cáo chưa thành niên không biết về quyền được trợ giúp pháp lý, dẫn đến không yêu cầu luật sư; cơ quan tố tụng không chủ động mời luật sư, mà thường chỉ định khi có yêu cầu, gây chậm trễ trong việc bảo vệ quyền lợi của bị cáo. Pháp luật cũng chưa có quy định cụ thể về trách nhiệm của luật sư, người bào chữa khi tham gia các phiên tòa có bị cáo là người dưới 18 tuổi, dẫn đến thực tế là việc chỉ định người bào chữa còn mang tính hình thức. Một số luật sư, người bào chữa được chỉ định nhưng không thực hiện đầy đủ trách nhiệm bào chữa, chỉ tham gia lấy lệ.

3.2.1.2. Bảo đảm quyền có người đại diện, nhà trường, tổ chức có mặt tại phiên tòa

Như đã phân tích ở các phần trên, việc có người đại diện, cơ sở giáo dục-nhà trường, tổ chức nơi người bị buộc tội sinh hoạt, học tập có mặt tại phiên tòa là rất cần thiết để bảo đảm quyền được xét xử công bằng, không thiên vị của bị cáo là người dưới 18 tuổi. Trong bối cảnh tình hình người phạm tội dưới 18 tuổi ở nước ta diễn biến phức tạp, việc bảo đảm có người đại diện, cơ sở giáo dục-nhà trường, tổ chức có mặt tại phiên tòa hình sự sơ thẩm xét xử người bị buộc tội dưới 18 tuổi lại càng có ý nghĩa quan trọng.

Bảng 3.2. Bảng tổng hợp các tội chủ yếu đã xét xử đối với người bị buộc tội dưới 18 tuổi ở Việt Nam (Giai đoạn 2012-2022)

STT	Tội danh	Năm 2012-2017		Năm 2018-2022		Tổng 2012-2022	
		Vụ	Bị cáo	Vụ	Bị cáo	Vụ	Bị cáo
1	Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác	2580	3679	976	2022	3556	5701
2	Tội trộm cắp tài sản	7018	8728	2239	2790	9257	11518
3	Tội cướp tài sản	1661	2791	345	776	2006	3567
4	Tội cướp giật tài sản	1582	2121	402	581	1984	2702
5	Tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán hoặc chiếm đoạt ma túy	1021	1133	1070	1318	2091	2451
6	Tội vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ	756	768	387	398	1143	1166

Nguồn: Tác giả cập nhật số liệu trên hệ thống quản lý của Tòa án nhân dân tối cao

Từ bảng trên có thể thấy, số lượng bị cáo vi phạm một số tội phạm phổ biến nhìn chung có xu hướng giảm ở giai đoạn 2012-2017 và giai đoạn 2018-2022, song vẫn ở mức cao. Các nhóm tội phạm này chủ yếu là các yếu tố nguy cơ thường gặp của người dưới 18 tuổi vi phạm pháp luật như: (i) lây nhiễm hành vi phạm pháp: theo đó người dưới 18 tuổi đôi khi xây dựng quan hệ bạn bè lâu dài và kết giao với những cá nhân có xu hướng phạm tội; (ii) lạm dụng chất kích thích: từ đó có thể gia tăng nguy cơ phạm pháp ở trẻ em, nguy cơ sử dụng ma túy hoặc tham gia buôn bán ma túy ở trẻ em luôn ở mức độ cao; (iii) sức khỏe tâm thần: trẻ em bị trầm cảm, không được yêu thương hay hoảng sợ thường có xu hướng chịu đựng, nhưng đôi khi biểu hiện ra bên

ngoài bằng việc nổi giận, nổi loạn và phạm tội. Những đặc điểm đó đòi hỏi cần phải có người đại diện, nhà trường, tổ chức có mặt tại phiên tòa hình sự sơ thẩm xét xử bị cáo là người dưới 18 tuổi.

Về mặt pháp lý, Việt Nam đã có nhiều quy định cụ thể trong BLTTHS 2015 nhằm bảo đảm các quyền của người bị buộc tội dưới 18 tuổi trong quá trình xét xử, trong đó bao gồm quyền có người đại diện hợp pháp, nhà trường, tổ chức tham gia phiên tòa. Theo Điều 423 BLTTHS 2015, nguyên tắc cơ bản trong tố tụng đối với người dưới 18 tuổi là bảo đảm sự tham gia của người đại diện hợp pháp, bao gồm: Cha, mẹ của bị cáo là người dưới 18 tuổi; người giám hộ (nếu không có cha mẹ hoặc cha mẹ không có đủ năng lực pháp lý); người được tòa án chỉ định thay mặt bảo vệ quyền lợi của bị cáo. Người đại diện hợp pháp có nhiệm vụ tham gia phiên tòa cùng người bị buộc tội dưới 18 tuổi để hỗ trợ về tâm lý, pháp lý và có quyền phát biểu ý kiến nhằm bảo vệ lợi ích hợp pháp của bị cáo. Người đại diện hợp pháp có thể đề nghị hoãn phiên tòa nếu vắng mặt. Trường hợp người đại diện hợp pháp không có mặt tại phiên tòa thì theo Điều 427 BLTTHS 2015, phiên tòa có thể bị hoãn để bảo đảm quyền lợi của bị cáo bị cáo là người dưới 18 tuổi.

Theo quy định tại Điều 420 BLTTHS năm 2015, Điều 8, Điều 9 Thông tư liên tịch số 06/2018/TTLT-VKSNDTC-TANDTC-BCA-BTP-BLĐTBXH ngày 21/12/2018 của Viện KSND tối cao, TANDTC, Bộ Công an, Bộ Tư pháp, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về phối hợp thực hiện một số quy định của BLTTHS về thủ tục tố tụng đối với người dưới 18 tuổi thì người đại diện của họ, thầy cô giáo, đại diện của cơ sở giáo dục- nhà trường, Tổ chức Đoàn thanh niên và các cơ quan, tổ chức khác nơi người dưới 18 tuổi sinh hoạt, học tập, lao động có quyền và nghĩa vụ trong quá trình tham gia tố tụng theo quyết định của Tòa án. Từ những quy định này, khi tiến hành các hoạt động tố tụng đối với người tham gia tố tụng là người dưới 18 tuổi, cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng

yêu cầu hoặc đề nghị cơ quan, tổ chức sau đây cử người giám hộ, người đại diện để tham gia tố tụng: Yêu cầu Ủy ban nhân dân cấp xã, nơi người tham gia tố tụng là người dưới 18 tuổi cư trú cử người giám hộ nếu họ không có người giám hộ đương nhiên; Yêu cầu Cơ quan Lao động - Thương binh và Xã hội, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Bảo vệ quyền trẻ em, cơ quan, tổ chức có liên quan nơi bắt giữ, nơi xảy ra tội phạm hoặc nơi có thẩm quyền điều tra cử người đại diện cho người tham gia tố tụng là người dưới 18 tuổi trong trường hợp họ không có nơi cư trú rõ ràng, không xác định được lý lịch hoặc có người đại diện nhưng họ cố ý vắng mặt hoặc từ chối tham gia tố tụng.

Sau khi nhận được thông báo của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng đang thụ lý giải quyết vụ án, vụ việc có người tham gia tố tụng là người dưới 18 tuổi về việc có mặt và tham gia tố tụng để bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho người dưới 18 tuổi thì người đại diện, thầy giáo, cô giáo, đại diện của nhà trường, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, cơ quan, tổ chức khác nơi người dưới 18 tuổi học tập, lao động và sinh hoạt của họ phải có văn bản trả lời cho cơ quan có thẩm quyền tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng về họ tên, thông tin, địa chỉ liên lạc của người được cử để tham gia tố tụng; trường hợp cần thiết có thể báo tin trực tiếp, qua điện thoại hoặc phương tiện điện tử khác nhưng ngay sau đó phải gửi bằng văn bản.

Người đại diện, thầy giáo, cô giáo, đại diện của nhà trường, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, cơ quan, tổ chức khác phải có mặt đúng thời gian, địa điểm nêu trong thông báo. Trường hợp vắng mặt có lý do chính đáng hoặc do trở ngại khách quan thì cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng có thể hoãn việc thực hiện hoạt động tố tụng hoặc yêu cầu đại diện của nhà trường, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, cơ quan, tổ chức khác cử ngay người khác tham gia tố tụng để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người dưới 18 tuổi.

Ngoài ra, theo khoản 3 Điều 423 BLTTHS năm 2015: “Phiên tòa xét xử người bị buộc tội dưới 18 tuổi phải có mặt người đại diện của bị cáo, đại diện của nhà trường, tổ chức nơi bị cáo học tập, sinh hoạt, trừ trường hợp những người này vắng mặt mà không vì lý do bất khả kháng hoặc không do trở ngại khách quan” [63]. Khoản 2 Điều 8 Thông tư số 02/2018/TT-TANDTC ngày 21/9/2018 của Chánh án TANDTC quy định chi tiết việc xét xử vụ án hình sự có người tham gia tố tụng là người dưới 18 tuổi thuộc thẩm quyền của Tòa Gia đình và NCTN quy định trường hợp những người nêu trên vắng mặt lần thứ nhất hoặc vắng mặt lần thứ hai vì lý do bất khả kháng, do trở ngại khách quan thì Tòa án phải hoãn phiên tòa. Trường hợp những người này vắng mặt lần thứ hai không vì lý do bất khả kháng hoặc không do trở ngại khách quan nhưng để bảo đảm lợi ích tốt nhất cho người dưới 18 tuổi thì Tòa án cũng có thể hoãn phiên tòa.

Như vậy, pháp luật hiện hành của Việt Nam đã có những quy định về việc tham gia của người đại diện, nhà trường, tổ chức có mặt tại phiên tòa, qua đó bảo đảm tốt nhất quyền được xét xử công bằng đối với người bị buộc tội dưới 18 tuổi tại phiên tòa hình sự sơ thẩm cấp huyện. Tuy nhiên, thực tiễn xét xử một số Tòa án áp dụng không thống nhất, có Tòa án bảo đảm quyền có nhà trường, tổ chức có mặt tại phiên tòa xét xử đối với bị cáo là người dưới 18 tuổi, nhưng có Tòa án không bảo đảm quyền này.

Chẳng hạn, cùng ở một địa phương, các bị cáo Tạ Thanh T (sinh ngày 13/3/2007), bị cáo Lường Ngọc Th (sinh ngày 11/6/2007), phiên tòa sơ thẩm và cả phiên tòa phúc thẩm đều có Phó Hiệu trưởng là đại diện Trường Trung học phổ thông Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa. Đối với Lò Minh H (sinh ngày 11/5/2007) có giáo viên chủ nhiệm lớp 10A5, Trường Trung học phổ thông Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa [78]. Tuy nhiên, đối với vụ án xét xử đối với bị cáo Nguyễn Văn N (sinh ngày 22/9/2003) chỉ có người đại diện hợp pháp là mẹ của bị cáo tham gia phiên tòa, không có đại diện nhà trường, tổ chức tham gia [77].

Những hạn chế về sự tham gia của người đại diện, nhà trường, tổ chức có mặt tại phiên tòa do nhiều nguyên nhân, trong đó bao gồm thực tế là khung pháp luật về vấn đề này còn chưa thực sự toàn diện và hợp lý, thể hiện qua một số điểm sau:

Thứ nhất, pháp luật còn thiếu quy định về chế tài xử lý khi người đại diện hợp pháp vắng mặt tại phiên tòa xét xử bị cáo là người dưới 18 tuổi. Hiện tại, theo Điều 427 BLTTHS 2015, nếu người đại diện hợp pháp (cha, mẹ, người giám hộ) vắng mặt, tòa có thể hoãn phiên tòa. Tuy nhiên, không có chế tài xử lý nếu người đại diện cố tình vắng mặt nhiều lần hoặc từ chối tham gia. Thực tế cho thấy việc này gây khó khăn cho quá trình xét xử của tòa án. Bên cạnh đó, trong một số trường hợp, người bị buộc tội dưới 18 tuổi không có người đại diện hợp pháp (mồ côi, gia đình từ chối trách nhiệm) nhưng pháp luật chưa quy định rõ cơ chế thay thế khi không có người giám hộ hoặc đại diện bảo vệ quyền lợi của bị cáo.

Thứ hai, pháp luật chưa có quy định bắt buộc về trách nhiệm của nhà trường phải cử đại diện tham gia phiên tòa xét xử bị cáo là học sinh dưới 18 tuổi. Pháp luật hiện hành chỉ quy định cơ quan tiến hành tố tụng “có thể triệu tập” đại diện nhà trường, nhưng không quy định bắt buộc sự có mặt của họ trong phiên tòa. Điều này dẫn đến một số trường hợp nhà trường không cử người tham gia hoặc chỉ có đại diện tham gia một cách hình thức, không có đóng góp thực chất để bảo vệ quyền lợi cho bị cáo là học sinh dưới 18 tuổi.

Thứ ba, pháp luật chưa có quy định cụ thể về vai trò của tổ chức bảo vệ trẻ em trong việc tham gia phiên tòa để bảo vệ quyền lợi cho bị cáo là người dưới 18 tuổi. Hiện tại, theo pháp luật hiện hành, các tổ chức như Hội Bảo vệ quyền trẻ em, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam có thể tham gia phiên tòa, nhưng chưa có quy định cụ thể về quyền hạn, trách nhiệm và phạm vi hoạt động của họ tại phiên tòa, cũng như chưa có quy trình chặt chẽ để đảm bảo các tổ chức này có thể theo dõi và hỗ trợ người bị buộc tội dưới 18 tuổi sau phiên tòa.

Ngoài ra, liên quan đến vấn đề trên, mặc dù pháp luật đã quy định người bị buộc tội dưới 18 tuổi phải có luật sư hoặc người bào chữa tại phiên tòa, nhưng chưa có quy định bắt buộc phải có đại diện của tổ chức bảo vệ trẻ em trong các vụ án mà bị cáo là người dưới 18 tuổi; cũng chưa có quy định cụ thể về biện pháp xử lý nếu phiên tòa diễn ra mà không có sự tham gia của các tổ chức bảo vệ quyền lợi trẻ em.

Thứ tư, pháp luật chưa có quy định thống nhất trong việc thực hiện quyền yêu cầu thay đổi đối với người tiến hành tố tụng tại phiên tòa hình sự. Cụ thể, theo khoản 3 Điều 420 BLTTHS năm 2015 thì người đại diện của người bị buộc tội dưới 18 tuổi, thầy cô giáo, đại diện của cơ sở giáo dục-nhà trường, Tổ chức Đoàn thanh niên, tổ chức khác nơi người bị buộc tội dưới 18 tuổi sinh hoạt, học tập, lao động được quyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền trong thay đổi người tiến hành tố tụng. Tuy nhiên, Điều 50 BLTTHS năm 2015 chỉ quy định người có quyền yêu cầu, đề nghị thay đổi người tiến hành tố tụng bao gồm: Kiểm sát viên VKSND, người có nghi hoặc phạm tội bị tạm giữ, bị can trong quá trình điều tra, truy tố và bị cáo trong quá trình xét xử, bị hại, nguyên đơn, bị đơn dân sự và người đại diện của người bị buộc tội dưới 18 tuổi; luật sư -người bào chữa, người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị hại,... Như vậy, giữa các quy định đã nêu chưa có sự thống nhất, và thực tế đã không đề cập đến quyền thay đổi người tiến hành tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm của thầy cô giáo, đại diện của cơ sở giáo dục-nhà trường, Đoàn thanh niên, tổ chức khác nơi người dưới 18 tuổi sinh hoạt, học tập và lao động.

Bên cạnh những hạn chế về khung khổ pháp luật đã nêu ở trên, việc tổ chức thực hiện những quy định về quyền có người đại diện, nhà trường, tổ chức có mặt tại phiên tòa trong thực tế cũng còn những thiếu sót. Thực tế cho thấy, mặc dù chưa có số liệu thống kê chính thức, song tỷ lệ người đại diện hợp pháp tham gia phiên tòa để bảo vệ quyền của người bị buộc tội dưới 18 tuổi còn thấp, hiệu vụ án xét xử người dưới 18 tuổi diễn ra không có mặt cha

mẹ hoặc người giám hộ, nhất là trong các vụ án mà bị cáo có hoàn cảnh đặc biệt (gia đình nghèo, cha mẹ ly hôn, trẻ em lang thang) [48]. Một thách thức phổ biến trong vấn đề này là việc không thể triệu tập người đại diện do họ ở quá xa hoặc không xác định được địa chỉ, dẫn đến việc hoãn phiên tòa nhiều lần. Trong một số trường hợp, tòa án phải yêu cầu đại diện từ các tổ chức như Đoàn Thanh niên tham gia để đảm bảo phiên tòa có thể tiến hành, nhưng điều này không hoàn toàn phù hợp với quy định pháp luật hiện hành [48]. Những thách thức phổ biến khác bao gồm: Một số cha mẹ không hiểu rõ quyền lợi của con mình nên không chủ động tham gia phiên tòa hoặc không có khả năng hỗ trợ pháp lý cho con; Nhiều trường hợp đại diện nhà trường không tham gia phiên tòa, hoặc tham gia nhưng không có đóng góp đáng kể vì thiếu hiểu biết về pháp luật, thậm chí có trường hợp nhà trường không muốn tham gia vì sợ ảnh hưởng đến uy tín của trường khi bị cáo là học sinh của trường phạm tội nghiêm trọng; Sự phối hợp giữa tòa án và tổ chức bảo vệ trẻ em còn hạn chế, ở nhiều địa phương, tòa án chưa thực sự quan tâm đến việc triệu tập tổ chức bảo vệ trẻ em tham gia phiên tòa, trong khi một số tổ chức bảo vệ quyền trẻ em không đủ nhân lực, kinh phí để tham gia giám sát và hỗ trợ trẻ em trong các vụ án hình sự; Chưa có cơ chế giám sát hiệu quả sau phiên tòa, dẫn đến thực tế là sau khi xét xử, nhiều người bị buộc tội dưới 18 tuổi không được tổ chức xã hội hoặc chính quyền địa phương hỗ trợ để tái hòa nhập cộng đồng. Ngoài ra, hiện cũng chưa có cơ chế ràng buộc các tổ chức bảo vệ trẻ em theo dõi tình hình của người bị buộc tội dưới 18 tuổi sau phiên tòa, dẫn đến nguy cơ tái phạm cao.

3.2.1.3. Bảo đảm quyền được xét xử kín khi cần thiết

Như đã phân tích ở các phần trên, được xét xử kín là một quyền của người bị buộc tội dưới 18 tuổi trong tư pháp với NCTN, nhằm bảo đảm tính công bằng trong quá trình xét xử và còn tạo cơ hội cho bị cáo học hỏi và phục hồi.

Trong hệ thống pháp luật Việt Nam, quyền được xét xử kín của người bị buộc tội dưới 18 tuổi đã được quy định khá rõ nhằm bảo vệ danh tính, tâm lý và sự phát triển bình thường của bị cáo sau phiên tòa. Quyền này có cơ sở hiến định từ Điều 103, Khoản 3 Hiến pháp 2013, trong đó nêu rõ nguyên tắc xét xử tại các toà án của Việt Nam là công khai, nhưng đối với những trường hợp đặc biệt, tòa án có thể xét xử kín để bảo vệ danh dự, nhân phẩm của bị cáo. Vấn đề xét xử kín của người bị buộc tội dưới 18 tuổi cũng liên quan đến quy định tại Điều 7 Luật Trẻ em 2016, trong đó nêu rõ trẻ em có quyền được bảo vệ đời tư, danh tính và hình ảnh của các em, đồng thời cấm tiết lộ hoặc công khai thông tin làm ảnh hưởng đến danh dự và nhân phẩm của trẻ.

Cụ thể hoá nguyên tắc nêu trên của Hiến pháp 2013, Điều 423 BLTTHS 2015 quy định nguyên tắc chung trong tố tụng đối với người dưới 18 tuổi, trong đó nhấn mạnh việc bảo vệ quyền lợi, sự phát triển và tránh gây tổn thương tâm lý cho họ. Theo khoản 2 Điều này, trường hợp đặc biệt cần bảo vệ bị cáo, bị hại là người dưới 18 tuổi thì Tòa án có thể quyết định xét xử kín. Vấn đề này sau đó được tiếp tục cụ thể hoá trong Thông tư số 02/2018/TT-TANDTC ngày 21/9/2018 của Chánh án TANDTC quy định chi tiết việc xét xử vụ án hình sự có người tham gia tố tụng là người dưới 18 tuổi thuộc thẩm quyền của Tòa Gia đình và NCTN. Theo nội dung điểm d khoản 1 Điều 7 của Thông tư này, đối với người bị hại trong các vụ án là người dưới 18 tuổi bị xâm hại tình dục, bị mua bán, bạo hành thì Tòa án phải tiến hành hoạt động xét xử kín; Tòa án cũng có thể xét xử kín nhưng phải tuyên án công khai đối với những vụ án khác mà khi có yêu cầu của người dưới 18 tuổi, người đại diện của họ hoặc thấy cần thiết để giữ bí mật đời tư, bảo vệ người dưới 18 tuổi.

Nói tóm lại, về nguyên tắc, Tòa án phải xét xử kín đối với vụ án có người bị buộc tội dưới 18 tuổi, trừ trường hợp họ hoặc người đại diện hợp pháp của họ đề nghị xét xử công khai. Khi xét xử, chỉ những người có liên

quan trực tiếp đến vụ án (như các thành viên của hội đồng xét xử, kiểm sát viên, luật sư bào chữa, trợ giúp viên pháp lý, bị cáo và người đại diện hợp pháp của bị cáo, đại diện nhà trường, tổ chức bảo vệ trẻ em) mới được phép tham dự. Việc bảo vệ danh tính của bị cáo (tên tuổi, địa chỉ, hình ảnh..) là bắt buộc, không được công khai trên báo chí, mạng xã hội.

Mặc dù quy định về xét xử kín trong các phiên toà hình sự mà người bị buộc tội dưới 18 tuổi đã được quy định rõ trong pháp luật nước ta, song trong thực tế đôi khi vẫn chưa được tuân thủ nghiêm túc.

Chẳng hạn, bị cáo Trần Thanh H (sinh ngày 20/12/2004) bị truy tố về “Tội cố ý gây thương tích”, tại thời điểm thực hiện hành vi ngày 02/01/2021 và thời điểm xét xử ngày 29/9/2022, bị cáo chưa đủ 18 tuổi nhưng Tòa án vẫn quyết định xét xử vụ án công khai mà không tiến hành xét xử kín [75]. Trong vụ án này, có tổng cộng 12 bị cáo bị đưa ra xét xử, tính chất vụ án phức tạp nên việc xét xử kín là cần thiết để bảo vệ quyền lợi của người dưới 18 tuổi.

Nguyên nhân của tình trạng trên là do một số Tòa án và Thẩm phán chưa hiểu biết đầy đủ về tầm quan trọng, ý nghĩa của việc xét xử kín trong các phiên toà xét xử bị cáo là người dưới 18 tuổi, dẫn đến việc coi nhẹ quyền được xét xử kín của bị cáo. Bên cạnh đó, việc một số tòa án vẫn tổ chức xét xử công khai người bị buộc tội dưới 18 tuổi còn do chưa có cơ chế giám sát chặt chẽ.

Bên cạnh đó, việc vi phạm quyền được xét xử kín của người bị buộc tội dưới 18 tuổi còn thể hiện qua một số hình thức khác, đặc biệt là việc lộ lọt và công khai thông tin cá nhân của người bị buộc tội dưới 18 tuổi trên các phương tiện truyền thông. Trong thực tế vẫn có tình trạng một số cơ quan báo chí và đặc biệt là mạng xã hội đăng tải thông tin chi tiết về danh tính, quê quán, gia đình, hình ảnh của bị cáo là người dưới 18 tuổi. Việc đưa tin không được kiểm soát như vậy có thể ảnh hưởng nghiêm trọng đến tâm lý, cuộc sống của bị cáo là người dưới 18 tuổi, làm gia tăng sự kỳ thị xã hội với bị cáo.

Sở dĩ có tình trạng này là do trong thực tế, một số hồ sơ vụ án của người bị buộc tội dưới 18 tuổi không được bảo mật đúng quy định, một số điều tra viên, thẩm phán chưa tuân thủ đầy đủ nguyên tắc bảo vệ danh tính của trẻ, từ đó dẫn đến rò rỉ thông tin. Đối với các cơ quan báo chí, truyền thông, việc để cho tình trạng đưa tin không được kiểm soát về người bị buộc tội dưới 18 tuổi thể hiện sự thiếu trách nhiệm trong bảo vệ trẻ em, chưa tuân thủ quy định về bảo vệ danh tính trẻ em trong các vụ án hình sự. Nhìn từ góc độ khác, việc xảy ra những vi phạm như trên còn do cơ chế xử lý vi phạm còn lỏng lẻo. Trong thực tế, việc xử phạt báo chí, cá nhân hoặc tổ chức vi phạm rất ít khi xảy ra, và với những vụ việc đã được xử lý, chế tài với các vi phạm chưa đủ mạnh, còn thiếu tính răn đe.

3.2.2. Thực trạng về những điều kiện, thủ tục tố tụng đặc biệt nhằm quyền được bảo đảm xét xử công bằng của người bị buộc tội dưới 18 tuổi tại phiên tòa hình sự sơ thẩm cấp huyện ở Việt Nam

3.2.2.1. Bảo đảm những điều kiện tố tụng đặc biệt

Những điều kiện tố tụng đặc biệt có thể hiểu là những quy định hoặc tiêu chuẩn đặc biệt được áp dụng trong quá trình xét xử vụ án, phù hợp với một số tình huống hoặc loại vụ án cụ thể. Những điều kiện tố tụng này có thể được áp dụng để bảo đảm công bằng, hiệu quả, cân nhắc trong quyết định của tòa án. Đối với việc xét xử bị cáo là người dưới 18 tuổi, một số điều kiện tố tụng đặc biệt có thể đề cập bao gồm: tòa án chuyên trách, phòng xét xử thân thiện, về người tiến hành tố tụng.

Thứ nhất, về tòa án chuyên trách. Theo Thông tư số 01/2016/TT-CA ngày 21/01/2016 của Chánh án TANDTC quy định việc tổ chức các tòa chuyên trách tại TAND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, TAND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và tương đương thì việc tổ chức các Tòa chuyên trách tại TAND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, TAND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và tương đương phải đáp ứng được các điều

kiện sau: Số lượng vụ việc mà Tòa án thụ lý, giải quyết thuộc thẩm quyền của Tòa chuyên trách phải từ 50 vụ/năm trở lên; có biên chế Thẩm phán, Thẩm tra viên, Thư ký Tòa án đáp ứng được yêu cầu tổ chức Tòa chuyên trách. Trường hợp tại Tòa án không đáp ứng đủ điều kiện tổ chức Tòa chuyên trách quy định thì không tổ chức Tòa chuyên trách nhưng phải bố trí Thẩm phán chuyên trách để giải quyết, Điều 2 [79].

Cũng theo Thông tư nêu trên, việc xét xử người bị buộc tội dưới 18 tuổi chủ yếu sẽ do Tòa gia đình và NCTN (một trong 5 toà chuyên trách được thành lập theo pháp luật hiện hành) phụ trách. Thông tư cũng quy định về thẩm quyền của Tòa gia đình và NCTN được giải quyết các vụ việc bao gồm [79]: Các vụ án hình sự mà người bị buộc tội dưới 18 tuổi hoặc các vụ án hình sự mà bị cáo là người đã đủ 18 tuổi nhưng người bị hại là người dưới 18 tuổi được xác định có những tổn thương về tâm lý nghiêm trọng hoặc cần sự hỗ trợ trong cuộc sống, học tập do không có môi trường gia đình an toàn, lành mạnh như những người dưới 18 tuổi khác.

Tuy nhiên, theo thống kê, tính đến cuối năm 2022, Việt Nam mới thành lập được 40 Tòa Gia đình và NCTN tại 38 Tòa án cấp tỉnh và 2 Tòa án Nhân dân cấp cao, với tổng biên chế là 238 cán bộ, bao gồm 127 thẩm phán và 105 thư ký [93]. Hiện tại, chưa có địa phương nào thành lập Tòa gia đình và NCTN ở cấp huyện. Việc chưa thành lập được Tòa gia đình và NCTN ở cấp huyện khiến cho mục tiêu đề ra là tất cả người bị buộc tội dưới 18 tuổi sẽ được xét xử ở tòa chuyên trách chưa và khó đạt được trong tương lai gần.

Thực trạng kể trên xuất phát từ một số nguyên nhân, bao gồm cả thể chế, nhân lực, tài chính và hạ tầng. Về mặt thể chế, hiện tại, pháp luật Việt Nam chưa có quy định cụ thể về mô hình tổ chức và hoạt động của Tòa Gia đình và NCTN ở cấp huyện (Luật Tổ chức Tòa án Nhân dân năm 2014 mới chỉ đề cập đến việc thành lập Tòa Gia đình và NCTN ở cấp tỉnh, chưa có quy định rõ ràng cho cấp huyện). Về mặt nhân lực, việc xử lý các vụ án liên quan

đến gia đình và trẻ em đòi hỏi thẩm phán có chuyên môn đặc thù về tâm lý trẻ em, bảo vệ quyền trẻ em và luật gia đình; trong khi đó, ở các toà án cấp huyện, đội ngũ thẩm phán hiện nay chưa đủ số lượng và chuyên môn để đảm nhận công việc của một tòa chuyên trách như Tòa Gia đình và NCTN. Về cơ sở vật chất và tài chính, việc thành lập một tòa án chuyên trách cần có hệ thống cơ sở vật chất riêng, đội ngũ cán bộ chuyên biệt, trong khi ngân sách nhà nước còn hạn chế. Thực tế ở nhiều huyện, trụ sở tòa án nhân dân cấp huyện còn nhỏ, chưa đủ điều kiện để bố trí thêm phòng xử án dành riêng cho các vụ việc liên quan đến gia đình và trẻ em. Cuối cùng là về nhu cầu xét xử, ở một số huyện, số lượng vụ án liên quan đến gia đình và NCTN không nhiều, dẫn đến ý kiến cho rằng chưa cần thiết thành lập một tòa chuyên trách riêng mà các vụ án đó có thể được giải quyết chung tại Tòa án nhân dân cấp huyện.

Thứ hai, về phòng xét xử thân thiện. Bố trí phòng xử án thân thiện là một yếu tố quan trọng trong hệ thống tư pháp với NCTN. Phòng xử án thân thiện là một không gian thiết kế để xử lý các vụ án và hoạt động liên quan đến tòa án, với sự quan tâm đặc biệt đến việc tạo ra môi trường lành mạnh và nhân văn khi xét xử các vụ án có NCTN.

Ở Việt Nam, theo Điểm a khoản 1 Điều 7 Thông tư số 02/2018/TT-TANDTC ngày 21/9/2018 của Chánh án TANDTC quy định chi tiết việc xét xử vụ án hình sự có người tham gia tố tụng là người dưới 18 tuổi thuộc thẩm quyền của Tòa Gia đình và NCTN quy định [82]: Phòng xử án phải được bố trí thân thiện, bảo đảm lợi ích tốt nhất cho người dưới 18 tuổi theo đúng quy định tại Điều 4, Điều 5, Điều 6 Thông tư số 01/2017/TT-TANDTC ngày 28/7/2017 quy định về phòng xử án. Cụ thể như sau [81]:

- Về hình thức phòng xử án. Phòng xử án phải được bố trí Quốc huy nước Cộng hòa XHCN Việt Nam trên nền ốp gỗ ở chính giữa, phía sau và ở trên vị trí của Hội đồng xét xử. Phòng xử án phải bảo đảm không gian để tiến hành phiên tòa.

- Về vị trí của những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng, người tham dự phiên tòa, phiên họp trong phòng xử án được bố trí trên cùng một mặt phẳng, sắp xếp theo hình thức bàn tròn; tường trong phòng xử án có màu xanh. Người dưới 18 tuổi tham gia tố tụng tại phiên tòa được ngồi cạnh người đại diện, người bào chữa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của họ. Bàn, ghế trong phòng xử án được thiết kế theo kiểu dáng bàn, ghế văn phòng.

- Về trang thiết bị trong phòng xử án. Phòng xử án phải có Quốc huy nước Cộng hòa XHCN Việt Nam, bảng nội quy phòng xử án, biển ghi chức danh của những người tiến hành tố tụng, biển ghi tư cách của người tham gia tố tụng, hệ thống chiếu sáng, quạt điện và hệ thống âm thanh. Căn cứ vào điều kiện cụ thể của mỗi Tòa án mà phòng xử án có thể được trang bị thêm thiết bị ghi âm, ghi hình, màn hình ti vi, máy tính, mạng internet, mạng truyền hình trực tuyến và các trang thiết bị khác phục vụ cho công tác xét xử.-

- Về trang phục của Thẩm phán. Thẩm phán mặc trang phục làm việc hành chính của TAND (không mặc áo choàng).

Như vậy, có thể thấy quy định về phòng xử án thân thiện trong pháp luật Việt Nam khá cụ thể, phù hợp với các tiêu chuẩn quốc tế có liên quan. Việc trang bị phòng xét xử thân thiện tại các tòa án ở Việt Nam là một bước tiến quan trọng trong cải cách tư pháp, nhằm bảo vệ quyền lợi và tâm lý của người dưới 18 tuổi khi tham gia tố tụng. Tuy nhiên, tính đến năm 2023, trong số 40 Tòa Gia đình và Người chưa thành niên đã được thành lập ở Việt Nam, mới chỉ có khoảng 51,7% số tòa án đã trang bị được phòng xét xử thân thiện [96]. Thậm chí ở nhiều tòa án, đặc biệt ở cấp quận, huyện, vẫn chưa có phòng xét xử chuyên biệt cho NCTN.

Việc thiếu phòng xét xử thân thiện (và ở mức độ thấp hơn là phòng xét xử chuyên biệt) cho NCTN đang gây ra những khó khăn nhất định trong việc bảo các quyền của bị cáo người dưới 18 tuổi trong phiên tòa hình sự, bao gồm quyền được xét xử công bằng. Có một số nguyên nhân dẫn đến tình trạng này,

trong đó bao gồm: Việc thiết lập phòng xét xử thân thiện đòi hỏi kinh phí đáng kể, trong khi ngân sách phân bổ cho các tòa án ở nước ta hiện còn hạn chế; Cơ sở vật chất hiện hành của nhiều tòa án, đặc biệt ở cấp huyện, thiếu không gian và trang thiết bị phù hợp để thiết lập phòng xét xử theo tiêu chuẩn.

Thứ ba, về thẩm phán và hội thẩm

Thẩm phán và hội thẩm là những người tiến hành tố tụng chính trong các vụ án mà bị cáo là người dưới 18 tuổi. Như đã đề cập ở các phần trên, theo luật nhân quyền quốc tế, trong các phiên tòa có NCTN, thẩm phán và hội thẩm phải đáp ứng các yêu cầu đặc biệt để đảm bảo quyền lợi tốt nhất cho trẻ em và tuân thủ các tiêu chuẩn quốc tế về tư pháp với NCTN. Những yêu cầu quan trọng nhất bao gồm phải có hiểu biết sâu về tâm lý trẻ em, sự phát triển nhận thức và đặc điểm hành vi của trẻ, có kiến thức pháp luật về quyền trẻ em (lý tưởng là được đào tạo chuyên biệt về tư pháp với NCTN), trong đó phải hiểu biết sâu về các hình thức xử lý thay thế (như giáo dục, hòa giải, phục hồi) thay vì chỉ tập trung vào hình phạt. Thẩm phán và hội thẩm cũng phải có thái độ kiên nhẫn, tôn trọng và tránh gây áp lực tâm lý cho trẻ em khi xét xử; ngôn ngữ sử dụng tại phiên tòa phải đơn giản, dễ hiểu, phù hợp với độ tuổi và nhận thức của NCTN. Mọi quyết định của thẩm phán và hội thẩm phải đặt lợi ích tốt nhất của trẻ lên hàng đầu, đồng thời phải có ý thức đảm bảo tính bảo mật và riêng tư cho bị cáo là NCTN. Không chỉ vậy, thẩm phán và hội thẩm cần biết cách hợp tác chặt chẽ với cảnh sát, công tố viên, luật sư, nhân viên bảo trợ xã hội, chuyên gia tâm lý, người đại diện pháp lý của NCTN để đảm bảo quyết định đưa ra phù hợp nhất cho trẻ.

Ở Việt Nam, pháp luật cũng quy định một số điều kiện với thẩm phán và hội thẩm tham gia xét xử các vụ án mà bị cáo là người dưới 18 tuổi, nhằm bảo đảm tốt nhất các quyền của bị cáo, bao gồm quyền được xét xử công bằng. Những quy định này được nêu trong nhiều văn bản pháp luật, cụ thể như BLTTHS 2015, Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017), Luật Tổ

chức Tòa án nhân dân 2014, Luật Trẻ em 2016 và Nghị quyết 03/2022/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán TANDTC hướng dẫn xét xử vụ án hình sự đối với người dưới 18 tuổi, trong đó trực tiếp và cụ thể nhất là trong BLTTHS 2015 (Điều 423).

Theo các văn bản pháp luật nêu trên, thẩm phán và hội thẩm tham gia xét xử vụ án có người bị buộc tội dưới 18 tuổi bắt buộc phải có chuyên môn phù hợp. Cụ thể, đối với thẩm phán, để được phân công tiến hành tố tụng đối với vụ án phải có ít nhất một trong các điều kiện sau đây: (i) Có kinh nghiệm xét xử các vụ án liên quan đến người dưới 18 tuổi; (ii) Đã được đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng về kỹ năng, thuần thực các thao tác giải quyết các vụ án hình sự có người tham gia tố tụng là người bị buộc tội dưới 18 tuổi; (iii) Đã được tham gia đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức về tâm lý lứa tuổi, khoa học giáo dục đối với người dưới 18 tuổi [95]. Thẩm phán khi xét xử phải đảm bảo nguyên tắc đặt lợi ích tốt nhất của NCTN lên hàng đầu [63]. Pháp luật cũng quy định thẩm phán khi xét xử không mặc áo thẩm phán để tránh tạo không khí quá nghiêm trọng làm ảnh hưởng đến tâm lý của bị cáo là NCTN. Thẩm phán phải quyết định không xét xử công khai nếu xét thấy ảnh hưởng đến danh dự, tương lai của NCTN. Khi xét xử, thẩm phán phải sử dụng ngôn ngữ dễ hiểu, tạo điều kiện để người bị buộc tội dưới 18 tuổi trình bày ý kiến một cách thoải mái, không gây áp lực tâm lý.

Tương tự như thẩm phán, hội thẩm nhân dân cũng phải là người có am hiểu kiến thức về tâm lý lứa tuổi, giáo dục trẻ em, có kinh nghiệm trong lĩnh vực bảo vệ, chăm sóc trẻ em. Hội thẩm nhân dân có thể là giáo viên trong các cơ sở giáo dục hoặc cán bộ của Tổ chức Đoàn thanh niên hoặc người có kinh nghiệm, am hiểu về tâm lý lứa tuổi, đặc biệt người dưới 18 tuổi (Khoản 1 Điều 423 BLTTHS năm 2015) [63]. Theo đó, người có kinh nghiệm, hiểu biết tâm lý người dưới 18 tuổi là người có thâm niên công tác trong lĩnh vực tư pháp, quản lý, đào tạo, bảo vệ, chăm sóc và giáo dục người dưới 18 tuổi;

người được đào tạo về giáo dục thanh, thiếu niên, nhi đồng hoặc những người khác có kinh nghiệm, hiểu biết tâm lý người dưới 18 tuổi. Ví dụ: Thẩm phán chuyên trách xét xử các vụ án có người tham gia tố tụng là người dưới 18 tuổi đã nghỉ hưu; giáo viên đã nghỉ hưu; cán bộ làm công tác bảo vệ trẻ em; cán bộ làm công tác xã hội, cộng tác viên trẻ em; người đã tham gia công tác tại cơ quan, tổ chức liên quan đến hoạt động đấu tranh phòng, chống tội phạm và giáo dục người dưới 18 tuổi; người làm công tác bảo vệ trẻ em; đại diện Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Hội bảo vệ quyền trẻ em, Hội Cựu chiến binh có kinh nghiệm trong quản lý, giáo dục, giúp đỡ người phạm tội và người vi phạm pháp luật là người dưới 18 tuổi.

Tóm lại, có thể thấy pháp luật Việt Nam đã có những quy định cụ thể về những yêu cầu với thẩm phán và hội thẩm tham gia xét xử vụ án có bị cáo là người dưới 18 tuổi, với mục đích đảm bảo lợi ích tốt nhất cho trẻ. Mặc dù vậy, trong vấn đề này, khung pháp luật hiện hành vẫn còn một số hạn chế đó là:

Thứ nhất, pháp luật chưa có quy định về những tiêu chuẩn cụ thể của thẩm phán được tham gia xét xử các vụ án mà bị cáo là người dưới 18 tuổi. BLTTHS 2015 (Điều 423) hiện mới chỉ quy định thẩm phán phải có kinh nghiệm hoặc được đào tạo về tâm lý học, khoa học giáo dục, hiểu biết về trẻ em, nhưng chưa nêu tiêu chí rõ ràng về mức độ đào tạo cụ thể (ví dụ, có cần chứng chỉ hay không), hoặc quy định cụ thể về số năm kinh nghiệm tối thiểu của thẩm phán để được phân công xét xử vụ án có bị cáo là người dưới 18 tuổi. Hệ quả là có một số thẩm phán được giao xét xử vụ án có người bị buộc tội dưới 18 tuổi nhưng chưa có đủ kiến thức chuyên môn về tâm lý trẻ em hoặc phương pháp xử lý mang tính giáo dục.

Thứ hai, đối với hội thẩm nhân dân, Luật Tổ chức Tòa án nhân dân 2014 chưa quy định rõ hội thẩm nhân dân tham gia xét xử vụ án có người bị buộc tội dưới 18 tuổi phải có chuyên môn về giáo dục hoặc về bảo vệ quyền trẻ em. Hệ quả là trong thực tế, nhiều hội thẩm nhân dân thiếu kiến thức hoặc

kinh nghiệm thực tiễn trong việc bảo vệ trẻ em hoặc tư pháp NCTN nên khi xét xử không đủ khả năng phân tích các yếu tố tâm lý, xã hội của người bị buộc tội dưới 18 tuổi để đưa ra quyết định phù hợp.

Thứ ba, thiếu hướng dẫn cần thiết có liên quan đến công việc của thẩm phán và hội thẩm nhân dân. Nghị quyết 03/2022/NQ-HĐTP mới chỉ hướng dẫn chung về xét xử vụ án có NCTN mà chưa có quy định chi tiết về quy trình làm việc giữa thẩm phán, hội thẩm và mở rộng hơn là với chuyên gia tâm lý, công tác xã hội. Hệ quả là sự phối hợp giữa các chủ thể này thiếu nhịp nhàng, khiến quá trình tố tụng không đạt hiệu quả giáo dục tốt nhất với bị cáo là người dưới 18 tuổi.

Nhìn từ góc độ thực tiễn, hiện Việt Nam vẫn còn thiếu thẩm phán chuyên trách về tư pháp trẻ em. Cụ thể, theo thống kê, tính đến ngày 30/12/2022, tổng biên chế của các Tòa Gia đình và Người chưa thành niên trên cả nước là 238 cán bộ, bao gồm 127 thẩm phán, 105 thư ký, 3 thẩm tra viên, trong đó 14 tòa có 2 thẩm phán, 17 tòa có 3 thẩm phán, 3 tòa chỉ có 1 thẩm phán [93]. Điều này cho thấy, nhiều tòa án đang đối mặt với tình trạng thiếu thẩm phán chuyên trách, ảnh hưởng đến chất lượng xét xử các vụ án liên quan đến NCTN. Xét về điều kiện chuyên môn, khoảng 92,6% các Tòa Gia đình và Người chưa thành niên báo cáo rằng thẩm phán và thư ký đã được tiếp cận với các kiến thức và kỹ năng liên quan đến người chưa thành niên thông qua các hoạt động tập huấn và bồi dưỡng nghiệp vụ do Tòa án Nhân dân Tối cao tổ chức [93]. Tuy nhiên, ở nhiều địa phương, do chưa thành lập được Tòa Gia đình và Người chưa thành niên nên số lượng thẩm phán có chuyên môn sâu về tư pháp NCTN còn rất ít. Một tỷ lệ lớn thẩm phán chưa được đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng về tâm lý học, khoa học giáo dục đối với người dưới 18 tuổi như theo yêu cầu. Hệ quả là hiện các thẩm phán khi xét xử các vụ án có người bị buộc tội dưới 18 tuổi chủ yếu dựa vào kiến thức pháp luật, kinh nghiệm sống của bản thân mình. Nhiều thẩm phán hiện vẫn phải xét

xử cả các vụ án mà bị cáo là người đã thành niên và các vụ án mà bị cáo là người dưới 18 tuổi, tức là chưa có sự phân công chuyên trách. Thực trạng đó dẫn đến rủi ro là cách tiếp cận của một số thẩm phán mang tính trừng phạt hơn là giáo dục, thiên về áp dụng máy móc hình phạt tù thay vì biện pháp giáo dục, cải tạo bị cáo là người dưới 18 tuổi.

Tương tự, Việt Nam hiện cũng còn thiếu những hội thẩm nhân dân có đủ kỹ năng chuyên môn để tham gia xét xử các vụ án mà bị cáo là người dưới 18 tuổi. Theo số liệu thống kê, trong nhiệm kỳ 2016-2021, cả nước có 17.299 hội thẩm, trong đó bao gồm 16.913 hội thẩm nhân dân, 386 hội thẩm quân nhân; trung bình, mỗi hội thẩm tham gia xét xử 70,8 vụ án trong suốt nhiệm kỳ [5]. Tuy chưa có số liệu cụ thể về tỷ lệ hội thẩm nhân dân có đủ điều kiện và chuyên môn để tham gia xét xử các vụ án có bị cáo là người dưới 18 tuổi, song thực tế cho thấy tỷ lệ này là thấp, một phần là do pháp luật chưa có quy định bắt buộc về đào tạo chuyên môn và kỹ năng làm việc với trẻ em của hội thẩm. Hệ quả là khi tham gia xét xử, một số hội thẩm không thể đánh giá chính xác hoàn cảnh phạm tội, dẫn đến việc ra quyết định chưa thực sự phù hợp với nhu cầu giáo dục, cải tạo của bị cáo là người dưới 18 tuổi.

Tóm lại, mặc dù đã có những bước tiến trong việc đào tạo và bố trí thẩm phán, hội thẩm tham gia các Tòa Gia đình và Người chưa thành niên, nhưng ở Việt Nam hiện nay vẫn còn những hạn chế về số lượng và chất lượng thẩm phán, hội thẩm tham gia phiên tòa. Điều này cần được quan tâm, khắc phục để đảm bảo hiệu quả quyền được xét xử công bằng của bị cáo là người bị buộc tội dưới 18 tuổi trong các phiên tòa hình sự.

3.2.2.2. Bảo đảm những thủ tục tố tụng đặc biệt

Xét xử sơ thẩm vụ án hình sự là giai đoạn gần cuối của quá trình TTHS, trong đó, Tòa án sau khi xem xét hồ sơ vụ án lần đầu tiên đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục sơ thẩm nhằm xác định có hay không có hành vi phạm tội và người thực hiện tội phạm, từ đó đưa ra bản án, quyết định phù hợp với tính chất của vụ án đã truy tố.

Ở Việt Nam, đối với việc xét xử bị cáo là người dưới 18 tuổi, tại phiên tòa cũng diễn ra các thủ tục khác nhau như phiên tòa xét xử nói chung, tuy nhiên, tuy nhiên còn có những thủ tục tố tụng đặc biệt, theo đó nguyên tắc chung là việc xét hỏi, tranh luận, đối đáp với người bị buộc tội dưới 18 tuổi tại phiên tòa được tiến hành phù hợp với lứa tuổi và sự phát triển của họ [63].

Trong phần xét hỏi, theo Điều 423 BLTTHS năm 2015, ngoài việc tuân thủ các quy định của BLTTHS về việc xét hỏi, trong vụ án có người dưới 18 tuổi tham gia tố tụng đòi hỏi phải chú ý một số vấn đề khác như: Việc đặt câu hỏi đối với người dưới 18 tuổi phạm tội phải ngắn gọn, rõ ràng, đơn giản, nhẹ nhàng và dễ hiểu, không được đặt câu hỏi mang tính gài bẫy hoặc tỏ thái độ gay gắt khi thấy họ không trả lời theo đúng ý của Thẩm phán. Điều này nhằm giúp cho người dưới 18 tuổi hiểu, bình tĩnh trả lời đúng câu hỏi một cách khách quan. Nếu thấy họ chưa hiểu câu hỏi thì cần nhắc lại và có thể giải thích câu hỏi cho rõ hơn. Ngoài ra, việc đặt ra câu hỏi cho đại diện của gia đình, trường học và các tổ chức liên quan là một phần quan trọng để xác định nguyên nhân, điều kiện tội phạm, động cơ, mục đích, và hoàn cảnh của tội phạm. Thông qua việc này, Hội đồng xét xử có khả năng áp dụng biện pháp xử lý hình sự đối với bị cáo là người dưới 18 tuổi. Hội đồng xét xử cần xem xét cẩn thận bất kỳ bằng chứng nào và các yêu cầu từ phía đại diện gia đình hoặc nhà trường. Trong trường hợp đại diện gia đình hoặc nhà trường yêu cầu được hỏi với bị cáo, Hội đồng sẽ xem xét và quyết định liệu có nên chấp nhận yêu cầu này hay không, với tinh thần là Chủ tọa phiên tòa luôn cân nhắc chấp nhận.

Tranh luận là một phần quan trọng của quy trình xét xử, nơi các bên có thể trình bày các lập luận và bằng chứng để hỗ trợ vụ án của họ. Trong một phiên tòa, ngoài bên bào chữa cho bị cáo, quyền tham gia tranh luận cũng được cấp cho đại diện hợp pháp của bị cáo, đại diện gia đình, nhà trường, và tổ chức xã hội. Sự tham gia của những bên này đóng một vai trò quan trọng trong việc bảo đảm sự công bằng và khách quan trong quá trình tố tụng.

Trước hết, đại diện hợp pháp của bị cáo có quyền tham gia tranh luận để bảo vệ quyền và lợi ích của bị cáo. Họ có nhiệm vụ nắm rõ thông tin về vụ án và nắm bắt các chi tiết quan trọng liên quan đến nó, sau đó trình bày những lập luận hợp pháp và bằng chứng để cố gắng bảo vệ bị cáo khỏi các cáo buộc. Quyền tham gia này đặt ra một tiêu chuẩn cao về công bằng trong việc bảo đảm rằng bị cáo được xem xét một cách kỹ lưỡng và khách quan. Ngoài ra, đại diện gia đình của bị cáo và đại diện nhà trường, đặc biệt trong trường hợp của bị cáo là người dưới 18 tuổi, cũng có quyền tham gia tranh luận tại phiên tòa. Họ có vai trò quan trọng trong việc cung cấp thông tin về tình hình gia đình và môi trường của bị cáo, cũng như những yếu tố có thể ảnh hưởng đến hành vi của bị cáo. Sự hiểu biết về ngữ cảnh xã hội và tâm lý của bị cáo có thể giúp Hội đồng xét xử hiểu rõ hơn về nguyên nhân và điều kiện phạm tội.

Quyền tranh luận trong phiên tòa cũng đòi hỏi Hội đồng xét xử tuân thủ các quy định và thủ tục chung quy định về tranh tụng. Điều này bao gồm việc không hạn chế thời gian cho tranh luận và bảo đảm rằng đại diện Viện kiểm sát phải đối đáp đến cùng đối với các ý kiến của người bào chữa. Các nguyên tắc này cần được tuân thủ để bảo đảm rằng quá trình tố tụng là công bằng và minh bạch, và để bảo đảm rằng quyền của tất cả các bên đều được tôn trọng.

Việc bảo đảm quyền tham gia tranh luận cho các đối tượng khác nhau như bị cáo, gia đình, và nhà trường là quan trọng để bảo đảm rằng quyền công bằng và tôn trọng của mọi người được bảo vệ. Việc tuân thủ các quy định về tranh tụng và bảo đảm sự tham gia của tất cả các bên là cơ sở cho một hệ thống tố tụng công bằng và hiệu quả.

Dù vậy, thực trạng về thực hiện thủ tục tố tụng đặc biệt vẫn còn hạn chế, đặc biệt liên quan đến quyền phát biểu ý kiến, tranh luận, mà có nguyên nhân từ quy định pháp luật còn bất cập. Cụ thể, theo 3 Điều 420 BLTTHS năm 2015 thì người đại diện của người bị buộc tội dưới 18 tuổi, thầy cô giáo, đại diện của cơ sở giáo dục- nhà trường, Tổ chức Đoàn thanh niên, tổ chức

khác nơi người bị buộc tội dưới 18 tuổi học tập, sinh hoạt, lao động được quyền phát biểu ý kiến và tranh luận. Tuy nhiên, theo Điều 320 BLTTHS năm 2015 quy định:

“Điều 320. Trình tự phát biểu khi tranh luận

1. Sau khi kết thúc việc xét hỏi, Kiểm sát viên trình bày luận tội; nếu thấy không có căn cứ để kết tội thì rút toàn bộ quyết định truy tố và đề nghị Tòa án tuyên bố bị cáo không có tội.
2. Bị cáo trình bày lời bào chữa; người bào chữa trình bày lời bào chữa cho bị cáo; bị cáo, người đại diện của bị cáo có quyền bổ sung ý kiến bào chữa.
3. Bị hại, đương sự, người đại diện của họ trình bày ý kiến để bảo vệ quyền và lợi ích của mình; nếu có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho họ thì người này có quyền trình bày, bổ sung ý kiến.
4. Trường hợp vụ án được khởi tố theo yêu cầu của bị hại thì bị hại hoặc người đại diện của họ trình bày, bổ sung ý kiến sau khi Kiểm sát viên trình bày luận tội” [63].

Như vậy, quy định tại Điều 320 không đề cập đến trình tự phát biểu ý kiến trong quá trình tranh luận của thầy cô giáo, đại diện cơ sở giáo dục-nhà trường, Tổ chức Đoàn thanh niên, tổ chức khác nơi người bị buộc tội dưới 18 tuổi sinh hoạt, học tập, lao động. Thực tế khi tham gia phiên tòa, những người này thường yêu cầu vắng mặt tại phiên tòa hoặc khi có mặt tại phiên tòa thì những người này không có ý kiến tranh luận hoặc không biết quyền tranh luận của mình và tranh luận lúc nào. Ngoài ra, các quy định nêu trên chưa có sự đồng nhất, dẫn đến việc Hội đồng xét xử chưa xác định được quyền và nghĩa vụ của thầy cô giáo, đại diện cơ sở giáo dục-nhà trường, Tổ chức Đoàn thanh niên, tổ chức khác nơi người bị buộc tội dưới 18 tuổi sinh hoạt, học tập, lao động cụ thể như thế nào, phát biểu tranh luận vào thời điểm nào, việc này chỉ đòi hỏi sự vận dụng pháp luật một cách linh hoạt, tuân theo sự điều khiển của Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa.

Không chỉ vậy, thực tiễn cũng ghi nhận việc xác định người đại diện hợp pháp, người giám hộ cho bị cáo là chưa phù hợp. Dưới đây là một ví dụ cụ thể:

Khi xét xử sơ thẩm TAND Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xác định bà Lý Thị Thùy D là người giám hộ đối với bị cáo Phạm Hữu H (sinh ngày 15/01/2007). Tuy nhiên, TAND Thành phố Hồ Chí Minh nhận định: Tại thời điểm xét xử sơ thẩm ngày 19/7/2022, bị cáo Phạm Hữu H mới 15 tuổi 06 tháng, 04 ngày cấp sơ thẩm có điều tra xác minh về cha mẹ, anh chị em ruột của bị cáo hiện đã bỏ đi đâu không rõ, ông nội, bà nội, ông ngoại đã mất. Bị cáo còn bà ngoại Lý Thị N, sinh năm 1956. Cấp sơ thẩm chỉ căn cứ vào lời khai của bà Lý Thị Thùy D (đi ruột của bị cáo) để cho rằng bà N già yếu, không đủ sức khỏe và điều kiện để làm người giám hộ cho bị cáo và xác định bà D là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng bị cáo từ nhỏ làm người giám hộ đương nhiên của bị cáo là không đúng theo quy định tại Điều 52 Bộ luật Dân sự [76].

Nhìn từ một khía cạnh khác, việc thực hiện tốt nguyên tắc tranh tụng tại phiên tòa xét xử người bị buộc tội dưới 18 tuổi cũng là thách thức đối với một số toà án ở Việt Nam hiện nay. Thực tiễn xét xử ghi nhận, tại cấp sơ thẩm, Hội đồng xét xử không thuyết phục được bị hại rút yêu cầu khởi tố vụ án hình sự, vì thế bắt buộc phải tuyên bố bị cáo phạm tội và chịu hình phạt, nhưng cấp phúc thẩm làm được. Có thể xem trường hợp dưới đây:

Các bị cáo Huỳnh Tấn P (sinh ngày 26/12/2004), Nguyễn Nhật Thanh V (sinh ngày 12/02/2005), Trương Linh Tr (sinh ngày 13/5/2004) đã có hành vi gây thương tích cho Nguyễn Mai Gia B. Tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội 14/02/2021, các bị cáo là người dưới 18 tuổi. Vụ án thuộc trường hợp khởi tố theo yêu cầu bị hại. Cấp sơ thẩm đã tuyên Huỳnh Tấn P 09 tháng tù, Nguyễn Nhật Thanh V 06 tháng tù, Trương Linh Tr 06 tháng tù về cùng tội cố ý gây thương tích. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, bị hại và đại diện hợp pháp của bị hại có đơn rút yêu cầu khởi tố vụ án đối với các bị cáo.

Việc rút kháng cáo là hoàn toàn tự nguyện nên đã đình chỉ vụ án. Điều này cũng đã chứng minh, cấp phúc thẩm đã làm tốt nguyên tắc tranh tụng tại phiên tòa, điều mà cấp sơ thẩm chưa thực hiện được.

Cuối cùng, xét về phương diện tố tụng, còn có hai vấn đề khác đặt ra mà có thể ảnh hưởng đến việc bảo đảm quyền được xét xử công bằng của bị cáo nói chung, người bị buộc tội dưới 18 tuổi nói riêng, trong các phiên tòa hình sự.

Thứ nhất, theo Điều 15 BLTTHS năm 2015, việc chứng minh tội phạm thuộc về trách nhiệm của cơ quan tiến hành tố tụng, trong đó có cơ quan Tòa án. Điều này có thể khiến cho quyền được xét xử công bằng của người bị buộc tội-bị cáo dưới 18 tuổi không được bảo đảm khi Tòa án cố gắng thực hiện nghĩa vụ chứng minh tội phạm của bị cáo. Trong thực tế, quy định đã nêu dẫn tới thực trạng là trong một số phiên tòa xét xử, thẩm phán và hội thẩm nhân dân thường đặt câu hỏi theo hướng chứng minh tội lỗi của bị cáo - từ đó đã làm cho hoạt động xét xử của Tòa án trở nên thiếu khách quan, tác động đáng kể đến quyền được xét xử công bằng, không thiên vị của người bị buộc tội. Quy định đã nêu cũng không phù hợp với một số quy định hiện hành khác trong Luật tổ chức tòa án, mà theo đó, Tòa án thực hiện hoạt động xét xử, nhiệm vụ của Tòa án chỉ nằm ở việc chứng kiến quá trình tranh tụng và xác định, ra quyết định chấp nhận hoặc bác bỏ lời buộc tội của đại diện cơ quan công tố.

Thứ hai, quy định của BLTTHS về trả hồ sơ cho cơ quan tiến hành tố tụng để điều tra bổ sung đang hạn chế việc thực hiện nguyên tắc suy đoán không có tội. Nguyên tắc này được quy định tại Điều 13 BLTTHS năm 2015, theo đó, một người chỉ bị coi là mình có tội khi có bản án kết tội có hiệu lực pháp luật của tòa án. Đây là “nguyên tắc vàng” nhằm bảo vệ QCN và đảm bảo sự công bằng trong xét xử, trong đó có xét xử bị cáo là người dưới 18 tuổi. Tuy nhiên, việc áp dụng Điều 280 BLTTHS năm 2015 (trả hồ sơ để điều

tra bổ sung) đã gây ra nhiều tranh cãi, vì nó có thể bị xem là làm suy yếu nguyên tắc này. Cụ thể, theo Điều 280 BLTTHS năm 2015, trong trường hợp không đủ chứng cứ để kết luận bị cáo phạm tội, tòa án có quyền trả hồ sơ để yêu cầu điều tra bổ sung. Quy định này có thể bị hiểu rằng tòa án đang “tích cực tìm kiếm chứng cứ buộc tội”, thay vì tuyên bố bị cáo vô tội do không đủ chứng cứ. Điều này tạo ra một cảm giác bất công và mâu thuẫn với tinh thần “ngghi ngờ phải được hiểu có lợi cho bị cáo”. Thêm vào đó, việc trả hồ sơ nhiều lần để điều tra bổ sung khiến quy trình xét xử trở nên kéo dài, gây áp lực tâm lý cho người bị buộc tội dưới 18 tuổi và làm tăng nguy cơ lạm quyền của cơ quan tố tụng, trong khi đó, nếu nguyên tắc suy đoán vô tội được tôn trọng tuyệt đối, các trường hợp không đủ chứng cứ buộc tội phải được kết thúc bằng tuyên bố vô tội thay vì tiếp tục điều tra. Ngoài ra, việc trả hồ sơ có thể bị lạm dụng để né tránh trách nhiệm của tòa án trong việc ra phán quyết. Điều này làm giảm tính độc lập và uy tín của cơ quan xét xử.

3.2.3. Đánh giá chung thực tiễn pháp luật Việt Nam về quyền được bảo đảm xét xử công bằng của người bị buộc tội dưới 18 tuổi tại phiên tòa hình sự sơ thẩm cấp huyện

3.2.3.1. Đánh giá chung về những thành tựu đạt được

Thứ nhất, đã xây dựng được khung pháp lý chuyên biệt khá toàn diện. Vấn đề bảo đảm các quyền nói chung, bảo đảm quyền được xét xử công bằng nói riêng cho người bị buộc tội dưới 18 tuổi trong các phiên tòa hình sự đã được quy định trong nhiều văn bản quy phạm pháp luật của Việt Nam từ lâu, tiêu biểu như BLTTHS, Luật trẻ em, Luật trợ giúp pháp lý... Gần đây, Quốc Hội đã thông qua Luật Tư pháp Người chưa thành niên vào năm 2024, trong đó quy định một cách có hệ thống và cụ thể các thủ tục tố tụng và các biện pháp xử lý đối với người chưa thành niên phạm tội, đảm bảo tính nhân văn và phù hợp với tâm lý lứa tuổi. Luật đã xác định rõ 12 biện pháp xử lý chuyển hướng (xin lỗi bị hại, khiển trách, bồi thường thiệt hại, giáo dục tại cấp xã,

quản thúc tại gia đình, hạn chế khung giờ đi lại, cấm tiếp xúc với người có nguy cơ dẫn đến phạm tội mới, cấm đến địa điểm có nguy cơ dẫn đến phạm tội mới, tham gia chương trình học tập, dạy nghề, tham gia điều trị hoặc tư vấn tâm lý, thực hiện công việc phục vụ cộng đồng, giáo dục tại trường giáo dưỡng) đồng thời xây dựng được một quy trình, thủ tục tố tụng thân thiện, đơn giản, phù hợp với tâm lý và sự trưởng thành của người chưa thành niên, đảm bảo không kỳ thị, phân biệt đối xử. Bên cạnh đó, Luật cũng nhấn mạnh quy định về giữ bí mật cá nhân của NCTN trong suốt quá trình tố tụng, thi hành án và tái hòa nhập cộng đồng, xác định rõ vai trò của công chức, viên chức, người lao động làm công tác xã hội, yêu cầu họ có hiểu biết pháp luật về người chưa thành niên và được đào tạo về tâm lý học lứa tuổi, khoa học giáo dục liên quan. Đây là những điểm mới quan trọng, góp phần củng cố đáng kể khung pháp luật về tư pháp với NCTN của Việt Nam theo hướng phù hợp hơn nữa với các tiêu chuẩn quốc tế.

Thứ hai, đã thành lập thiết chế tài phán chuyên trách về NCTN. Việt Nam đã thành lập Tòa Gia đình và Người chưa thành niên như là một trong 5 toà án chuyên trách. Như đã đề cập ở các phần trên, hiện tại đã có 40 Tòa Gia đình và Người chưa thành niên được thành lập trên cả nước, tạo môi trường xét xử phù hợp và thân thiện cho NCTN. Việc thành lập thiết chế tài phán chuyên trách về NCTN thể hiện cam kết mạnh mẽ của Việt Nam trong việc bảo vệ quyền lợi và đảm bảo xét xử công bằng cho bị cáo là người dưới 18 tuổi, phù hợp với các tiêu chuẩn quốc tế về quyền trẻ em.

Thứ ba, đã ghi nhận và nỗ lực bảo đảm nhiều quyền tố tụng quan trọng gắn liền với quyền được xét xử công bằng của người bị buộc tội-bị cáo dưới 18 tuổi trong phiên toà hình sự, cụ thể như:

- Bảo đảm quyền được bào chữa và có người bào chữa miễn phí. Thực trạng hiện nay cho thấy, trong nhiều vụ án xét xử người bị buộc tội dưới 18 tuổi ở Việt Nam, quyền của bị cáo được bào chữa miễn phí đã được bảo đảm.

Đây là một phần quan trọng của hệ thống tư pháp với NCTN và là một yêu cầu cốt lõi trong việc bảo đảm sự công bằng trong hoạt động xét xử NCTN. Nó bảo đảm rằng mọi bị cáo là người dưới 18 tuổi, bất kể tình trạng tài chính hay xã hội như thế nào, đều có quyền được bào chữa và tham gia vào quá trình xét xử.

- Bảo đảm quyền có người đại diện, cơ sở giáo dục-nhà trường, tổ chức có mặt tại phiên tòa. Đây là nguyên tắc có ý nghĩa quan trọng trong hệ thống tư pháp thân thiện, giúp bảo đảm tính công bằng, không thiên vị và bảo vệ quyền của người bị buộc tội dưới 18 tuổi. Việc có người đại diện, cơ sở giáo dục-nhà trường, tổ chức tham gia, có mặt tại phiên tòa mang lại nhiều lợi ích, bao gồm việc cung cấp thông tin thêm, bảo đảm quyền tự vệ của bị cáo và giúp tòa án có cái nhìn toàn diện hơn về tình huống để ra phán quyết dựa trên dữ liệu đầy đủ. Quyền này hiện cũng đã được chú trọng bảo đảm trong hầu hết các phiên tòa có người bị buộc tội dưới 18 tuổi ở Việt Nam.

- Bảo đảm quyền được xét xử kín khi cần thiết: Đây cũng là một yêu cầu quan trọng trong pháp luật và chính sách bảo vệ trẻ em trong tư pháp hình sự. Ở Việt Nam, quyền này cũng đã được pháp luật ghi nhận, bảo vệ khá hiệu quả trong thực tế. Để thực hiện quyền này, ngoài các vấn đề khác, pháp luật đã quy định không công bố bản án, quyết định trên Cổng thông tin điện tử của Tòa án theo Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐTP ngày 16/3/2017 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC về việc công bố bản án, quyết định trên cổng thông tin điện tử của Tòa án đối với vụ án có người tham gia tố tụng là người dưới 18 tuổi tham gia.

Thứ tư, đã nỗ lực bảo đảm những điều kiện tố tụng đặc biệt gắn liền với quyền được xét xử công bằng của người bị buộc tội-bị cáo dưới 18 tuổi trong phiên tòa hình sự. Trong hệ thống tư pháp của một số nước, việc sắp xếp, bố trí phòng xử án, lựa chọn người tiến hành tố tụng, và tạo ra một môi trường phòng xử án thân thiện đóng vai trò quan trọng trong việc bảo đảm

quyền của người bị buộc tội dưới 18 tuổi trong các vụ án hình sự. Hiện nay, pháp luật Việt Nam cơ bản đã quy định những vấn đề nêu trên và trong thực tế ở nhiều địa phương đã xây dựng được phòng xử án thân thiện và lựa chọn người tiến hành tố tụng phù hợp với các yêu cầu của tư pháp với NCTN. Việc thực hiện thành công các yếu tố này tạo điều kiện cho việc bảo đảm quyền được xét xử công bằng, bảo vệ quyền tự vệ của bị cáo là người dưới 18 tuổi.

Thứ năm, đã nỗ lực bảo đảm những thủ tục tố tụng đặc biệt gắn liền với quyền được xét xử công bằng của người bị buộc tội-bị cáo dưới 18 tuổi trong phiên tòa hình sự: Tại các phiên tòa xét xử đối với người bị buộc tội dưới 18 tuổi, việc bảo đảm tính công bằng và bảo vệ quyền của trẻ em có tính ưu tiên quan trọng trong hệ thống tư pháp Việt Nam. Các thành tựu trong lĩnh vực tranh tụng tại phiên tòa đối với trẻ em là một bước quan trọng trong việc bảo đảm rằng họ được đối xử công bằng và nhận được sự bảo vệ cần thiết. Thời gian qua, việc bảo đảm những thủ tục cần thiết, có tính chất đặc biệt được áp dụng đối với người bị buộc tội dưới 18 tuổi cơ bản đã được pháp luật quy định và vận dụng tương đối hiệu quả. Điều này đóng vai trò quan trọng trong việc bảo đảm rằng quá trình tố tụng diễn ra công bằng.

3.2.3.2. Đánh giá chung về những hạn chế

Mặc dù Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu, song vẫn còn một số hạn chế trong việc bảo đảm quyền được xét xử công bằng cho người bị buộc tội dưới 18 tuổi trong các phiên tòa hình sự. Từ những phân tích ở phần trên, có thể xác định những hạn chế chủ yếu trong vấn đề này như sau:

Thứ nhất, liên quan đến bảo đảm quyền được bào chữa và có người bào chữa miễn phí. Hiện tại pháp luật Việt Nam đã quy định quyền được bào chữa cho người bị buộc tội dưới 18 tuổi nhưng việc tiếp cận với luật sư hoặc trợ giúp pháp lý còn gặp nhiều khó khăn, ảnh hưởng đến quyền lợi của các em. Trong thực tế, do một số nguyên nhân khách quan, không phải mọi người bị buộc tội dưới 18 tuổi đều đã được bào chữa miễn phí. Ngoài ra, chất lượng

bào chữa người bị buộc tội dưới 18 tuổi tại các phiên tòa hình sự ở Việt Nam nhìn chung chưa cao. Một số người bào chữa không đủ chuyên môn, kinh nghiệm về bào chữa trong các vụ án liên quan đến NCTN, vì thế ảnh hưởng đến khả năng đại diện hiệu quả cho bị cáo. Đặc biệt là việc thiếu các chuyên gia tâm lý. Việc đánh giá tâm lý của trẻ em rất phức tạp do sự cảm nhận của trẻ em về thực tế cuộc sống và khả năng hiểu, biểu đạt cảm xúc của các em có thể thay đổi theo thời gian - vì thế đòi hỏi trong quá trình xét xử phải có sự tham gia của các chuyên gia tâm lý. Tuy nhiên, hiện ở Việt Nam rất thiếu chuyên gia tâm lý nói chung, chuyên gia tâm lý về NCTN nói riêng. Sự thiếu hụt này trong một số trường hợp cũng ảnh hưởng nhất định đến việc quyền được bảo đảm xét xử công bằng của người bị buộc tội dưới 18 tuổi trong phiên tòa hình sự.

Thứ hai, liên quan đến bảo đảm quyền có người đại diện, cơ sở giáo dục-nhà trường, tổ chức tham gia, có mặt tại phiên tòa xét xử người bị buộc tội dưới 18 tuổi là một nguyên tắc quan trọng trong hệ thống tư pháp nhằm bảo đảm tính công bằng, không thiên vị và bảo vệ quyền lợi của trẻ em trong quá trình tố tụng. Tuy nhiên, việc thực hiện nguyên tắc này ở Việt Nam cũng đang gặp một số khó khăn. Đó là tình trạng người đại diện, cơ sở giáo dục-nhà trường, tổ chức tham gia mang tính chất hình thức, chiếu lệ, thủ tục hoặc từ chối vắng mặt không tham gia phiên tòa. Ngoài ra, trong một số trường hợp, những người đại diện đó thường không đủ kiến thức pháp luật, tâm lý lứa tuổi, quản lý giáo dục để bảo vệ có hiệu quả quyền lợi của người bị buộc tội dưới 18 tuổi.

Thứ ba, về bảo đảm quyền được xét xử kín khi cần thiết. Quyền này nhằm bảo đảm tính công bằng và các QCN khác của người bị buộc tội dưới 18 tuổi. Tuy nhiên, việc bảo đảm quyền này đối với người bị buộc tội dưới 18 tuổi ở Việt Nam đang gặp một số thách thức và còn hạn chế. BLTTHS năm 2015 quy định Tòa án có thể quyết định xét xử kín trong trường hợp cần bảo

vệ bị cáo hoặc bị hại dưới 18 tuổi, tuy nhiên, quy định này mang tính tùy nghi, thiếu tiêu chí rõ ràng, dẫn đến việc áp dụng không thống nhất giữa các tòa án. Đây cũng là một nguyên nhân dẫn đến trong một số trường hợp chưa bảo đảm đầy đủ quyền riêng tư của bị cáo là người dưới 18 tuổi. Trên thực tế, vẫn xảy ra tình trạng báo chí đăng tải thông tin, hình ảnh của bị cáo là người dưới 18 tuổi, vi phạm quyền riêng tư và có thể gây tổn thương tâm lý cho các em.

Thứ tư, về những điều kiện và thủ tục tố tụng đặc biệt. Việc bố trí, sắp xếp phòng xử án, người tiến hành tố tụng trong môi trường kín đáo, thân thiện là rất quan trọng để bảo đảm rằng người bị buộc tội dưới 18 tuổi không bị xử lý bất công. Tuy nhiên, còn tồn tại một số hạn chế và thách thức trong việc thực hiện các yếu tố này ở Việt Nam. Nhiều tòa án hiện vẫn chưa có phòng xử án được thiết kế phù hợp với tâm lý lứa tuổi, thiếu không gian thân thiện, gây áp lực cho bị cáo là người dưới 18 tuổi. Việc phải xét xử NCTN trong phòng xử án dành cho người trưởng thành có thể tạo ra môi trường không phù hợp cho bị cáo là người bị buộc tội dưới 18 tuổi, khi các em phải đối diện với những yếu tố tiềm ẩn của hệ thống tư pháp dành cho người lớn. Ngoài ra, một trong những hạn chế quan trọng là thiếu đào tạo về tư pháp NCTN cho Hội đồng xét xử. Điều này có thể dẫn đến việc họ không hiểu rõ cách đối xử với trẻ em trong phiên tòa và không thể bảo đảm sự công bằng của người bị buộc tội dưới 18 tuổi theo đúng các tiêu chuẩn quốc tế và các quy định của pháp luật Việt Nam về tư pháp với NCTN.

3.3. NHỮNG NGUYÊN NHÂN CHỦ YẾU DẪN ĐẾN NHỮNG HẠN CHẾ TRONG VIỆC QUYỀN ĐƯỢC BẢO ĐẢM XÉT XỬ CÔNG BẰNG CỦA NGƯỜI BỊ BUỘC TỘI DƯỚI 18 TUỔI TẠI PHIÊN TÒA HÌNH SỰ SƠ THẨM CẤP HUYỆN Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

Thứ nhất, khung pháp luật về quyền được xét xử công bằng của người bị buộc tội-bị cáo dưới 18 tuổi tại phiên tòa hình sự sơ thẩm cấp huyện chưa hoàn thiện. Hiện nay, khung pháp luật Việt Nam về vấn đề này còn một số

quy định chưa rõ ràng, chưa thực sự phù hợp và tương thích với các tiêu chuẩn, cam kết quốc tế về tư pháp với NCTN. Cần thiết phải hoàn thiện một khung pháp lý cụ thể và chi tiết mới có thể quyền được bảo đảm xét xử công bằng của người người bị buộc tội dưới 18 tuổi tại phiên tòa hình sự sơ thẩm cấp huyện trong ngữ cảnh của tuổi tác của họ.

Thứ hai, sự thiếu kiến thức và đào tạo cho người làm việc trong hệ thống tư pháp. Hầu hết thẩm phán, kiểm sát viên và người bào chữa hiện chưa đủ kiến thức về tâm lý và phát triển của người bị buộc tội dưới 18 tuổi, và về cách tiếp cận và xử lý các trường hợp liên quan đến người bị buộc tội dưới 18 tuổi. Điều này có thể dẫn đến các quyết định không cân nhắc hoặc thiếu hiểu biết về đặc điểm riêng của người bị buộc tội dưới 18 tuổi trong quá trình xét xử của tòa án.

Thứ ba, việc thiếu tài liệu hướng dẫn và tư vấn. Hiện nay có rất ít tài liệu hướng dẫn và tư vấn cụ thể cho các chủ thể trong hệ thống tư pháp về việc xử lý các trường hợp liên quan đối với bị cáo là người bị buộc tội dưới 18 tuổi. Thực tế cho thấy chỉ khi có tài liệu hướng dẫn và tư vấn chuyên biệt hỗ trợ thì các thẩm phán, kiểm sát viên, người bào chữa-luật sư mới hiểu rõ quyền và trách nhiệm của họ trong việc bảo vệ quyền lợi của người bị buộc tội dưới 18 tuổi.

Thứ tư, thái độ và tư duy chưa phù hợp về người bị buộc tội dưới 18 tuổi trong hệ thống tư pháp. Một số cán bộ làm việc trong hệ thống tư pháp vẫn còn có thái độ tiêu cực hoặc thiếu tôn trọng đúng mức đối với người bị buộc tội dưới 18 tuổi. Điều này có thể ảnh hưởng đến quá trình xét xử. Một lý do là chưa có các khóa đào tạo và cơ hội cho các cán bộ trong hệ thống tư pháp trải nghiệm, thực tập để hiểu rõ hơn về tâm lý và quyền của người bị buộc tội dưới 18 tuổi.

Thứ năm, sự hỗ trợ cho bị cáo là người bị buộc tội dưới 18 tuổi và người bào chữa còn hạn chế. Người bị buộc tội dưới 18 tuổi và người bào

chữa của họ cần được cung cấp hỗ trợ pháp lý và tư vấn tâm lý, tuy nhiên hiện nay còn thiếu các dịch vụ và tài liệu để họ có thể hiểu rõ quyền lợi của mình và tham gia tích cực trong quá trình xét xử của tòa án.

Tóm lại, việc quyền được bảo đảm xét xử công bằng của người bị buộc tội dưới 18 tuổi tại phiên tòa hình sự sơ thẩm cấp huyện đòi hỏi phải có hệ thống pháp luật đầy đủ, hợp lý; những người làm việc trong hệ thống tư pháp có kiến thức và thái độ chuẩn mực trong việc đối xử với NCTN, bị cáo và người bào chữa được hỗ trợ kỹ thuật và thông tin, và xa hơn là một môi trường tòa án tôn trọng quyền của người bị buộc tội dưới 18 tuổi. Tất cả những yếu tố này hiện đã có ở Việt Nam, song ít nhiều đều chưa hoàn thiện. Đó chính là nguyên nhân dẫn đến những hạn chế trong vấn đề này, đòi hỏi phải khắc phục trong thời gian tới.

Kết luận chương 3

Chương 3 đã phân tích, đánh giá về những kết quả và hạn chế trong quyền được bảo đảm xét xử công bằng của người bị buộc tội dưới 18 tuổi tại phiên tòa hình sự sơ thẩm cấp huyện ở Việt Nam, trong đó, tập trung đánh giá về những kết quả đạt như sau:

1. Khái quát khung pháp luật Việt Nam về quyền được bảo đảm xét xử công bằng của người bị buộc tội dưới 18 tuổi tại phiên tòa hình sự sơ thẩm cấp huyện, qua đó đánh giá sự tương đồng, khác biệt của pháp luật Việt Nam với các cam kết trong pháp luật quốc tế và pháp luật của một số nước.

2. Phân tích thực trạng thực hiện những quyền tố tụng đặc biệt nhằm quyền được bảo đảm xét xử công bằng của người bị buộc tội dưới 18 tuổi tại phiên tòa hình sự sơ thẩm ở Việt Nam; những điều kiện, yếu tố, thủ tục tố tụng đặc biệt về quyền được bảo đảm xét xử công bằng của người bị buộc tội dưới 18 tuổi tại phiên tòa hình sự sơ thẩm cấp huyện ở Việt Nam.

Kết quả đạt được trong nghiên cứu ở Chương 3 chính là tiền đề để nghiên cứu sinh đề xuất các quan điểm, giải pháp tăng cường quyền được bảo đảm xét xử công bằng của người bị buộc tội dưới 18 tuổi tại phiên tòa hình sự sơ thẩm cấp huyện ở Việt Nam trong những năm tới.

Chương 4

QUAN ĐIỂM, GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM QUYỀN ĐƯỢC XÉT XỬ CÔNG BẰNG CỦA BỊ CÁO LÀ NGƯỜI DƯỚI 18 TUỔI TẠI PHIÊN TÒA HÌNH SỰ SƠ THẨM CẤP HUYỆN Ở VIỆT NAM

4.1. QUAN ĐIỂM QUYỀN ĐƯỢC BẢO ĐẢM XÉT XỬ CÔNG BẰNG CỦA NGƯỜI BỊ BUỘC TỘI DƯỚI 18 TUỔI TẠI PHIÊN TÒA HÌNH SỰ SƠ THẨM CẤP HUYỆN Ở VIỆT NAM

4.1.1. Quyền được bảo đảm xét xử công bằng của người bị buộc tội dưới 18 tuổi tại phiên tòa hình sự sơ thẩm cấp huyện cần bám sát đường lối, chủ trương, chính sách, pháp luật về quyền con người của Đảng Cộng sản và Nhà nước Việt Nam

Quyền được bảo đảm xét xử công bằng của người bị buộc tội dưới 18 tuổi tại phiên tòa hình sự là một trong những nhiệm vụ quan trọng của hệ thống tư pháp Việt Nam, đồng thời thể hiện rõ sự quan tâm đặc biệt của Đảng Cộng sản và Nhà nước Việt Nam đối với quyền của trẻ em nói riêng, QCN nói chung. Quyền này phản ánh rõ sự tôn trọng và tạo điều kiện cho sự phát triển, học hỏi và sửa đổi hành vi của người trẻ, thúc đẩy họ trở thành công dân có ích trong xã hội.

Vì vậy, để quyền được bảo đảm xét xử công bằng của người bị buộc tội dưới 18 tuổi tại phiên tòa hình sự sơ thẩm cấp huyện cần bám sát đường lối lãnh đạo của Đảng, trong đó quan tâm đến tư duy về tầm nhìn Chiến lược phát triển pháp luật Việt Nam đến năm 2030, định hướng đến năm 2045. Điều này có ý nghĩa mang tính quan điểm, nguyên tắc trên tất cả các lĩnh vực pháp luật tác động, bao gồm pháp luật về QCN, quyền trẻ em. Phát triển pháp luật, củng cố và tăng cường pháp quyền là vấn đề ở tầm cương lĩnh, gắn liền với Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam [97, tr.21]. Như vậy, để quyền được bảo đảm xét xử công bằng của người bị buộc tội dưới 18 tuổi tại phiên tòa hình sự sơ thẩm cấp huyện cũng cần bám sát với quan điểm nêu trên.

Đặc biệt, đối với vấn đề QCN, quyền trẻ em, còn cần phải quán triệt tinh thần Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam trong giai đoạn mới, trong đó nêu rõ, cần hoàn thiện cơ chế phòng ngừa, ngăn chặn, xử lý mọi hành vi can thiệp trái pháp luật vào hoạt động tư pháp; bảo đảm tính độc lập của tòa án theo thẩm quyền xét xử, Thẩm phán, Hội thẩm xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật” [2].

4.1.2. Quyền được bảo đảm xét xử công bằng của người bị buộc tội dưới 18 tuổi tại phiên tòa hình sự sơ thẩm cấp huyện ở Việt Nam cần bám sát các quy định của quốc tế về quyền con người về tư pháp với người chưa thành niên

Một trong những nhiệm vụ, giải pháp được đặt ra tại Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam trong giai đoạn mới là “Chủ động tham gia, đóng góp vào việc xây dựng, định hình các thể chế đa phương và trật tự quốc tế, khu vực. Hoàn thiện pháp luật điều chỉnh mối quan hệ giữa pháp luật Việt Nam và pháp luật quốc tế; giải quyết hiệu quả các xung đột về thẩm quyền và pháp luật giữa Việt Nam và các quốc gia khác, bảo đảm tốt các quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của cá nhân, tổ chức, cơ quan nhà nước Việt Nam. Hoàn thiện cơ chế và nâng cao năng lực của các cơ quan, tổ chức có liên quan, thực hiện đầy đủ, hiệu quả các cam kết, điều ước quốc tế mà Việt Nam đã ký kết hoặc tham gia” [2].

Chính vì vậy, việc quyền được bảo đảm xét xử công bằng của người bị buộc tội dưới 18 tuổi tại phiên tòa hình sự sơ thẩm cấp huyện ở Việt Nam cần được xem là một cam kết quan trọng của hệ thống tư pháp trong nước, đồng thời phản ánh nỗ lực của quốc gia trong việc thực hiện các tiêu chuẩn quốc tế về tư pháp với NCTN. Để bảo đảm quyền này, Việt Nam cần phải bám sát các quy định của luật quốc tế về QCN liên quan đến việc đối xử với NCTN trong hệ thống tư pháp.

Hai trong những điều ước quốc tế mà Việt Nam cần tuân thủ, thực hiện trong vấn đề này là ICCPR và CRC. Hai công ước này đã ghi nhận và bảo vệ một loạt quyền của trẻ em, bao gồm quyền được xét xử công bằng khi bị cáo buộc vi phạm pháp luật. Theo đó, trong tất cả các trường hợp, tiến trình xét xử trẻ em phải bảo đảm quyền tự do và công bằng và phải tôn trọng quyền riêng tư của trẻ em. Điều này bao gồm việc bảo đảm bị cáo trẻ em có quyền biện hộ và được đại diện bởi một luật sư.

Ngoài ra, Việt Nam cũng cần tuân thủ các nguyên tắc và hướng dẫn khác của Liên Hợp quốc và tổ chức quốc tế khác về đối xử với trẻ em trong hệ thống tư pháp. Điều này bao gồm việc áp dụng các biện pháp thay thế việc xử lý hình sự khi có thể, bảo đảm quyền tự do, quyền tham gia, và quyền bào chữa cho trẻ em trong quá trình xét xử, và bảo đảm rằng trẻ em không bị tra tấn hoặc đối xử bất công trong quá trình tòa án.

4.1.3. Quyền được bảo đảm xét xử công bằng của người bị buộc tội dưới 18 tuổi tại phiên tòa hình sự sơ thẩm cấp huyện cần thực hiện dựa trên cách tiếp cận liên ngành khoa học xã hội

Quyền con người và bảo đảm quyền con người nói chung, trong đó bao gồm quyền được bảo đảm xét xử công bằng của người bị buộc tội dưới 18 tuổi tại phiên tòa hình sự nói riêng là những vấn đề chính trị, pháp lý, xã hội rộng lớn, phức tạp. Vì vậy, để xử lý những vấn đề đó một cách hợp lý và hiệu quả, cần vận dụng cách tiếp cận của nhiều ngành khoa học xã hội.

Luận án, như đã đề cập ở phần Mở đầu, được thực hiện dựa trên phương pháp luận duy vật biện chứng của chủ nghĩa Mác - Lênin và một số lý thuyết chuyên ngành luật học, tội phạm học, xã hội học, tâm lý học. Về mặt triết học, phương pháp luận duy vật biện chứng của chủ nghĩa Mác - Lênin cho phép đánh giá sự phát triển của pháp luật về quyền được xét xử công bằng của người bị buộc tội-bị cáo dưới 18 tuổi tại phiên tòa hình sự trên thế giới và ở Việt Nam theo các giai đoạn lịch sử, với những điều kiện, hoàn cảnh khác nhau. Về mặt luật học, các lý thuyết về “tiếp cận công lý” và “tiếp cận

dựa trên QCN” cho phép đánh giá khung pháp luật và việc thực hiện pháp luật của Việt Nam về bảo đảm quyền của người bị buộc tội dưới 18 tuổi tại phiên tòa hình sự từ góc độ tư duy pháp lý, gắn kết pháp luật với các yếu tố con người, thể chế và quy trình. Trong khi đó, các lý thuyết về tội phạm chưa thành niên như lý thuyết về tính cách thất thường, lý thuyết về văn hóa nhóm, lý thuyết cơ hội khác biệt giúp lý giải nguyên nhân, bản chất hành vi phạm tội, từ đó gợi ý cách thức đối xử phù hợp với người bị buộc tội dưới 18 tuổi trong các phiên tòa hình sự, qua đó bảo đảm quyền được xét xử công bằng của bị cáo. Việc vận dụng những lý thuyết cho phép đưa ra những nhận định, đánh giá toàn diện, có cơ sở khoa học, thực tiễn, có tính thuyết phục cao trong việc hoàn thiện và tổ chức thực hiện pháp luật liên quan đến quyền được bảo đảm xét xử công bằng của người bị buộc tội dưới 18 tuổi tại phiên tòa hình sự sơ thẩm cấp huyện ở nước ta.

4.1.4. Quyền được bảo đảm xét xử công bằng của người bị buộc tội dưới 18 tuổi tại phiên tòa hình sự sơ thẩm cấp huyện cần thực hiện đồng bộ giữa hoàn thiện và thực thi hiệu quả hệ thống pháp luật có liên quan

Quyền được bảo đảm xét xử công bằng của người bị buộc tội dưới 18 tuổi tại phiên tòa hình sự sơ thẩm cấp huyện đòi hỏi sự đồng bộ giữa việc hoàn thiện thể chế và tổ chức thực thi pháp luật có liên quan. Việc này đóng vai trò quan trọng để bảo đảm rằng QCN của trẻ em được tôn trọng và bảo vệ một cách hiệu quả trong hoạt động xét xử tại tòa án.

Trước hết, để bảo đảm quyền được xét xử công bằng cho người bị buộc tội dưới 18 tuổi, quyền này cần được thể hiện đầy đủ, rõ ràng trong pháp luật. Điều này đòi hỏi việc rà soát, bổ sung quyền được xét xử công bằng cho người bị buộc tội dưới 18 tuổi vào các luật liên quan, bao gồm BLHS, BLTTHS, Luật Trẻ em và các luật chuyên ngành khác có thể ảnh hưởng đến quá trình xét xử trẻ em. Các quy định cần phải được sáng tỏ, cụ thể, và bảo đảm rằng quyền tự do, quyền tham gia, và quyền bào chữa của trẻ em được bảo vệ.

Song song với việc trên, để thực thi hiệu quả các quy định pháp luật mới và hiện hành về xử lý trẻ em trong hệ thống tư pháp, cần phải bảo đảm rằng những người làm luật pháp và thực thi pháp luật có kiến thức và hiểu biết đầy đủ về quyền của trẻ em và cách thực hiện chúng.

Bên cạnh đó, cần thiết phải có sự hợp tác giữa các bộ, cơ quan và tổ chức liên quan để bảo đảm rằng hệ thống pháp luật được thực thi một cách đồng bộ. Các cơ quan chức năng, cơ quan bảo vệ trẻ em, và tòa án cần phải làm việc cùng nhau để QCN của trẻ em được bảo đảm với mức độ cao nhất. Chỉ thông qua việc thực hiện toàn diện các biện pháp này mới có thể bảo đảm rằng quyền của trẻ em được tôn trọng và bảo vệ hiệu quả trong quá trình xét xử tại tòa án.

4.1.5. Quyền được bảo đảm xét xử công bằng của người bị buộc tội dưới 18 tuổi tại phiên tòa hình sự sơ thẩm cấp huyện cần nâng cao nhận thức và huy động sự tham gia của các chủ thể trong xã hội

Trong hệ thống tư pháp ở Việt Nam, quyền được xét xử công bằng là một trong những yếu tố quan trọng trong bảo vệ công lý và pháp luật. Tuy nhiên, thực tế cho thấy, việc bảo đảm quyền này còn gặp nhiều khó khăn do thiếu nhận thức và sự tham gia hợp tác chặt chẽ của nhiều chủ thể trong xã hội.

Vì vậy, để bảo đảm quyền được xét xử công bằng cho người bị buộc tội dưới 18 tuổi tại phiên tòa hình sự sơ thẩm cấp huyện, hệ thống tư pháp cần có một sự hiểu biết sâu rộng về tâm lý, tình trạng phát triển, và tình hình xã hội đối với đối tượng này. Điều này đòi hỏi các cơ quan thực hiện hoạt động tư pháp cần đầu tư vào việc đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực, kỹ năng, trình độ cho các công chức pháp luật, giúp họ hiểu rõ hơn về tâm lý và môi trường sống của người bị buộc tội dưới 18 tuổi. Đồng thời, việc tạo điều kiện thuận lợi để người bị buộc tội dưới 18 tuổi có thể hiểu rõ quy trình xét xử và được tư vấn pháp luật một cách đầy đủ cũng là yếu tố cần thiết.

Ngoài ra, cần tăng cường sự tham gia của cộng đồng, gia đình, và các tổ chức xã hội đối với quá trình xét xử người bị buộc tội dưới 18 tuổi. Việc xây dựng mạng lưới hỗ trợ, tư vấn pháp luật, và tài trợ cho người bị buộc tội dưới 18 tuổi cần phải được thúc đẩy mạnh mẽ. Hơn nữa, việc tạo ra các cơ chế bảo đảm trách nhiệm và quyền lợi của các chủ thể tham gia vào quá trình xét xử cũng cần được đề cao. Chính phủ, Tòa án cần phải tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức xã hội và cá nhân có thể tham gia tích cực vào việc bảo vệ quyền lợi của người bị buộc tội dưới 18 tuổi.

Bên cạnh đó, việc tăng cường sự minh bạch và trách nhiệm trong quá trình xét xử người bị buộc tội dưới 18 tuổi cũng đóng vai trò quan trọng. Các cơ quan tư pháp cần phải tăng cường việc công bố thông tin, bảo đảm quyền truy cập công lý cho công chúng và báo chí, từ đó tạo ra sự tin tưởng và bảo đảm rằng quy trình xét xử diễn ra một cách công bằng và minh bạch.

Tóm lại, trong tình hình hiện nay, việc quyền được bảo đảm xét xử công bằng của người bị buộc tội dưới 18 tuổi tại phiên tòa hình sự sơ thẩm cấp huyện đòi hỏi sự huy động và tham gia chung của nhiều chủ thể trong xã hội. Chỉ khi mọi bên đều hiểu và thực hiện trách nhiệm của mình một cách đầy đủ, quy trình xét xử mới thực sự trở nên công bằng và đáp ứng được các yêu cầu, đòi hỏi của công lý.

4.2. GIẢI PHÁP QUYỀN ĐƯỢC BẢO ĐẢM XÉT XỬ CÔNG BẰNG CỦA NGƯỜI BỊ BUỘC TỘI DƯỚI 18 TUỔI TẠI PHIÊN TÒA HÌNH SỰ SƠ THẨM CẤP HUYỆN Ở VIỆT NAM

4.2.1. Nhóm giải pháp hoàn thiện khung pháp luật Việt Nam về quyền được bảo đảm xét xử công bằng của người bị buộc tội dưới 18 tuổi tại phiên tòa hình sự sơ thẩm cấp huyện

Việc hoàn thiện khung pháp luật Việt Nam về quyền được xét xử công bằng của người bị buộc tội-bị cáo dưới 18 tuổi liên quan đến những yếu tố sau:

Thứ nhất, cần sửa đổi quy định để thành lập Tòa gia đình và NCTN ở tất cả các TAND cấp huyện nhằm bảo đảm rằng việc xét xử đối với tất cả người bị buộc tội dưới 18 tuổi đều được thực hiện bởi các toà chuyên trách. Như đã phân tích ở Chương 2 và 3, việc thành lập toà án chuyên trách để xử lý những vi phạm pháp luật của NCTN là một yêu cầu của luật quốc tế, do đó, việc thành lập Tòa gia đình và NCTN để bảo đảm tính công bằng trong quá trình xét xử đối với người bị buộc tội dưới 18 tuổi, tuy nhiên, hiện nay mới chỉ có 40 Tòa gia đình và NCTN được thành lập ở cấp tỉnh và cấp khu vực, chưa có toà án nào dạng này được thành lập ở cấp huyện. Điều đó dẫn đến tình trạng một số người bị buộc tội dưới 18 tuổi không được xét xử ở toà chuyên trách, ảnh hưởng đến việc bảo vệ quyền, lợi ích của bị cáo, bao gồm quyền được xét xử công bằng. Việc thúc đẩy thành lập thành lập Tòa gia đình và NCTN thể hiện thực hiện đầy đủ cam kết, ràng buộc của Việt Nam về nguyên tắc và tiêu chuẩn quốc tế liên quan đến tư pháp NCTN và là để bảo đảm tính tập trung và chuyên môn trong việc xem xét, giải quyết các vụ án liên quan đến người bị buộc tội dưới 18 tuổi. Hiện nay, các vụ án này thường được xét xử bởi Tòa chuyên trách hình sự thuộc TAND cấp huyện nên khó bảo đảm tính chuyên môn, chuyên nghiệp về tư pháp với NCTN khi giải quyết các vụ án liên quan đến người bị buộc tội dưới 18 tuổi. Do vậy, để những người làm việc tại đó có kiến thức chuyên sâu, có kỹ năng, kinh nghiệm về các vấn đề liên quan đến người bị buộc tội dưới 18 tuổi và quyết định dựa trên kiến thức chuyên môn và tình hình cụ thể của từng vụ án thì việc thành lập Tòa gia đình và NCTN là cần thiết.

Ngoài ra, việc thành lập Tòa gia đình và NCTN ở cấp huyện cũng dễ tạo ra một môi trường thân thiện và thoải mái cho người dưới 18 tuổi tham gia vào quá trình tố tụng, do các thẩm phán và hội thẩm thường am hiểu các vấn đề của địa phương - là môi trường sống của người bị buộc tội dưới 18 tuổi hơn các thẩm phán, hội thẩm ở toà án cấp tỉnh. Tòa gia đình và NCTN cấp

huyện, với sự tập trung vào người dưới 18 tuổi, sẽ tạo ra một môi trường thân thiện, nơi họ cảm thấy an tâm, được lắng nghe và hiểu - điều này rất quan trọng để giảm bớt sự lo lắng và sợ hãi của người dưới 18 tuổi khi phải tham gia vào quá trình xét xử.

Cuối cùng, việc thành lập Tòa gia đình và NCTN ở cấp huyện cũng sẽ cung cấp một cơ hội tốt để phát triển chuyên môn trong lĩnh vực tư pháp gia đình và người dưới 18 tuổi ở các toà án cấp huyện. Nó giúp tạo ra một lực lượng công chức toà án ở cấp huyện có kiến thức và kỹ năng chuyên môn trong việc xử lý các vụ án liên quan đến người dưới 18 tuổi, từ đó giúp nâng cao chất lượng và hiệu quả của công tác xét xử đối với người bị buộc tội dưới 18 tuổi trên cả nước.

Thứ hai, sửa đổi, bổ sung một số quy định của BLTTHS, BLHS và một số luật chuyên ngành phù hợp với tinh thần và nội dung của Luật tư pháp NCTN.

Trước đây, Việt Nam đã có một số bộ luật và đạo luật quy định về tư pháp đối với NCTN nhưng chưa có một đạo luật chuyên ngành, vì vậy tồn tại một số hạn chế đáng lưu ý. Thủ tục TTHS hiện chưa bảo đảm tính thân thiện, gần gũi và vì lợi ích tốt nhất cho NCTN. Hệ thống hình phạt chưa phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý và tính chất, và hành vi phạm tội của NCTN. Cơ quan tư vấn và đưa ra phán quyết về hình phạt chưa trú trọng đúng mức về áp dụng biện pháp “xử lý chuyển hướng” (biện pháp có giá trị nhân văn mà các cơ quan nhân quyền của Liên Hợp quốc khuyến nghị) để thay thế các hình phạt mang tính nghiêm trị trong BLHS. Thiếu thiết chế và cơ chế đặc thù để làm công cụ bảo vệ hiệu quả các quyền, lợi ích hợp pháp của NCTN trong các chu trình của tố tụng. Hệ thống thể chế tư pháp NCTN phức tạp, nhiều tầng lớp, có sự chồng chéo, mâu thuẫn và thiếu sự đồng bộ, không phù hợp với thực tế. Cuối cùng, cam kết trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên vẫn chưa được nội luật hóa đầy đủ, và một số quy định vẫn chưa phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế.

Trong khi đó, xu hướng chung trên thế giới thời gian qua là xây dựng một đạo luật riêng biệt về tư pháp NCTN thay vì phân tán các quy định trong nhiều đạo luật khác nhau. Các quốc gia đều thừa nhận rằng NCTN chưa phát triển hoàn toàn về thể chất và tinh thần, và họ thiếu kinh nghiệm sống, không thể tự bảo vệ mình một cách tốt nhất khi tham gia vào các quan hệ xã hội. Hầu hết NCTN khi tham gia vào quy trình tố tụng tư pháp hình sự phức tạp thường cảm thấy lo sợ, dễ bị tổn thương và tác động tiêu cực. Vì vậy, việc bảo vệ NCTN đòi hỏi một cách tiếp cận đặc thù và cơ chế pháp lý riêng biệt thông qua một đạo luật chuyên biệt quy định toàn diện về vấn đề tư pháp hình sự đối với NCTN.

Việc Quốc hội thông qua Luật Tư pháp NCTN năm 2024 có hiệu lực từ ngày 1/1/2026 là bước tiến quan trọng nhằm bảo vệ các quyền của người dưới 18 tuổi trong TTHS ở nước ta. Tuy nhiên, để bảo đảm quyền được xét xử công bằng khi bị cáo là người dưới 18 tuổi, cần tiếp tục sửa đổi, bổ sung một số đạo luật, trong đó đặc biệt là BLTTHS 2015 và BLHS 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) theo hướng đồng bộ với Luật Tư pháp NCTN năm 2024, cụ thể là đề:

Một là, quy định rõ hơn về thủ tục xét xử riêng biệt đối với NCTN như tổ chức phiên tòa thân thiện, quy định bắt buộc xét xử trong môi trường thân thiện, hạn chế tính hình thức và căng thẳng, tạo điều kiện để NCTN dễ dàng hiểu và tham gia vào quá trình xét xử. Đồng thời, hạn chế xét xử công khai, mọi phiên tòa có người bị buộc tội dưới 18 tuổi nên được xét xử kín, trừ khi bị cáo hoặc người đại diện hợp pháp đồng ý xét xử công khai. Bên cạnh đó, quy định cụ thể về việc người giám hộ và chuyên gia tâm lý hoặc xã hội phải có mặt trong suốt quá trình xét xử để bảo vệ quyền lợi và hỗ trợ bị cáo. Những quy định trên giúp giảm áp lực tâm lý cho NCTN, tạo điều kiện để họ hiểu rõ các quyền và tham gia đầy đủ vào quá trình tố tụng, đảm bảo xét xử công bằng và nhân văn.

Hai là, bổ sung các quy định về quyền được tiếp cận hỗ trợ pháp lý đầy đủ. Quy định bắt buộc cơ quan tiến hành tố tụng phải chỉ định luật sư hoặc trợ giúp viên pháp lý cho tất cả người bị buộc tội dưới 18 tuổi nếu họ hoặc gia đình không có khả năng thuê luật sư. Đồng thời, quy định luật sư bào chữa cho người dưới 18 tuổi phải được đào tạo chuyên sâu về tâm lý và pháp luật liên quan đến người dưới 18 tuổi. Ngoài ra, cơ quan tư pháp cần có cơ chế giám sát việc thực hiện quyền được bào chữa của người dưới 18 tuổi để đảm bảo họ không bị bỏ qua hoặc thiếu sự bảo vệ hợp lý.

Ba là, hoàn thiện các quy định về trách nhiệm của tòa án trong việc cá biệt hóa hình phạt. BLTTHS, BLHS cần bổ sung quy định khuyến khích tòa án áp dụng các biện pháp thay thế như giáo dục tại địa phương, đưa vào trường giáo dưỡng hoặc tham gia các chương trình phục hồi. Ngoài ra, mọi bản án dành cho NCTN phải ưu tiên mục tiêu giáo dục và tái hòa nhập, thay vì chỉ tập trung vào tính răn đe. Cá biệt hóa hình phạt không chỉ giúp NCTN nhận thức rõ hành vi của mình mà còn tạo cơ hội cho họ sửa chữa sai lầm và tái hòa nhập cộng đồng.

Việc sửa đổi như trên phù hợp với cách tiếp cận của các lý thuyết chuyên ngành về tiếp cận công lý, tiếp cận dựa trên quyền con người và về tội phạm chưa thành niên. Thực hiện những sửa đổi như vậy sẽ giúp đảm bảo BLTTHS, BLHS đồng bộ với Luật Tư pháp NCTN năm 2024, từ đó bảo vệ toàn diện và hiệu quả quyền được xét xử công bằng cho người bị buộc tội dưới 18 tuổi trong phiên tòa hình sự. Không chỉ vậy, những sửa đổi đó còn giúp nâng cao chất lượng tố tụng, khẳng định cam kết của Việt Nam trong việc bảo vệ các quyền của người dưới 18 tuổi trong TTHS, hướng tới một hệ thống tư pháp hiện đại và nhân văn.

Bốn là, sửa đổi, bổ sung quy định về việc thầy giáo, cô giáo, đại diện của nhà trường, Đoàn thanh niên, tổ chức khác nơi người dưới 18 tuổi học tập, lao động và sinh hoạt cũng được quyền đề nghị thay đổi người tiến hành

tổ tụng vào Điều 50 BLTTHS, và bổ sung quy định về quyền phát biểu ý kiến, tranh luận của thầy giáo, cô giáo, đại diện của nhà trường, Đoàn thanh niên, tổ chức khác nơi người dưới 18 tuổi học tập, lao động và sinh hoạt tại phiên tòa vào các Điều 420 BLTTHS năm 2015, Điều 320 BLTTHS năm 2015. Như đã phân tích ở Chương 3, việc này là để bảo đảm thống nhất giữa các quy định của BLTTHS, đồng thời để nâng cao hiệu quả hỗ trợ của những chủ thể đại diện cho người bị buộc tội dưới 18 tuổi tại phiên tòa hình sự.

Năm là, sửa đổi quy định của BLTTHS năm 2015 về nghĩa vụ chứng minh của tòa án. Bộ luật TTHS là một nền tảng của hệ thống pháp luật hình sự, trong đó quy định rõ quy trình xét xử tội phạm và quyền của các bên tham gia vào quá trình xét xử. Một trong những quy định quan trọng của BLTTHS 2015 là về nghĩa vụ chứng minh tội phạm hoặc vô tội của bị cáo thuộc về Tòa án. Tuy nhiên, như đã phân tích ở Chương 3, sự gắn kết của Tòa án với việc chứng minh tội phạm đã gây ra một số vấn đề liên quan đến tính khách quan và công bằng trong quá trình xét xử, cũng như gây tâm lý căng thẳng cho thẩm phán và hội thẩm. Việc bỏ quy định về nghĩa vụ chứng minh của Tòa án sẽ làm cho quá trình xét xử diễn ra khách quan, công bằng và ít căng thẳng hơn - điều đặc biệt quan trọng với các phiên tòa mà bị cáo là người dưới 18 tuổi.

Sáu là, ghi nhận “quyền im lặng” của bị cáo nói chung, trong đó bao gồm bị cáo là người dưới 18 tại phiên tòa hình sự, thay vì quyền “không buộc phải đưa ra lời khai chống lại chính mình hoặc buộc phải nhận mình có tội” như hiện nay. Trong quá trình phát triển và đổi mới hệ thống pháp luật trên thế giới, việc ghi nhận “quyền im lặng” của bị cáo tại phiên tòa là một bước tiến quan trọng để bảo đảm tính công bằng và bảo vệ quyền của bị cáo. Hiện nay, ở Việt Nam, quyền im lặng của bị cáo mới được mô tả theo nghĩa bị cáo “không buộc phải đưa ra lời khai chống lại chính mình hoặc buộc phải nhận mình có tội”. Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy việc sử dụng thuật ngữ “quyền im lặng” sẽ tạo ra sự rõ ràng hơn về quyền của bị cáo, đặc biệt khi đối tượng là bị cáo là người dưới 18 tuổi.

Ở nhiều quốc gia, quyền im lặng của bị cáo, là một nguyên tắc quan trọng trong tố tụng hình sự, nhằm bảo đảm tính công bằng trong quá trình xét xử tại phiên tòa hình sự. Thay vì sử dụng ngôn ngữ phức tạp và có thể gây hiểu lầm như “không buộc phải đưa ra lời khai chống lại chính mình” hoặc “buộc phải nhận mình có tội” thuật ngữ “quyền im lặng” đơn giản và dễ hiểu hơn. Nó có nghĩa rằng bị cáo không phải tự đặt điều kiện cho mình phải đưa ra lời khai mà có thể giữ im lặng mà không bị áp lực hoặc đe dọa [110]. Như vậy, việc sử dụng thuật ngữ quyền im lặng tại phiên tòa hình sự sơ thẩm cung cấp cho người bị buộc tội dưới 18 tuổi một môi trường tốt hơn để bị cáo có thể thực sự thực hành quyền của họ một cách tự do và an toàn. Nó cũng bảo đảm rằng hệ thống tư pháp tôn trọng và bảo vệ quyền của người bị buộc tội dưới 18 tuổi và không tạo sự căng thẳng hoặc đe dọa đối với họ.

Bảy là, sửa đổi các quy định có liên quan của BLTTHS 2015, đặc biệt là Điều 280, để đảm bảo nguyên tắc suy đoán vô tội trong việc xét xử bị cáo là người dưới 18 tuổi. Theo đó, cần quy định rõ ràng và chặt chẽ hơn về số lần và lý do trả hồ sơ để điều tra bổ sung nhằm hạn chế tình trạng lạm dụng. Đồng thời, để tăng cường trách nhiệm chứng minh của bên buộc tội, luật cần nhấn mạnh nguyên tắc “trách nhiệm chứng minh thuộc về cơ quan tố tụng”, mà cụ thể là cơ quan công tố, thay vì quy định về việc Tòa án hỗ trợ thu thập thêm chứng cứ buộc tội. Bên cạnh đó, cần củng cố quy định giám sát chặt chẽ để bảo đảm quyền lợi của người bị buộc tội dưới 18 tuổi khi tòa án trả hồ sơ, chẳng hạn như quy định thời hạn cụ thể cho việc điều tra bổ sung.

Thứ ba, cụ thể hoá và hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật tư pháp NCTN.

Luật Tư pháp Người chưa thành niên năm 2024 đã đặt ra nhiều quy định mới nhằm bảo vệ và giáo dục NCTN trong quá trình tư pháp, trong đó bao gồm việc bảo đảm quyền xét xử công bằng của người bị buộc tội-bị cáo dưới 18 tuổi tại phiên tòa hình sự sơ thẩm.

Để đảm bảo hiệu quả thi hành đạo luật quan trọng này, Chính phủ cần ban hành Nghị định cụ thể hóa và hướng dẫn chi tiết một số nội dung của luật, cụ thể như sau:

- Về biện pháp xử lý chuyển hướng

Luật mới quy định 12 biện pháp xử lý chuyển hướng (bao gồm khiển trách, xin lỗi bị hại, bồi thường thiệt hại, giáo dục tại xã/phường/thị trấn, quản thúc tại gia đình, hạn chế khung giờ đi lại, cấm tiếp xúc với người có nguy cơ, cấm đến địa điểm nhất định, tham gia chương trình học tập/day nghề, điều trị hoặc tư vấn tâm lý, thực hiện công việc phục vụ cộng đồng, và giáo dục tại trường giáo dưỡng). Để thực hiện quy định này, cần có nghị định hướng dẫn chi tiết về điều kiện, trình tự, thủ tục áp dụng, thời gian thực hiện và cơ quan chịu trách nhiệm giám sát với từng biện pháp.

- Về thủ tục tố tụng thân thiện

Luật nhấn mạnh việc bảo đảm thủ tục tố tụng đơn giản, thân thiện, phù hợp với tâm lý và lứa tuổi của NCTN. Tuy nhiên, đây mới chỉ là quy định mang tính nguyên tắc. Để thực hiện quy định này trong thực tế, cần có nghị định quy định cụ thể về cách thức lấy lời khai, điều kiện phòng xử án, sự tham gia của người đại diện, người bào chữa và các chuyên gia tâm lý trong quá trình tố tụng.

- Về việc bảo vệ bí mật cá nhân

Luật đã có quy định nhấn mạnh yêu cầu và tầm quan trọng của việc bảo vệ thông tin cá nhân của NCTN trong hoạt động tố tụng. Tuy nhiên, để quy định này được thực hiện đầy đủ và nghiêm túc trong thực tế, cần có nghị định hướng dẫn chi tiết về phạm vi thông tin được bảo vệ, trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức trong việc giữ bí mật, và đặc biệt là những hình thức vi phạm cùng các biện pháp xử lý với từng hình thức vi phạm.

- Về việc xác định tuổi của người chưa thành niên

Việc xác định chính xác độ tuổi của người chưa thành niên là cơ sở để áp dụng đúng các quy định pháp luật. Đây cũng là một vấn đề đã được quy

định trong Luật Tư pháp Người chưa thành niên năm 2024 song để được thực hiện hiệu quả vẫn cần có nghị định hướng dẫn cụ thể về các loại giấy tờ, tài liệu được chấp nhận, quy trình xác minh khi thiếu hoặc có mâu thuẫn về thông tin.

- Về kinh phí và cơ chế phối hợp thực hiện

Việc thực hiện Luật Tư pháp Người chưa thành niên năm 2024, đặc biệt là các quy định liên quan đến việc xét xử công bằng với người dưới 18 tuổi, cụ thể như các biện pháp hỗ trợ, giáo dục, tái hòa nhập cộng đồng bị cáo là người dưới 18 tuổi, đòi hỏi nguồn kinh phí và sự phối hợp giữa nhiều cơ quan nhà nước và tổ chức xã hội, gia đình, cộng đồng..Vì vậy, cần có nghị định quy định chi tiết về nguồn kinh phí, cơ chế phân bổ, trách nhiệm của từng cơ quan, tổ chức trong việc triển khai các hoạt động này.

Tóm lại, việc ban hành nghị định cụ thể hoá và hướng dẫn chi tiết sẽ tạo cơ sở pháp lý vững chắc, đảm bảo Luật Tư pháp Người chưa thành niên năm 2024 được thực thi hiệu quả, góp phần bảo vệ các quyền của NCTN trong TTHS, bao gồm quyền được xét xử công bằng của người bị buộc tội-bị cáo dưới 18 tuổi trong phiên tòa hình sự.

4.2.2. Nhóm giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về quyền được bảo đảm xét xử công bằng của người bị buộc tội dưới 18 tuổi tại phiên tòa hình sự sơ thẩm cấp huyện

Ngoài việc hoàn thiện khung khổ pháp luật, cũng cần thực hiện một số giải pháp nhằm thực hiện hiệu quả các quy định pháp luật có liên quan đến quyền được xét xử công bằng của người bị buộc tội-bị cáo dưới 18 tuổi tại phiên tòa hình sự sơ thẩm cấp huyện.

Từ những phân tích về hạn chế của việc thực hiện pháp luật ở Chương 3, có thể nêu một số giải pháp như sau:

Thứ nhất, giải pháp nâng cao chất lượng tranh tụng tại phiên tòa hình sự sơ thẩm cấp huyện xét xử bị cáo là người dưới 18 tuổi

Phiên tòa hình sự là một bước trong trình tự tố tụng tư pháp của các quốc gia, mà ở đó, thông qua hoạt động tranh tụng, hội đồng xét xử có thể kiểm tra công khai những chứng cứ để quyết định việc xử lý đối với vụ án. Đối với các vụ án bị cáo là người dưới 18 tuổi, chất lượng tranh tụng trong phiên tòa trở nên đặc biệt quan trọng, bởi vì nó phải bảo đảm rằng hình phạt và quyết định của tòa án là hợp lý và công bằng với một đối tượng đặc biệt là NCTN. Như đã phân tích ở Chương 2 và Chương 3, một yếu tố quan trọng trong việc nâng cao chất lượng tranh tụng tại phiên tòa hình sự mà người bị buộc tội dưới 18 tuổi là bảo đảm bị cáo được biện hộ hiệu quả, tuy nhiên đây là vấn đề còn yếu ở Việt Nam.

Để nâng cao chất lượng tranh tụng tại phiên tòa hình sự mà người bị buộc tội dưới 18 tuổi ở Việt Nam, đầu tiên cần nâng cao năng lực đội ngũ tham gia tố tụng (thẩm phán, hội thẩm nhân dân, kiểm sát viên, luật sư), bảo đảm rằng họ được đào tạo, tập huấn và cung cấp kiến thức chuyên sâu về tâm lý người chưa thành niên, quy trình xét xử thân thiện và kỹ năng tranh tụng trong các vụ án có bị cáo là người dưới 18 tuổi. Bên cạnh đó, cũng cần cải tiến môi trường xét xử, thiết kế phòng xử án thân thiện nhằm giúp bị cáo không bị áp lực, tạo điều kiện thuận lợi cho việc trình bày ý kiến. Cũng cần áp dụng một số biện pháp để hạn chế những yếu tố gây căng thẳng cho bị cáo như xử kín khi cần thiết hoặc giảm số lượng người tham dự phiên tòa; chủ tọa phiên tòa cần có thái độ nhẹ nhàng, tránh gây hoảng sợ cho bị cáo, việc điều hành phiên tòa cần theo hướng tăng cường đối thoại thay vì đối chất căng thẳng; khuyến khích và bảo đảm sự tham gia của gia đình và tổ chức xã hội trong việc hỗ trợ bị cáo khai báo tại phiên tòa; tạo các điều kiện thuận lợi để bị cáo bày tỏ suy nghĩ, nhận thức về hành vi phạm tội và hướng sửa chữa. Đặc biệt, cần hoàn thiện cơ chế tranh tụng, bảo đảm tất cả người bị buộc tội dưới 18 tuổi đều có luật sư bào chữa theo quy định; tạo điều kiện để luật sư và kiểm sát viên tranh tụng bình đẳng; tăng cường việc giám sát hoạt động xét xử của các cơ quan dân cử và tổ

chức xã hội; có cơ chế đánh giá chất lượng tranh tụng, đặc biệt là việc bảo đảm các quyền của bị cáo là người dưới 18 tuổi.

Thứ hai, giải pháp bảo đảm sự tham gia của luật sư và nâng cao chất lượng bào chữa cho người bị buộc tội dưới 18 tuổi tại phiên tòa hình sự sơ thẩm cấp huyện

Như đã đề cập ở các Chương 2,3, bảo đảm sự tham gia của luật sư và chất lượng bào chữa là một trong những yêu cầu quan trọng bậc nhất để bảo đảm quyền được xét xử công bằng của cho người bị buộc tội dưới 18 tuổi tại phiên tòa hình sự sơ thẩm cấp huyện, tuy nhiên, cả hai vấn đề này hiện cũng là một điểm yếu ở Việt Nam, do một số nguyên nhân khách quan, chủ quan.

Trước hết, liên quan đến việc bảo đảm có sự tham gia của luật sư trong các phiên tòa hình sự có bị cáo là người dưới 18 tuổi: Theo BLTTHS 2015 và Luật Tư pháp Người chưa thành niên 2024, người bị buộc tội dưới 18 tuổi phải có người bào chữa, cơ quan tố tụng cần đảm bảo mọi trường hợp đều có luật sư tham gia ngay từ giai đoạn điều tra. Như vậy, việc bảo đảm người bị buộc tội dưới 18 tuổi có luật sư bào chữa tại phiên tòa là nghĩa vụ của cơ quan tiến hành tố tụng. Tuy nhiên, trong thực tế vẫn có trường hợp bị cáo không có luật sư, do thiếu nguồn lực hoặc chậm trễ trong việc cử luật sư. Để giải quyết tình trạng này, cần ban hành các thông tư hướng dẫn chi tiết quy trình bảo đảm người bị buộc tội dưới 18 tuổi có luật sư ngay từ giai đoạn điều tra, trong đó đưa ra quy định cụ thể về trách nhiệm của cơ quan điều tra, viện kiểm sát và tòa án trong việc phối hợp với Đoàn luật sư và Trung tâm trợ giúp pháp lý cử luật sư tham gia bào chữa cho bị cáo là người dưới 18 tuổi.

Để khắc phục tình trạng thiếu luật sư, Nhà nước cần có biện pháp phát triển mạng lưới trợ giúp pháp lý, cụ thể là mở rộng số lượng Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tại cấp huyện để đảm bảo mỗi địa phương đều có luật sư sẵn sàng hỗ trợ miễn phí cho bị cáo là người dưới 18 tuổi. Nhà nước cũng cần củng cố chính sách hỗ trợ tài chính cho luật sư tham gia các vụ án theo

diện trợ giúp pháp lý, đồng thời với việc khuyến khích họ tích cực nhận bào chữa miễn phí cho bị cáo là người dưới 18 tuổi. Trong vấn đề này, cần thúc đẩy sự hợp tác giữa các cơ quan tiến hành tố tụng với các tổ chức bảo vệ quyền trẻ em như UNICEF, Hội bảo vệ quyền trẻ em... để huy động nguồn lực hỗ trợ cho bị cáo chưa thành niên. Cũng cần nghiên cứu thành lập các quỹ hỗ trợ pháp lý để tài trợ cho các luật sư tham gia bào chữa miễn phí cho bị cáo là người dưới 18 tuổi.

Nhìn từ một góc độ khác, cần hoàn thiện cơ chế cử luật sư bào chữa cho người bị buộc tội dưới 18 tuổi theo hướng: (i) Đơn giản hóa quy trình, thủ tục cử luật sư để khắc phục tình trạng chậm trễ trong việc cử luật sư hiện nay, dẫn đến nhiều trường hợp bị cáo không có luật sư khi lấy lời khai. Trong vấn đề này, cần quy định thời hạn cụ thể để cơ quan tố tụng phối hợp với Đoàn luật sư hoặc Trung tâm trợ giúp pháp lý cử luật sư bào chữa, có thể là trong vòng 24-48 giờ sau khi người bị buộc tội dưới 18 tuổi bị bắt hoặc bị khởi tố. (ii) Thiết lập danh sách luật sư sẵn sàng bào chữa miễn phí ở mỗi tỉnh, thành phố để cơ quan tố tụng và các đoàn luật sư dễ dàng liên hệ và phân công nhiệm vụ nhanh chóng; ứng dụng công nghệ thông tin để có thể nhanh chóng tìm kiếm và liên hệ với những luật sư sẵn sàng bào chữa cho bị cáo là người dưới 18 tuổi.

Ngoài các giải pháp nêu trên, để bảo đảm mọi người bị buộc tội dưới 18 tuổi đều có luật sư bào chữa tại phiên tòa hình sự sơ thẩm cấp huyện, cần tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức của bị cáo và gia đình về quyền có luật sư, đồng thời hướng dẫn bị cáo và gia đình bị cáo về quyền có luật sư ngay từ giai đoạn điều tra. Cần bảo đảm rằng mọi cán bộ tiến hành tố tụng đều phải có trách nhiệm giải thích cho là người dưới 18 tuổi về quyền được có luật sư bào chữa. Nếu người bị buộc tội dưới 18 tuổi hoặc gia đình chưa thể thuê luật sư, cơ quan tố tụng phải chủ động phối hợp với trung tâm trợ giúp pháp lý để cử luật sư miễn phí. Cũng cần có biện pháp giám sát chặt chẽ việc

thực hiện quyền có luật sư của bị cáo là người dưới 18 tuổi, bảo đảm trong mọi trường hợp nếu chưa có luật sư thì không được tiến hành phiên xét xử. Trong vấn đề này, cần phát huy vai trò của Hội đồng Nhân dân, tổ chức xã hội và đoàn luật sư trong việc giám sát việc bảo đảm quyền có luật sư của người bị buộc tội dưới 18 tuổi tại các cơ quan tố tụng. Bên cạnh đó, cần xây dựng kênh tiếp nhận phản ánh từ người bị buộc tội dưới 18 tuổi hoặc gia đình về việc bị từ chối hoặc gây khó khăn khi yêu cầu có luật sư bào chữa. Bộ Tư pháp và Viện Kiểm sát Nhân dân tối cao cần định kỳ công khai số lượng vụ án có người bị buộc tội dưới 18 tuổi có luật sư bào chữa và được trợ giúp pháp lý để đánh giá hiệu quả thực thi chính sách của nhà nước về vấn đề này.

Liên quan đến việc nâng cao chất lượng bào chữa cho người bị buộc tội dưới 18 tuổi tại phiên tòa hình sự, đầu tiên cần nâng cao năng lực của luật sư bào chữa thông qua việc tổ chức các khóa học giúp họ hiểu rõ các vấn đề về tư pháp với NCTN, tâm lý, nhận thức, hoàn cảnh của người bị buộc tội dưới 18 tuổi để đưa ra chiến lược bào chữa phù hợp. Bên cạnh đó, cần cập nhật các hướng dẫn mới nhất của các cơ quan tiến hành tố tụng về bào chữa trong các vụ án mà người bị buộc tội dưới 18 tuổi cho luật sư, nâng cao hiểu biết của họ về các biện pháp xử lý thay thế, về nguyên tắc có lợi cho người chưa thành niên để luật sư có thể đưa ra lập luận phù hợp tại phiên tòa. Ngoài ra, cần cải thiện điều kiện làm việc của luật sư, cụ thể là: Bảo đảm rằng luật sư được tiếp cận đầy đủ hồ sơ vụ án từ giai đoạn điều tra để có thời gian nghiên cứu, chuẩn bị chiến lược bào chữa; bảo đảm cơ quan tố tụng không được gây khó khăn trong việc cung cấp thông tin cho luật sư; bảo đảm quyền của luật sư được tiếp xúc với bị cáo mà không bị giới hạn hoặc giám sát chặt chẽ; ngăn chặn và xử lý kịp thời, nghiêm minh những hành vi gây cản trở luật sư khi thực hiện nhiệm vụ bào chữa cho người bị buộc tội dưới 18 tuổi tại tòa.

Thứ ba, giải pháp bảo đảm sự tham gia của đại diện gia đình và tổ chức xã hội trong các phiên tòa xét xử người bị buộc tội dưới 18 tuổi

Cũng như đã phân tích ở các Chương 2 và 3, sự tham gia của đại diện gia đình và tổ chức xã hội trong các phiên tòa xét xử người bị buộc tội dưới 18 tuổi có ý nghĩa quan trọng với việc bảo vệ các quyền của bị cáo, trong đó có quyền được xét xử công bằng. Bên cạnh đó, việc này còn giúp quá trình xét xử trở nên nhân đạo hơn, hướng đến cải tạo và tái hòa nhập xã hội bị cáo là người dưới 18 tuổi. Tuy nhiên, thực tế cho thấy nhiều phiên tòa hình sự ở Việt Nam chưa đảm bảo tốt sự tham gia của các đối tượng này.

Để khắc phục tình trạng trên, đầu tiên cần tiếp tục hoàn thiện khung pháp lý và cơ chế bắt buộc có sự tham gia của đại diện gia đình và tổ chức xã hội trong các phiên tòa xét xử bị cáo là người dưới 18 tuổi. Hiện tại, Luật Tố tụng Hình sự 2024 đã có quy định về sự tham gia của đại diện gia đình và tổ chức xã hội trong các phiên tòa xét xử bị cáo là người dưới 18 tuổi, song cần có văn bản hướng dẫn quy định rõ nghĩa vụ và quyền lợi của người đại diện hợp pháp (cha mẹ, người giám hộ) trong suốt quá trình tố tụng, bao gồm điều tra, truy tố và xét xử. Cũng cần có quy định nêu rõ, nếu cha mẹ hoặc người giám hộ vắng mặt, tòa án phải chỉ định người đại diện khác như người thân thích hoặc tổ chức bảo trợ trẻ em.

Riêng đối với gia đình người bị buộc tội dưới 18 tuổi gặp khó khăn, các cơ quan tiến hành tố tụng cần tạo mọi điều kiện thuận lợi để họ tham gia phiên tòa. Về vấn đề này, cơ quan tiến hành tố tụng phải có trách nhiệm gửi thông báo bằng văn bản và trực tiếp liên hệ với gia đình để đảm bảo họ biết lịch xét xử, đồng thời cần hỗ trợ phương tiện đi lại hoặc hỗ trợ tài chính cho những gia đình có hoàn cảnh khó khăn để họ có thể tham gia phiên tòa. Tại phiên tòa, đại diện gia đình nên được bố trí vị trí ngồi gần người bị buộc tội dưới 18 tuổi để tạo cảm giác an toàn, giúp bị cáo hợp tác hơn trong phiên tòa. Trước khi mở phiên xét xử, tòa án hoặc luật sư cần giải thích rõ vai trò của gia đình, giúp họ biết cách hỗ trợ bị cáo về mặt tâm lý và pháp lý trước và trong phiên tòa. Đối với gia đình ở xa, tòa án có thể áp dụng hình thức tham

gia phiên tòa trực tuyến qua video call và cung cấp tài liệu, thông tin phiên tòa qua email hoặc các nền tảng mạng xã hội để gia đình có thể thuận tiện trong việc chuẩn bị tham gia phiên tòa.

Liên quan đến việc bảo đảm sự tham gia của các tổ chức xã hội tại phiên tòa có bị cáo là người dưới 18 tuổi, cần thiết lập cơ chế phối hợp chặt chẽ giữa tòa án và các tổ chức xã hội ở địa phương. Tòa án cần có danh sách đại diện và thành viên tích cực của các tổ chức xã hội ở địa phương mà có thể hỗ trợ người bị buộc tội dưới 18 tuổi để mời họ tham gia phiên tòa. Các tổ chức xã hội như Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ, Hội Luật gia, Hội bảo vệ quyền trẻ em... cần được tòa án mời tham gia phiên tòa để giám sát việc xét xử và đề xuất giải pháp tái hòa nhập cho bị cáo là người dưới 18 tuổi. Bên cạnh đó, cần có hướng dẫn cụ thể về vai trò, nhiệm vụ cho đại diện các tổ chức xã hội trong phiên tòa để tránh tình trạng tham gia mang tính hình thức.

Thứ tư, giải pháp bảo đảm môi trường xét xử thân thiện và xử kín khi cần thiết cho người bị buộc tội dưới 18 tuổi

Như đã phân tích ở Chương 2, theo luật nhân quyền quốc tế, việc xét xử NCTN cần thực hiện trong một môi trường thân thiện để làm giảm áp lực tâm lý với bị cáo. Đây vừa là một quyền, vừa là một trong những điều kiện để đảm bảo quyền xét xử công bằng cho người bị buộc tội dưới 18 tuổi trong các phiên tòa hình sự.

Hiện tại, BLTTHS và Luật Tư pháp NCTN của Việt Nam đều quy định nguyên tắc xét xử thân thiện với bị cáo là người dưới 18 tuổi. Để thực hiện nguyên tắc này, đòi hỏi phải đáp ứng các yêu cầu như: Bố trí phòng xét xử phù hợp với tâm lý trẻ em; thẩm phán, kiểm sát viên và luật sư có thể mặc trang phục giản dị, tránh tạo cảm giác quyền uy, áp lực cho bị cáo; không buộc bị cáo mặc đồng phục tội phạm hay phải còng tay khi vào phiên tòa; xếp bị cáo ngồi gần gia đình và luật sư để tạo cảm giác an toàn, thay vì đối diện với kiểm sát viên và hội đồng xét xử như trong phiên tòa bình thường. Bên

cạnh đó, khi cần thiết, toà án cần xử kín hoặc có biện pháp làm giảm số lượng người tham gia phiên tòa bằng cách chỉ cho phép những người cần thiết như gia đình, luật sư, kiểm sát viên, thẩm phán, hội thẩm và đại diện tổ chức bảo vệ trẻ em tham gia, qua đó giảm thiểu tác động của công chúng với bị cáo. Các toà án cũng có thể sử dụng hình thức xét xử trực tuyến hoặc sử dụng các thiết bị công nghệ để giúp bị cáo giảm tiếp xúc với môi trường tố tụng căng thẳng. Trong một số trường hợp, toà án có thể cho phép bị cáo trả lời câu hỏi từ xa thông qua video call thay vì đối diện trực tiếp với thẩm phán. Trước phiên tòa, bị cáo có thể được cung cấp tài liệu giải thích về quy trình xét xử thông qua video hoặc hình ảnh minh họa để giúp các em hiểu và bớt lo lắng. Phiên xét xử không nên kéo dài quá lâu để tránh làm bị cáo căng thẳng, mất tập trung. Thẩm phán, kiểm sát viên và luật sư cần được tập huấn về tâm lý trẻ em để có cách tiếp cận phù hợp khi xét xử. Trong quá trình xét hỏi, tranh tụng, thẩm phán, kiểm sát viên và luật sư cần tránh dùng ngôn ngữ pháp lý phức tạp, thay vào đó là cách diễn đạt đơn giản để bị cáo dễ hiểu. Thẩm phán nên có thái độ mềm mỏng, khuyến khích bị cáo chia sẻ suy nghĩ, không nên gây áp lực khiến bị cáo sợ hãi. Cuối cùng, Nhà nước cần tổ chức hoặc với phối hợp với các tổ chức bảo vệ quyền trẻ em để tuyên truyền, nâng cao nhận thức của cộng đồng về nguyên tắc xét xử NCTN người chưa thành niên là phải mang tính giáo dục chứ không phải trừng phạt.

Tóm lại, môi trường xét xử thân thiện đối với người bị buộc tội dưới 18 tuổi là một trong những cải cách quan trọng để đảm bảo các quyền và sự phát triển của NCTN trong TPHS, trong đó có quyền được xét xử công bằng. Để tạo lập môi trường xét xử thân thiện đối với người bị buộc tội dưới 18 tuổi trong các phiên tòa hình sự ở Việt Nam hiện nay, cần tiếp tục hoàn thiện khung pháp lý, cải tạo không gian phiên tòa, đổi mới quy trình tố tụng, đào tạo đội ngũ thực thi pháp luật và nâng cao nhận thức xã hội về tư pháp với NCTN.

Gắn liền với việc tạo lập môi trường xét xử thân thiện đối với bị cáo là người dưới 18 tuổi, cũng cần bảo đảm xét xử kín đối với vụ án có người bị buộc tội dưới 18 tuổi tham gia khi cần thiết. Xét xử kín đối với các vụ án có người bị buộc tội dưới 18 tuổi là một nguyên tắc quan trọng nhằm bảo vệ quyền riêng tư, tránh kỳ thị và giúp các em có cơ hội tái hòa nhập cộng đồng sau phiên tòa. Đây đồng thời là một biện pháp có tác dụng quyền được bảo đảm xét xử công bằng của người bị buộc tội dưới 18 tuổi trong các phiên tòa hình sự. Ở Việt Nam, vấn đề này đã được quy định trong BLTTHS và Luật về Tư pháp NCTN, tuy nhiên, như đã phân tích ở Chương 3, thực tế ở một số tòa án vẫn còn nhiều khó khăn trong việc thực hiện xét xử kín trong các vụ án mà bị cáo là người dưới 18 tuổi.

Để bảo đảm xét xử kín đối với vụ án có bị cáo là người dưới 18 tuổi, cần bổ sung quy định trong BLTTHS và các văn bản hướng dẫn theo hướng nêu rõ tất cả các vụ án có người bị buộc tội dưới 18 tuổi phải được xét xử kín, trừ những trường hợp đặc biệt cần xét xử công khai vì lợi ích của bị cáo. Bên cạnh đó, cần quy định trách nhiệm của tòa án trong việc tổ chức phiên tòa kín khi xét xử người bị buộc tội dưới 18 tuổi và chế tài xử lý đối với hành vi tiết lộ thông tin về vụ án. Pháp luật không chỉ cần nghiêm cấm việc công khai danh tính, hình ảnh của bị cáo chưa thành niên trên báo chí, mạng xã hội mà còn cần quy định rõ hình thức xử phạt đối với các cá nhân, tổ chức vi phạm. Trong quá trình tổ chức phiên tòa có bị cáo là người dưới 18 tuổi, tòa án cần bảo đảm hạn chế số lượng người có mặt, chỉ những người liên quan trực tiếp như thẩm phán, kiểm sát viên, luật sư, đại diện gia đình, người giám hộ và đại diện tổ chức bảo vệ trẻ em mới được tham dự, tuyệt đối cấm người không có nhiệm vụ tham gia để đảm bảo tính riêng tư của bị cáo. Không chỉ vậy, cần có biện pháp kiểm soát chặt chẽ thông tin từ phiên tòa ra ngoài, cụ thể là kiểm soát việc ghi âm, ghi hình, tránh để thông tin bị rò rỉ. Có thể yêu cầu những người tham gia phiên tòa ký cam kết không tiết lộ nội dung xét xử ra ngoài. Đặc biệt, cần cấm báo chí tham dự và đưa tin chi tiết về phiên tòa. Về nguyên tắc, báo chí có thể được phép đưa tin về vụ án nhưng chỉ được cung cấp thông

tin chung, không được tiết lộ danh tính bị cáo, nhân chứng hay các tình tiết có thể dẫn đến nhận diện bị cáo. Nói tóm lại, cần có quy định chặt chẽ và chế tài xử phạt nghiêm khắc đối với hành vi rò rỉ thông tin về vụ án trên mạng xã hội, báo chí, do bất kỳ người tham gia tố tụng nào thực hiện.

Từ một góc độ khác, phiên tòa xét xử kín người bị buộc tội dưới 18 tuổi cần được thực hiện với tinh thần “kín nhưng tạo ra không gian mở”. Điều này đòi hỏi các tòa án phải bảo đảm cơ sở vật chất phù hợp cho việc xét xử kín. Các phiên tòa xét xử kín người bị buộc tội dưới 18 tuổi cũng cần được tổ chức trong phòng xét xử chuyên biệt, với thiết kế thân thiện để làm giảm áp lực tâm lý cho bị cáo, không phải phòng xử án công khai thông thường. Trong một số trường hợp đặc biệt, có thể cho phép bị cáo tham gia phiên tòa từ xa qua hệ thống trực tuyến để giảm áp lực tâm lý. Thẩm phán, kiểm sát viên, luật sư và điều tra viên cần được đào tạo về thể thức thực hiện và tầm quan trọng của xét xử kín đối với bị cáo là người dưới 18 tuổi. Cũng cần có biện pháp tuyên truyền để báo chí và cộng đồng hiểu rõ về sự cần thiết, ý nghĩa của việc xét xử kín với bị cáo là người dưới 18 tuổi, xem đó không phải là đặc quyền của bị cáo mà là một biện pháp bảo vệ nhân quyền, giúp các em có cơ hội làm lại cuộc đời. Cần tạo điều kiện cho các tổ chức bảo vệ quyền trẻ em có thể tham gia giám sát việc thực hiện xét xử kín với người bị buộc tội dưới 18 tuổi để đảm bảo tính minh bạch và đúng quy định. Cũng có thể thiết lập đường dây nóng để phản ánh và xử lý kịp thời những vi phạm về xét xử kín với bị cáo là người dưới 18 tuổi, đặc biệt là những hành vi tiết lộ thông tin về bị cáo và phiên tòa qua báo chí, mạng xã hội.

Nói tóm lại, xét xử kín cũng là một biện pháp quan trọng để bảo vệ các quyền, bao gồm quyền được xét xử công bằng, của người bị buộc tội dưới 18 tuổi trong TTHS. Để đảm bảo thực hiện tốt nguyên tắc này ở nước ta hiện nay, cũng cần tiếp tục hoàn thiện khung pháp luật và bảo đảm sự phối hợp giữa các cơ quan tiến hành tố tụng, cơ quan truyền thông và cộng đồng nhằm kiểm soát chặt chẽ thông tin về bị cáo và về phiên tòa xét xử bị cáo là người dưới 18.

Thứ năm, giải pháp nâng cao nhận thức, năng lực của những người tiến hành tố tụng về việc bảo đảm quyền được xét xử công bằng của người bị buộc tội-bị cáo dưới 18 tuổi

Như đã phân tích ở các Chương 2 và 3, xét xử công bằng là một quyền cơ bản của bị cáo là người dưới 18 tuổi, bởi họ còn non nớt về nhận thức, dễ bị tổn thương và cần được bảo vệ đặc biệt. Để đảm bảo quyền này, những người tiến hành tố tụng như thẩm phán, kiểm sát viên, luật sư, điều tra viên và cán bộ hỗ trợ tư pháp cần có nhận thức đúng đắn và năng lực chuyên môn phù hợp. Đây hiện cũng là một trong những hạn chế ở Việt Nam, thể hiện qua thực tế là một số thẩm phán, hội thẩm, kiểm sát viên, điều tra viên chưa có hiểu biết đầy đủ và có những kỹ năng cần thiết để bảo đảm các quyền của NCTN trong TTHS.

Để nâng cao nhận thức và năng lực của những người tiến hành tố tụng trong việc bảo đảm quyền được xét xử công bằng của bị cáo là người dưới 18 tuổi, cần có những chương trình đào tạo toàn diện, chuyên sâu cho thẩm phán, hội thẩm, kiểm sát viên, cán bộ điều tra về tâm lý và tư pháp thân thiện với NCTN. Ngoài kiến thức pháp luật về NCTN, các chương trình đào tạo cần tập trung vào kỹ năng giao tiếp với NCTN, phương pháp xét hỏi phù hợp và cách tiếp cận xét xử mang tính giáo dục. Tất cả những người tiến hành tố tụng cần biết cách thể hiện thái độ thân thiện, sử dụng ngôn ngữ đơn giản, dễ hiểu khi xét hỏi, tránh sử dụng thuật ngữ pháp lý phức tạp hoặc gây căng thẳng với bị cáo là người dưới 18 tuổi.

Trong số những người tiến hành tố tụng tại các phiên tòa xét xử bị cáo là người dưới 18 tuổi, thẩm phán, hội thẩm và kiểm sát viên có vai trò đặc biệt quan trọng. Vì vậy, ngoài những vấn đề chung, những người này cần có những nhận thức và kỹ năng riêng về xét xử bị cáo là người dưới 18 tuổi, gắn liền với chức trách mà họ đảm nhiệm tại phiên tòa.

Đối với Thẩm phán và Hội thẩm. Nhận thức, năng lực của Thẩm phán và Hội thẩm có ý nghĩa rất quan trọng trong việc quyền được bảo đảm xét xử

công bằng của người bị buộc tội dưới 18 tuổi tại phiên tòa. Thẩm phán và Hội thẩm cần thấu hiểu về bản chất của hành vi phạm tội của NCTN, tin tưởng rằng NCTN thường thiếu kiến thức và kinh nghiệm trong việc đánh giá hậu quả của hành động của bản thân mình, do đó, cần xem xét các yếu tố như môi trường gia đình, giáo dục và tình hình cá nhân của người bị buộc tội dưới 18 tuổi khi quyết định áp dụng hình phạt. Bất kỳ quyết định nào của Thẩm phán và Hội thẩm đưa ra cũng cần coi trọng quyền của trẻ em được học tập và phát triển, vì vậy, cần cân nhắc áp dụng các biện pháp xử lý thay thế thay cho các biện pháp trừng phạt nặng như án tù. Đồng thời, Thẩm phán và Hội thẩm cần bảo đảm quyền của NCTN được thể hiện quan điểm của họ trong phiên tòa.

Đối với Kiểm sát viên. Với tư cách là người giữ quyền tố tụng (buộc tội) trong phiên tòa hình sự, nhận thức, năng lực của kiểm sát viên về tư pháp NCTN cũng ảnh hưởng rất lớn đến việc bảo đảm quyền được xét xử công bằng của bị cáo là người dưới 18 tuổi. Kiểm sát viên, như những người tiến hành tố tụng khác, cần phải có kiến thức sâu về quyền của NCTN trong TTHS, và về tố tụng thân thiện với NCTN. Kiểm sát viên cần cân nhắc mọi quyết định buộc tội dựa việc thấu hiểu về tâm lý và sự phát triển của NCTN, qua đó bảo đảm rằng các quyền của họ được bảo vệ một cách tốt nhất trong quá trình xét xử. Kiểm sát viên cũng cần chú trọng đề xuất các biện pháp xử lý thay thế thích hợp cho NCTN thay vì tập trung vào án phạt.

Tóm lại, việc bảo đảm quyền được xét xử công bằng cho người bị buộc tội dưới 18 tuổi ở Việt Nam cũng đòi hỏi nâng cao nhận thức, năng lực của những người tiến hành tố tụng. Chỉ khi tất cả những người tiến hành tố tụng được trang bị kiến thức và kỹ năng cần thiết về tư pháp NCTN thì mới có thể đảm bảo rằng người bị buộc tội dưới 18 tuổi được xét xử công bằng, giúp họ có cơ hội sửa chữa lỗi lầm và tái hòa nhập xã hội.

Thứ sáu, giải pháp bảo đảm quyền của người bị buộc tội dưới 18 tuổi được thể hiện quan điểm, ý kiến tại phiên tòa hình sự sơ thẩm

Như đã phân tích ở Chương 2, tôn trọng quyền trình bày ý kiến của

người bị buộc tội dưới 18 tuổi là một nguyên tắc cơ bản trong luật nhân quyền quốc tế và hệ thống pháp luật của đa số các quốc gia, bao gồm Việt Nam. Đây cũng là một điều kiện để bảo đảm quyền được xét xử công bằng, bởi nói giúp bảo đảm rằng ý kiến, quan điểm của người dưới 18 tuổi được Tòa án và các bên lắng nghe, xem xét trong quá trình xét xử. Dù vậy, như đã đề cập ở Chương 3, ở Việt Nam, trong một số trường hợp, quyền trình bày ý kiến của người bị buộc tội dưới 18 tuổi tại phiên toà chưa được chú trọng và bảo đảm hiệu quả, do nhiều nguyên nhân như tâm lý e dè của bị cáo, kỹ năng làm việc với NCTN của thẩm phán, hội thẩm, kiểm sát viên còn hạn chế hoặc do môi trường xét xử chưa thân thiện.

Để khắc phục tình trạng trên, đầu tiên cần tiếp tục hoàn thiện quy định pháp luật về quyền trình bày ý kiến của người bị buộc tội dưới 18 tuổi trong phiên toà. BLTTHS hoặc các văn bản hướng dẫn thi hành cần quy định rõ ràng rằng người bị buộc tội dưới 18 tuổi có quyền phát biểu ý kiến về toàn bộ quá trình xét xử, từ thủ tục tố tụng, nội dung vụ án đến các tình tiết liên quan đến trách nhiệm hình sự và hình phạt. Pháp luật cũng cần bổ sung quy định về trách nhiệm của thẩm phán, hội thẩm, kiểm sát viên trong việc tạo điều kiện để người bị buộc tội dưới 18 tuổi bày tỏ quan điểm tại phiên toà mà không bị áp lực hay bị ngăn cản một cách không chính đáng. Cũng cần có biện pháp giám sát việc bảo đảm quyền trình bày ý kiến của người bị buộc tội dưới 18 tuổi trong phiên toà để nếu quyền này bị vi phạm, bị cáo, luật sư hoặc người đại diện của bị cáo có quyền khiếu nại hoặc kháng cáo. Bên cạnh đó, cần đào tạo kỹ năng xét hỏi, tranh tụng thân thiện cho thẩm phán, hội thẩm, kiểm sát viên, bao gồm kỹ năng lắng nghe, đặt câu hỏi, gợi mở, khai thác thông tin từ bị cáo là người dưới 18 tuổi. Đặc biệt, cần thay đổi cách thức xét hỏi để giảm bớt yếu tố đối đầu, hạn chế việc chất vấn gay gắt, thay vào đó là hướng dẫn người bị buộc tội dưới 18 tuổi trình bày quan điểm của mình một cách rõ ràng và bình tĩnh. Cũng không nên để kiểm sát viên, luật sư liên tục tranh luận, gây áp lực

cho bị cáo, đồng thời cần cho phép luật sư bào chữa, người giám hộ hoặc đại diện hợp pháp hỗ trợ người bị buộc tội dưới 18 tuổi trình bày ý kiến một cách rõ ràng, đúng trọng tâm và bảo vệ quan điểm của mình trước phiên tòa.

Nhìn từ một góc độ khác, cần cải thiện môi trường phiên tòa, xây dựng không gian xét xử thân thiện để giúp người bị buộc tội dưới 18 tuổi tự tin trình bày ý kiến của mình. Như đã đề cập, nên tổ chức xét xử trong phòng họp hoặc phòng xét xử chuyên biệt (phòng xét xử thân thiện với NCTN) thay vì phòng xử án truyền thống để tạo cảm giác an toàn, gần gũi hơn cho bị cáo là người dưới 18 tuổi. Trong phòng xét xử, cần sắp xếp chỗ ngồi phù hợp, tránh để người bị buộc tội dưới 18 tuổi ngồi ở vị trí khiến họ cảm thấy bị cô lập hoặc áp lực. Trước khi mở phiên tòa, cần có hoạt động tư vấn để người bị buộc tội dưới 18 tuổi làm quen với môi trường và hiểu rõ quyền cũng và cách trình bày ý kiến hợp lý tại phiên tòa. Trong bối cảnh hiện nay, cần tăng cường ứng dụng công nghệ để hỗ trợ người bị buộc tội dưới 18 tuổi trình bày ý kiến trước phiên tòa. Cụ thể, nếu người bị buộc tội dưới 18 tuổi cảm thấy lo sợ khi trình bày trước hội đồng xét xử, có thể cho phép họ ghi âm hoặc viết ý kiến của mình trước để trình bày tại phiên tòa. Nếu người bị buộc tội dưới 18 tuổi gặp khó khăn về tâm lý hoặc sức khỏe, có thể xem xét phương án tổ chức phiên xét xử trực tuyến. Cũng cần xây dựng cơ chế giám sát việc bảo đảm quyền này của bị cáo là người dưới 18 tuổi. Cụ thể, sau khi kết thúc phiên tòa, bị cáo có thể đưa ra ý kiến phản hồi về việc liệu họ có được trình bày đầy đủ hay không; và khi phát hiện vi phạm quyền này của bị cáo, bản thân bị cáo, luật sư bào chữa và người đại diện của bị cáo có thể khiếu nại và kiến nghị lên các cơ quan giám sát tư pháp để xem xét lại quá trình xét xử vụ án.

Tóm lại, việc bảo đảm quyền trình bày ý kiến của người bị buộc tội dưới 18 tuổi không chỉ giúp họ bảo vệ lợi ích của mình mà còn thể hiện nguyên tắc xét xử công bằng, minh bạch trong tư pháp với NCTN. Để thực hiện tốt quyền này ở nước ta hiện nay, cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa các

cơ quan tố tụng, luật sư, gia đình và các tổ chức xã hội nhằm tạo ra môi trường xét xử thân thiện, khuyến khích bị cáo tự tin trình bày ý kiến và được lắng nghe một cách công bằng tại phiên tòa.

Thứ bảy, giải pháp bảo đảm quyền của người bị buộc tội dưới 18 tuổi được xét xử kịp thời tại phiên tòa hình sự sơ thẩm

Cũng như đã phân tích ở Chương 2, việc người bị buộc tội dưới 18 tuổi được đưa ra xét xử kịp thời, nhanh chóng sẽ giúp họ không bị áp lực bởi các thủ tục TTTHS nặng nề và có thể sớm quay trở lại với gia đình và cộng đồng và ổn định cuộc sống, học tập và sinh hoạt. Đây cũng là để bảo đảm thực hiện nguyên tắc “lợi ích tốt nhất cho trẻ em” trong TTTHS cũng như góp phần bảo đảm quyền được xét xử công bằng bị cáo là người dưới 18 tuổi. Mặc dù vậy, như đã đề cập ở Chương 3, ở nước ta, trong một số trường hợp, việc xét xử người bị buộc tội dưới 18 tuổi bị chậm trễ, do một số nguyên nhân như quá tải công việc của cơ quan tố tụng, thủ tục hành chính rườm rà, hoặc thiếu nhân lực chuyên trách...

Do vậy, để bảo đảm quyền được đưa ra xét xử kịp thời của người bị buộc tội dưới 18 tuổi trong phiên tòa hình sự sơ thẩm, đầu tiên cần quy định rõ thời hạn tối đa giải quyết vụ án đối với bị cáo là người dưới 18 tuổi. Thêm vào đó, BLTTTHS hoặc các văn bản hướng dẫn thi hành cần bổ sung quy định về thời hạn rút ngắn trong điều tra, truy tố, xét xử đối với vụ án có bị cáo là người dưới 18 tuổi. Ví dụ, nếu thời hạn giải quyết vụ án thông thường là 4 tháng, thì đối với người bị buộc tội dưới 18 tuổi có thể rút ngắn xuống còn 2-3 tháng. Bên cạnh đó, cần có biện pháp hạn chế việc kéo dài thời gian tạm giam và điều tra không cần thiết với NCTN, chỉ áp dụng biện pháp tạm giam khi thực sự cần thiết và có căn cứ rõ ràng, thay thế tạm giam bằng các biện pháp ngăn chặn khác như quản thúc tại nơi cư trú hoặc giám sát của tổ chức xã hội để giảm thời gian người bị buộc tội dưới 18 tuổi phải chờ xét xử.

Nhìn từ góc độ tổ chức, để bảo đảm quyền được đưa ra xét xử kịp thời của người bị buộc tội dưới 18 tuổi trong phiên tòa hình sự sơ thẩm, cũng cần

tăng cường phối hợp giữa các cơ quan tố tụng để đẩy nhanh tiến độ giải quyết vụ án. Cần thiết lập cơ chế liên lạc thường xuyên giữa các cơ quan công an, viện kiểm sát và tòa án để rút ngắn thời gian xử lý hồ sơ vụ án. Trong vấn đề này, cần đẩy mạnh ứng dụng công nghệ để tăng tốc xử lý hồ sơ, triển khai hệ thống quản lý hồ sơ điện tử để giúp các cơ quan tố tụng cập nhật và trao đổi thông tin nhanh chóng, sử dụng phần mềm tự động hóa trong việc phân loại, sắp xếp lịch xét xử để tối ưu hóa thời gian đưa vụ án có người bị buộc tội dưới 18 tuổi ra xét xử một cách nhanh chóng, kịp thời. Riêng đối với tòa án, cần ưu tiên xét xử sớm các vụ án có bị cáo là người dưới 18 tuổi, hạn chế việc hoãn phiên tòa không cần thiết, trừ trường hợp bất khả kháng, nghiên cứu giảm bớt các thủ tục hành chính không cần thiết trong quá trình xét xử; thực hiện xét xử rút gọn với những vụ án ít nghiêm trọng; triển khai xét xử trực tuyến trong một số trường hợp, cụ thể như khi bị cáo không thể đến tòa án do lý do sức khỏe hoặc hoàn cảnh đặc biệt, để có thể đảm bảo tiến độ xét xử bị cáo là người dưới 18 tuổi.

Nhìn từ góc độ nguồn nhân lực, để bảo đảm quyền được đưa ra xét xử kịp thời của bị cáo là người dưới 18 tuổi, cần xây dựng và bổ sung đội ngũ thẩm phán, kiểm sát viên chuyên trách xét xử vụ án có bị cáo là người dưới 18 tuổi; có biện pháp đào tạo, bồi dưỡng để xây dựng đội ngũ thẩm phán, kiểm sát viên chuyên trách vừa có chuyên môn cao, vừa hiểu biết về tâm lý trẻ em để đẩy nhanh tiến trình xét xử trong khi vẫn đảm bảo chất lượng xét xử.

Cuối cùng, các cơ quan cấp trên cần giám sát chặt chẽ tiến trình xử lý các vụ án có người bị buộc tội dưới 18 tuổi tại phiên tòa hình sự sơ thẩm, tránh tình trạng kéo dài thời gian xét xử không có lý do chính đáng. Trong vấn đề này, cần khuyến khích gia đình, luật sư và các tổ chức xã hội tham gia giám sát tiến độ tố tụng, nếu phát hiện dấu hiệu chậm trễ không hợp lý có thể khiếu nại để giải quyết kịp thời.

Thứ tám, giải pháp bảo đảm cơ sở vật chất cho việc xét xử người bị buộc tội dưới 18 tuổi tại phiên tòa hình sự sơ thẩm cấp huyện

Như đã phân tích ở các Chương 2 và 3, việc xét xử người bị buộc tội dưới 18 tuổi có đặc thù riêng, đòi hỏi không chỉ quy trình tố tụng phù hợp mà còn yêu cầu về cơ sở vật chất nhằm bảo đảm tính thân thiện, nhân văn và hỗ trợ tối đa các quyền của NCTN. Tuy nhiên, hiện nay, nhiều tòa án cấp huyện ở Việt Nam vẫn chưa đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn về cơ sở vật chất để xét xử loại án này, dẫn đến những hạn chế trong việc bảo quyền của bị cáo là người dưới 18 tuổi, trong đó có quyền được xét xử công bằng.

Để bảo đảm cơ sở vật chất cho việc xét xử người bị buộc tội dưới 18 tuổi tại phiên tòa hình sự sơ thẩm ở Việt Nam, Nhà nước cần có kế hoạch đầu tư xây dựng các phòng xử án thân thiện ở các tòa án cấp huyện, đặc biệt là tại những địa phương còn khó khăn. Trong vấn đề này, có thể tận dụng nguồn hỗ trợ từ các tổ chức quốc tế như UNICEF, UNDP trong việc nâng cao điều kiện xét xử thân thiện cho NCTN. Thực tế cho thấy biện pháp khả thi có thể áp dụng phổ biến là cải tạo một phòng xét xử hoặc phòng làm việc thích hợp tại các tòa án cấp huyện thành phòng xét xử thân thiện với NCTN. Trong vấn đề này, cần chú ý thiết kế không gian xét xử theo mô hình “phòng họp”, với chỗ ngồi ngang hàng giữa bị cáo, luật sư, thẩm phán và kiểm sát viên, không sử dụng mô hình phòng xử án truyền thống với vành móng ngựa, bục xét hỏi cao mà tạo cảm giác căng thẳng cho bị cáo. Phòng xét xử thân thiện cũng nên sử dụng ánh sáng dịu, màu sắc nhẹ nhàng thay vì gam màu tối, đồng thời bố trí chỗ ngồi phù hợp (gần bị cáo) cho người giám hộ, đại diện gia đình và tổ chức xã hội để làm giảm lo lắng cho bị cáo là người dưới 18 tuổi. Phòng xét xử thân thiện cũng cần được trang bị hệ thống micro, màn hình trình chiếu để cho phép bị cáo có thể trình bày ý kiến hoặc làm chứng mà không cần đứng trước vành móng ngựa. Ngoài ra, tại phòng xét xử thân thiện cũng cần lắp đặt hệ thống ghi âm, ghi hình phục vụ giám sát tố tụng, đảm bảo tính minh bạch trong quá trình xét xử và bảo vệ các quyền của người bị buộc tội dưới 18 tuổi trong phiên tòa.

Trong trường hợp cần xét xử kín bị cáo là người dưới 18 tuổi, cần cần bảo đảm phòng xét xử có khả năng kiểm soát thông tin về phiên tòa, không để lộ lọt trên mạng xã hội hoặc phương tiện truyền thông.

Bên cạnh phòng xét xử, các toà án cũng cần bố trí một không gian riêng (một phòng nhỏ) để các luật sư, chuyên gia tâm lý tư vấn và hỗ trợ tâm lý cho người bị buộc tội dưới 18 tuổi trước khi vào phòng xử án. Phòng hỗ trợ này cũng nên được thiết kế âm cúng, sử dụng ghế ngồi thoải mái, tránh tạo cảm giác giống phòng thẩm vấn hay phòng giam giữ. Phòng hỗ trợ này có thể được sử dụng như là khu vực chờ riêng biệt, giúp tránh để người bị buộc tội dưới 18 tuổi phải ngồi chung với người bị hại hoặc những người tham gia tố tụng khác đã trưởng thành mà có thể tạo áp lực tâm lý cho bị cáo.

Cuối cùng, Bộ Tư pháp, Tòa án Nhân dân Tối cao cần tiến hành đánh giá định kỳ về điều kiện xét xử tại tòa án cấp huyện, trong đó bao gồm điều kiện xét xử các vụ án có bị cáo là người dưới 18 tuổi. Cũng cần khuyến khích sự giám sát, phản hồi từ người tham gia tố tụng, luật sư, bị cáo, gia đình và các tổ chức xã hội về tình trạng cơ sở vật chất tại tòa án cấp huyện để đề xuất cải thiện điều kiện xét xử các vụ án có bị cáo là người dưới 18 tuổi.

Thứ chín, giải pháp tuyên truyền, nâng cao nhận thức của cộng đồng về quyền của người bị buộc tội dưới 18 tuổi

Như đã phân tích ở các Chương 2,3, việc bảo đảm quyền của bị cáo là người dưới 18 tuổi, trong đó có quyền được xét xử công bằng, không chỉ là trách nhiệm của hệ thống tư pháp mà còn đòi hỏi sự tham gia tích cực của cộng đồng. Tuy nhiên, ở Việt Nam hiện nay, nhận thức của xã hội về các quyền của NCTN trong TTHS vẫn còn hạn chế, dẫn đến những định kiến, kỳ thị hoặc thiếu sự hỗ trợ cần thiết với bị cáo là người dưới 18 tuổi. Vì vậy, việc tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho cộng đồng cũng là một giải pháp quan trọng giúp bảo vệ tốt hơn các quyền của bị cáo là người dưới 18 tuổi, trong đó bao gồm quyền được xét xử công bằng tại phiên tòa hình sự cấp huyện. Việc này có thể thực hiện thông qua các biện pháp sau:

Một là, là tăng cường phát sóng các chương trình truyền hình, phát thanh về tư pháp NCTN. Về vấn đề này, có thể xây dựng chuyên mục định kỳ trên Đài Truyền hình Việt Nam (VTV), Đài Tiếng nói Việt Nam (VOV) và các kênh truyền hình và truyền thanh địa phương nhằm phổ biến kiến thức pháp luật liên quan đến quyền của bị cáo là người dưới 18 tuổi. Bên cạnh đó, cần tổ chức các chương trình tọa đàm, phóng sự về các vụ án điển hình có sự tham gia của chuyên gia pháp lý để phân tích, giải thích các quy định pháp luật về quyền của NCTN trong TTHS theo cách dễ hiểu. Ngoài các kênh truyền thông chính thống, cũng cần đẩy mạnh truyền thông về quyền của NCTN trong TTHS trên mạng xã hội, sử dụng các nền tảng Facebook, TikTok, YouTube, Zalo để đăng tải các video ngắn, infographic, bài viết về quyền của người bị buộc tội dưới 18 tuổi qua đó giúp giảm kỳ thị và định kiến xã hội với họ. Cũng cần kêu gọi các tổ chức xã hội, KOLs (người có tầm ảnh hưởng trên mạng xã hội) tham gia tuyên truyền thông qua các chiến dịch online, xuất bản tài liệu, sách, tờ rơi, phát hành cẩm nang, tài liệu hướng dẫn bằng ngôn ngữ đơn giản rồi phân phối tài liệu đến các trường học, nhà văn hóa, UBND xã/phường và các tổ chức đoàn thể để phụ huynh, học sinh, giáo viên và cộng đồng dễ dàng tiếp cận với các vấn đề về tư pháp với NCTN.

Hai là, lồng ghép nội dung về tư pháp NCTN vào chương trình giáo dục phổ thông, đưa kiến thức về quyền của người bị buộc tội dưới 18 tuổi trong TTHS vào môn Giáo dục công dân hoặc hoạt động ngoại khóa tại trường học. Theo hướng này, cũng có thể tổ chức các cuộc thi tìm hiểu pháp luật, các buổi sinh hoạt chuyên đề, các cuộc thi hùng biện về pháp luật về NCTN nói chung, về quyền của người bị buộc tội dưới 18 tuổi trong TTHS nói riêng cho học sinh, giúp các em hiểu rõ quyền và nghĩa vụ khi tham gia tố tụng. Bên cạnh đó, cần tăng cường đào tạo, bồi dưỡng về quyền con người, quyền trẻ em, trong đó bao gồm quyền của người bị buộc tội dưới 18 tuổi cho giáo viên, đặc biệt là giáo viên chuyên trách về lĩnh vực này, trong TTHS trong các cơ sở đào tạo.

Ba là, thúc đẩy vai trò của các tổ chức như Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Luật gia Việt Nam, Hội bảo vệ quyền trẻ em, Hội nhà báo...trong việc tuyên truyền về quyền của người bị buộc tội dưới 18 tuổi và hỗ trợ các trường hợp người bị buộc tội dưới 18 tuổi trong các phiên toà hình sự. Khuyến khích sự tham gia của gia đình trong các hoạt động giáo dục, tuyên truyền về tư pháp NCTN và về quyền của người bị buộc tội dưới 18 tuổi trong TTHS.

Bốn là, cần kiểm soát chặt chẽ việc đưa tin về các vụ án liên quan đến bị cáo là người dưới 18 tuổi, bảo đảm ngăn chặn hiệu quả việc tiết lộ danh tính, hình ảnh hoặc thông tin nhạy cảm về bị cáo trên báo chí, mạng xã hội để bảo vệ quyền riêng tư của họ. Thay vào đó, cần định hướng để những người hoạt động báo chí và sử dụng mạng xã hội chung tay góp sức tuyên truyền, vận động thay đổi thái độ kỳ thị của một bộ phận người dân đối với bị cáo là người dưới 18 tuổi, thông qua các chiến dịch tuyên truyền trên truyền thông đại chúng với khẩu hiệu nhân văn như “Trao cơ hội - Không kỳ thị” với họ và nhấn mạnh thông điệp về giáo dục, cải tạo thay vì trừng phạt, giúp bị cáo có cơ hội sửa sai và tái hòa nhập cộng đồng.

Thứ mười, ứng dụng khoa học và công nghệ trong hoạt động xét xử. Theo đó, cần ứng dụng trí tuệ nhân tạo và dữ liệu lớn (Big Data) trong hỗ trợ xét xử như phân tích dữ liệu tiền án, tiền sự và hoàn cảnh cá nhân bao gồm sử dụng trí tuệ nhân tạo để phân tích dữ liệu liên quan đến NCTN nhằm xác định các yếu tố nhân thân, môi trường sống, yếu tố nguy cơ, từ đó hỗ trợ Hội đồng xét xử đưa ra các quyết định nhân văn, đúng định hướng giáo dục, cải tạo. Các hệ thống dữ liệu có thể được lập trình để phân tích các bản án tương tự, cung cấp gợi ý về mức hình phạt, biện pháp tư pháp phù hợp với người dưới 18 tuổi, qua đó tăng tính nhất quán và hợp lý của các phán quyết. Bên cạnh đó, lưu trữ và phân tích kết quả xét xử, hệ thống dữ liệu lớn giúp theo dõi và đánh giá hiệu quả của các bản án đối với NCTN, từ đó đưa ra khuyến nghị hoàn thiện chính sách, nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật trong thực tiễn xét xử.

Thứ mười một, giải pháp gắn với việc thực hiện chủ trương không tổ chức Tòa án cấp huyện, thành lập Tòa án theo thẩm quyền và khu vực.

Định hướng chung của ngành Tòa án là không còn Tòa án cấp huyện, thay vào đó sẽ thành lập Tòa án khu vực, về cơ bản thẩm quyền xét xử các vụ án hình sự của Tòa án cấp huyện so với Tòa án nhân dân khu vực có tính chất tương đồng, chỉ có một điểm khác biệt là tăng thẩm quyền giải quyết các vụ án hình sự đối với Tòa án khu vực so với Tòa án cấp huyện. Theo các Dự thảo có liên quan, trong đó có Dự thảo Luật Tổ chức Tòa án nhân dân thì Tòa án nhân dân khu vực có chức năng, nhiệm vụ xử hầu hết các loại án (án hình sự có khung hình phạt dưới 20 năm).

Như vậy, trong bối cảnh cải cách tư pháp, việc chuyển đổi mô hình từ Tòa án nhân dân cấp huyện sang Tòa án nhân dân khu vực là một bước đi quan trọng nhằm tinh gọn bộ máy, nâng cao chất lượng hoạt động xét xử. Tuy nhiên, để bảo đảm quyền được xét xử công bằng cho người bị buộc tội dưới 18 tuổi trong điều kiện mô hình mới, cần có giải pháp điều chỉnh phù hợp với đặc thù lứa tuổi và yêu cầu bảo vệ quyền con người. Cụ thể:

Một là, tiếp tục xây dựng đơn vị chuyên trách hoặc phòng xử án thân thiện cho NCTN trong Tòa án nhân dân khu vực. Mặc dù thẩm quyền xét xử của Tòa án khu vực được mở rộng, việc thiết kế không gian và tổ chức phiên tòa vẫn cần phù hợp với tâm lý và nhu cầu bảo vệ đặc biệt đối với người dưới 18 tuổi. Do đó, cần quy định rõ việc bố trí phòng xử án thân thiện, cách ly với các loại vụ án hình sự nghiêm trọng khác.

Hai là, bảo đảm tính tiếp cận và không làm gián đoạn quyền được xét xử kịp thời. Khi tổ chức theo mô hình khu vực, khoảng cách địa lý giữa bị cáo và trụ sở Tòa án có thể tăng lên. Cần có cơ chế hỗ trợ phương tiện di chuyển, tạm trú hoặc tổ chức xét xử lưu động tại địa phương để bảo đảm quyền tiếp cận Tòa án và không làm chậm trễ việc xét xử đối với người dưới 18 tuổi.

Ba là, tăng cường năng lực cho thẩm phán và cán bộ tư pháp khu vực. Với việc tập trung thẩm quyền xét xử về một đầu mối, các thẩm phán sẽ xử lý nhiều vụ án hơn, trong đó có các vụ liên quan đến NCTN. Cần bảo đảm rằng đội ngũ này được đào tạo chuyên sâu kiến thức về tâm lý lứa tuổi, kỹ năng xét xử thân thiện, cũng như tiếp cận các công cụ hỗ trợ từ công nghệ và dữ liệu lớn để đưa ra phán quyết phù hợp.

Bốn là, kết nối dữ liệu xuyên khu vực nhằm theo dõi hồ sơ tư pháp NCTN. Tận dụng cơ sở dữ liệu tư pháp quốc gia để hỗ trợ Tòa án nhân dân khu vực nắm bắt tiền sử phạm tội, hoàn cảnh cá nhân, các biện pháp giáo dục đã áp dụng... từ nhiều địa phương khác nhau. Điều này giúp đảm bảo xét xử trên nền tảng đầy đủ thông tin, đúng người, đúng tính chất vụ án.

Kết luận chương 4

Trên cơ sở làm rõ khung lý luận ở Chương 2 và thực trạng được đánh giá ở Chương 3, Chương 4 đã tập trung đề xuất và luận giải một số định hướng, quan điểm, nêu và phân tích các giải pháp để nâng cao hiệu quả bảo đảm quyền được xét xử công bằng của người bị buộc tội-bị cáo dưới 18 tuổi tại phiên tòa hình sự sơ thẩm cấp huyện ở Việt Nam. Cụ thể, chương này đã:

1. Nêu và phân tích các quan điểm (định hướng) về quyền được bảo đảm xét xử công bằng của người bị buộc tội dưới 18 tuổi tại phiên tòa hình sự sơ thẩm cấp huyện ở Việt Nam.

2. Trên cơ sở đó đề ra giải pháp chung và cụ thể quyền được bảo đảm xét xử công bằng của người bị buộc tội dưới 18 tuổi tại phiên tòa hình sự sơ thẩm cấp huyện ở Việt Nam gồm các nhóm: (i) Nhóm giải pháp hoàn thiện khung pháp luật Việt Nam về quyền được bảo đảm xét xử công bằng của người bị buộc tội dưới 18 tuổi tại phiên tòa hình sự sơ thẩm cấp huyện; (ii) Nhóm giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật Việt Nam về quyền được bảo đảm xét xử công bằng của người bị buộc tội dưới 18 tuổi tại phiên tòa hình sự sơ thẩm cấp huyện.

KẾT LUẬN

Nhận thức về trẻ em và quyền trẻ em đã phát triển qua hàng nghìn năm trong lịch sử của nhân loại. Mặc dù quan niệm về trẻ em và quyền trẻ em có những điểm khác nhau ở các quốc gia khác nhau, qua những giai đoạn khác nhau, nhưng cho đến nay, cộng đồng quốc tế đã đạt được sự đồng thuận về những vấn đề cơ bản trong lĩnh vực này qua CRC và một số cam kết, điều ước quốc tế khác về QCN và về tư pháp với NCTN. Trong những văn kiện đó, trẻ em cơ bản được đồng nhất với NCTN với mốc xác định là dưới 18 tuổi; trẻ em có các QCN như người lớn, đồng thời có các quyền đặc thù của nhóm người còn non nớt cả về thể chất, tinh thần. Trong số các quyền đặc thù đó, có nhiều quyền liên quan đến TTHS, bao gồm quyền được xét xử công bằng của trẻ em (hay NCTN, hay người dưới 18 tuổi).

Với tính chất là một QCN cơ bản của trẻ em, đồng thời là một nguyên tắc để bảo đảm sự công bằng, bình đẳng trong TTHS, quyền được xét xử công bằng của trẻ em có vai trò đặc biệt trong hệ thống pháp luật hình sự của các quốc gia, trong đó có Việt Nam. Vì vậy, việc nghiên cứu khung khổ pháp luật về bảo vệ, bảo đảm quyền này của trẻ em là rất cần thiết, có ý nghĩa cả về lý luận và thực tiễn.

Luận án về *“Bảo đảm quyền được xét xử công bằng của người bị buộc tội-bị cáo dưới 18 tuổi tại phiên tòa hình sự sơ thẩm cấp huyện ở Việt Nam”* nhằm góp phần củng cố cơ sở khoa học cho việc bảo đảm quyền được xét xử công bằng của trẻ em ở Việt Nam. Với mục đích đó, luận án đã:

1. Nghiên cứu, làm rõ những vấn đề lý luận về quyền được bảo đảm xét xử công bằng của người bị buộc tội dưới 18 tuổi tại phiên tòa hình sự, trong đó bao gồm các khái niệm nền tảng trẻ em, NCTN, bị cáo, bị cáo là người dưới 18 tuổi, quyền được xét xử công bằng...), các đặc điểm, vai trò, nội dung, yêu cầu, yếu tố tác động và điều kiện cho việc quyền được bảo đảm xét xử công bằng của người bị buộc tội dưới 18 tuổi tại phiên tòa hình sự.

2. Nghiên cứu xác định khung pháp luật quốc tế và Việt Nam liên quan đến quyền được bảo đảm xét xử công bằng của người bị buộc tội dưới 18 tuổi tại phiên tòa hình sự, đánh giá mức độ tương thích và chỉ ra những tồn tại, hạn chế của pháp luật Việt Nam trong tương quan so sánh về sự tương đồng, khác biệt với các tiêu chuẩn, ràng buộc pháp luật quốc tế về vấn đề này.

3. Nghiên cứu, đánh giá thực trạng về quyền được bảo đảm xét xử công bằng của người bị buộc tội dưới 18 tuổi tại phiên tòa hình sự sơ thẩm cấp huyện ở Việt Nam, bao gồm thực trạng các quy phạm pháp luật và việc thực hiện các quy định pháp luật. Trên cơ sở đó phân tích các nguyên nhân và chỉ ra những vấn đề cần giải quyết để nâng cao hiệu quả quyền được bảo đảm xét xử công bằng của người bị buộc tội dưới 18 tuổi tại phiên tòa hình sự sơ thẩm cấp huyện ở Việt Nam.

4. Đề xuất và luận giải các quan điểm, giải pháp hoàn thiện thể chế và cơ chế để nâng cao hiệu quả quyền được bảo đảm xét xử công bằng của người bị buộc tội dưới 18 tuổi tại phiên tòa hình sự sơ thẩm cấp huyện ở Việt Nam trong thời gian tới.

Tựu trung, luận án đã phân tích những cách thức quyền được bảo đảm xét xử công bằng của người bị buộc tội dưới 18 tuổi tại phiên tòa hình sự sơ thẩm cấp huyện ở Việt Nam trên cơ sở đối chiếu, so sánh với với những lý thuyết, tiêu chuẩn quốc tế có liên quan. Luận án đã chứng minh rằng khung khổ pháp luật hiện hành về quyền được bảo đảm xét xử công bằng của người bị buộc tội dưới 18 tuổi tại phiên tòa hình sự sơ thẩm cấp huyện ở Việt Nam đã khá toàn diện, bao hàm các điều kiện bảo đảm cơ bản theo như quy định và khuyến nghị của Liên hợp quốc về tư pháp với NCTN; dù vậy, một số nội dung của các văn bản, quy định pháp luật của Việt Nam về vấn đề này còn thiếu tương thích với nhận thức, các tiêu chuẩn quốc tế và thực tiễn trong nước. Luận án đã chỉ ra những tồn tại, hạn chế cơ bản của hệ thống pháp luật Việt Nam trong vấn đề này, xét trên tất cả các điều kiện quyền được bảo đảm

xét xử công bằng của người bị buộc tội dưới 18 tuổi tại phiên tòa hình sự. Nguyên nhân dẫn đến những tồn tại, hạn chế có thể do việc thiếu nhận thức đầy đủ về quyền này, đây được coi là nguyên nhân gốc rễ. Tiếp đến là các nguyên nhân liên quan đến năng lực của các chủ thể quyền, chủ thể có nghĩa vụ bảo đảm quyền; và nguồn lực của nhà nước trong việc đáp ứng các điều kiện để thực hiện quyền. Trên cơ sở đó, luận án đã đề xuất một hệ thống quan điểm và giải pháp để nâng cao hiệu quả quyền được bảo đảm xét xử công bằng của người bị buộc tội dưới 18 tuổi tại phiên tòa hình sự sơ thẩm cấp huyện ở Việt Nam trong thời gian tới, theo cách tiếp cận toàn diện, bao quát mọi điều kiện cần thiết để bảo đảm quyền này, mà không chỉ liên quan đến pháp luật TTHS, mà còn đến nhiều yếu tố khác.

Xét tổng quát, luận án đã cung cấp một bức tranh tổng thể và khá chi tiết về thực trạng quyền được bảo đảm xét xử công bằng của người bị buộc tội dưới 18 tuổi tại phiên tòa hình sự sơ thẩm ở Việt Nam, chỉ ra những ưu điểm, hạn chế và gợi mở phương hướng hoàn thiện nhằm đáp ứng các yêu cầu đặt ra từ việc xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN. Mặc dù vậy, do những giới hạn về điều kiện và thời gian nghiên cứu, vẫn còn một số khía cạnh của đề tài chưa được luận án này giải quyết hoặc đã đề cập nhưng chưa thể giải quyết một cách triệt. Những vấn đề này cần có thêm những nghiên cứu tiếp theo, bao gồm: (i) Những vấn đề lý luận chuyên sâu về cải cách tư pháp gắn với bảo đảm quyền được xét xử công bằng của bị cáo nói chung, của người bị buộc tội dưới 18 tuổi nói riêng ở Việt Nam; (ii) Những vấn đề pháp lý, thực tiễn về các thể chế phi chính thức mà có tác dụng hỗ trợ bảo đảm các quyền của NCTN trong TTHS, trong đó bao gồm quyền được xét xử công bằng của người bị buộc tội-bị cáo dưới 18 tuổi ở Việt Nam; (iii) Những vấn đề thực tiễn về năng lực tiếp cận quyền của trẻ em, NCTN và người bị buộc tội dưới 18 tuổi trong TTHS nói chung, trong hoạt động xét xử của tòa án nói riêng ở Việt Nam./.

**DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN
ĐẾN ĐỀ TÀI ĐÃ ĐƯỢC TÁC GIẢ CÔNG BỐ**

1. Nguyễn Quang Hòa, Vũ Công Giao (2023), “Cơ sở khoa học, thực tiễn của việc nâng độ tuổi pháp lý của trẻ em ở Việt Nam”, *Tạp chí Pháp luật và Phát triển*, (7+8), tr.23-28.
2. Nguyễn Quang Hòa (2023), "Cơ sở lý luận, pháp lý về bảo đảm quyền được xét xử công bằng trong tố tụng hình sự ở Việt Nam", *Tạp chí Pháp luật về Quyền con người*, 5(34), tr.38-48.
3. Nguyễn Quang Hòa, Vũ Công Giao (2024), "Phân tích, so sánh Dự thảo Luật tư pháp người chưa thành niên với pháp luật quốc tế", *Tạp chí Kiểm sát*, (4), tr.29-34.
4. Nguyễn Quang Hòa (2024), "Hoàn thiện pháp luật quyền được bảo đảm xét xử công bằng của người bị buộc tội dưới 18 tuổi ở Việt Nam", *Tạp chí Khoa học*, Đại học quốc gia Hà Nội, 2(2024), tr.25-33.
5. Nguyễn Quang Hòa, Vũ Công Giao (2024), “Quyền được bảo đảm xét xử công bằng của người bị buộc tội dưới 18 tuổi tại Việt Nam - Thực trạng những vấn đề đặt ra và phương hướng khắc phục”, Kỷ yếu Hội thảo khoa học *Hình phạt đối với người chưa thành niên phạm tội ở một số quốc gia và kinh nghiệm cho Việt Nam*, Đại học Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội tổ chức ngày 16/5.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

* Tài liệu tiếng Việt

1. Hà Anh (2006), *Chế tài hình sự đối với tội phạm xâm hại trẻ em và người chưa thành niên phạm tội*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
2. Ban Chấp hành Trung ương (2022), *Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới*, Hà Nội.
3. Nguyễn Hòa Bình (2019), *Xây dựng Tòa án nhân dân xứng đáng là biểu tượng của công lý, lẽ phải và niềm tin*, Nxb Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội.
4. Trần Hưng Bình (2013), *Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người chưa thành niên theo pháp luật tố tụng hình sự*, Luận án Tiến sĩ luật học, Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam, Hà Nội.
5. Nguyễn Hoà Bình (2021), “Đổi mới và hoàn thiện cơ chế nhân dân tham gia hoạt động xét xử tại tòa án, đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp trong giai đoạn mới”, *Tạp chí Cộng sản điện tử*, ngày 14-11-2021, tại trang https://tapchicongsan.org.vn/media-story/-/asset_publisher/V8hhp4dK31Gf/content/doi-moi-va-hoan-thien-co-che-nhan-dan-tham-gia-hoat-dong-xet-xu-tai-toa-an-dap-ung-yeu-cau-cai-cach-tu-phap-trong-giai-doan-moi?utm.
6. Bộ Chính trị (2002), *Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 02/01/2002 của Bộ Chính trị về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới*, Hà Nội.
7. Bộ Chính trị (2005), *Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*, Hà Nội.
8. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2006), *Giáo trình Triết học Mác - Lênin*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

9. *Bộ luật hình sự Thái Lan*, Thái Lan.
10. *Bộ luật Hình sự Thụy Điển* (2010), Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
11. Bộ Tư pháp, Unicef (2019), *Báo cáo nghiên cứu pháp luật về phòng ngừa, xử lý, phục hồi, tái hòa nhập cộng đồng đối với người chưa thành niên vi phạm pháp luật và tình hình người chưa thành niên vi phạm pháp luật tại Việt Nam*, Dự án “Tăng cường tiếp cận tư pháp và bảo vệ người chưa thành niên có liên quan đến pháp luật”, Hà Nội.
12. Bộ Tư pháp (2021), *Kỷ yếu kết quả hoạt động dự án “Tăng cường tiếp cận tư pháp và bảo vệ người chưa thành niên có liên quan đến pháp luật” giai đoạn 2018-2021*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
13. Nguyễn Ngọc Chí (2007), "Bảo vệ quyền con người bằng pháp luật tố tụng hình sự", *Tạp chí kinh tế - luật*, (23).
14. Nguyễn Ngọc Chí (2014), *Giáo trình Luật Tố tụng hình sự*, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội.
15. Nguyễn Đăng Dung, Vũ Công Giao và Lã Khánh Tùng (chủ biên) (2011), *Giáo trình Lý luận và pháp luật về quyền con người*, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
16. Đại học Luật Hà Nội (1994), *Giáo trình Lý luận nhà nước và pháp luật*, Hà Nội.
17. Đại học Luật Hà Nội (2008)Đại học Luật Hà Nội (2019), *Giáo trình Luật Tố tụng hình sự*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
18. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập I, Nxb Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội.
19. Nguyễn Minh Đức (2015), *Nguyên nhân, điều kiện người chưa thành niên vi phạm pháp luật hình sự và giải pháp phòng ngừa*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
20. Thanh Hà (2024), “Tăng cường quyền tiếp cận công lý của người dân thông qua trợ giúp pháp lý”, *Cổng thông tin điện tử Trợ giúp pháp lý - Bộ Tư pháp*, ngày 13/01/2024, tại trang <https://tgpl.moj.gov.vn/Pages/hoi-nhap-phat-trien.aspx?ItemID=1945&l=Nghiencuutraodoi&utm>.

21. Nguyễn Sơn Hà (2015), *Hoàn thiện quy định của pháp luật tố tụng hình sự về quyền của bị can, bị cáo*, Luận án Tiến sĩ Luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội, Hà Nội.
22. Nguyễn Thu Hiền (2012), *Cơ sở lý luận và thực tiễn của nguyên tắc tranh tụng trong tố tụng hình sự Việt Nam hiện nay*, Luận án Tiến sĩ luật học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
23. "Hiến chương châu Phi về quyền và phúc lợi của trẻ em (African Charter on the Rights and Welfare of the Child)", 1990, Bản tiếng Anh trên website của UNICEF, tại trang http://www.unicef.org/esaro/children_youth_5930.html.
24. "Hiến pháp Thụy Điển", tại trang <https://www.government.se/contentassets/7b69df55e58147638f19bfdfb0984f97/the-constitution-of-sweden/#:~:text=Sweden%20has%20four%20fundamental%20laws,of%20the%20Instrument%20of%20Government>.
25. Nguyễn Thị Phương Hoa (2014), *Luật hình sự quốc tế với việc đảm bảo quyền con người*, Nxb Đại học quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh.
26. Học viện Tòa án (2019), *Giáo trình những vấn đề chung về nghề Thẩm phán*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
27. Học viện Tòa án (2020), *Tập bài giảng chương trình đào tạo nghiệp vụ xét xử kỹ năng giải quyết vụ án hình sự*, Tòa án nhân dân tối cao, Hà Nội.
28. Jean-Jacques Rousseau, *Bàn về khế ước xã hội*, Bản dịch năm 2004, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội.
29. Vũ Đức Khiển, Phạm Xuân Chiến (1989), *Họ vẫn chưa bị coi là có tội (Quyền và nghĩa vụ của bị can, bị cáo)*, Nxb Pháp lý, Hà Nội.
30. Tường Duy Kiên (chủ biên) (2020), *Quyền trẻ em và quyền của người chưa thành niên trong tư pháp hình sự: kinh nghiệm của Cộng hòa Liên bang Đức và Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

31. Nguyễn Thế Kỳ (1994), *Từ điển pháp luật Anh - Việt*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
32. Liên Hợp quốc (1948), *Tuyên ngôn phổ quát về quyền con người năm 1948*, Pari, Pháp.
33. Liên Hợp quốc (1966), *Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị năm 1966*, New York, Mỹ.
34. Liên Hợp quốc (1985), *Các quy tắc tiêu chuẩn tối thiểu của Liên Hợp quốc về hoạt động tư pháp đối với người vị thành niên, 1985 (các quy tắc Bắc Kinh) (Được thông qua theo Nghị quyết 40/33 ngày 29/11/1985 của Đại hội đồng Liên Hợp quốc)*, New York.
35. Liên Hợp quốc (1989), *Công ước của Liên Hợp quốc về quyền trẻ em năm 1989*, New York, Mỹ.
36. Liên Hợp quốc (1990), *Các quy tắc tối thiểu phổ biến của Liên Hợp quốc về bảo vệ người chưa thành niên bị tước tự do năm 1990*, New York, Mỹ.
37. Lê Khánh Linh, Trương Huỳnh Nga, Nguyễn Minh Tâm, Hoàng Thảo Anh, Trần Kiên (2021), *Bộ luật Dân sự Trung Quốc 2020* (Bản dịch và lược giải), Nxb Đại học quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
38. *Luật tổ chức Tòa án người chưa thành niên và gia đình năm 1992*, Thái Lan.
39. Hồng Phong Minh (2014), “Thành lập “Tòa gia đình và người chưa thành niên” - một phương thức thực hiện nguyên tắc Hiến định và đáp ứng yêu cầu của thực tiễn”, *Tạp chí Tòa án*, (9), tr.1-9.
40. Montesquieu, *Tinh thần pháp luật* (Bản dịch của Hoàng Thanh Đạm - 1996), Nxb Giáo dục, Hà Nội.
41. Đặng Thanh Nga (2007), *Đặc điểm tâm lý của người chưa thành niên có hành vi phạm tội*, Luận án Tiến sĩ tâm lý học, Viện Khoa học xã hội Việt Nam, Hà Nội.
42. Nguyễn Thị Khánh Ngọc (2020), “Sự cần thiết phải nhân rộng và nâng cao hiệu quả hoạt động của Tòa gia đình và người chưa thành niên ở Việt Nam”, *Tạp chí Tòa án*, (1), tr.39-43.

43. Nhiều tác giả (1999), *Từ điển Luật học*, Nxb Từ điển Bách khoa, Hà Nội.
44. Cao Thị Oanh (2007), “Hoàn thiện những quy định về trách nhiệm hình sự của người chưa thành niên phạm tội”, *Tạp chí Luật học* (10), tr.36-39.
45. Võ Thị Kim Oanh (chủ biên) (2010), *Bảo đảm quyền con người trong tư pháp hình sự Việt Nam*, Nxb Đại học quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh.
46. Hoàng Phê (1988), *Từ điển Tiếng Việt*, Nxb Từ điển Bách khoa, Hà Nội.
47. Cẩm Phong, Quốc Hưng (2014), “Hoàn thiện mô hình đổi mới thủ tục hành chính tư pháp tại Tòa án nhân dân - một nhu cầu bức thiết”, *Tạp chí Tòa án*, (9), tr.1-9.
48. Trần Huy Phục (2024), “Bàn về sự có mặt của người đại diện cho người dưới 18 tuổi phạm tội theo Điều 420 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015”, *Tạp chí điện tử Luật sư Việt Nam*, ngày 14/11/2024, tại trang <https://lsvn.vn/ban-ve-su-co-mat-cua-nguoi-dai-dien-cho-nguoi-duoi-18-tuoi-pham-toi-theo-dieu-420-bo-luat-to-tung-hinh-su-nam-2015-a149541.html?utm>
49. Đỗ Thị Phụng (2008), *Những vấn đề lý luận và thực tiễn về thủ tục tố tụng đối với người chưa thành niên trong luật tố tụng hình sự Việt Nam*, Luận án Tiến sĩ Luật học, Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
50. Đỗ Thị Phụng (2009), “Sự cần thiết phải thành lập tòa án người chưa thành niên ở Việt Nam”, *Tạp chí Tòa án*, (21), tr.1-4.
51. Đỗ Thị Phụng (chủ biên) (2020), *Giáo trình tư pháp đối với người chưa thành niên*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
52. Quốc hội (1946), *Hiến pháp Việt Nam năm 1946*, Hà Nội.
53. Quốc hội (1959), *Hiến pháp Việt Nam năm 1959*, Hà Nội.
54. Quốc hội (1980), *Hiến pháp Việt Nam năm 1980*, Hà Nội.

55. Quốc hội (1985), *Bộ luật Hình sự năm 1985*, Hà Nội.
56. Quốc hội (1988), *Bộ luật tố tụng hình sự năm 1988*, Hà Nội.
57. Quốc hội (1999), *Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009)*, Hà Nội.
58. Quốc hội (2001), *Hiến pháp Việt Nam năm 1992 (sửa đổi, bổ sung năm 2001)*, Hà Nội.
59. Quốc hội (2003), *Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003*, Hà Nội.
60. Quốc hội (2013), *Hiến pháp Việt Nam năm 2013*, Hà Nội.
61. Quốc hội (2014), *Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014*, Hà Nội.
62. Quốc hội (2015), *Bộ luật Dân sự năm 2015*, Hà Nội.
63. Quốc hội (2015), *Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015*, Hà Nội.
64. Quốc hội (2016), *Luật Trẻ em năm 2016*, Hà Nội.
65. Quốc hội (2017), *Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)*, Hà Nội.
66. Quốc hội (2017), *Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017*, Hà Nội.
67. Hoàng Thị Sơn (2003), *Thực hiện quyền bào chữa của bị can, bị cáo trong tố tụng hình sự*, Luận án Tiến sĩ Luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội, Hà Nội.
68. Trịnh Đình Thử (2006), *Áp dụng chính sách hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
69. Hồ Diệu Thúy (2002), *Nguồn gốc xã hội của việc vi phạm pháp luật ở người chưa thành niên hiện nay*, Luận án Tiến sĩ xã hội học, Trường Đại học khoa học xã hội và nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
70. Mai Thị Thủy (2022), *Xử lý chuyển hướng đối với người dưới 18 tuổi phạm tội trong luật hình sự Việt Nam*, Luận án Tiến sĩ Luật học, Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh.
71. Trần Quang Tiệp (2004), *Bảo vệ quyền con người trong luật hình sự, luật tố tụng hình sự Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

72. Nguyễn Trung Tín (2014), “Trách nhiệm bồi thường của cha, mẹ trong trường hợp người chưa thành niên cùng người khác gây thiệt hại”, *Tạp chí Tòa án*, (4), tr.16-17.
73. Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng (2021), *Bản án số 11/2021/HS-PT-CTN ngày 29/9/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng*, Đà Nẵng.
74. Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội (2013), *Bản án số 101/2013/HSPT ngày 04/02/2013 của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội*, Hà Nội.
75. Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (2022), *Bản án hình sự số 329/2022/HS-PT ngày 29/9/2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh*, Thành phố Hồ Chí Minh.
76. Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (2022), *Bản án số 450/2022/HS-PT ngày 29/9/2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh*, Thành phố Hồ Chí Minh.
77. Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh (2020), *Bản án hình sự phúc thẩm số 01/2020/GĐ&NCTN-HSPT ngày 21/5/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh*, Bắc Ninh.
78. Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên (2023), *Bản án hình sự phúc thẩm số 11/2023/HS-PT ngày 18/8/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên*, Điện Biên.
79. Tòa án nhân dân tối cao (2016), *Thông tư số 01/2016/TT-CA ngày 21/01/2016 Chánh án Tòa án nhân dân tối cao quy định việc tổ chức các tòa chuyên trách tại Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và tương đương*, Hà Nội.
80. Tòa án nhân dân tối cao (2016), *Giải đáp số 01/GĐ-TANDTC ngày 25/7/2016 của Tòa án nhân dân tối cao giải đáp một số vấn đề về hình sự, tố tụng hình sự, dân sự, tố tụng dân sự*, Hà Nội.
81. Tòa án nhân dân tối cao (2017), *Thông tư số 01/2017/TT-TANDTC ngày 28/7/2017 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao quy định về phòng xử án*, Hà Nội.

82. Tòa án nhân dân tối cao (2018), *Thông tư số 02/2018/TT-TANDTC ngày 21/9/2018 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao quy định chi tiết việc xét xử vụ án hình sự có người tham gia tố tụng là người dưới 18 tuổi thuộc thẩm quyền của Tòa Gia đình và Người chưa thành niên*, Hà Nội.
83. Lương Ngọc Trâm (2017), *Quyết định hình phạt đối với người chưa thành niên phạm tội ở Thành phố Hồ Chí Minh*, Luận án Tiến sĩ luật học, Học viện khoa học xã hội, Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam, Hà Nội.
84. Bảo Trân (2021), “Top những độ tuổi đông người nhất Việt Nam: Nhóm dân số vàng”, tại trang <https://top-10.vn/tuoi-nao-dong-nhat-viet-nam-dang-o-dinh-cua-thoi-ky-dan-so-vang/#>.
85. Võ Quốc Tuấn (2017), *Bảo đảm quyền của bị cáo trong hoạt động xét xử sơ thẩm các vụ án hình sự của Tòa án nhân dân cấp tỉnh ở Việt Nam hiện nay*, Luận án tiến sĩ, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội, Hà Nội.
86. Hoàng Anh Tuyên (2019), “Bảo đảm quyền được xét xử công bằng trong Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015”, *Tạp chí Khoa học Kiểm sát*, (6), tr.3.
87. Phạm Minh Tuyên (2003), *Kỹ năng xét xử vụ án hình sự liên quan đến người dưới 18 tuổi*, Học viện Tòa án, Tòa án nhân dân tối cao, Hà Nội.
88. Đào Trí Úc (1994), *Nhà nước pháp quyền, những vấn đề lý luận cơ bản về nhà nước và pháp luật*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
89. Đào Trí Úc (2020), “Suy đoán vô tội - Nguyên tắc Hiến định quan trọng trong Bộ luật tố tụng hình sự Việt Nam năm 2015”, Kỷ yếu Hội thảo *Nguyên tắc suy đoán vô tội*, Đại học Melbourne và Khoa luật Đại học Quốc gia Hà Nội. Vol1, ngày 24/7/2020, Hà Nội.
90. Ủy ban Châu Phi về Nhân quyền’, on page http://defensewiki.ibj.org/index.php/Resolution_on_the_Right_to_a_Fair_Trial_and_Legal_Assistance_in_Africa_-_The_Dakar_Declaration_and_Resolution.

91. Ủy ban Nhân quyền (2019), “Bình luận chung số 24 về quyền trẻ em trong hệ thống tư pháp được Ủy ban Nhân quyền (giám sát thực thi Công ước ICCPR)” thông qua ngày 18/9/2019, tại trang <https://docstore.ohchr.org/SelfServices/FilesHandler.ashx?enc=6QkG1d%2FPPRiCAqhKb7yhsqIkirKQZLK2M58RF%2F5F0vEnG3QGKUxFivhToQfjGxYjV05tUAIgpOwHQJsFPdJXCIiFSrDRwow8HeKLLh8cgOw1SN6vJ%2Bf0RPR9UMtGkA4>.
92. Ủy ban về Quyền Trẻ em (2007), *General Comment No 10 on Children’s Rights in Juvenile Justice* (Bình luận Chung Số 10 - Quyền của Trẻ em trong Tư pháp Vị thành niên (GC 10)).
93. Đỗ Thị Hồng Vân (2023), “Một số khó khăn, vướng mắc trong hoạt động của Tòa gia đình và người chưa thành niên”, *Tạp chí Tòa án Nhân dân điện tử*, ngày 25/08/2023, tại trang <https://tapchitoaan.vn/mot-so-kho-khan-vuong-mac-trong-hoat-dong-cua-toa-gia-dinh-va-nguoi-chua-thanh-nien9163.html?>
94. Viện Khoa học kiểm sát, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao (2012), *Đánh giá tính tương thích các điều khoản của Bộ luật Tố tụng hình sự về người vi phạm pháp luật hình sự, người bị hại, người làm chứng là người chưa thành niên với các chuẩn mực quốc tế*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
95. Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội (2018), *Thông tư liên tịch số 06/2018/TTLT-VKSNDTC-TANDTC-BCA-BTP-BLĐTBXH* ngày 21/12/2018 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Tư pháp, Bộ Lao động Thương binh và Xã hội về phối hợp thực hiện một số quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự về thủ tục tố tụng đối với người dưới 18 tuổi, Hà Nội.
96. Đỗ Việt (2023), “Phòng xét xử thân thiện: Dấu ấn nhân văn trong tiến trình cải cách tư pháp”, *Báo điện tử Công lý*, ngày 14/09/2023, tại trang <https://congly.vn/phong-xet-xu-than-thien-dau-an-nhan-van-trong-tien-trinh-cai-cach-tu-phap-394336.html>.

97. Võ Khánh Vinh (chủ biên) (2022), *Chiến lược phát triển pháp luật Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, những vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội.
98. Vụ Pháp chế Bộ Lao động Thương binh và Xã hội (2009), *Hỗ trợ pháp luật và tâm lý cho người chưa thành niên vi phạm pháp luật*, Nxb Lao động, Hà Nội.
99. Vụ Pháp chế Bộ Lao động Thương binh và Xã hội (2009), *Kiến thức hỗ trợ pháp luật và tâm lý cho người chưa thành niên vi phạm pháp luật*, Nxb Lao động, Hà Nội.
100. Vụ Pháp luật Hình sự - Hành chính, Bộ Tư pháp (2012), *Báo cáo đánh giá luật pháp và thực tiễn thi hành pháp luật về xử lý chuyển hướng, tư pháp phục hồi đối với người chưa thành niên vi phạm pháp luật*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
101. Vụ Pháp luật Hình sự - Hành chính, Bộ Tư pháp (2012), *Báo cáo đánh giá các quy định của Bộ luật Hình sự liên quan đến người chưa thành niên và thực tiễn thi hành*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
102. Nguyễn Thanh Vũ (2014), “Những kiến nghị hoàn thiện về trách nhiệm hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội đáp ứng yêu cầu sửa đổi toàn diện Bộ luật Hình sự Việt Nam”, *Tạp chí Tòa án*, (17), tr.1-6, tr.11.
103. Trịnh Thị Yến (2019), *Trách nhiệm hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội trong luật hình sự Việt Nam (những vấn đề cơ bản của phần chung)*, Luận án Tiến sĩ Luật học, Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.

*** Tài liệu tiếng nước ngoài**

104. African Union (2003), “Principles and guidelines on the right to a fair trial and legal assistance in Africa”, on page http://hrlibrary.umn.edu/research/ZIM%20Principles_And_G.pdf.

105. “Arab Charter on Human Rights”, on page <https://digitallibrary.un.org/record/551368>.
106. Australian Law Reform Commission (2015), “Traditional Rights and Freedoms- Encroachments by Commonwealth Laws, final report”, on page <http://www.alrc.gov.au/publications>, tr.223-224.
107. Basil Ugochukwu (2000), “Checkmate: A comparative evaluation of the protection of fair trial rights under the African and European human rights”, on page file:///C:/Users/DELL/Downloads/ugochukwu_basil.pdf.
108. B C Feld (1994), “Juvenile Justice Swedish Style: A Rose by Another Name?”, *Justice Quarterly* Volume: 11 Issue: 4 Dated, pp.625-650.
109. Council of Europe, “Hearing of children in criminal procedure according to article 6 of the European convention on human rights”, on page https://www.coe.int/t/dghl/cooperation/lisbonnetwork/Themis/ECHR/Paper5_en.asp#:~:text=Article%20%20provides%20that%3A,impartial%20tribunal%20established%20by%20law.
110. “Criminal Procedural Code of the Japan”, on page https://www.japaneselawtranslation.go.jp/en/laws/view/2056/en#je_pt2ch3sc1at53.
111. “Criminal Procedure in France”, *The Yale Law Journal*, Vol.25, No.4 (Feb., 1916), pp.255-284, on page <https://doi.org/10.2307/786296>.
112. Elizabeth Gibson-Morgan, “The Handling of Youth Offending in England and in France”, on page <https://books.openedition.org/psn/6902?lang=en#notes>.
113. European Convention on Human rights (2022), “Guide on Article 6 of the European Convention on Human Right, Right to a fair trial”, on page https://www.echr.coe.int/documents/guide_art_6_eng.pdf.
114. Hubble, Gail (2000), “Juvenile defendants: taking the human rights of children seriously”, *AltLawJl* 44; 25(3), *Alternative Law Journal*, p.116.

115. <https://www.legislation.gov.uk/ukpga/1998/42/schedule/1/part/I/chapter/5#:~:text=Article%206%20Right%20to%20a,impartial%20tribunal%20established%20by%20law>.
116. Jacob Katz Cogan (2021), “International Criminal Courts and Fair Trials: Difficulties and Prospects”, University of Cincinnati College of Law.
117. Jordan Daci (2008), “Right to a fair trial under international Human Rights Law Article in South East European, *University Review (SEEU Review)*, 4(2):95, on page https://www.researchgate.net/publication/326625388_Right_to_a_fair_trial_under_international_Human_Rights_Law.
118. Lawyers Committee for Human Rights (2000), “What is a fair trial? A Basic Guide to Legal Standards and Practice - A basic guide to legal standards and practice”, on page https://internationalcourts.net/system/files/LawyersCommitteeForHumanRights_WhatIsAFairTrial_2000.pdf.
119. Office of the high commissioner for human rights in cooperation with the international bar association (2003), “Professional training series No. 9 - Human rights in the administration of justice: A Manual on Human Rights for Judges, Prosecutors and Lawyers”, New York and Geneva, on page <https://www.ohchr.org/sites/default/files/Documents/Publications/training9Titleen.pdf>.
120. Patrick Robinson (2009), “The right to a fair trial in International law, with Specific reference to the Work of the ICTY”, on page https://bjil.typepad.com/Robinson_macro.pdf.
121. Paulsen, Monrad G. (1980), “Fairness to the Juvenile Offender” (1957), *Minnesota Law Review*, on page <https://scholarship.law.umn.edu/mlr/1980>.

122. Pernilla Leviner (2015), *Child-friendly Justice*, “Chapter: The Right to a Fair Trial from a Child’s Perspective - Reflections from a Comparative Analysis of Two Child-protection Systems”, on page [https://www. researchgate.net/publication/287220635_The_Right_to_a_Fair_Trial_from_a_Child's_Perspective_-_Reflections_from_a_Comparative_Analysis_of_Two_Child-protection_Systems](https://www.researchgate.net/publication/287220635_The_Right_to_a_Fair_Trial_from_a_Child's_Perspective_-_Reflections_from_a_Comparative_Analysis_of_Two_Child-protection_Systems).
123. Queensland Human rights Commission (2019), *Rights of children in the criminal process, Section 33 of the Human Rights Act 2019*.
124. Richard Clayton and Hugh Tomlinson (2009), *Fair trial rights*, Oxford.
125. "Rome Statute of the International Criminal Court", on page <https://www.icc-cpi.int/sites/default/files/RS-Eng.pdf>.
126. Roshan Singh Chopra (2013), “The right to a fair trial: a critical analysis”, on page <https://researchportal.murdoch.edu.au/esploro/outputs/graduate/The-right-to-a-fair-trial/991005539574907891>.
127. Stefan Trechsel (2005), *Human Rights in Criminal Proceedings*, Oxford University.
128. Thai lawyers for human rights, “Trial observation: the next step of Thailand to guarantee children’s rights in justice system from exercising their freedom of expression and assembly”, on page <https://tlhr2014.com/en/archives/42158>.
129. UN, “General comment no. 32, Article 14, Right to equality before courts and tribunals and to fair trial”, on page <https://digitallibrary.un.org/record/606075>.
130. UN Human Rights Committee (HRC), “General comment no. 32, Article 14, Right to equality before courts and tribunals and to fair trial, 23 August 2007, CCPR/C/GC/32”, on page <https://www.refworld.org/docid/478b2b2f2.html>.

131. UNICEF (2022), “Fair Trial for Children in Conflict with the Law in Europe and Central Asia”, on page <https://www.unicef.org/eca/media/27696/file/Five%20Advocacy%20Briefs%20on%20Child%20Justice%20&%20Child%20Friendly%20Justice:%20Fair%20trial.pdf>.
132. United Nations Counter-Terrorism Implementation Task Force (2014), “Basic Human Rights Reference Guide: Right to a Fair Trial and Due Process in the Context of Countering Terrorism”, on page <https://www.ohchr.org/sites/default/files/newyork/Documents/FairTrial.pdf>.
133. University of Graz, Olivia Herman, “Beyond Justice, toward legacy: A case study on legacy at the Extraordinary Chambers in the Courts of Cambodia”, on page <https://repository.gchumanrights.org/server/api/core/bitstreams/8a2f85e0-5e74-4823-a503-b84c2cf2659a/content>.